

# **THÀNH PHẬT CHI ĐẠO**

**Trước tác: Pháp Sư AN THUẬN**

**Hiệu Đính: Tỳ Kheo Thích Đồng Tịnh (Bản Việt)**

## **CON ĐƯỜNG dẫn đến THÀNH PHẬT**

**Việt Dịch : Cư Sĩ Lê Hồng Sơn**

**Quyển 3**



**CON ĐƯỜNG dẫn đến THÀNH PHẬT**



**CON ĐƯỜNG**  
**dẫn đến**  
**THÀNH PHẬT**



# MỤC LỤC

CHƯƠNG 5: PHÁP ĐẠI THỪA.....	2
5.1. Nhập đề .....	2
5.1.1. Hướng về Đại Thừa.....	2
5.1.2. Giải nghĩa danh từ.....	3
5.2. Hướng đến đạo Đại Thừa.....	4
5.2.1. Căn tánh tu học. ....	4
5.2.2. Giáo Thuyết Đại Thừa .....	23
5.3. Đạo Bồ Đề của Đại Thừa .....	57
5.3.1. Phương pháp Tu học .....	57
5.3.2. Lịch trình Hạnh Vị .....	298
5.3.3. Công đức của Phật .....	345

## CHƯƠNG 5: PHÁP ĐẠI THỪA

### 5.1. Nhập đề

#### 5.1.1. *Hướng về Đại Thừa*

Pháp riêng Đại Thừa là đối với Đức chung của người, trời, Thanh Văn, Duyên Giác ở trên thì Nhân Hành, Quả Đức của Bồ Tát, Phật càng sáng tỏ hơn.

##### 5.1.1.1. Người, Trời chỉ có hữu lậu

Nhân thừa và Thiên thừa, cuối cùng, là Hữu Lậu, không thể ra ngoài Sanh Tử.

##### 5.1.1.2. Nhi thừa chỉ biết Tu cho riêng mình

Thanh Văn thừa và Duyên Giác thừa, tuy là Vô Lậu giải thoát nhưng chỉ Tu cho riêng mình. Việc tu tập như vậy là Tốt nhưng không viên mãn.

##### 5.1.1.3. Thành tựu quả Như Lai là Đúng Nghĩa

Theo kinh Pháp Hoa nói: Như Lai ra đời chỉ vì Một Đại Sự Nhân Duyên; đó là KHAI, THỊ, NGỘ, NHẬP TRI KIẾN PHẬT cho CHÚNG SANH; cũng chính là khiến cho chúng sanh Ngộ Nhập ĐẠI BỒ ĐỀ của PHẬT; cho nên vì Phát Tâm Bồ Đề mà tu hạnh Bồ Tát, Thành Quả Như Lai; đó là Pháp Môn Đại Thừa, mới là ý nghĩa chân thật của Phật Pháp và là mục đích chánh đáng để Như Lai giáo hóa.



### 5.1.2. Giải nghĩa danh từ

#### 5.1.2.1. Đại Thừa: Là pháp môn thành Phật. Vì sao gọi là Đại Thừa?

- **Đại trong tương đối:** Đã gọi là Đại Thừa, theo đặt tên mà nói thì không ngoài việc Đối với Tiểu mà gọi là Đại. Ở đây ý nói: Đối Lập với Tiểu Thừa, không giống với Tiểu Thừa, cho nên gọi là Đại Thừa; hoặc là Đại Thừa siêu việt hơn Tiểu Thừa; hoặc là Đại Thừa rộng lớn, bao dung hơn Tiểu Thừa.

Không nói là Siêu Việt hơn, Bao Dung hơn; tóm lại, đối với Tiểu mà đặt tên.

- **Đại là tuyệt đối:** Siêu Việt của Đại Thừa đến chỗ tuyệt đối. Sự bao hàm của pháp Đại Thừa đến độ không gì không thu nhiếp. Vì vậy, theo ý nghĩa Đại Thừa mà nói: Thật Tại không phải là biểu hiện tương đối Lớn, Nhỏ, mà là Tuyệt đối, miễn cưỡng đặt tên đại, đó thôi.

#### 5.1.2.2. Bất cộng: Cũng có hai nghĩa:

- **Riêng Đại Thừa siêu việt:** Trong các Thừa người, trời, Thanh Văn, Duyên Giác không có.
- **Chỉ có trong Đại Thừa:** Ở trong Tâm Hành Phật, Bồ Tát bao hàm tất cả Công Đức, đều là pháp đặc biệt của Đại

Thừa.

Trong phẩm Ma Ha Diễn của kinh Bát Nhã nói: Tổng hợp tất cả công đức nên gọi là Đại Thừa. Giống chim bay cao: Cao bằng đỉnh núi Tu Di, hòa đồng màu vàng óng của mặt trời.

## 5.2. Hướng đến đạo Đại Thừa.

### 5.2.1. Căn tánh tu học.

#### 5.2.1.1. Nhân duyên phát Tâm Trở về.

恥有所不知, *Sỉ hữu sở bất tri,*

恥有所不能, *Sỉ hữu sở bất năng,*

恥有所不淨, *Sỉ hữu sở bất tịnh,*

迴入於大乘. *Hồi nhập vi Đại Thừa.*

Thẹn có chỗ không biết,

Thẹn có chỗ chưa làm,

Thẹn còn chỗ bất tịnh,

Hãy trở về Đại Thừa.

#### a. Lời nói đầu

Tu tập theo Phật Pháp Đại Thừa, không cần nói, là lấy phát Tâm Bồ Đề làm chủ đích. Nhưng căn tánh của chúng sanh không phải một; cho nên, nhân duyên phát Tâm Bồ Đề không giống nhau. Dựa vào đây biểu hiện phong cách Bồ Tát, ngay từ đầu đã có ít nhiều khác nhau. Để tránh khỏi chỉ lấy quan điểm của chính mình phê bình tất cả; khen mình, chê người;

vô ý làm tổn thương Phật pháp. Vì thế, đối với vấn đề này, trước hết, không thể không có nhận thức thích đáng.

*b. Nhị Thừa trở về Đại Thừa*

• **Từ bậc Nhị Thừa trở về Đại Thừa.**

Trên đã nói Tam Thừa Cộng pháp, chủ yếu là Thanh Văn (Duyên Giác) Thừa. Học giả của hai thừa cũng phải phát Tâm Bồ Đề để đi vào con đường Đại Thừa.

- Có vị mới học Hạnh Thanh Văn, chưa từng quyết định, đã chuyển sang học Đại Thừa.
- Có vị ở trong hàng Thanh Văn đã có quyết định (chứng được Nhân Vị: Tâm an trụ vào pháp Phật).
- Có vị đã chứng được Pháp Tánh và Sơ Quả Tu Đà Hoàn trở lên.
- Có vị chứng đến quả thứ tư A La Hán.
- Có vị đã vào Vô Dư Niết Bàn, phát Đại Tâm trở lại.

• **Điều trọng yếu của hàng Nhị Thừa là đi vào Phật Đạo.**

- *Tự cho Tâm Thái của mình đã rất ráo là chướng ngại đi vào Đại Thừa.*

Phật pháp là Đạo Nhất Thừa thì Tiểu Thừa vốn là Đạo Phương Tiện của Đại Thừa, đương nhiên, trước sau gì cũng phải vào Đại Thừa. Nhưng vì nhận thức của hành giả Tiểu Thừa, lúc đầu, trót không tránh khỏi một chút trở ngại. Dựa vào quả A La Hán mà nói, các vị ấy tự giác được: “我 生

已盡，梵行已立，所作已作，自知不受後有”。

“Ngã sanh dĩ tận, phạm hạnh dĩ lập, sở tác dĩ biện, tự tri bất thọ hậu hữu: Đời sống của ta đã chấm dứt, phạm hạnh đã lập xong, những gì nên làm đã làm, tự biết không nhận thân sau nữa”, đã đến chỗ học Không Còn Chỗ Để Học, Tiên Không Còn Chỗ Để Tiên. Phật là A La Hán, các vị ấy cũng là A La Hán; Phật được Giải Thoát, các vị ấy cũng được Giải Thoát. Tự cho mình là rốt ráo. Đương nhiên như thế, nhất thời không muốn Tu Tập Đại Thừa, đối với Đại Thừa không chút hứng thú.

- **Giả sử**, Đức Thế Tôn không tu hạnh Bồ Tát, không rộng độ chúng sanh mà thành Phật hay sao? Vì sao Phật không giáo hóa hành giả Thanh Văn tu Bồ Tát Hạnh để thành Phật mà lại, kêu gọi mọi người tu hạnh tự lợi để được giải thoát Sanh Tử? Đây là một Nghi Vấn Lớn.
- **Dựa vào sự thật và thiên xảo của Phật triết tiêu chương ngại, trở lại Phật Đạo.**

Chúng được Pháp Tánh giống nhau, giải thoát Sanh Tử giống nhau; thật sự, quả A La Hán của Thanh Văn, làm sao có thể bằng với quả Phật? Dem so sánh thì thật là "Xa cách như trời với đất!" Cho nên, trong kinh nghiệm bằng sự thật, ở

trong phương pháp giáo hóa khéo léo của Phật, các vị A La Hán không khởi tự hổ thẹn và tự trách mình; cuối cùng triệt tiêu tâm lý chướng ngại là tự cho mình cứu cánh mà, phát Tâm Bồ Đề, quay trở về Phật Đạo!

- **Nêu kinh nghiệm sự thật để làm sáng tỏ cái Bất Túc của Nhị Thừa.**

- **Hổ thẹn còn cái không biết.**

Tự mình tâm sanh hổ thẹn, nhận ra rằng mình có điều không biết, không giống như Phật biết tất cả. Luận Đại Tỳ Ba Sa nói: Phật từng nói pháp cho Bồ Tát Di Lặc mà, các vị A La Hán đều không hiểu nổi.

Trước kia, có người đến tinh xá Kỳ Hoàn, xin xuất gia. Các vị A La Hán quan sát căn cơ của người ấy, một chút xíu căn lành không có, người này không thích hợp để xuất gia; có xuất gia cũng không thể có được công đức chứng ngộ. Tất cả đều khẳng định không thể độ người ấy. Nhưng Đức Phật lại độ cho xuất gia, chẳng bao lâu sau, người ấy chứng được quả A La Hán. Đại chúng cho là kỳ lạ, Phật nói: Từ vô lượng kiếp trước, người này đã từng bị cọp rượt bắt, trong cảnh thập tử nhất sanh, buộc miệng kêu lớn: Nam Mô Phật; nhờ vào căn lành công đức trở về với này; hiện giờ cầu niệm Phật ấy đã chín muồi nên được độ xuất gia.

Qua việc này có thể thấy trí tuệ của Phật sâu rộng đến mức nào; trí tuệ của A La Hán tựa như sự le lói của đom đóm so với ánh sáng của mặt trời.

○ **Hồ thẹn có điều không làm được.**

Còn có vị chính tâm mình sanh hồ thẹn, biết rằng chính mình có điều không thể làm; không thể có năng lực lớn như Phật và Bồ Tát.

Như thầy Xá Lợi Phất nói: "Than ôi! Thống thiết tự trách mình, vì sao tự xem thường mình đến vậy! Chúng con cũng là Phật tử, cùng vào Pháp Vô Lượng, lại không thể, ở đời vị lai, rộng nói Đạo Vô Thượng". Thật ra, các vị A La Hán có quá nhiều việc không làm được, như pháp của Bồ Tát: "Duy Hý Thần Thông, Tịnh Phật Quốc Độ, Thành Tựu Chúng Sanh"...

○ **Hồ thẹn có chỗ Bất Tịnh.**

Còn có vị chính tâm mình sanh hồ thẹn, nhận ra chính mình nói cắt đứt phiền não, nhưng sự thật chứng minh còn có chỗ chưa Thanh Tịnh.

Như vua Đại Thọ Khẩn Na La đàn cầm, thầy Đại Ca Diếp tuổi cao đức trọng, thoát nghe, bỗng nhiên, tình cảm khởi lên, không còn tự chủ, tay múa chân nhảy. Thầy Ca Diếp nói: Ta, tuy đã xa lìa dục lạc thế gian, nhưng dục lạc vi diệu của Bồ Tát còn có chỗ nhiễm phải, vương mắc!

Lại nữa, như Thiên nữ rải hoa, hoa rơi trên thân Bồ Tát chưa từng vương vào; nhưng rơi trên thân Thanh Văn, A La Hán thì vương lại. Điều này chứng minh trong tâm còn có chỗ nhiễm, vương mắc.

Lại như, con chim nhỏ, bước qua cái bóng của thầy Xá Lợi Phất, vẫn run rẩy; nhưng đi qua cái bóng của Đức Phật thì không có tí xiu lo sợ. Các vị A La Hán chưa dứt hết Tập Khí. Loại Tập Khí này chính là Phiền Não mà, các vị Bồ Tát đã cắt đứt.

- **Vì không biết, không thể làm, chưa thanh tịnh nên phải đi vào con đường Đại Thừa.**

Vì vậy, ở trong kinh nghiệm sự thật, chính mình cảm giác có cái không biết, có cái không thể, có cái bất tịnh, chính mình không khỏi hổ thẹn, chính mình âm thầm tự trách bản thân. Một phen trải qua sự giáo hóa khéo léo của Phật; các vị A La Hán bắt cái tâm nhỏ bé tự lợi quay lại để phát triển Tâm Bồ Đề và đi vào con đường Đại Thừa Tự Lợi, Lợi Tha.

#### 5.2.1.2. Trục Nhập.

不 忍 聖 教 衰,	<i>Bất nhân Thánh giáo suy,</i>
不 忍 眾 生 苦,	<i>Bất nhân chúng sanh khổ,</i>
緣 起 大 悲 心,	<i>Duyên khởi đại bi Tâm,</i>

趣入於大乘。

*Thú nhập u Đại Thừa.*

Chớ để Thánh Giáo suy,

Chớ để chúng sanh khổ,

Kết nối Tâm Đại Bi,

Đi vào Đạo Đại Thừa.

*a. Căn cơ chính yếu là đi vào Đạo Đại Thừa*

Phát tâm hướng về Đạo Đại Thừa, hoàn toàn không nhất định trải qua chứng thánh quả của Tiểu Thừa; trái lại, căn cơ chính yếu để tu học pháp Đại Thừa đều trực tiếp từ địa vị phàm phu, phát tâm tu học.

*b. Nêu lên nhiều Nhân Duyên phát tâm*

• **Phát tâm nhưng dễ lùi mất.**

Có người chính mình thấy sắc thân, tướng hảo của Như Lai và Bồ Tát rồi phát tâm.

Có người thấy thần thông, oai lực của Như Lai rồi phát tâm.

Cũng có người thấy pháp hội trang nghiêm của Như Lai, nghe được viên âm giáo hóa của Như Lai rồi phát tâm.

Có người sanh sau khi Phật Niết Bàn, thấy nghe sự giáo hóa của đệ tử Phật hoặc tụng, đọc ý nghĩa sâu xa của kinh Phật rồi phát tâm.

Hoặc có người tự động, cũng có người bị động phát tâm.

• **Phát tâm bằng sức mạnh vững chãi.**



○ **Phát tâm chỉ vì tôn trọng đức của Phật mà không tôn trọng bi nguyện của Phật thì dễ lụi mất.**

Phát Tâm Bồ Đề chính là lấy sự Giác Ngộ của Phật làm lý tưởng để thệ nguyện, mong cầu. Chú trọng vào sự cao siêu, mầu nhiệm đức độ của Phật rồi phát tâm mong cầu; đương nhiên, đó là nội dung chủ yếu của phát Tâm Bồ Đề. Nhưng nếu thiếu đi một yếu tố Bi Nguyện thì không phải là không viên mãn mà chính là dễ lụi mất. Kinh có nói: 菩薩但從大悲生: Bồ Tát đản tùng Đại Bi sanh: Bồ Tát chỉ sanh ra từ Đại Bi; cho nên phát Tâm Bồ Đề cũng chính là phát tâm vì Lợi Tha, mong cầu chánh Đẳng Bồ Đề. Cũng vậy như trước đã nói, phát tâm mà không vì Bi Nguyện thì tâm ấy dễ lụi mất.

○ **Có hai loại phát tâm xem nặng Bi Nguyện.**

- ***Không nở để Thánh Giáo suy vi, chú trọng hộ pháp mà phát tâm.***

Đã biết công đức siêu việt của Tam Bảo, cứu người, cứu đời, phát sanh năng lực pháp lành cho thế gian và xuất thế gian. Nhưng nếu sanh vào thời tượng pháp, mạt pháp thì Phật Pháp suy vi quá đỗi, bị gian tà, ác tặc trong, ngoài quấy nhiễu, nhiệm vụ cứu người, cứu đời khó thành đạt được.

Đã biết chỉ có phát Bồ Đề Tâm này, trên cầu thành Phật, dưới độ chúng sanh mới có thể phục hưng được Phật Giáo, là biện pháp duy nhất đem lại lợi lạc cho chúng sanh. Như vậy, vì lý do không nỡ để Thánh Giáo suy vi mà, phát Tâm Đại Bi, dựa vào Tâm Đại Bi đưa đến sanh khởi Đại Nguyện Bồ Đề.

▪ ***Không nỡ thấy chúng sanh Khổ mà phát Tâm.***

Không nỡ để cái khổ bức bách chúng sanh, vì lợi ích của chúng sanh mà phát tâm.

Hoặc có người sanh vào thời thế hỗn loạn, thời đại gian khổ của nhân dân, nghĩ mình cần phải cứu tế, nhưng chính mình không đủ sức làm việc này. Xem xét thật sâu sắc thì biết chỉ có con đường Học Phật, Thành Phật mới có thể cứu khổ, độ sanh một cách đúng đắn nhất. Vì thế, do duyên có không nỡ để chúng sanh khổ não nên Phát Tâm Đại Bi, dựa vào tâm này phát sanh Tâm Bồ Đề trên cầu Phật Đạo, dưới hóa độ chúng sanh.

▪ ***Phát tâm vì BI, TRÍ để thành tựu Phật quả.***

Hai loại phát tâm này xuất phát từ Trí Huệ và Từ Bi một cách tha thiết, cho nên có sức vững chãi và dễ thành tựu. Thật sự có thể nương vào Bi Nguyện mà phát tâm lớn như vậy nên

từ địa vị phàm phu mà có thể bước vào Con Đường Đại Thừa.

Chúng ta ở thời đại này, Phật pháp suy vi như thế, con người khổ đau như thế; thật đúng lúc nên, phát Tâm Bồ Đề!

### 5.2.1.3. Có ba cách đi vào Đạo Phật

或以信願入, *Hoặc dĩ Tín Nguyện nhập,*

或智或悲入. *Hoặc Trí hoặc Bi nhập.*

Hoặc vào bằng Tín Nguyện, Hoặc vào bằng Trí, Bi.

*a. Nói chung về ba cách vào Phật Đạo: Tín, Trí, Bi*

#### • **Bồ Đề viên mãn thì đầy đủ ba đức**

Tâm Bồ Đề viên mãn đi vào Phật Đạo phải có ba đức: Tín Nguyện, Từ Bi, Trí Huệ.

#### • **Mới vào Đạo Đại Thừa phải chú trọng ba đức, không được xem thường**

Nhưng phát tâm vào đạo của người mới học, do căn tánh không giống nhau nên việc tu học ba đức, đối với hạng người này, không tránh khỏi lệch lạc. Lệch lạc nhưng không được bỏ luôn, như vậy sẽ không trở ngại việc đi vào con đường Đại Thừa; cho nên thầy Long Thọ giải thích kinh Bát Nhã rằng "Bồ Tát có nhiều pháp môn để vào Phật Đạo; hoặc là Từ Bi, hoặc là Trí Huệ siêng năng".

Còn nói: "Bát Nhã có nhiều lối vào, người nào lắng nghe, thọ trì cho đến, nghĩ nhớ đúng đắn thì vào lối Trí Huệ siêu năng; người nào biên chép, cúng dường thì vào lối Tín Nguyện và Tinh Tấn".

Tóm lại, người mới học đi vào Phật Đạo có sự bất đồng, nhưng không ngoài ba lối chính: Tín Nguyện, Trí Huệ và Bi Tâm.

*b. Giải thích riêng đặc tánh của ba lối vào Phật Đạo*

• **Tăng thượng Trí của Bồ Tát là chú trọng vào ba Tuệ: Văn, Tư, Tu**

Trong đó, nếu chú trọng Trí Huệ thì theo lối Trí Huệ mà vào, như nói: "Là Bồ Tát nhưng phân biệt các kinh, tụng đọc, nhớ nghĩ, tư duy, phân biệt các pháp để cần cho Phật Đạo. Vì Trí Huệ sáng suốt lợi ích cho mình cũng có thể lợi ích cho chúng sanh".

Đây là Trí Tăng Thượng của Bồ Tát, gần với người thật hành pháp của Thanh Văn; chú trọng ba Huệ: Văn, Tư, Tu là tự tu và giáo hóa người khác.

• **Bồ Tát Bi Tăng Thượng là chú trọng vào đặc hữu Từ Bi của Đại Thừa**

Chú trọng Bi thì từ lối Bi đi vào, như nói: "Có hai loại Bồ Tát: Một là Tâm Từ Bi, hầu hết là vì chúng sanh" mà trên đã nói Bồ Tát này từ lối Bi đi vào.

Chú trọng Từ Bi, căn cơ của những vị này không chung với Nhị Thừa, cũng có thể nói đây là phong cách Bồ Tát chỉ có trong Đại Thừa, gọi là Bồ Tát Tăng Thượng Bi.

- **Bồ Tát Tín Tăng Thượng, tu học chú trọng Tín Nguyên để hành đạo**

Chú trọng Tín Nguyên thì đi vào lối Tín Nguyên, Bồ Tát loại này cũng có nhiều loại: Tín Nguyên tu học Tịnh Độ dễ hành Đạo. Hai là "người tích chứa công đức của chư Phật, thích tích chứa nhiều công đức của Phật thì đến được Thế giới Nhất thừa Thanh tịnh Vô Lượng Thọ".

Đây là Bồ Tát Tín Tăng Thượng giống người thật hành theo đức Tin thuộc Thanh Văn.

- **Phối hợp ba lối (cửa) và căn tánh để giải thích**

Khi ở cấp sơ học thì có bất đồng giữa ba loại này, vì do tập tành, thành tánh, cho nên đến được Địa Thượng (Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên), tuy Tu đều cả ba đức nhưng, biểu lộ phong cách khác nhau, như Quán Âm thể hiện Từ Bi, Văn Thù thể hiện Trí Huệ, Phổ Hiền thể hiện Tín Nguyên.

Nếu dựa vào căn tánh để phân biệt thì người hành Tham là Bi Tăng Thượng, người hành Sân là Trí Tăng Thượng, người hành Si là Tín Nguyên Tăng Thượng:

Căn Tánh	Thanh Văn	Bồ Tát sơ phát Tâm	Bồ Tát địa Thượng
Tín nguyên vào (Si)	Tín hành	Tín Tăng Thượng	Phổ Hiền
Trí Huệ vào (Sân)	Pháp hành	Trí tăng thượng	Văn Thù
Từ Bi vào (Tham)	Riêng Nhị Thừa	Bi tăng thượng	Quan Âm

#### 5.2.1.4. Ba Thân Hành

或依聲聞入, *Hoặc y Thanh Văn nhập,*

或天或人入. *Hoặc Thiên hoặc nhân nhập.*

Hoặc dựa Thanh Văn vào, Hoặc Trời hoặc Người vào.

##### *a. Dựa vào ba loại thân đi vào Phật Đạo*

Nương vào chỗ thân hành đi vào Phật Đạo mà nói thì có ba loại: Hoặc dựa vào hành Thanh Văn mà vào Phật Đạo hoặc dựa vào hành Trời mà vào Phật Đạo hoặc dựa vào hành Người mà vào Phật Đạo.

*b. Nêu lên sự phân loại của đại sư Thái Hư*

Đây là những điều kinh Đại Thừa nói, nhưng qua sự phân loại của đại sư Thái Hư thì:

Thời kỳ Chánh Pháp, hầu hết dựa vào tu hạnh Thanh Văn Thừa rồi đi vào Đại Thừa.

Thời kỳ Tượng Pháp, hầu hết dựa vào tu hạnh Thiên Thừa rồi đi vào Đại Thừa.

Thời kỳ Mạt Pháp, hầu hết dựa vào tu hạnh Nhân Thừa rồi đi vào Đại Thừa.

*c. Nói về đặc sắc của ba loại thân hành***• Dựa vào tu hạnh Thanh Văn rồi vào Phật Đạo****○ Trước tu pháp Thanh Văn rồi trở về Phật Đạo**

Trong khi dựa vào Thừa Thanh Văn rồi vào Phật Đạo, dựa vào những điều kinh luận nói thì trước phải tu pháp Thanh Văn, Duyên Giác, hoặc chưa chứng quả hoặc đã chứng quả, sau đó, hồi tâm trở về Phật Đạo.

**○ Nói rõ Căn lợi, độn khác nhau**

- Chỉ tu hạnh Thanh Văn, có chút ít kết quả, tự cho là cứu cánh.
- Nhưng hành giả lợi căn, trí tuệ sâu sắc; "trong bí mật tu hạnh Bồ Tát; ngoài biểu hiện Thanh Văn"; không bằng Phật về Khai Quyền Hiển Thật (Mở cửa phương tiện để

hiện thị Thật Tánh Bồ Đề), nhưng Tâm đã an trụ Đạo Đại Thừa.

• **Dựa vào tu hạnh Thiên Thừa rồi vào Đạo Phật**

Có 2 loại:

○ **Người tu Tịnh Độ có Lợi, Đôn khác nhau.**

- Hành giả Tịnh Độ chuyên Tâm chú Ý cầu sanh Tịnh Độ cõi Trời, sau đó, ở trong Tịnh Độ để tu tập từ từ Đạo Phật.
- Nhưng dựa vào Quán Kinh mà nói: Lợi căn ở bậc Thượng Phẩm, sớm đã phát Tâm Bồ Đề, đọc tụng Đại Thừa, hiểu rõ Pháp Tánh Không. Vì vậy, một khi về Tịnh Độ, không bao lâu, thấu rõ được Vô Sanh, trở lại cõi Ta Bà, thật hành rộng khắp Đạo Bồ Tát.

○ **Người tu Mật Tông có Lợi, Đôn khác nhau.**

Người tu Mật Tông chú trọng tu thân thể đẹp ở cõi Trời Dục giới, chính là lấy Kim Cang, Dạ Xoa làm bản tôn, tu trở thành Tiên, Nhân Trì Minh (có thể du lịch các cõi Phật, cúng dường chư Phật, thành tựu chúng sanh), ở lại thế gian lâu dài, tu hành Phật Đạo.

- Tuy nhiên, "Trí Huệ kém không chịu nổi để thắng các Dục ở cõi ấy và giữ gìn sắc tướng". Nhưng có một số dùng sắc thân này để tu tinh luyện khí làm kế sanh nhai.



- Nhưng người lợi căn thì tương ứng với Tâm Bồ Đề; đại Từ Bi là căn bản, dùng phương tiện để đi đến cứu cánh.

○ **Có hai loại tu hành thành Trời nhưng lấy trì chú là chính gọi là hướng dẫn người mới tu.**

Thực hành dựa vào Thiên Thừa rồi hướng về Phật Đạo có hai loại đều chú trọng vào Du Đà hoặc là Tam Muội; Định vốn là đặc chất của tu hành Thiên Thừa. Nhưng dùng nó để hướng dẫn người mới tu cũng chỉ tụng kinh, trì chú mà thôi.

• **Tu hành dựa vào Nhân Thừa rồi vào Phật Đạo**

Đây chính là phát Tâm Bồ Đề, tu mười hạnh Lành, không bỏ nhân cách con người, rộng tu Chánh Nghiệp để an quốc lợi dân. Đây cốt phổ cập cho người mới tu; ngoài địa vị phàm phu của Đại Thừa, thật ra, nó bằng với Quân Tử, Thiện Nhân của thế gian.

*d. Nói rõ Tu Nhân Thừa là con đường bằng phẳng, căn bản dẫn đến Phật Thừa*

Đức Như Lai xuất hiện ở nhân gian, giáo hóa nhân loại với bốn y là khiến cho con người Khai, Thị, Ngộ, Nhập Tri Kiến của Phật: Mở ra, Chỉ cho thấy, Thấu hiểu, Đi vào cái thấy, Biết của Phật. Vì vậy, dựa Nhân Hạnh Bồ Tát rồi hướng về Con Đường dẫn đến Thành Phật, không chỉ thích ứng với căn

cơ của thời đại để cảm hóa nhân sanh mà cũng là con đường bằng phẳng, căn bản, thực tế của Phật Thừa.

#### 5.2.1.5. Về hai thuyết Quyền, Thật

趣入大乘者, *Thú nhập Đại Thừa giả,*  
 直入或迴入, *Trực nhập hoặc hồi nhập,*  
 相應諸教法, *Tương ứng chư giáo pháp,*  
 實說方便說. *Thật thuyết phương tiện thuyết.*

Người hướng về Đại Thừa, Trực tiếp hay gián tiếp,  
 Tương ứng với các pháp, Chân thật, phương tiện nói.

#### *a. Có loại giáo pháp của Bồ Tát*

- **Trực tiếp là vào thẳng Bồ Tát Đạo; gián tiếp là phương tiện**

Người hướng về Đại Thừa tu học có chia hai loại: Bồ Tát trực tiếp vào Đại Thừa, Bồ Tát gián tiếp vào Đại Thừa.

Trực tiếp là đi thẳng vào Bồ Tát Đạo; gián tiếp là trước tu theo các pháp môn khác, sau mới vào Đại Thừa.

Bậc Nhị Thừa hồi tâm hướng về Đại Thừa, như kinh Pháp Hoa nói Khai Quyền Hiển Thật mới xác chứng là trở về Đại Thừa. So với giáo pháp tương ứng với trực tiếp hay gián tiếp vào Bồ Tát Đạo. Ở đây muốn nói là Chân Thật và Phương Tiện.

- **Đặc biệt nói rõ dụng ý của Phương Tiện**

- **Đặt vấn đề:**

Phật, vì lý do gì, không chỉ giảng Đạo Đại Thừa, không phổ biến cho tất cả chúng sanh về Phật Thừa mà chỉ nói Giáo Lý Phương Tiện?

- **Giải thích:**

Phật, với giáo lý Phương Tiện, có ý nghĩa phi thường.

- Bởi vì nếu không nói giáo lý Phương Tiện để dẫn dụ, giáo hóa thì những chúng sanh không vào thẳng Phật Đạo được.
- Như Tiểu Thừa trải qua tu chứng mới hiểu ra mình còn có Cái Không Biết, Không Làm Được, Không Thanh Tịnh nên có thể lãnh thọ sự giáo hóa của Phật và hướng về Phật Đạo.
- Hơn nữa, chúng được quả của Tiểu Thừa thì đã hoàn toàn cắt đứt Sanh Tử, không còn lo nghĩ bị Sanh Tử trở lại trong dòng lưu chuyển Luân Hồi. Vì vậy, giáo lý Phương Tiện thật đáng được tôn trọng.

*b. Riêng nói rõ hai pháp môn Quyền, Thật trong giáo lý Đại Thừa*

Ở trong Đại Thừa cũng có giáo lý Phương Tiện, gọi là Di Phương Tiện tức là Thắng Phương Tiện.

- **Phương tiện thù thắng là dùng vui được vui**

Có một số người, tuy không phải căn tánh Nhị Thừa chán ngán Sanh Tử nhưng cũng vào Đại Thừa nên còn chút ít

chương ngại. Do vậy, Phật nói phương tiện thù thắng, như Cõi Nước Tịnh Lạc, Sắc Thân Tịnh Lạc làm phương pháp hóa đạo. Đây chính là: “先以欲鉤牽, 後令入佛智: Tiên dĩ dục câu khiên, hậu linh nhập Phật Trí: Trước dùng Dục móc nối, sau khiến cho vào Phật Trí”, là pháp môn dĩ lạc đắc lạc.

○ **Quốc độ Tịnh Lạc.**

Nếu, thật sự, vãng sanh được Quốc Độ Tịnh Lạc cũng không phải lo âu về việc thoái lui, đọa xuống trở lại; khi đã được Phật, Bồ Tát giáo hóa, hướng dẫn thì có thể phát Bồ Đề Tâm rồi vào Phật Đạo.

○ **Sắc Thân Tịnh Lạc.**

Nếu, thật sự, tu chứng được Sắc Thân Tịnh Lạc, cũng có thể nương vào sắc thân tịnh lạc thuộc cõi trời này để tu tập Thắng Huệ sâu sắc.

• **Dựa vào hai cửa Quyền, Thật rồi cùng vào Phật Đạo**

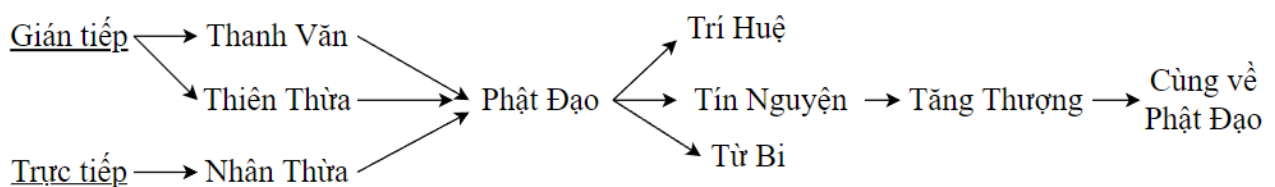
○ **Nói về Thật:**

Lý do Phật ra đời là để giáo hóa Loài Người. Tuy bản ý là ở Nhân Thừa rồi hướng về Phật Đạo (là con người thành Phật).

○ **Nói về Quyền:**

Nhưng vì thương chúng sanh nên không thể không khéo léo thiết lập Phương Tiện.

- Hoặc vì căn tánh Chán Khổ mà nói dựa vào phương pháp tu hành của Thanh Văn rồi quay về giáo lý Đại Thừa. Những vị này, hầu hết, đều có Trí Huệ Tăng Thượng (lớn mạnh), chú trọng Tụ Lực.
  - Hoặc vì căn cơ Dục Lạc mà nói dựa vào phương pháp tu hành của Thiên Thừa rồi quay về giáo lý Đại Thừa. Những vị này, hầu hết, đều có Tín Nguyện Tăng Thượng, chú trọng vào Tha Lực.
- Đức Như mở ra hai cánh cửa Quyền, Thật; với hai cánh cửa này mới có thể khiến cho tất cả chúng sanh trở về Phật Đạo.



## 5.2.2. Giáo Thuyết Đại Thừa

### 5.2.2.1. Chủng Tánh Thành Phật

眾生有佛性, *Chúng sanh hữu Phật Tánh,*

理性亦行性. *Lý Tánh diệc Hành Tánh.*

初以習成性, *Sơ dĩ Tập thành Tánh,*

次依性成習; *Thứ y Tánh thành Tập;*

以是待修習, *Dĩ thị đãi Tu Tập,*

一切佛皆成. *Nhất thiết Phật giai thành.*

Chúng sanh có Phật Tánh, Lý Tánh và Hành Tánh.

Trước vì Tập thành Tánh, Kế nương Tánh thành Tập,

Cho nên nhờ Tu Tập, Tất cả đều thành Phật.

#### *a. Phật Tánh là giáo lý quan trọng của Đại Thừa*

Tất cả chúng sanh có Tánh Phật là giáo lý quan trọng của Đại Thừa Phật Giáo, tất cả chúng sanh đều Thành Phật là Nguyên Lý Chính của Đạo Phật.

Phật Tánh là gì? Có thể có hai ý nghĩa:

#### • **Thể Tánh của Phật**

Một là Phật Tánh là Thể Tánh của Phật.

#### ○ **Ví dụ trong mỏ đá vàng có Tánh Vàng.**

"Như trong mỏ đá có Tính Vàng, trong mỏ đá trắng có Tính Bạc". Cũng vậy, chúng sanh tuy đang ở trong Sanh Tử mê mờ, sai lầm, nhưng không phải không có yếu tố Phật Tính. Như trong mỏ đá có Tính Vàng, cho nên luyện mới thành vàng. Nếu không có Tính Vàng thì luyện làm sao có Vàng. Đương nhiên, đây là giảng pháp theo cách thông

thường; còn thời đại khoa học tiến bộ, có thể vật chất không thuộc vàng nhưng hóa hợp giống như vàng.

○ **Chúng sanh vốn có Tánh Phật.**

Tánh Phật cũng nói như thế, chúng sanh vốn có Thể Tánh của Phật, hoặc nói là chúng sanh vốn có Đức Tính hơn hết của Như Lai, tướng đẹp, trang nghiêm, hoặc nói chúng sanh, xưa nay, là Phật; cho nên, tu hành sẽ thành Phật. Giáo lý Có Phật Tính này xác thực mà người bình thường dễ tin, hiểu và trở thành học phái rất thông dụng trong Phật Pháp.

● **Tánh khả năng Thành Phật**

Hai là Phật Tánh là Tánh có khả năng Thành Phật, cũng chính là nhân duyên để Thành Phật.

○ **Phân biệt hai loại Phật Tánh:**

Nhưng đây là ý nghĩa sâu xa của Phật Tánh, có một số người không dễ Tin, Hiểu. Cuối cùng Tính Khả Năng Thành Phật như thế nào?

Như trong kinh Pháp Hoa nói: "Chư Phật có hai điều đáng tôn kính, biết các Pháp luôn luôn Vô Tánh, Hạt Giống Phật từ Duyên Khởi, cho nên nói NHẤT THỪA".

Ở đây phương tiện có thể chia thành 2 loại Phật Tánh: Một là Lý Phật Tánh; Hai là Hành Phật Tánh (Phật Tánh là thuyết cũ ở Ấn Độ; ngày nay dựa vào Trung Quán Nghĩa Thuyết).

○ **Lý Phật Tánh:**

Thế nào gọi là Lý Phật Tánh?

- Pháp Tánh Không chính là Lý Phật Tánh, cũng là ý nghĩa sâu xa của Phật Tánh.

✓ Định nghĩa:

Tất cả Pháp, từ xưa đến nay, Không Có Tự Tánh, cũng chính là Bản Tánh Vắng Lặng.

Mọi pháp thường Vô Tánh (người xưa tách riêng Thường Tánh, Vô Tánh là cách giải thích phù hợp với Tam Đế); Mọi pháp Hoàn Toàn Rốt Ráo; Vô Tánh đây tức là KHÔNG; KHÔNG tức là Pháp Tánh Không Sanh Không Diệt; có thể gọi là PHẬT TÁNH (Tánh Hiểu Biết).

✓ Phân tích:

Bởi vì, nếu tất cả pháp có Tự Tánh mà không phải là TÁNH KHÔNG, như thế, phàm phu là thật có thì mãi mãi là phàm phu; tạp nhiễm là thật có thì mãi mãi là tạp nhiễm; đã trải qua Hiện Khởi (Có) thì không thể chuyển thành Không, không có Hiện Khởi (Vô) thì không thể chuyển thành Có. Như thế thì không thể Dứt (ngừng hay đoạn), không thể Tu cũng không thể Thành Phật (Như Trung Luận nói).

✓ Chứng minh:



May quá! Tất cả pháp là Không, Vô Tánh mới có thể chuyển dơ thành sạch, chuyển dở (Mê) thành giỏi (Ngộ), chuyển phàm thành Thánh. Pháp Không Tánh này chính là nguyên lý để phàm có thể thành Thánh, niễm có thể thành tịnh; cũng chính là nguyên lý để Thành Phật. Cho nên nói:

以有空義故，一切法得成：Dễ hữu không nghĩa cố, nhất thiết pháp đắc thành: Bởi vì muôn pháp có Tánh Không, mới thành hiện tượng vô cùng thâm la. Đây là ý nghĩa sâu rộng của Không Tánh chính là Phật Tánh.

○ **Dựa vào Pháp Không Tánh này làm phương tiện để nói Phật Tánh.**

Pháp Không Tánh, tuy đồng thời, là Lý Tánh phổ biến để lập thành tất cả Pháp, nhưng Không Tánh có ý nghĩa siêu việt hơn là NGỘ rồi thành Thánh, là dựa vào rồi khởi lên Pháp Tánh thanh tịnh, là Nhân quan trọng đích thật để Thành Phật.

Không Tánh, tuy là biến hiện tất cả pháp, nhưng không tương ứng với Mê Vọng (ngu si, sai lầm) mà tương ứng với Vô Lậu Tịnh Đức (Bản chất trong sáng vượt thoát Sanh, Tử). Vì thế, Tánh này dẫn đến phát sanh Tín, Giải thông thường; phương tiện nói Pháp Tánh Không này là Như Lai Tạng, là Phật Tánh rồi nói là Đức Tướng, Trí Huệ của Như Lai vốn

có... Pháp Tánh Không có vô số ý nghĩa (vị), đối với tất cả chúng sanh không khác nhau; cho nên, nói chúng sanh đều có thể Thành Phật.

- **Thật hành theo Tánh Phật**

Thế nào gọi là thật hành theo Tánh Phật?

- **Định nghĩa:**

Đây là dựa vào Nhân tố lý Tánh thành Phật để tu tập và phát Tâm.

- **Ví dụ:**

Như Duy Thức Học nói: Văn (Tur, Tu) huân tập (Xông ướp) dựa vào dòng chảy của Pháp Giới để Chúng Tử Phật trở thành.

Kinh Pháp Hoa nói: 佛種從緣起: Phật chủng tùng duyên khởi: Hạt giống Phật theo duyên mà phát khởi, cũng chính là nói: Dựa vào Tánh mà tu tập.

- **Nói dựa vào Lý Tánh và Hành Tánh thì tất cả chúng sanh có Tánh Phật.**

Không Tánh của tất cả pháp là Lý Tánh có thể Thành Phật.

Nhờ sự giáo hóa của Phật, Bồ Tát rồi phát tâm, tu hành qua Văn, Tur, Tu dần dần là Hành Tánh có khả năng thành Phật.

Sự và Lý hoàn toàn tương hợp: Nếu không phải là Duyên Khởi thì không phải là Không; không phải là Không Vô Tự

Tánh, cũng không phải là Từ Duyên Khởi. Bởi Vô Tánh Không, cho nên, từ Duyên mới Khởi lên (có); vì vậy, không có Tự Tánh.

Vô Tánh mà Duyên Khởi, Duyên Khởi mà Vô Tánh. Khi Phật ngồi ở đạo tràng, sự thông đạt chính là như thế này:

觀無明(等)如虛空無盡,是諸菩薩不共妙觀: Quán Vô Minh đẳng như hư không vô tận... thị chư Bồ Tát bất cộng diệu quán: Quán mười hai Nhân Duyên như hư không vô tận,... Đây là quán sát vi diệu mà các vị Bồ Tát không có chung.

Dựa vào đây mà thành Phật. Phật cũng dựa vào đây mà nói Nhất Thừa: Tất Cả Chúng Sinh Đều Có Tánh Phật.

*b. Tiến thêm bước nữa mở rộng mối quan hệ của hai loại Phật Tánh một cách rõ ràng*

### • Sơ lược về hai Phật Tánh

Nói theo Lý Phật Tánh thì tất cả chúng sanh đều có Phật Tánh; nói theo Hành Phật Tánh thì đợi Duyên mới thành; cho nên hoặc là Có, hoặc là Không.

### • Nói riêng về Hành Phật Tánh

#### ○ Định nghĩa:

Hạt giống của Pháp Đại Thừa là Tâm Bồ Đề. Phát Tâm Bồ Đề là tất cả công đức tương ứng với Tâm Bồ Đề, chính là

Phật Tánh nằm trong Hành Tánh (Tánh chất của việc tu hành).

○ **Ví dụ:**

- ***Theo kinh Pháp Hoa: Hạt giống của Tâm Bồ Đề thì NGUYỆN là chính.***

Câu "Phật Chứng Tùng Duyên Khởi", chính là theo Hạt Giống Tâm Bồ Đề mà nói.

Nếu từ trước, ở trong pháp hội của Phật Đại Thông Trí Thắng, phát Tâm Bồ Đề mà có một số người thoái tâm, tu theo Tiểu Thừa. Có bạn thân âm thầm để vào ché áo hạt châu vô giá mà người này hoàn toàn không hay biết, vẫn chịu đựng nghèo khổ cùng cực, kỳ thật, "Tất cả Trí Nguyên (nguyện Bồ Đề) vẫn còn đó, không mất".

Khi say rượu, bạn thân âm thầm để vào ché áo hạt châu vô giá cho người này; giống như ở trong Vô Minh Sanh Tử mà gặp được Phật, Bồ Tát hướng dẫn, dạy bảo rồi Phát Tâm Bồ Đề (có người giải thích: "Âm thầm để vào ché áo hạt châu vô giá" là ý nói Phật Tánh vốn có so với nghĩa của kinh không hợp). Phát Tâm Bồ Đề sẽ trở thành Pháp Khí Đại Thừa, có khả năng phát huy, sản sinh vô lượng công đức.

- Vì vậy kinh Thập Địa, kinh Đại Tập đều nêu lên ví dụ Tâm Bồ Đề là bảo châu, trải qua tu tập và đối trị mới viên thành quả đức của Phật.

Từ hai Bồ Đề mà chúng được Bồ Đề (Phật Tánh thuộc Lý).

Tính thực hành Phật Tánh như vậy là dựa vào kinh nói, sơ lược có hai vị: Vị Chúng Tánh của Tánh; Vị Chúng Tánh của Tập. Ý ở đây muốn nói:

Vị Tánh của Chúng Tánh (Bồ Đề thuộc về Nguyên).

Bắt đầu, lấy Thấy Phật, Nghe Pháp làm nhân duyên; phát Tâm Bồ Đề lớn, huân tập thành Tánh của Phật thuộc Đại Thừa, như gieo hạt giống vậy, gọi là Tánh Của Chúng Tánh. Một khi phát khởi Tâm Bồ Đề mãi mãi là nhân duyên thành Phật, sẽ không thể mất đi; như kinh Pháp Hoa ví dụ: Buộc ngọc bảo châu vào chéo áo. Nhưng điều này không thể nói là Vốn Có, bởi vì dựa vào Phát Tâm rồi Huân Tập mà Thành. Huân tập Văn, Tư, Tu từ dòng chảy miên viễn của Pháp Giới.

Vị Tánh của Tập Chúng (Bồ Đề thuộc về thật hành).

Kế đến, đã có hạt giống Tâm Bồ Đề dựa vào Tánh Phật này rồi từ từ tu tập, phát triển, khiến cho hạt giống Phật có công năng thanh tịnh; từ thấp lên vừa, từ vừa lên cao. Khả

năng công đức thanh tịnh của Đại Thừa là luôn luôn Huân Tập và tăng trưởng vượt trội, gọi là Tánh Tập Chứng.

Tiếp theo, chứng Phật Tánh từng phần.

Huân tu lâu dần, dẫn đến phát sanh công đức Vô Lậu thanh tịnh. Đó không chỉ là Tính Nhân (quả) của Phật mà còn chứng được Thể Tánh từng phần của Phật.

Cuối cùng, kết luận do ba loại Bồ Đề mà thành được Quả Phật.

Vì thế, Pháp Không Tánh (Lý của Phật Tánh), tuy Phàm, Thánh là MỘT, cõi chúng sanh, cõi Bồ Tát, cõi Phật đều bình đẳng dù, thành Phật hoặc không thành Phật vẫn còn phải Tu Tập để phân biệt: Phải chăng huân tu, phát triển Tâm Bồ Đề? Phải chăng dựa vào hạt giống Tâm Bồ Đề mà ngừng huân tập, tăng trưởng? Nếu không tu tập thì phàm phu vẫn là phàm phu; nếu dựa vào Đại Thừa huân tu thì không cần hỏi đó là ai mà Phật Quả của tất cả chúng sanh đều có thể thành được.

#### 5.2.2.2. Lịch trình của Bồ Đề. Bồ Đề nguyện.

發心名菩薩, *Phát tâm danh Bồ Tát,*

眾生之上首. *Chúng sanh chi thượng thủ.*

世出世功德, *Thế, xuất thế công đức,*

悉由菩薩有. *Tất do Bồ Tát hữu.*

Phát tâm là Bồ Tát, Là chúng sanh cao nhất.

Công đức Thế, Xuất Thế, Bồ Tát đều có đủ.

*a. Phát Tâm Bồ Đề là đáng tôn kính*

• **Phát Tâm gọi là Bồ Tát**

○ **Điều kiện để thành Bồ Tát**

Dựa theo Không Tánh của tất cả pháp mà nói: Tất cả chúng sanh có Tánh Phật, nhưng hoàn toàn không phải do nguyên nhân này mà nói: Tất cả chúng sanh là Bồ Tát. Cần phải phát Tâm Bồ Đề mới gọi là Bồ Tát.

○ **Ý nghĩa Bồ Tát**

Bồ Tát là tiếng Phạn nói tắt của Bồ Đề Tát Đỏa, có nghĩa là Giác Hữu Tình: Trên cầu Bồ Đề (giác), dưới giáo hóa chúng sanh (hữu tình) mà có tên như vậy. Cũng có thể giải thích là Hữu Tình Cầu Đại Bồ Đề, phát Tâm Bồ Đề rồi mới là Bồ Tát.

• **Bồ Tát đáng tôn kính**

○ **Từ bắt đầu học đến thân cuối cùng đều gọi là Bồ Tát**

Bồ Tát là gọi chung người tu học Đại Thừa. Từ bắt đầu học, học lâu đến thân Bồ Tát cuối cùng, đúng là có nhiều loại cạn, sâu. Nhưng người bình thường đều biết Bồ Tát lớn Quan Âm nên mới không dám tự xưng mình là Bồ Tát.

○ **Nói riêng Bồ Tát mới phát tâm đáng tôn kính**

- ***Bồ Tát là chúng sanh cao nhất.***

Bồ Tát mới phát tâm, tuy chưa có công đức nhưng đã là đứng đầu trong tất cả chúng sanh; không chỉ là phàm phu mà được cả Nhị Thừa tôn kính. Trong kinh ví dụ như vương tử mới sanh đã được đại thần cao tuổi tôn kính; như sư tử con mới sanh đã được muôn thú nể vì; như chim Ca Lãng Tàng Già còn ở trong trứng mà tiếng kêu vượt hơn tất cả tiếng kêu của những loài chim khác; như ánh sáng le lói của trăng non vẫn được sự yêu mến của mọi người.

- ***Bồ Tát là căn nguyên của tất cả pháp lành thế, xuất thế.***

Từ khi Bồ Tát phát tâm về sau đáng tôn kính như vậy; hàng Bồ Tát lớn không cần phải nói. Vì sao như vậy?

- ✓ Nói chung về pháp lành thế, xuất thế.

Bởi vì tất cả công đức của thế, xuất thế gian ắt do Bồ Tát mà có.

Ở đây muốn nói: Pháp lành thế gian; pháp lành Thanh Văn, Duyên Giác... đều dựa vào Phật, Bồ Tát mà có; công đức của Phật cũng dựa vào Bồ Tát mà có; cho nên, Bồ Tát là căn nguyên của tất cả pháp lành.

- ✓ Nói riêng pháp lành thế gian.



Dựa vào pháp lành thế gian mà nói, như: "Bồ Tát thọ nhận vô số thân, có khi nhận thân do nghiệp và nhân duyên, hoặc nhân biến hóa ở thế gian để dạy bảo chúng sanh, nói các pháp lành và pháp thế giới, pháp vương, pháp thế tục"...

✓ Kết luận: Tâm Bồ Đề là hạt giống của tất cả Pháp Phật.

Bồ Tát là căn nguyên của tất cả pháp lành, đáng tôn kính, nhưng Bồ Tát từ phát Tâm Bồ Đề mà có. Vì vậy, trong kinh nói về Nhân Thừa khen ngợi rất nhiều về công đức của Tâm Bồ Đề và nói tâm ấy là: "Hạt giống của tất cả Pháp Phật".

*b. Phương pháp tu học theo Tâm Nguyên Bồ Đề*

### • Định nghĩa Nguyên Bồ Đề Tâm

Mới phát Tâm Bồ Đề, quan trọng ở việc lập thế nguyện lớn, vững chắc: Trên cầu Phật Đạo, dưới hóa độ chúng sanh, gọi là Nguyên Bồ Đề Tâm. Nói rộng như bốn nguyện lớn:

眾生無邊誓願度, *Chúng sanh vô biên thế nguyện độ,*

煩惱無邊誓願斷, *Phiền não vô tận thế nguyện đoạn,*

法門無邊誓願學, *Pháp môn vô lượng thế nguyện học,*

佛道無上誓願成. *Phật Đạo vô thượng thế nguyện thành.*

### • Động cơ và phương pháp tu học theo Tâm Bồ Đề

Nhưng phát Tâm Bồ Đề, không phải hoàn toàn ngẫu nhiên muốn thành Phật, độ sanh; mà phải trải qua Tu Tập, đến chỗ thành tựu vững chắc.

Tu tập theo Bồ Đề Tâm là tu học Đại Thừa, đó là điểm quan trọng.

○ **Động cơ:** Bắt đầu từ Tâm Từ Bi: Tâm Bồ Đề từ Tâm Từ Bi sanh ra.

○ **Phương pháp:**

▪ ***Từ trong người thân, kẻ thù lần lượt mở rộng ra.***

Hoặc từ mối quan hệ hiếu kính, nuôi dưỡng mẹ hiền, rộng lớn đến nguyện độ tất cả chúng sanh, cao nhất mong cầu Phật Đạo.

▪ ***Bi Tâm mạnh dẫn đến, thật tiến là làm lợi lạc cho mọi người.***

Hoặc là xem người khác và chính mình như nhau, cứu giúp chúng sanh như thương yêu bảo hộ chính mình, tu đến độ mong muốn đem đến lợi ích cho người khác dù, mình phải hy sinh.

c. ***Động cơ***

Phương pháp tu Bồ Đề Tâm gần giống với Nhân Đạo, Thứ Đạo của Nho gia. Nhưng tu tập viên mãn, thành tựu Bồ Đề

Tâm; về mặt sâu rộng, so với pháp thế gian vô cùng khác nhau. Đây là căn cơ của Đạo Đại Thừa mà người tu học theo con đường này phải quan tâm trước hết.

### 5.2.2.3. Thập hành Bồ Đề.

#### *a. Ba Tâm của Đại Thừa.*

菩薩之所乘, *Bồ Tát chi sở thừa,*  
 菩提心相應; *Bồ Đề Tâm tương ưng;*  
 慈悲為上首, *Từ bi vi thượng thủ,*  
 空慧是方便. *Không huệ thị phương tiện.*  
 依此三要門, *Y thử tam yếu môn,*  
 善修一切行; *Thiện tu nhất thiết hạnh;*  
 一切行皆入, *Nhất thiết hạnh giai nhập*  
 成佛之一乘. *Thành Phật chi nhất Thừa.*

*Đường của Bồ Tát đi,      Tương ưng Tâm Bồ Đề.*  
*Từ Bi là trên hết,      Không Huệ là phương tiện.*  
*Ba thứ chánh yếu này,      Khéo tu tất cả hạnh;*  
*Tất cả hạnh đều vào,      Bạc cao nhất: Thành Phật.*

- **Ba tâm của Đại Thừa là ba yếu tố Bồ Tát tu tập không thể thiếu**
- **Từ Bồ Đề Nguyên tiến lên Bồ Đề Hạnh**

Căn tánh đi vào con đường Đại Thừa không giống nhau; tôn kính phát Tâm Bồ Đề, Phật Tánh đã nói rồi. Đạo Đại Thừa, sau khi phát nguyện, nên thể hiện bằng thật hành.

○ **Yếu tố chánh hạnh của Bồ Tát**

Nói đến chánh hạnh của Bồ Tát, việc cần thiết, trước hết phải nói: yếu tố không thể thiếu là Việc Bồ Tát Làm.

▪ ***Dựa vào hạnh Bồ Đề rồi đi vào tất cả Biển Trí***

Thanh Văn và Duyên Giác Thừa thì thông suốt đối với Nhân Quả. Nhưng trong Đại Thừa chú trọng vào Nhân Hạnh, gọi là Bồ Tát Thừa; chú trọng vào Quả Đức, gọi là Phật Thừa. Nhân, Quả tròn đầy là toàn thể của Pháp Đại Thừa.

Hiện giờ đi theo Con Đường Thành Phật là nói từ Nhân Hạnh. Đại Thừa là Pháp Môn, Bồ Tát đang thật hành. Dựa pháp môn này, từ địa vị phàm phu đi vào ngôi vị Đại Bồ Đề (giác ngộ hoàn toàn), gọi là Biển của Tất Cả Trí.

▪ ***Ba yếu tố trong Hạnh Bồ Tát***

Trong hạnh Bồ Tát, bất luận tu hành như thế nào, không thiếu ba nguyên tắc quan trọng.

✓ **Nêu Bồ Thí nói rõ ba yếu tố. Ví dụ như Bồ thí:**

- Cần phải tương ứng với Tâm Bồ Đề, chính là chỉ nguyện "Thượng cầu, hạ hóa" mà bồ thí.

- Lúc bồ thí lấy Tâm Từ Bi làm đầu, làm hướng đạo trước hết; chính là từ Tâm Từ Bi mà phát sanh bồ thí.
- Pháp Không Huệ là Phương Tiện. Phương Tiện là tên khác của Thiện Xảo (khéo léo vận dụng).

Nếu như còn vướng mắc vào thấy có người cho, người nhận, vật cho thì gọi Hữu Phương Tiện.

Nếu không có Pháp Không Huệ thì Bồ Thí vướng vào Tướng gọi là Bất Thiện Xảo; không phương tiện thì không thể lìa khỏi Sanh Tử đê vào Nhất Thiết Trí Hải.

✓ Dựa vào 3 yếu tố này thật hành tất cả đều hành thì vào được Nhất Thừa.

Có thể nói Tâm Bồ Đề là Chí Nguyện đang hiện hữu của chính mình (sở tại); Tâm Từ Bi là Động Cơ; Pháp Không Huệ là tài năng để thật hành. Nếu dựa vào ba phương pháp này làm căn bản để thiện xảo, để tu tập tất cả như:

- Ngũ Giới, Thập Thiện, Tam Phước Nghiệp là những pháp lành thế gian cũng tốt.
- Tứ Đế, Duyên Khởi, Tam Học, Bát Chánh Đạo, ba mươi bảy Đạo Phẩm là những pháp lành xuất thế cũng tốt.
- Lục Độ, Tứ Nhiếp, Bách Bát Tam Muội, Tứ Thập Nhị Tự môn là những pháp đại thừa cũng tốt.

Tất cả Pháp Hành này (phương pháp tu tập) đều trở về với Pháp Nhất Thừa của con đường đi đến Thành Phật.

Nói ngắn gọn: Đã có ba Tâm này thì tất cả Thiện Hành đều là Pháp Nhất Thừa; nếu tách rời ba Tâm này hoặc thiếu sót thì không có pháp môn nào để tu hành Thành Phật.

- **Nêu kinh luận nói rõ Ba Tâm**

- **Dẫn kinh, luận**

- Kinh Đại Bát Nhã nói: Khi tu hành đến bậc Bồ Tát, nói chung là "Nhất Thiết Trí Trí tương ứng với Tác Ý (niệm khởi của tâm), Đại Bi đứng đầu, vì vô sở đắc nên lập ra Phương Tiện". Đoạn văn này, chính là muốn nói về Ba Tâm.
- Dựa vào đây, trong Luận Bảo Man, Bồ Tát Long Thọ nói: "Vốn là Tâm Bồ Đề, vững chắc như núi chúa, Đại Bi khắp mười phương, không dựa huệ hai bên".
- Kinh Đại Nhật, đại khái nói cũng giống: "Đại Bồ Đề là Nhân, Bi là Căn Bản, bằng Phương Tiện mà đến cứu cánh"

- **Giải thích danh từ**

- **Ba Tâm**

- ✓ Nhất Thiết Trí Trí tương ứng với Tác Ý, chính là Nhất Thiết Trí Nguyên trong kinh Pháp Hoa, cũng chính là tên khác của Bồ Đề Tâm.

- ✓ Đại Bi là vì tất cả chúng sanh khắp mười phương mà phát khởi, cho nên nói Biến thập phương tế (bao trùm ranh giới mười phương).
- ✓ Vô Sở Đắc (không có cái gì để được) là Bát Nhã, chính là Trí Huệ Không Tánh nên không dựa vào hai bên Có, Không.

Kinh Đại Nhật còn nói Có Tướng, cho nên, phương tiện có muôn ngàn cách để đi đến cứu cánh. Nhưng phương tiện chủ yếu là để Thành Phật thì, không thể không nói đều là Không Huệ Vô Sở Đắc. Bởi vì kẹt vào Tướng, thì không có cách nào đạt đến cứu cánh được.

- Ở trong pháp Đại Thừa, ba Tâm này đều quan trọng như nhau, không thể không có hay thiếu sót. Nhưng trong kinh Đại Thừa, mỗi tông chỉ có tôn trọng của nó, hoặc chú trọng Tâm Bồ Đề, hoặc Tâm Đại Bi, hoặc không có gì để được (thuộc) Bát Nhã. Theo từng tông chỉ mà thừa nhận tầm quan trọng khác nhau trong ba Tâm này. Đây là dựa vào tông chỉ mà khéo giải thích. Kỳ thật, ba Tâm này, đối với người mới học có thể thiên trọng chứ không thể bỏ đi.
- **Ba Tâm là dựa vào đức hạnh của con người để đi đến cứu cánh, viên thành Phật quả**
  - *Ba Tâm giống như Ba Đạt Đức, tức là 3 đặc tính vượt trội của loài người*

Ba Tâm này là đức hạnh thông thường của Nhân Thừa, giống như ba đạt đức: Trí, Nhân, Dũng của Nho Giáo.

Đây vốn là đức tính vượt trội của loài người: Ưc niệm, Phạm hạnh, Kiên nhẫn, cũng chính là đặc tính ưu việt: Lý trí, Tình cảm, Ý chí.

Nho Giáo chú trọng chánh hạnh của Nhân Thừa, cũng chính là nêu lên đức hạnh chung: Trí, Nhân, Dũng của Nhân Thừa.

○ **Ba Tâm của Đại Thừa làm cho ba đặc tính siêu việt ấy được tịnh hóa, thành tựu ba đức của Như Lai**

Pháp Đại Thừa, vốn chú trọng vào Nhân Thừa để đi thẳng vào Phật Đạo, vì thế mới đề xuất.

- Chí Nguyện cao tốt, rốt ráo: Tâm Bồ Đề.
- Tình thương bình đẳng, rộng khắp: Từ Bi.
- Trí Huệ thấu suốt muôn pháp, triệt để: Không Huệ.

Vì là Hạnh Đại Thừa nên phải đầy đủ muôn đức.

Nhờ nguyên nhân này, thật hành Pháp Đại Thừa khiến cho đức tánh siêu việt của con người được tịnh hóa (thăng hoa); khiến cho dung hòa trong cuộc sống, tiến bộ về tinh thần, đạt đến hoàn hảo.



Khi thành Phật thì Tâm Bồ Đề thành Pháp Thân đức; Tâm Từ Bi thành Giải Thoát đức; Pháp Không Huệ thành Bát Nhã đức.

Ba đức của Như Lai chứa những huyền bí, vi diệu, mâu nhiệm này không có gì riêng biệt mà, chỉ là Đức Hạnh của con người đã đạt đến chỗ tối cao, hoàn hảo mà thôi.

○ **Ý nghĩa đúng của Đại Thừa chính là phương pháp tu tập để con người thành Phật**

Ý nghĩa chân thật của Đại Thừa, so với Hạnh Tiểu Thừa, có khuynh hướng ẩn mật, tiềm tàng; so với Hạnh Thiên Thừa, có vẻ thần bí nên không tương đồng nhiều.

Ý nghĩa chân thật của Đại Thừa, thật ra, là hướng con người đến cứu cánh: Phương pháp 即人成佛: Tức nhân thành Phật: Thành Phật ngay bây giờ, tại đây, trong thân xác này.

Lịch trình tịnh hóa từ Nhận Thức đến thẳng đức tánh của Phật Quả			
Thế Gian		Xuất Thế Gian	
Ba đặc tánh con người	Ba đức Nho gia	Ba hạnh Đại Thừa (nhân hạnh)	Ba đức Như Lai (quả đức)
Ước niệm: Lý trí	Trí	Trí Huệ thấu suốt: Không	Pháp Không

		Huệ	Huệ: Bát Nhã đức
Phạm hạnh: Tình cảm	Nhân (仁)	Tình thương bình đẳng: Từ Bi	Tâm Từ Bi: Giải Thoát đức
Kiên nhẫn: Ý chí	Dũng	Chí nguyện vô thượng: Tâm Bồ Đề	Tâm Bồ Đề: Pháp Thân đức

*b. Đối tượng của học Bồ Tát*

菩薩之學處, *Bồ Tát chi học xứ,*

十善行為本, *Thập Thiện hạnh vi bản,*

攝為三聚戒, *Nhiếp vi Tam Tụ giới,*

七眾所通行. *Thất chúng sở thông hành.*

Đối tượng Bồ Tát học, Mười Hạnh Lành là chính,

Thâu tóm Tam Tụ Giới, Bảy chúng đều thật hành.

• **Chánh hạnh của Bồ Đề là đối tượng Bồ Tát học**

- **Phát Bồ Đề nguyện có ý nghĩa là bảo vệ sinh mạng của mọi loài một cách hoàn hảo nhất**

Đại Thừa đạo là lịch trình tu tập của Tâm Bồ Đề. Trên đã nói về Phát Tâm Bồ Đề là Nguyện Bồ Đề Tâm, vì Đại Thừa lấy Tín, Nguyện làm Thê, cũng là chỗ trở về, nương tựa của

Đại Thừa. Vì vậy, khi phát Tâm Bồ Đề, trước phải trở về, nương tựa với Đại Thừa.

Đây không phải là quy y suốt đời, mà là: Quy y "Từ ngày hôm nay cho đến khi Giác Ngộ"; quy y Phật Pháp, Tăng Bồ Tát không thoái lui. Quy y là biểu thị Tín Tâm trong lòng mình; còn phát Bồ Đề Nguyện là mong đem tất cả Căn Lành mình có thể hiện ra cho chúng sanh, giống như chư Phật và Bồ Tát. Vì Vô Thượng Bồ Đề mà phát Tâm: "Chúng sanh nào chưa độ mong được độ, chúng sanh nào chưa hiểu Phật pháp mong được hiểu, chúng sanh nào chưa an lạc mong được an lạc, chúng sanh nào chưa chứng được Niết Bàn mong chứng được". Đây là văn trong nghi thức quy y thông thường: "Bắt đầu từ ngày hôm nay cho đến lúc qua đời, luôn luôn bảo vệ chúng sanh". Đó là ý nghĩa cao nhất.

○ **Liên quan giữa quy y và thọ giới**

- **Quy y là Đắc Giới, cũng có trường hợp chỉ quy y mà không Thọ Giới.**

Xét về Lý mà nói, quy y là biểu thị Tín, Nguyện, dựa vào đây mà Đắc Giới; còn thọ năm giới... chỉ là khai thị Giới Tướng mà thôi. Nhưng ở trong việc giáo hóa từ từ, khéo léo của Như Lai, cũng có đệ tử chỉ thọ Quy y mà không thọ giới.

Tương tự như vậy, thọ Quy y của Đại Thừa rồi phát Tâm Bồ Đề. Nương vào Tâm Bồ Đề rồi đắc Giới Bồ Tát, gọi là Bồ Tát. Sau đó, lại thọ Giới Bồ Tát. Đây cũng chỉ là khai thị Giới Tướng mà thôi. Nhưng Như Lai khéo léo hóa đạo, ở trong pháp Đại Thừa, cũng có người chỉ thọ Nguyên Tâm Bồ Đề mà không thọ Giới Bồ Tát.

- ***Chỉ Quy y mà không Thọ Giới không thành Phật, Bồ Đề.***

Nhưng trong kinh, luận nói: "Bồ Đề lấy Chánh Hạnh mà trở nên vững chắc"; "Nếu không có Chánh Hạnh thì không được Bồ Đề". Không chỉ có Tín, Nguyện mà có thể thành Phật, cho nên về sau, lập Bồ Đề Nguyện nên tiến thêm một bước là thọ trì chánh hạnh Bồ Đề (thực hành Tâm Bồ Đề), cũng chính là thọ trì Học Xứ (có bảy việc Bồ Tát phải học: Tự lợi, Lợi tha... Vô Thượng Bồ Đề) của Bồ Tát.

- **Nói rõ Học Xứ của Bồ Tát**

Giới Tỳ Kheo gọi là Học Xứ Tỳ Kheo; Giới Bồ Tát gọi là Học Xứ Bồ Tát.

- ***Bồ Tát lấy Thập Thiên Chánh Hạnh làm căn bản***

Nói đến Bồ Tát Giới là lấy việc thật hành mười điều Lành làm căn bản.

- Không những người mới học Bồ Tát bắt đầu học Thập Thiện, gọi là Bồ Tát Thập Thiện. Như nói: "Bồ Tát Thập Thiện pháp đại tâm, vĩnh biệt biển khổ luân hồi trong ba cõi".
- Chính là Bồ Tát Đại Địa, cũng chính là thật tiền của Thập Thiện Chánh Hạnh sâu rộng. Ngoại trừ Chánh Hạnh Thanh Tịnh của Thân, Ngũ như không Tà Kiến và chứng được Chánh Huệ sâu thẳm; như không Sân Hận và có đầy đủ Từ Bi rộng lớn; như không Tham Dục và thành Tam Ma Địa (Định) vô lượng.

○ ***Do Thiên Hạnh mà thu tóm Tam Tu Tịnh Giới.***

Bây giờ, theo Giới Bồ Tát mà nói, chính là thật hành đúng đấng Thập Thiện; chẳng qua từ ý nghĩa bất đồng của Thiện Hạnh, tóm tắt thành Tam Tu Tịnh Giới:

- Theo ý nghĩa Là Ác Phòng Sai mà nói thì gọi là Luật Nghi Giới.
- Theo ý nghĩa Tu Tập rộng rãi tất cả Hạnh Lành mà nói thì gọi là Nhiếp Thiện Pháp Giới.
- Theo ý nghĩa Lợi ích Cứu giúp tất cả chúng sanh mà nói thì gọi là Nhiều Ích Hữu Tình Giới.

Tóm lại, giới hạnh của Bồ Tát là không việc Ác gì không Trừ; Không điều Lành gì không Làm; Không một Chúng Sanh nào không Cứu Giúp.

• **Nói rõ Thọ Giới và Giới Pháp**

○ **Thọ Giới**

▪ ***Khác nhau giữa Thanh Văn Giới và Bồ Tát Giới.***

- ✓ Trong pháp Thanh Văn, Luật Nghi Giới có nam, nữ; Tăng, Tục khác nhau; chia ra: Ưu Bà Tắc Giới, Ưu Bà Di Giới, Sa Di Giới, Sa Di Ni Giới, Tỳ Kheo Giới, Tỳ Kheo Ni Giới, Thức Xoa Ma Na Ni Giới. Vì giới bất đồng nên chia đệ tử của Phật thành 7 chúng.
- ✓ Chỉ có Giới Bồ Tát thì không cho Nam, Nữ, Tăng, Tục (có khác nhau chút đỉnh); cho nên đệ tử trong bảy chúng cùng chung thật hành.

▪ ***Từ Giới Thanh Văn tiến lên thọ Giới Bồ Tát.***

Muốn thọ giới Bồ Tát, trước phải thọ Luật Nghi Giới của bảy chúng. Như Ưu Bà Tắc (người nam thọ năm giới) mà thọ Bồ Tát Giới thì gọi là Bồ Tát Ưu Bà Tắc; Sa Di Ni mà thọ Giới Bồ Tát thì gọi là Bồ Tát Sa Di Ni; Tỳ Kheo mà thọ Giới Bồ Tát thì gọi là Bồ Tát Tỳ Kheo.

▪ ***Giải pháp.***

Nói đến giới pháp, trong Tạng Thanh Văn có Quảng Luật; Tạng Bồ Tát, tuy truyền thuyết có nói Giới Tạng của Bồ Tát, nhưng theo bản dịch ở Trung Quốc, Tây Tạng mà nói thì Giới Bồ Tát đều là phần thêm vào ở trong kinh.

- ✓ Truyền dịch giới bốn không giống nhau, rất chú trọng giới thì giống nhau.

Truyền thuyết đến hiện giờ, thầy La Thập dịch giới bốn Phạm Võng, nêu ra mười giới nặng, bốn mươi tám giới nhẹ.

Thầy Đàm Vô Sấm dịch Ưu Bà Tắc Giới Kinh, nêu ra sáu giới nặng, hai mươi tám giới nhẹ.

Thầy Huyền Trang dịch Du Đà Bồ Tát Giới Bản, nêu lên bốn giới nặng, bốn mươi ba giới nhẹ.

Giới nhẹ có ít nhiều thêm, bớt. Giới nặng của Bồ Tát phần lớn giống nhau. Như kinh Hư Không Tạng, kinh Bồ Tát Bản Nghiệp Anh Lạc, kinh Thắng Man... cũng đều có nói đến điều này.

- ✓ Trung Quốc, Việt Nam chọn Giới Bản Phạm Võng để dùng; nhưng nói rộng: Khai, Giá, Trì, Phạm; phạm giới tương nặng, nhẹ mà Du Đà Bồ Tát Giới ắt xác nhận rõ rõ hơn.

### c. Giới cấm của Bồ Tát

退失菩提心,	<i>Thối thất Bồ Đề Tâm,</i>
嫉慳與瞋慢,	<i>Tật xan dũ Sân, Mạn,</i>
障於利他行,	<i>Chướng ư lợi tha hành,</i>
違失大乘戒.	<i>Vy thất Đại Thừa Giới.</i>

Thoái mất Tâm Bồ Đề,      Tật, xan và sân, mạn,  
 Trở ngại hạnh lợi tha,      Sai trái Giới Đại Thừa.

• **Tâm Bồ Đề là Giới căn bản của Bồ Tát, là Giới Tổng Tướng (Thập Thiện Giới)**

Ở trong Luật Nghi của Bồ Tát, bây giờ lược nói Giới Cẩm quan trọng nhất.

Một là, ở trong kinh Đại Thừa rất nhiều, lấy Tâm Bồ Đề làm Giới Bồ Tát.

Nếu đối với việc lợi ích cho chúng sanh mà khởi lên ý niệm chán nản, mỗi mệt, buông bỏ; không muốn chứng được Vô Thượng Bồ Đề mà, mong cầu chứng quả A La Hán để lợi cho mình; hoặc là chỉ cần dục lạc ở thế gian, không muốn thương cầu hạ hóa nữa; đây là thói thất Bồ Đề Tâm trong một niệm, chính là đã vi phạm Tịnh Giới của Bồ Tát.

Tâm Bồ Đề có thể nói là Giới Căn Bản của Bồ Tát, là Giới Tổng Tướng, là giới phải được hộ trì đặc biệt của người học Đại Thừa.

• **Ngoài bốn trọng giới căn bản còn có bốn giới điều quan trọng: Ghen ghét (Tật), Keo kiệt (Xan), Nóng giận (Sân), Hồng hách (Mạn).**

Hai là, giới bồ tát dựa vào sự khai thị rộng rãi, tường tận mà nói thì Sát, Đạo, Dâm, Vọng... đồng với giới trọng của



Thanh Văn thì không phải nói là phạm Giới Bồ Tát. Trọng Giới Bồ Tát thuộc Thanh Văn có khác nhau; trong các kinh và các loại giới bốn, tuy nêu lên và có thêm bớt những việc nhỏ; nhưng nội dung đều nói đến bốn giới điều quan trọng: Tật, Xan, Sân, Mạn.

○ **Dựa vào Giới Du Đà nói rõ bốn Giới Điều quan trọng**

- **Tật:** Vì đã ham muốn lợi dưỡng, cung kính cho riêng mình, do đó ganh ghét với người khác rồi cố ý khen mình, chê người.
- **Xan:** Có mong cầu bố thí nhưng do tâm bòn xén; tuy có giáo pháp, có tiền của nhưng không chịu tu bố thí.
- **Sân:** Tâm sân cực nặng, không những mắng, làm thương tổn người khác; dù cho người ấy đến sám hối, mong rộng lượng tha thứ cũng không chấp thuận, mãi mãi oán hờn người ấy.
- **Mạn:** Tâm tự mạn nên bản thân chẳng tiến bộ; mới được ca tụng chút ít, tưởng là đúng rồi; mà thật ra là rất sai với Phật Pháp; ngược lại, còn chê bai người khác hoằng dương Chánh Pháp.

Bốn giới điều quan trọng này đều là chương ngại hạnh Bồ Tát cốt đem lại lợi ích cho người khác.

○ **Sự vi phạm và thọ nhận Giới Bồ Tát**

Chỉ phạm một trong bốn giới này thì đã sai mất Tịnh Giới Bồ Tát Đại Thừa, không thành Bồ Tát được; giống như Tỳ

Kheo phạm bốn giới Ba La Di thì không thể thành Tỳ Kheo; nhưng Tỳ Kheo đã phạm ba giới Ba La Di thì bị trục xuất khỏi Tăng đoàn, không cho thọ giới lại; còn vị thọ Bồ Tát Giới có thể, đúng như pháp, cho thọ lại. Nói cách khác, đã phát Tâm Bồ Đề, đã thọ giới Bồ Tát thì làm thế nào mà không bị thoái lui, sai phạm. Phạm giới thì tác dụng tạm thời không còn, cho nên được thọ lại đúng như pháp để giúp vị ấy phát tâm, huân tập trở lại và khôi phục công đức của Tâm Giới Bồ Đề.

○ **Kết luận về công đức của Giới Bồ Tát và Tâm Bồ Đề**

Cũng là nguyên nhân này, đã phát Tâm Bồ Đề, đã thọ giới Bồ Tát, dù có thoái lui xuống quả nhỏ, hoặc thoái lui đọa trong ba đường ác; nhưng cuối cùng dựa vào Căn Lành thanh tịnh của Tâm Giới Bồ Đề này, trở về Đạo Đại Thừa và Thành Phật. Nhìn nhận như thế, trong pháp Đại Thừa không có so sánh Tâm Bồ Đề, Giới Bồ Tát bên nào quan trọng hơn!

*d. Chứng Bồ Đề*

總攝菩提道,	<i>Tổng nhiếp Bồ Đề Đạo,</i>
六度與四攝,	<i>Lục độ dữ Tứ nhiếp,</i>
漸入於諸地,	<i>Tiệm nhập ư chư địa,</i>
圓滿佛功德.	<i>Viên mãn Phật công đức.</i>

Bao quát Đạo Bồ Đề, Lục độ và Tứ nhiếp,  
Dẫn vào trong các Địa, Công đức Phật tròn đầy.

- Theo Phật quả viên mãn mà nói đạo phẩm về Tu học
  - Chứng đạo phẩm Đại Bồ Đề tức Lục độ và Tứ nhiếp.

Công đức của Phật được rớt ráo, tròn đầy là từ sự tu hành của Bồ Tát mà thành. Cho nên, việc tu học của Bồ Tát cũng là "Thệ nguyện học vô lượng pháp môn" chứ không phải là bộ phận hay một phần nào của pháp môn. Nhưng nêu tổng quát đại cương đều bao gồm tất cả; chứng được đạo phẩm Vô Thượng Bồ Đề không ngoài Lục Độ và Tứ Nhiếp Pháp.

▪ ***Giải thích chung ý nghĩa Lục độ và Tứ nhiếp***

- ✓ Lục độ: Sáu Ba La Mật Đa, Ba La Mật Đa: "Đến bờ bên kia", vượt qua.

Thí, Giới, Nhẫn, Tinh Tấn, Thiền Na, Bát Nhã là pháp môn từ thế gian đến bờ bên kia, thành tựu Phật Đạo, cho nên, gọi là Lục Độ (sáu con đường thoát khỏi Sanh, Tử).

- ✓ Tứ nhiếp: Bố Thí, Ái Ngữ, Lợi Hành, Đồng Sự Nhiếp là nhiếp thọ (thuận theo): Bốn pháp này có thể giáo hóa, làm cho chúng sanh thuận theo nên, gọi là Tứ Nhiếp.

▪ ***Giải thích chung tự lợi, lợi tha của Lục độ và Tứ nhiếp.***

Đạo phẩm tu học của Bồ Tát, không ngoài tự mình thành Phật và lợi ích chúng sanh.

✓ Lục độ là Tự lợi, Tứ nhiếp là Lợi tha.

- Lục Độ là Mục Tiêu đi đến thành Phật.
- Tứ Nhiếp là Phương Tiện cứu giúp chúng sanh cho nên, Đạo Bồ Tát của Đại Thừa cũng chính là Lục Độ và Tứ Nhiếp.

✓ Lục độ cũng có hai nghĩa Tự lợi, Lợi tha.

Nhưng ở đây, chẳng qua dựa vào đặc điểm phân biệt để nói rõ ràng; thật ra, Lục độ cũng có thể chia hai đường tự lợi, lợi tha.

- Thí, Giới, Nhân là con đường phước đức lợi tha.
- Thiên, Huệ là con đường trí huệ tự lợi.
- Tính Tấn là chung cả hai đường.

Tiến thêm một bước để nói Lục độ có hai ý nghĩa Tự lợi và Lợi tha.

#### ○ **Quan điểm về pháp môn tu học**

Ở đây đặc biệt nói đến Phật quả, chắc chắn không phải là một Hạnh, một Pháp Môn mà có thể viên thành được. Ở trong kinh Phật:

- Có khi căn cứ vào trọng điểm mà nói: Tu hành theo pháp nào thì có thể mau chứng được Vô Thượng Bồ Đề.
- Có khi căn cứ tính tổng quát mà nói: Khi tu Bồ Thí hoặc Bát Nhã là đầy đủ sáu Ba La Mật Đa.

Nếu dựa vào đây mà vọng chấp: Chỉ cần tu một pháp một hạnh nào đó thì có thể thành Phật, không cần tu công đức khác. Đây là sự hiểu biết điên đảo, sai lầm.

• **Lịch trình tu học từ cạn đến sâu, tiến lên viên mãn công đức Phật quả**

Phương pháp tu học không phải là một bộ phận, một số ít; phân bậc tu học để thành Phật cũng không phải là một ngày, một đời mà có thể hoàn thành được.

○ **Lịch trình tu học, nói chung, có năm mươi bậc.**

- ***Viên mãn Thập địa công đức thì thành Phật.***

Lịch trình tu học từ cạn đến sâu, trong kinh chỉ ra rất nhiều hành vi; trong ấy chủ yếu là Hoan Hỷ Địa... cho đến Thập Địa. Trong quá trình tu hành của Bồ Tát, không ngừng tiến tu, dẫn đến phát sanh công đức vô biên; giống như đất có thể sanh trưởng vạn vật, cho nên, gọi là Địa (đất). Viên mãn Thập Địa sẽ Thành Phật.

- ***Thành tựu ba mươi bậc thì vào Sơ Địa.***

Sơ Địa là Hoan Hỷ Địa, khi tiến tu vào Sơ Địa nên tu ba mươi Tâm; cho nên, trước Sơ Địa là Thập Tín, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng. Tất cả ba mươi vị.

▪ ***Mười vị viên mãn của Thập Tín thì vào Sơ Trụ.***

Sơ Trụ của Thập Trụ, gọi là Phát Tâm Trụ. Phát Tâm Trụ là tu Tín... cho đến viên mãn mười Tâm mới thành tựu. Tu tập Tín Tâm... mà khi chưa thành tựu thì vẫn là Thập Tín vị. Vị thứ tu hành của Bồ Tát thì cũng được khai triển như thế. Tóm lại, từ cạn vào sâu và có thể chia ra nhiều hay ít giai đoạn.

○ **Lịch trình tiến tu là Phát Tâm (nguyên), Tu Học (hạnh), đến mục đích cuối cùng (chứng)**

Lịch trình tiến tu này, chính là từ từ đi vào các Địa như Hoan Hỷ... sẽ có thể viên mãn tất cả công đức của Phật quả, đạt đến mục đích cuối cùng của Bồ Tát phát tâm tu học.

○ **Thứ tự lịch trình của Bồ Đề**

Một câu kệ này, tóm tắt tất cả: Phương pháp tu học, bao địa vị trải qua, Phật quả mới viên mãn. Dưới đây, tuần tự sẽ nói rõ.

### 5.3. Đạo Bồ Đề của Đại Thừa

#### 5.3.1. Phương pháp Tu học

##### 5.3.1.1. Lục Độ

###### a. Bồ Thí Độ

#### Quên mình vì người.

身 及 諸 受 用,      *Thân cập chư thọ dụng,*  
 三 世 一 切 善,      *Tam thế nhất thiết thiện,*  
 為 利 諸 眾 生,      *Vi lợi chư chúng sanh,*  
 無 惜 而 行 施.      *Vô tích nhi hành thí.*

Thân này, các thọ dụng, Tất cả Thiện ba đời,  
 Vì lợi lạc chúng sanh, Không tiếc, Bồ thí hết.

- **Bồ Thí là vị trí thứ nhất thuộc hạng mục tu tập của Đại Thừa**

Trong Lục Độ, trước nói về Bồ Thí.

- **Bồ Thí là một trong những hạng mục tu học của Ngũ Thừa vào Đại Thừa.**

- Ở trong Ngũ Thừa Cộng Pháp, Bồ Thí là hạng nhất trong ba phước nghiệp (thí, bình đẳng, tư duy).
- Ở trong đạo phẩm Tam Thừa Cộng Pháp thì không có Bồ Thí.
- Chỉ ở trong Đạo Bồ Đề của Đại Thừa, Bồ Thí khôi phục trở lại làm hạng mục tu tập và còn đứng ở ngôi vị thứ nhất.

Quên mình vì người là ý nghĩa chân chánh của Bồ Thí. Ý nghĩa này và lợi ích thì phù hợp với hành tướng của Tâm Bồ Tát; có thể biết, ở trong Đại Thừa, là tánh trọng yếu.

- Bồ Thí của Đại Thừa là sự giáo hóa sâu rộng tương ứng với Ba Tâm

Bồ Thí của Đại Thừa, thông thường là sự giáo hóa sâu rộng. Như đã nói trên, nhất định phải cùng với "Tâm Bồ Đề tương ứng, Đại Bi là trước hết, Vô Sở Đắc (không Huệ) là phương tiện" mà tu tập. Bồ Thí Độ là như thế, còn tất cả Bồ Đề Hành khác đều phải cùng tương ứng với Tam Tâm này mà tu tập. Dưới đây không nói lại nữa.

### • **Bồ Thí của Bồ Tát**

- **Ý nghĩa Bồ Thí**

Là quên mình vì người; cho nên, không chỉ trừ bỏ tham lam, keo kiệt, mà còn, tiêu trừ chấp Ngã, Ngã Sở, đạt thành Vô Ngã, Ngã Sở (không chấp Ngã, không chấp Pháp). Đó là Đại Xả.

- **Phương pháp tăng trưởng bồ thí.**

- **Nói rõ nguyên nhân Bồ Thí không dễ.**

Hầu hết mọi người không dễ gì bồ thí; vấn đề ở chỗ chấp thủ, vị kỷ. Không biết chấp thủ, vị kỷ là sai lầm, cũng không biết bồ thí cho chúng sanh là lợi ích.



- *Khác nhau công đức và lỗi lầm của chấp thủ vị kỷ và bố thí cho người khác.*

✓ Tiền của.

Ví như tiền của mà người đời tích góp và chiếm hữu, tạo thành bởi vô biên, khổ nạn một đời người, tình trạng tranh chấp không dừng ở trần gian, nhưng rồi, vô thường chẳng còn gì.

Với con người mà nói, tiền của, tuy trải qua công sức của chính mình mà thành và giữ gìn lấy cho chính mình; nhưng thật sự của cải ấy mối liên quan với mọi người.

- Nếu không quan hệ với xã hội, làm sao có thể giàu có như hiện giờ và đời sống phong phú về vật chất.
- Nếu thật sự ở một mình nơi rừng sâu núi thẳm, dù cho đất núi vô tận thuộc về bạn thì cũng không biết dùng vào đâu; thiếu thốn vẫn y nguyên, không sao chịu nổi.

✓ Thân thể.

Không chỉ ngoại vật mà còn thân thể; nhờ cha mẹ nuôi dưỡng; thầy cô dạy bảo; bạn bè giúp đỡ, thuốc men, vệ sinh công cộng; trật tự, pháp luật của quốc gia; đời sống mới có thể tốt đẹp.

Nếu chỉ biết có riêng mình, coi mình là duy nhất. Như thế chẳng những tăng thêm khổ não mà còn, tăng thêm tội ác.

✓ Tri thức.

Chính là học thức dồi dào, phát minh của khoa học, tu tập tiến bộ về đạo đức và tôn giáo cũng đều nhận được ân đức của con người.

Cho nên, nếu ôm chặt Tụ Kỳ là căn nguyên của tội ác và thống khổ; nên bố thí cho người khác là nhân duyên của công đức và an lạc. Có thể lý giải, học tập, tâm bố thí được như thế thì sẽ tăng trưởng rộng lớn tâm ấy hơn lên.

○ **Bồ Tát vì người quên mình là Bồ Thí**

▪ ***Bằng ba việc làm sáng tỏ Bồ Tát vì ích lợi chúng sanh mà tu hạnh Bồ Thí.***

Vì thế, bài tụng nói:

✓ "Thân, Tâm của chính mình": hoặc lấy thân thể mình phục vụ cho người khác; hoặc đem một bộ phận của thân thể, cho đến sinh mạng để đem lợi ích cho quốc gia, cho nhân loại, dù phải hy sinh đi nữa.

✓ "Các thọ dụng": Chính là tất cả tiền của mà mình được thọ dụng; như ruộng Bi, ruộng Kính có thể Bồ Thí đúng như pháp.

✓ Pháp lành: ở đời trước, đời hiện tại, đời vị lai, chính mình sở hữu tất cả pháp lành của ba đời ấy. Hoặc là pháp lành thế gian, hoặc là pháp lành xuất thế gian, hoặc là

pháp lành Đại Thừa cao tột xuất thế gian. Tất cả pháp lành này mà không chiếm hữu cho chính mình nhưng nguyện Bồ Thí cho chúng sanh. Đây là pháp thí và công đức hồi hướng cho chúng sanh.

Ba việc làm này, hầu hết đều cho là do chính mình làm ra và thuộc chính mình.

Nhưng Bồ Tát chỉ vì lợi ích cho chúng sanh, tu hạnh Bồ thí, không hề tiếc nuôi, buông xả vì chúng sanh.

▪ ***Vì lợi người nên tu tập tất cả công đức.***

Dựa vào công đức tu hành mà nói: Ý nguyện của Bồ Tát là tu tập tất cả công đức, hồi hướng bồ thí tất cả chúng sanh, khiến cho chúng sanh nhờ đây mà thành Phật. Đợi tất cả chúng sanh thành Phật; mới tu thêm công đức để lợi ích cho chính mình mong được thành Phật. Có thể Bồ Thí vì người quên mình như thế mới là Bồ Thí của Bồ Tát.

**Khác nhau trong ba cách Bồ Thí**

下士 為己 施,	<i>Hạ sĩ vị kỷ thí,</i>
中士 解脫 施,	<i>Trung sĩ giải thoát thí,</i>
利他 一切 施,	<i>Lợi tha nhất thiết thí,</i>
是 則 名 大士.	<i>Thì tắc danh Đại sĩ.</i>

Hạ sĩ cho vì mình,                      Trung sĩ cho giải thoát,  
Cho tất cả vì người,                      Đó gọi là Đại sĩ.

• **So sánh công đức Bồ Thí**

Bồ Thí giống nhau, do động cơ, quan niệm của người bồ thí không giống nhau nên công đức cũng không giống nhau.

○ **Ví dụ ba bậc Hạ, Trung, Đại**

▪ **Hạ sĩ bồ thí vì mình**

Phát tâm tăng thượng cầu công đức Trời, Người, gọi là Hạ Sĩ.

Bồ thí của Hạ Sĩ dường như là đạo đức, thật ra, xuất phát từ tâm vụ lợi, phước lạc Trời Người vì mình mà bồ thí. Công đức có được từ bồ thí như thế rất là hữu hạn.

▪ **Trung Sĩ bồ thí vì Giải Thoát**

Người phát tâm Xuất Ly- gọi là Trung Sĩ.

Trung Sĩ chán ngán, muốn xa lìa cái Khổ Sanh Tử, vì cầu Giải Thoát mà bồ thí, chú trọng Giải Thoát, không nhận bất cứ tiền của gì và không trọng thị ý nghĩa tích cực Lợi Người. Vì vậy, trong pháp Thanh Văn, có người, thà rằng, đem tiền của, châu báu quăng xuống biển; chứ không đem những thứ này làm lợi ích, giúp đỡ kẻ bần cùng.

▪ **Đại Sĩ bồ thí tất cả vì lợi người.**

Phát Tâm Bồ Đề, gọi là Đại Sĩ, chính là Bồ Tát. Bồ Thí của Bồ Tát thì:

- ✓ Chỉ vì Lợi Tha mà Bồ Thí: Ở đây không nói phủ định chính mình trong công đức bồ thí nhưng không vì ý muốn cho chính mình có được công đức ấy; chỉ vì ban vui cứu khổ cho người khác mà Bồ Thí.
- ✓ Tất cả sở hữu đều Thanh Tịnh Bồ Thí.

Bồ Thí tất cả: Bồ Tát, trong là Thân Tâm; ngoài là Tiền Cửa; tất cả pháp lành công đức, cái gì cũng đều đem ra Bồ thí, không chút vướng mắc tự trong lòng.

Bồ thí tất cả là thanh tịnh bồ thí của Bồ Tát. Khi phát Tâm Bồ Đề là đem tất cả những gì mình có cho hết, vô điều kiện, cho chúng sanh. Tuy vẫn còn giữ gìn và sử dụng không thiếu gì; nhưng Bồ Tát không nghĩ đến tư hữu cho chính mình thêm nữa mà hiểu được rằng thứ đó là của tất cả chúng sanh. Chính mình như người làm thuê hay đầy tớ thay thế người quản lý kinh doanh, nếu người chủ (chúng sanh) cần đến vật gì thì dâng lên vô điều kiện. Cái mà mình được hưởng thọ, giống như lương người đầy tớ nhận được theo quy định hợp pháp.

Bồ Thí được như thế, mới gọi là Đại Sĩ. Đại Sĩ là cho tất cả vì Lợi Tha, mới đáng ca tụng hết mức.

### Cái Cho Không Khó

財法無畏施; *Tài, Pháp, Vô Úy thí,*

難施殷勤施. *Nan thí, ân cần thí.*

聞施心歡喜, *Văn thí, hoan hỷ thí,*

勝於寂滅樂. *Thắng ư tịch diệt lạc.*

Tài, Pháp, Vô Úy thí, Nan thí, Ân cần thí.

Nghe thí tâm vui mừng, Hơn cả vui Tịch Diệt.

#### • **Chủng loại cái cho**

Cái cho có ba loại:

- **Tài thí:** Bồ thí tiền của ngoài Thân, gọi là Ngoại Tài thí. Bồ thí, buông bỏ sanh mạng, thân thể, gọi là Nội Tài thí.
- **Pháp thí:** Lấy những hiểu biết Pháp Phật của chính mình giáo hóa chúng sanh. Hoặc bằng khả năng trị bệnh, thuốc thang, công nghệ, văn học, bao nhiêu kỹ năng, tri thức giảng dạy cho người khác, đều gọi là Pháp Thí.
- **Vô Úy thí:** Hoặc là vua ác, trộm cướp, lưu manh... uy hiếp, cưỡng bức, tổn hại làm cho lo sợ.

Gặp phải những thứ này, Bồ Tát có khả năng giúp sức, hiệp lực, bảo hộ và làm cho người bị hại được tự do, không còn lo sợ nữa, gọi là Vô Úy Thí.

- **Lý do Bồ Tát bố thí**, không chỉ có tánh chất từ thiện, cứu tế mà, có cả tri thức, kỹ năng, đạo đức và giáo hóa; giúp nguy cứu khổ; trừ bạo, an ủi người hiền lành với Tâm giúp đỡ tích cực.

- **Tâm hành của người Bồ Thí**

Trong sự bố thí của Bồ Tát có hai điểm cần nêu ra.

- **Khó bố thí mà bố thí được.**

Khó Thí: Hoặc là tài vậy không đủ dùng cho chính mình, hoặc là thứ yêu quý nhất của mình, hoặc là đồ vật hết sức vất vả kể cả hy sinh mới có được. Trong tất cả trường hợp ấy, Bồ Tát đều vui vẻ, sẵn sàng bố thí; cho nên, Bồ Thí được như vậy không phải dễ.

- **Ân Cần bố thí (Bố Thí bằng tất cả Tâm Lòng).**

- **Hành vi bố thí của nhiều người:** Hầu hết chúng ta, vì có người đến tận cửa cầu xin, bắt đắ dĩ, mới bố thí; hoặc cho mình có Tiền có Quyền, tùy tiện kêu người rồi làm bộ cho người ấy một ít; hoặc cười nhạt, mỉa mai cho một trận, rồi mới cho chút ít. Đây là Bồ Thí không đúng Pháp Phật.
- **Hành vi bố thí của bồ tát.** Bằng tâm thanh tịnh, tâm cung kính, tâm hoan hỷ để Bồ Thí, mà còn, chính tay mình bố thí; nhất định không để người nhận có cảm giác khó chịu.

- **Nghe Bồ Thí tâm vui mừng**

- **Vì không biết mà nảy ra tâm lý không buông bỏ**

Đã không biết lỗi lầm do gom góp cát chứa, công đức bố thí, khi bố thí, thường có tâm lý buông bỏ không được hoặc tâm lý không vui; đặc biệt so sánh tài vật bố thí quá nhiều.

○ **Bồ Tát nghe đến bố thí tâm vui mừng hơn cả Niết Bàn**

▪ ***Nghe bố thí tâm sanh vui mừng hết sức.***

Bởi vì Bồ Tát mỗi khi nghe có người đến tận cửa cầu xin bố thí; mong muốn điều gì, trong tâm cũng vui mừng, dù cho đáp ứng được hay không.

Niềm vui mừng này, không cần nói, vượt hẳn niềm vui thứ ba của thế gian, cũng vượt qua niềm vui Niết Bàn mà bậc Thánh Nhị Thừa chứng được; có thể nói đây là trạng thái hoan hỷ cùng tột.

▪ ***Bố Thí là tư lương (giúp đỡ và lương thực) để thành Phật.***

Bởi vì Bồ Tát biết được: Công đức đã đến rất gần, nếu không có người xin thì công đức bố thí không thể hoàn thành; do người xin đến mong cầu mới làm cho công đức của mình được tăng trưởng. Hơn nữa, tiền của, thân thể, tri thức, kỹ năng của chính mình, nếu không gặp cơ hội sử dụng tốt; một ngày nào đó, tổn thất, tử vong; há không tiếc lắm sao!

Có người đến xin làm cho vật chất vô thường này được bỏ vào biển lớn Ba La Mật Đa, trở thành tư lương để thành Phật



vô cùng vô tận. Đây là việc làm tốt bậc nhất của thế gian! Cho nên, Bồ Tát nghe nói đến Bồ Thí thì tâm vui; đúng là đã thể nghiệm đến cảnh giới An Lạc của Bồ Tát.

### Ba việc không nên Bồ Thí

或有不應施, *Hoặc hữu bất ưng thí,*

自他及所為. *Tự, tha cập sở vi.*

Có việc không nên Cho; Mình, Người khác, Mục đích.

#### • Nguyên do không nên Bồ Thí

Bồ Tát thì cần bố thí tất cả, nhưng trên thật tế cũng có trường hợp không nên Bồ Thí.

Bố thí là vì lợi cho người khác, vì có ích cho đạo nghiệp của mình.

Nếu trái lại với nguyên tắc này thì đừng bố thí cho ai. Bởi vì Bồ Thí như vậy, chỉ tăng thêm phiền não và tội ác cho mình và người.

#### • Dựa theo ba phương diện mà nói có ba việc không nên Thí

Sự thật cụ thể không nên Thí, đúng ra không thể nói hết, ở đây dựa vào ba phương diện mà thôi.

##### ○ Theo tư thân người bố thí mà nói.

Vượt quá mức chịu đựng không nên cho.

- **Tự:** Bồ Tát còn đem cả thân mạng, tiền của để Bồ Thí mà không tiếc, nhưng cần phải tu học từ từ thí sức nhẫn mới mạnh, tâm từ mới sâu, không hề có tí miễn cưỡng mới được; nếu không sẽ gặp chướng ngại cho việc tu hành. Ví như người khí lực yếu mà vác vật nặng sẽ thất bại mà còn khiến cho tâm sợ sệt, thoái lui.
- ***Làm chướng ngại Đạo Nghiệp không nên thí.***

Lại nếu đối với kinh điển vô cùng uyên thâm nhưng tu tập chưa hoàn toàn chín mùi và thấu đạt rõ ràng.

Người xuất gia cần có đầy đủ y, bát... nên không được cho đi để tránh khỏi chướng ngại cho đạo nghiệp.

○ **Theo người cầu mong Bồ Thí mà nói.**

Tha: Từ người cầu mong bồ thí mà nói. Nếu tà mò, ngoại đạo cố ý đến quấy phá, hoặc điên cuồng, hoặc ấu trĩ, làm điều bất chánh, mong cầu bồ thí cho. Nếu bồ thí, trái lại sẽ mắc lỗi lầm.

○ **Theo mục đích mong cầu mà nói.**

Mục đích: Mong cầu được Bồ Thí, cuối cùng để làm gì.

Nếu vì việc nhỏ mà cầu xin mạng sống thì không nên cho.

Vì vậy nói: "Đừng vì việc nhỏ mà mất cái lớn".

Lại nếu mong cầu anh giúp đỡ họ, cung cấp họ, tiếp sức họ giết hại, trộm cướp, mại dâm; hoặc là mục đích mong cầu

làm tổn hại chúng sanh; hoặc là cờ bạc, du đảng. Những việc này không nên bố thí.

**Tóm lại**, đối với người khác thì vô ích, đối với mình làm tổn thương đạo nghiệp, đều tuyệt đối không giúp đỡ hay bố thí.

### An vui quyết định của Bồ Thí

施以捨心勝,

*Thí dĩ xả tâm thắng,*

常修於意樂.

*Thường tu u ý lạc.*

Thí bằng Tâm Xả là hơn hết,

Thường tu tập ý an vui.

#### • Ý muốn nuôi dưỡng tất cả để bố thí, đó là khéo léo của việc bố thí

Đương nhiên phải căn cứ thật tế để thi hành bố thí. Đó là đem lại lợi ích chúng sanh. Nhưng trên thật tế, dù có bố thí như thế nào cũng không thể đầy đủ cho tất cả. Nên biết, từ khi Phật thành đạo mà nói: Bồ Thí Độ (bố thí ba la mật) bằng trọn vẹn Tâm Xả là siêu việt hơn hết; quan trọng ở chỗ nuôi dưỡng, thành tựu ý muốn Bồ Thí được cho tất cả. Và lại, trong lịch trình tu học của Bồ Tát, lúc đầu cũng gặp phải túng thiếu, gian khổ, không có gì để bố thí. Vì vậy, Bồ Tát luôn tu tập bố thí bằng sự hiểu biết pháp Phật, khiến cho tâm hồn an vui tăng trưởng từ sự bố thí này.

- **Bồ Thí thắng giải Ý Lạc**

Thế nào gọi là Bồ thí thắng giải Ý Lạc?

Đây không phải là bồ thí vật chất mà là sự an tĩnh trong Tâm thiền định, bằng sức Thắng Giải hiện ra vô số vô lượng của cái đề trên cúng chư Phật, dưới bồ thí chúng sanh.

Thấy người khác Bồ Thí sanh Tâm tùy hỷ cũng có công đức lớn; huông chi Tâm mình biểu hiện ra vô số tiền của; ở trong Tâm từ bi, Tâm cung kính thật hành rộng lớn việc Bồ Thí? Trong bồ thí này, quả là Bồ Thí theo phương tiện thiện xảo.

**Bồ Thí theo cách Thế gian, Xuất thế gian**

三輪處處著,

*Tam luân xư xư trước,*

是施名世間;

*Thị ư danh thế gian;*

三輪空相應,

*Tam luân Không tương ứng,*

出世波羅蜜。

*Xuất thế Ba La Mật.*

Tam luân mà chấp trước,

Đó gọi là Thế Gian;

Tam luân đều Không Tịch,

Ba La Mật Xuất Thế.

- **Điều kiện thành tựu Bồ Thí Đáo Bỉ Ngạn**

- **Ý nghĩa Ba La Mật Đa**

"Từ trong ba cõi bước ra, cho đến ở trong Trí nhất thiết Trí" gọi là Ba La Mật Đa; cho nên Ba La Mật Đa là Đến Bờ Bên Kia, cũng có nghĩa là Làm Xong Việc.

○ **Do Bát Nhã nên thành tựu Ba La Mật Đa**

Như tu bố thí thì làm thế nào thành tựu Ba La Mật Đa? Luận Đại Trí Độ nói: "Ngũ Độ như người mù, dẫn đường là Bát Nhã".

Lục Độ, sở dĩ, vào được Phật Đạo, hoàn toàn nhờ sức Bát Nhã dẫn đường. Vì thế, Bố Thí mới thành tựu Ba La Mật Đa, chắc chắn cần đến Bát Nhã Vô Sở Đắc làm phương tiện để tu.

• **Nhờ Trí Huệ Bát Nhã chia Bố Thí ra Thế, Xuất Thế**

○ **Do ba điều mà làm nên Bố Thí**

Nói đến Bố Thí là nói đến Tam Luân. Tam Luân là ý nghĩa của ba chỗ.

- Người bố thí là chính mình có thể bố thí.
- Người nhận là nhân vật bố thí.
- Thí vật là vật dùng để bố thí.

Đã có ba điều này mới có thể làm nên Bố Thí.

○ **Chấp tướng của ba Luân (ba điều trên) là bố thí theo thế gian**

Nếu đối với ba điều này, không có Không Huệ Pháp Tánh soi sáng thì khi bố thí, lại chấp trước ba điều này là thật có.

- Nếu thật có cái Ta bố thí thì cho rằng Ta đang thật hành bố thí (mà đâu có Ta).
- Thật có người thọ nhận của cho thì cho rằng người kia nhận vật của mình cho.
- Thật có vật cho là nhiều ít, là tốt xấu.

Như vậy thì không thể thông đạt Tự Tánh Không thì chấp Tướng mọi nơi: Ngã Tướng, Pháp Tướng. Có giữ gìn, có vướng mắc thì bị ràng buộc bởi Ngã, Ngã Sở, không thể ra ngoài ba cõi, hướng về Phật đạo. Bố Thí mà chấp Tướng như vậy, gọi là Bố Thí Ba La Mật thuộc thế gian. Thật ra, ở đây không lập thành Ba La Mật; chẳng qua, tạm gọi là Ba La Mật mà thôi.

○ ***Thế Không của Tam Luân ấy là Xuất Thế Bố Thí***

Trái lại, nếu khi Bố Thí đối với Tam luân: Người cho, Người nhận, Vật cho mà luôn tương ứng với Không Huệ Vô Sở Đắc, hoặc tương ứng với Trí Vô Phân Biệt, vào sâu Tánh Không của các Pháp; không kẹt vào Ngã Tướng, vào Pháp Tướng. Đó mới là phương tiện khéo léo Bố Thí, không bị phiền não trói buộc, tự tại hoàn toàn trong mọi hoàn cảnh, gọi là Thí Ba La Mật Đa thuộc Xuất Thế Gian.

- **Khác nhau giữa chân thật và tương tự với Ba La Mật Đa**

Ba La Mật Đa xuất thế chân thật là Bồ Thí tương ứng của Bồ Tát ở ngôi đại địa (tự tại với mọi tình huống) và Trí Vô Phân Biệt.

Bồ Tát từ ngôi phát tâm trụ (ngôi I trong thập Trụ) trở lên luôn cùng tương ứng với Huệ Pháp Không, gọi là Ba La Mật Đa Tương Tợ (cận tợ) cũng đã hướng về Phật Đạo.

Bồ Thí để giải thoát sanh tử cần có Tam Luân Thế Không. Tất cả tu hành, tất cả Ba La Mật Đa đều nên tu tập như vậy.

*b. Giới Độ*

### **Bảo vệ sự Sống Là Chính**

戒斷於損他, *Giới đoạn u tổn tha,*

普施無所畏. *Phổ thí vô sở úy.*

Giới cắt đứt tổn hại kẻ khác; Cùng bồ thí Vô Sở Úy.

#### • **Nói rõ nguyên do Bồ Thí, tiếp theo Trì Giới**

Kể đến nói giới Ba La Mật Đa.

- **Bồ Thí không Trì Giới thì mục đích Lợi Sanh không thành tựu.**

Nếu tu hạnh Bồ Thí mà không thể uốn nắn thân tâm của mình hành động đúng như Pháp, mà luôn làm tổn hại, náo loạn chúng sanh; như vậy, việc Từ Bi cứu giúp, lợi tha không thể thành tựu. Giống như đưa bé, một mặt, cho nó kẹo; một

mặt đánh mắng; đưa trẻ ấy làm sao có thiện cảm với người cho được.

○ **Phạm Giới, mất thân người cũng không thể tu hành Bồ Thí**

Vả lại, nếu chính mình rơi vào hoàn cảnh khó khăn không chịu nổi, sự nghiệp, tài sản cũng đã mất hết; kiếp sau, mất luôn thân người. Với tình cảnh này, còn có thể Bồ Thí lợi tha hay không? Cho nên, tu hạnh Bồ Thí, tất yếu, còn phải tu trì Tịnh Giới.

• **Nguyên tắc trì giới là bảo vệ Sự Sống**

Giới có giới thế gian, giới xuất thế gian, giới thượng thượng xuất thế gian nhưng, nguyên tắc chỉ có một: Bảo Vệ Sự Sống.

○ **Ý nguyện chính của Giới là diệt trừ sự tổn hại người khác.**

Bảo Vệ Sự Sống là đồng tình với người khác, tôn trọng người khác, tôn trọng quyền lợi và tự do, thương yêu và giúp đỡ người khác. Đây chính là khiến cho thân tâm mình Giữ Giới Đúng Pháp, không làm Tổn Hại cho người khác mới được. Vì vậy, Giới lấy Tâm Nguyện đoạn trừ sự Tổn Hại Người Khác làm Gốc.



○ **Giới hạnh là sự biểu hiện không gây tổn hại người khác và cho họ sự Không Sợ Hãi**

Từ ý nguyện không gây tổn hại người khác là Thân, Ngữ, Hành Vi biểu hiện đối với nhân loại, đối với chúng sanh. Đây là Giới Hạnh đúng pháp. Vì thế, đối với nhân loại, đối với chúng sanh, giới là bổ thí sự không sợ hãi rộng khắp, tạo thành sự an vui và tự do giữa người với người không còn uy hiếp, không còn sợ hãi.

Nếu giữ giới Không Sát Hại, không những không giết ông này hay hại bà kia; hôm nay không giết, ngày mai không giết; mà là, từ nay về sau, đối với tất cả chúng sanh, xa lìa Tâm Sát Hại chúng sanh. Giữ giới Không Sát thì bất cứ khi nào, bất cứ là ai cũng không bị sát hại, không sợ uy hiếp.

● **Từ Giới Luật Nghi sanh ra hai Giới còn lại**

Đây là theo Giới Luật Nghi mà nói với ý nghĩa tích cực lợi sanh. Có được như thế, mới có thể nói trên đạt được Thiện Pháp Giới, Nhiều ích chúng sanh Giới.

**Công đức giữ giới, Sai lầm phạm giới**

失戒眾患本, *Thất giới chúng hoạn bản,*

惡趣亦貧困. *Ác thú diệc bản khốn.*

持戒三善本: *Trì giới tam thiện bản:*

增上決定勝; *Tăng thượng quyết định thắng;*

為他淨尸羅, *Vị tha, Tịnh Thi La,*

則入於大乘. *Tắc nhập ư Đại Thừa.*

Mất giới gốc tai nạn, Cõi Ác và nghèo khổ.

Giữ giới gốc ba lành: Tăng thượng quyết định thắng;

Vị tha tịnh Thi La, Và vào đạo Đại Thừa.

- **Chướng ngại không thể giữ Giới thanh tịnh**

- **Không biết Lợi, Hại của Trì, Phạm**

Vì sao không thể giữ gìn Tịnh Giới? Bởi vì không biết lỗi lầm của con đường dẫn đến phạm giới và công đức của việc giữ giới.

- **Nhận lãnh giới pháp thì không được phạm Trọng Giới mới giữ gìn được Tịnh Giới**

Trọng Giới là Tánh Giới, không cần Có hay Không thọ giới, phạm phải đều là Tội Ác; cho nên, có người nghe đến lỗi lầm của phạm giới thì không dám thọ giới. Thật đáng nực cười!

Thật tế là ngoài nương tựa gia trì của Tam Bảo; trong phát nguyện thiết tha thọ giới thì mới mong tu tập đến thanh tịnh hoàn toàn, không phạm giới.

- **Lợi, Hại của giữ Giới, phạm Giới**

○ ***Từ lỗi lầm vi phạm mà nói, bị quả báo rơi vào cõi Ác và Nghèo Khổ***

Từ vi phạm đưa đến lỗi lầm Mất Giới mà nói, đó là căn bản của mọi hoạn nạn, là chủ yếu rơi xuống ba đường ác và chịu nghèo khổ. Đó là những quả báo phải trả.

▪ ***Theo Thí, Giới mà nói quả báo nghèo hèn và quả báo rơi vào đường ác.***

✓ Theo ý nghĩa phân biệt mà nói: Keo kiệt thì bị quả báo nghèo hèn, phạm giới thì bị quả báo rơi xuống cõi Ác.

Thông thường nói: Bón sên, keo kiệt thì bị quả báo nghèo hèn, phạm giới thì bị quả báo rơi xuống đường ác. Đây là dựa vào ý nghĩa đặc thù mà nói.

✓ Theo ý nghĩa phức tạp mà nói: Quả báo của Thí, Giới không giống nhau.

Đọa lạc vào loài quỷ ma, súc sanh mà còn hưởng phước báo; sanh trong loài người mà có người nghèo khổ không chịu nổi. Đây là quả báo khác nhau giữa Thí và Giới.

▪ ***Theo Giới mà nói về nhân của nghèo túng và nhân của phú quý, an vui.***

Nếu phạm trọng giới, đọa xuống địa ngục thì chắc chắn nghèo đói, không có gì cả; nếu giữ tịnh giới bậc nhất ở thế gian, được sanh lên trời thì chắc chắn giàu có, an vui rất mực.

Có thể thấy nhân của nghèo túng là phạm giới, nhân của giàu có, an vui là giữ giới.

- ✓ Cần biết rằng chỉ biết đạo đức cá nhân mà là tốt đẹp cho riêng mình, (như không bố thí) chỉ mới được sanh làm người còn quả báo nghèo túng vẫn có.
- ✓ Nếu giữ giới và Từ Tâm tương ứng, thêm phần ý nghĩa lợi tha tích cực thì sanh lên cõi trời, chắc chắn được giàu có, an lạc, tôn vinh.
- **Theo công đức giữ giới mà nói thì đó là gốc rễ của ba Thiên**
  - ***Nội dung của ba Thiên.***
  - ✓ Lấy tăng thượng sanh Tâm mà giữ Giới thì được Tăng Thượng sanh, sanh lên cõi người, cõi trời có được quả báo phú quý, an lạc, tự tại.
  - ✓ Lấy xuất ly Tâm giữ giới thì được Quả Quyết Định Thắng. Quyết định là chứng được quả Thánh pháp thắng. Một khi đã chứng được quả này vĩnh viễn chắc chắn, không thoái lui trở lại, rơi xuống sanh tử.
  - ✓ Nếu lấy Tâm Bồ Đề giữ giới, vì lợi lạc cho người khác mà giữ giới thanh tịnh, sẽ vào Đại Thừa, gọi là Giới Đại Thừa, là nhân để thành Phật.
  - ***Phê bình về tà thuyết đối với Luật Nghi biệt giải thoát của Bồ Tát.***

Vì vậy, giới Ưu Bà Tắc, giới Sa Di, giới Tỳ Kheo đều tốt. Giới Biệt Giải Thoát của bảy chúng, xuất phát từ Tâm Bồ Đề mà thọ trì, chính là luật nghi Biệt Giải Thoát của Bồ Tát.

- ✓ Có người cho rằng giới biệt giải thoát của bảy chúng là Tiểu Thừa. Ta là người học Đại Thừa, cho nên không cần thọ trì giới biệt giải thoát của Thanh Văn.
- ✓ Có người nghe đến Trì giới thì cho là Tiểu Thừa.

Đây là đại tà kiến, là nguyên nhân làm cho Phật Giáo suy yếu, lạc hậu, rối loạn.

### Độ Giới Xuất Thế

受持淨戒者,	<i>Thọ trì tịnh giới giả,</i>
如護於浮囊.	<i>Như hộ ư phù nang.</i>
不輕於毀犯,	<i>Bất kinh ư hủy phạm,</i>
持犯俱不著.	<i>Trì, phạm câu bất trước.</i>

Người giữ giới thanh tịnh,      Như giữ gìn phao nổi.  
Không xem thường hủy phạm,      Trì, phạm đều không chấp.

#### • **Tịnh giới thì thân người không mất**

##### ○ Tịnh giới sức yếu là nguyên nhân của phạm giới

Thọ trì tịnh giới mà còn phạm phải, không phải sức mạnh của hoàn cảnh lớn, thì chính là động lực của phiền não lớn. Nhưng quan trọng lại là sức trì giới tịnh giới của chính mình quá yếu. Nếu không, giống thành lũy vững chắc, dù có kẻ thù

manh mẽ đến xâm phạm lén lút, cũng có thể chắc chắn, không sụp đổ được. Vì thế, giữ gìn tịnh giới thì giới lực lớn mạnh. Đây là điểm trọng yếu của việc tu tập.

○ **Xem thường lỗi nhỏ là cái nhân xa của phạm giới**

Từ trước không phạm trọng giới, thường hay xem nhẹ những lỗi nhỏ, nhưng không biết đó là cái nhân xa đưa đến thất bại lớn. Giống như lỗ mọt mà không đắp lại thì con đê phải vỡ, không tránh khỏi.

▪ **Nêu ví dụ không ăn thịt.**

Nếu ăn chay đã thành thói quen, trong lòng, đối với ăn thịt, cảm thấy mùi tanh, khó chịu nên không dễ phạm phải. Nếu vốn không quyết tâm bỏ ăn thịt hoặc nhớ đến ăn thịt thấy thích thú thì, tuy là ăn chay đã lâu nhưng giới lực yếu kém, không chịu nổi, sẽ dẫn đến phá giới rất dễ.

▪ **Nêu lên cái phao làm ví dụ.**

Nếu khi trì giới, có vi phạm lỗi nhỏ mà không biết cảnh giác, không biết sám hối để giới được thanh tịnh; lỗi nhỏ từ từ thành lớn, rồi đến lúc nguy hiểm thì đã phạm trọng giới; cho nên trong giới kinh lấy cái phao làm ví dụ. Cái phao là chỗ nương tựa của người bơi lội cho khỏi chìm xuống nước, giống như phao cứu hộ ngày nay. Vì vậy, đặc biệt trân quý nó, giữ gìn nó; nếu có xì hơi chút ít mà không biết vá lại thì

chắc chắn nước sẽ thấm vào và nguy cơ chết đuối không tránh khỏi.

○ **Bồ Tát giữ giới như giữ gìn cái phao rất cần trọng**

Bồ Tát chưa được nhận lực trở về trước, ở trong biển lớn sanh tử, thường mong muốn sanh ở nhân gian, gặp Phật nghe pháp, lợi ích chúng sanh. Tịnh giới là điều kiện bảo đảm chắc chắn của cái phao nổi Thân Người này để không thất bại, đọa lạc. Cho nên, việc thọ trì tịnh giới của Bồ Tát, dù nặng hay nhẹ đều một mực giữ gìn; so với việc trì giới của Thanh Văn còn cần trọng, nghiêm khắc hơn nhiều.

● **Tam Luân Thể Không là Giới Ba La Mật Đa**

○ **Tịnh giới của Bồ Tát không là ba Tâm, không xem nhẹ việc phạm giới**

Bồ Tát giữ tịnh giới, không là ba Tâm mà tu, cho nên, tuy chính mình nghiêm trì tịnh giới, nhưng nhất định không xem nhẹ việc chúng sanh phạm phải giới pháp.

▪ ***Tịnh giới và Tâm đại bi tương ứng.***

Theo tâm đại bi mà nói đây là thương xót, chứ không phải xem thường.

Tuy nhiên, phạm giới không phải là không thể trở lại thanh tịnh, không thể là không thành Phật.

▪ ***Tịnh giới và Không huệ tương ứng.***

Đã xem thường người người phạm giới, nhất định tự cho mình là người giữ giới, chính mình thanh tịnh như pháp mà, không biết rằng sớm rơi vào trong tâm phân biệt của ngã chấp, ngã mạn, không thành tựu được giới Ba La Mật Đa của Bồ Tát.

Hơn nữa, nếu xem thường người hủy phạm, từ ý thức đối lập ấy, không dễ gì giáo hóa người kia, cũng sẽ làm mất đi phương tiện lợi tha của Bồ Tát. Trái lại, nếu không xem thường người phạm giới, thương xót, an ủi họ thì dễ dàng cảm hóa họ trở lại.

Vì thế, việc tịnh giới của Bồ Tát là lấy Không Huệ Vô Sở Đắc làm phương tiện; đối với việc giữ giới, phạm giới đều không Kẹt vào tướng. Vì đạt được giữ giới, phạm giới "bất khả đắc" (không chấp chặt), đó chính là Tam Luân Thế Không của Tịnh Giới Ba La Mật Đa.

- Phần còn lại, như đã nói trong học Xứ Bồ Tát (Bồ Tát có bảy chỗ để học)

### c. Nhân Độ

#### **Giúp chúng sanh an nhẫn**

攝護於眾生, *Nhiếp hộ ư chúng sanh,*

菩薩修忍度. *Bồ Tát tu Nhân Độ.*



耐 怨 安 受 苦,      *Nại oán an thọ khổ,*  
 及 諦 察 法 忍.      *Cập đế sát pháp nhẫn.*

Đôi chúng sanh giúp đỡ,      Bồ Tát tu Nhẫn độ.

Chịu đựng oán và khổ,      Xem xét kỹ Pháp Nhẫn.

• **Sau Thí, Giới nói đến nguyên nhân Nhẫn Độ**

○ **Công đức Thí và Giới, nhờ nhân không bị phá hoại**

- ***Tu tập Thí, Giới mới có thể đem lại lợi ích cho chúng sanh để thành Phật.***

Lại nói về Nhẫn Độ. Bồ Tát thật hành Lục Độ là để thành Phật. Thành Phật phải nhiếp phục, giáo hóa chúng sanh, hộ niệm chúng sanh; tu tập, thọ nhận sự bố thí của chúng sanh, hộ niệm (ngăn ác bên ngoài, phát huy thiện bên trong). Tịnh Giới của chúng sanh mới có thể làm lợi ích cho chúng sanh và sau đó, thành Phật.

- ***Thành Phật là việc lớn, nhờ tu Nhẫn mới thành tựu được.***

Nhưng chúng sanh tối tăm, bố thí cho mà không biết cảm ơn; trái lại, còn trách móc, làm tổn hại; hộ niệm chúng sanh là giữ giới, nhưng chúng sanh lại cứ quấy phá, làm tổn thương. Nếu không thể kiên nhẫn thì công đức Thí và Giới, đều do đây bị phá hoại. Thế gian còn vì "Lợi ích quốc gia mà nhẫn nhịn nhau", "việc nhỏ không nhịn thì việc lớn không

thành"; hưởng gì, đại sự Thành Phật mà độ chúng sanh ở trong sanh tử vô lượng, há lại không tu nhân mà thành tựu được hay sao! Cho nên, Bồ Tát không tu nhân độ thì không thể và Nhân là một trong những độ của Bồ Tát.

○ **Nội dung của Nhân và lỗi lầm của không Nhân**

▪ ***Nhân nại và ý chí kiên định.***

✓ Nhân là nhịn, là chịu đựng hết mức, là một hạnh quan trọng nhất của pháp tu Nhân Độ.

✓ Nhân là ý chí kiên định, là chịu được sự đả kích, gian nan, bức bách; bất kể gian khổ gì đều giữ gìn được chính mình; không chịu ảnh hưởng từ bên ngoài mà đổi thay định hướng hoặc phát sanh tội lỗi.

▪ **Như thầy Xá Lợi Phất vì không nhân được mà thoái lui đại tâm.**

Từ trước, sáu mươi kiếp, thầy Xá Lợi Phất tu Bồ Tát hạnh, có người đến xin thầy con người. Thầy Xá Lợi Phất trả lời người ấy: Đôi con người này không dùng vào đâu được. Nhưng người ấy cứ xin cho bằng được. Đến khi thầy móc hai con người ra cho, thì ông ta lại chê là tanh hôi, liền quăng xuống đất, rồi bắt mỡ bỏ đi. Thầy Xá Lợi Phất nhận ra chúng sanh khó độ; vì vậy, Tâm Bồ Tát thoái lui. Đây là ví dụ: Không thể nhân nên thất bại trên đường đạo.

• **Các loại Nhân. Có ba loại Nhân:**

○ **Chịu đựng sự trách móc, tổn thương (Nại oán di nhân)**

Nếu có người oán thù đến làm tổn hại hoặc bằng dao, gậy làm tổn thương hoặc ôm hận, vu khống, hãm hại hoặc chửi rủa, gièm pha. Do đây danh dự bị tổn thương, lợi dưỡng bị nguy hại. Những điều này, người thường rất khó nhẫn nhịn; Bồ Tát nên tu an nhẫn thương xót đối phương, thông cảm kẻ ấy vì phiền não bức bách, vì ác nghiệp khuấy động; nhẫn cả những tổn hại do kẻ thù địch đem đến mà không sanh sân hận, phần nộ và báo thù.

○ **Chịu được khổ đau (an thọ khổ nhẫn)**

Các hình thức của khổ. Có những vật vô tình ở ngoại giới, như cái khổ do gió, mưa, nóng, lạnh và những vật hữu tình ở ngoại giới, như cái khổ do rắn, rét, muỗi mòng...

Có những thống khổ do tự thân phát minh, đó là việc xuất gia, khát thực, du hóa, tu hành... Đây là những điều cần thiết để rèn luyện ý chí, tâm hồn, bình thản chịu đựng. Không nhẫn được thế nên phát sinh phiền não, tội ác làm chướng ngại việc tu hành của bản thân.

○ **Quan sát thật kỹ pháp nhẫn**

- Pháp là pháp Phật, xem xét thật kỹ, quan sát chính xác để ngộ nhập pháp Phật.
- Nhẫn là Tâm an, thâm nhập chân lý Phật Đà.

Như bóng dáng mơ hồ chiếu qua ánh sáng, không thể vững tâm thâm nhập thì không thể có được ích lợi sâu rộng của pháp Phật.

### Tu Nhẫn hết sân

瞋 他 有 何 益?	<i>Sân tha hữu hà ích?</i>
自 他 增 憂 苦.	<i>Tự, tha tăng ưu khổ.</i>
瞋 火 燒 善 根,	<i>Sân hỏa thiêu thiện căn,</i>
忍 則 五 德 具.	<i>Nhẫn tắc ngũ đức cụ.</i>

Sân người có ích gì?      Minh, người đều thêm khổ.

Lửa sân thiêu căn lành,      Nhẫn đủ năm công đức.

#### • Nói riêng Nại oán hại nhẫn

Chịu sự tổn hại về danh dự, tài sản, sự nghiệp, thân thể thì người bình thường rất khó nhẫn, cho nên, đặc biệt hướng dẫn một lần nữa.

##### ○ Lấy oán báo oán là tánh của phàm phu

Khi bị người làm tổn hại dẫn đến phản ứng nóng giận, phẫn uất, chống lại, xem như kẻ thù, và có hành động trả thù. Đây, quả thực, là căn tánh phàm phu.

##### ○ Lấy nhẫn báo oán là đức tính tiên hóa.

Nhưng trong quá trình tiến triển đức tính của loài người thì càng thông đạt sâu sắc ý nghĩa của Phật pháp và pháp nhân được phát hiện nhiều lợi ích nên càng tôn trọng hơn.

▪ *Sân hận, oán thù đáp trả nhau thì ta, người đều vô ích.*

Nếu vì không nhẫn được mà nóng giận người kia rồi muốn báo thù; cuối cùng có được ích lợi gì? Đây, thật sự, là điều không nên, không cần thiết.

✓ Sự thất bại của chính mình là ở chỗ không kiên toàn bản thân.

Phải biết thất bại của chính mình, nhất định, không phải chỉ do người khác phá hoại, làm tổn thương mà chính là không kiên toàn bản thân.

- Lo trọn đời để sợ hoạn nạn một ngày.

Nói cách khác, chính mình mới có thể làm hại chính mình. Người xưa nói: "Quân tử có cái Lo trọn đời mà, một ngày không có hoạn nạn". Chịu tổn hại, oan uổng trước mắt, trong sự tiến tu đúng pháp của chính mình, không phải không có được sự trở lại hiểu biết thấu đáo, mà chỉ vì, chính mình không hướng thượng; cho đến chết, đạo nghiệp tu hành cũng không thành tựu mới là đáng lo âu.

- Lấy cái sanh tử không cùng để so cái oan ức một đời.

Dựa vào pháp Phật, đừng nói lo lắng một ngày chính là oan ức, áp bức, chịu nhục, hy sinh một đời; ở trong quá trình sanh không cùng. Việc này có đáng là bao? Chỉ vì không thể hướng về Phật Đạo thì vĩnh viễn hụp lặn trong biển sanh tử, mới là đáng buồn làm sao. Cho nên, không được báo thù bằng sân hận, phần uất mà nên an nhẫn.

✓ Báo oán kẻ khác chỉ tăng thêm lo sầu, thống khổ cho mình và người.

Hơn nữa, oán giận phục thù, hoàn toàn không thể khôi phục những gì mình đã mất.

Không nhẫn mà tức giận phục thù chỉ khiến cho mình và người sâu đau, thống khổ tăng thêm lên thôi. Phục thù người khác, người ấy, đương nhiên, chịu đau khổ, buồn lo mà, tâm sân của mình càng phát tác; thân, tâm phiền loạn, không an. Có khi bất chấp tất cả, tạo nên sự sai lầm quá lớn, dẫn đến sự tổn hại khó lường.

▪ ***Lấy nhẫn cắt đứt oán thù là pháp của Như Lai.***

Lấy oán báo oán. Cách này không thể giải quyết vấn đề.

Cho nên nói:

不可怨以怨,

*Bất khả oán dĩ oán,*

終已得休息.

*Chung dĩ đắc hưu tức.*

行 忍 得 息 怨,            *Hành nhẫn đắc tức oán,*

此 名 如 來 法.            *Thử danh Như Lai pháp.*

Chớ lấy oán báo oán,            Cuối cùng phải ngưng thôi.

Tu nhẫn dứt được oán,            Đây gọi pháp Như Lai.

• **Lợi, hại giữa nhẫn và sân**

○ **Sân thì năm đức mất**

▪ ***Biết sai lầm của sân thì có thể dùng lý trí để chế phục.***

Tu tập Bồ thí, Trì giới thật không dễ. Chỉ vì từ một niệm không nhẫn được, tâm sân hận phát lên thì toàn bộ quá trình tu tập đều bị phá hỏng. Như nói:

若 有 瞋 恚 諸 佛 子, 百 劫 所 修 施 戒 善, 一  
剎 那 頃 能 頓 壞: Nhược hữu sân khuể chư Phật tử, bách  
kiếp sở tu Thí, Giới, Thiện; nhất sát na khoảnh năng đốn  
hoại:

Nếu các Phật tử còn hờn giận, trăm kiếp tu Bồ Thí, Trì  
Giới, Thập Thiện; trong một sát na, bỗng chốc, tiêu tan liền.

Vì vậy, hình dung Tâm Sân như ngọn lửa đốt cháy tất cả  
căn lành công đức, nếu không quyết tâm Tu Nhẫn thì không  
thể! Nếu biết được lỗi lầm của hờn giận; công đức của an  
nhẫn, bằng sự quan sát thấu đáo thì tự mình dùng lý trí để chế  
phục sân hận, phiền não được.

▪ ***Sân có năm lỗi.***

Thế thì, sân hận có lỗi làm gì?

- ✓ **Hoại sắc**: Tâm sân khởi lên, máu nóng toàn thân sôi sục, sắc mặt liền biến thành xấu ác.

Các nhà nghiên cứu về Mỹ Dung Học nói: Nếu người nóng giận nhiều thì sắc mặt sẽ già đi rất nhanh.

- ✓ **Bất thiện**: Tâm sân khởi lên thì tình cảm áp đảo lý trí; đến ý nghĩa lời nói của đối phương cũng không thể hiểu rõ và chính lúc mình nói cũng sai trái, vì không còn làm chủ bản thân được nữa.
- ✓ **Thiện sĩ viễn ly**: Vì tánh tình nóng nảy là người thường nổi lên giận dữ nên bạn bè tốt đều lánh xa bởi những lý do nhỏ nhặt.
- ✓ **Hủy giới**: Nóng giận bùng nổ thì chỉ còn toan tính mục đích báo thù, chẳng còn gì để quan tâm, cho dù là Sát, Đạo, Dâm, Vọng không gì là không làm.
- ✓ **Đọa lạc**: Cứ như thế, nghiệp sân tích lũy rồi một ngày già chết tới nơi, thiện báo lấy đâu mà có; chỉ còn con đường duy nhất là rơi xuống cõi ác thôi.

Một niệm không Nhẫn được, sản sanh quả Ác như thế; sau có thể không ra sức chế phục?



▪ *Nhẫn thì đủ năm đức.*

Trái lại, nếu nhịn được giận hờn, thù hận thì hình dung xinh đẹp, lý luận trôi chảy, bạn lành sum họp, không phạm giới cấm, sau khi chết sanh lên các cõi lành, hướng về Phật Đạo. Năm đức đều đầy đủ.

Ở trong pháp chung năm Thừa, tuy cũng có Nhẫn, nhưng đúng ra, 難忍能忍: Nan nhẫn năng nhẫn: Cái Khó Nhẫn mà có thể Nhẫn được, thì chỉ có Bồ Tát thật hành nổi thôi.

**Nói chung ba Độ trước**

施戒及安忍,           Thí, giới cấp an Nhẫn,

多為出家說.           Đa vị xuất gia thuyết.

廣聚資糧,           Quảng tụ phước tư lương,

是佛色身因.           Thị Phật sắc thân nhân.

Thí, Giới và An Nhẫn,   Vì người Xuất gia nói.

Tập trung phước tư lương,   Là nhân sắc thân Phật.

• **Dựa ba Độ trước nói rõ Lục Độ là pháp môn phải tu để thành Phật**

Trước đã nói ba Độ: Bồ thí, Trì giới, An nhẫn; sau đây là nói tổng hợp, cũng sẽ nói rõ sáu Độ là pháp môn phải tu mới thành Phật được.

- **Dựa ba phương diện để nói rõ đặc tính của ba Độ trước và ba Độ sau**

Điều này có ba ý nghĩa:

- **Đặc tính ba Độ trước.**

- ***Ba Độ trước, phần nhiều, vì Phật tử tại gia mà nói.***

Trong tâm tu hành của người xuất gia là tu tập Thiên Huệ, cho nên, tuy ba Độ này người Xuất gia cũng tu tập, nhưng trong kinh, phần nhiều, Phật vì Phật tử tại gia mà nói. Nhất là Bồ Thí tiền của là hạnh tu thiết yếu của Phật tử tại gia. Người Xuất gia chỉ bồ thí theo phần hành của mình; nếu giống như người tại gia gom góp tiền của rồi đem bồ thí cho thật nhiều thì quá sức sai lầm vì chẳng phải là điều Phật dạy và cho phép.

- ***Ba Độ trước là phước đức tư lương.***

Phật là bậc đầy đủ Phước Đức và Trí Huệ nên gọi là Lương Túc Tôn. Phật quả viên mãn Phước, Huệ, từ nhân hạnh tu tập Phước, Huệ mà có. Giống người đi xa, cần có đủ lương thực, lộ phí... mới có thể đến được mục đích.

Nhiều đời, Bồ Tát tu hành mới thành Phật; Phước, Huệ chính là tư lương để thành Phật. Ba Độ trước, trong 2 tư lương, thì tư lương gom góp phước đức thật nhiều là việc làm hơn hết, chuẩn bị thành Phật.

▪ ***Ba Độ trước là nhân của sắc thân Phật.***

Nói đến Phật, trong kinh chia ra bốn thân, ba thân, hai thân; tóm lại, có thể chia thành Pháp Thân và Sắc Thân.

Chúng được pháp giới viên mãn của Đại Bồ Đề, đối với Chân Lý, sắc thể hiện Phật thân là Pháp Thân. Tướng tốt trang nghiêm của Phật là Sắc Thân.

Sắc thân trang nghiêm bằng vô biên phước đức, cho nên ba Độ trước là nhân duyên làm nên Sắc Thân của Phật.

○ **Đặc tính của ba Độ sau**

Đã biết đặc tính của ba Độ trước như thế, ba Độ sau vì người xuất gia mà nói là Tư Lương Trí Huệ, là nhân duyên Pháp Thân của Phật cũng có thể biết được, không cần nói lại.

d. Tấn Độ

**Hai loại tư lương Phước, Trí**

佛說精進度,	<i>Phật thuyết tinh tấn độ,</i>
福智之資糧.	<i>Phước, Trí chi tư lương.</i>
無厭心如海,	<i>Vô yếm tâm như hải,</i>
力盡而不止.	<i>Lực tận nhi bất chỉ.</i>

Phật nói Tinh Tấn Độ, Phước, Trí chi tư lương.

Tâm bao dung như biển, Hết sức vẫn không ngừng.

• **Tinh Tấn Độ có chung hai tư lương Phước, Trí**

Bây giờ cần nói đến Tinh Tấn Độ. Tinh Tấn là khả năng phổ biến, khuyến khích, phát triển tất cả Hạnh Lành và tương ứng với tất cả công đức; cho nên, ở trong hai tư lương Phước, Trí; tuy nói Tinh Tấn thuộc tư lương Trí nhưng, thật ra, Phật nói Tinh Tấn Độ là gồm cả hai tư lương Phước, Trí.

### • Nói về Chánh Tinh Tấn và Tinh Tấn Độ

Trong Tam Thừa Cộng Pháp đã nói đến Chánh Tinh Tấn; Tinh Tấn của Đại Thừa có ý nghĩa còn sâu xa hơn.

#### ○ Từ đại hạnh của Bồ Tát nói rõ Tinh Tấn của Đại Thừa

Tu hạnh Bồ Tát là lấy Pháp Giới vô tận làm cảnh, gần gũi, cúng dường tất cả Phật; lắng nghe, tu tập tất cả Pháp; trang nghiêm tất cả cõi Phật; độ thoát tất cả chúng sanh; cắt đứt tất cả phiền não;...; viên mãn tất cả công đức. "Tận cùng hư không, khắp cả pháp giới", cái gì cũng đều là Tất Cả trong Tất Cả. Tâm lượng rộng lớn, đáng nói là: Rộng lớn tựa hư không, sâu thẳm tựa biển cả! Đại nguyện, đại hạnh, đại quả như vậy; nếu không có tinh tấn vô hạn thì không thể thành tựu. Vì vậy, Tinh Tấn Độ của Bồ Tát nên có tâm lượng không biết đủ. Mong cầu tất cả pháp Phật mà không thấy đủ; chứng được công đức vô cùng mà vẫn thấy ít; như biển chấp nhận hàng trăm con sông mọi hướng chảy vào. Chỉ có tâm không biết đủ như vậy mới có thể phát Tinh Tấn Độ của Đại Thừa.

○ **Nêu hai ví dụ nói rõ khác nhau của Đại Thừa và Tiểu Thừa**

▪ **Tinh tấn có hữu hạn và vô hạn.**

Tinh Tấn Độ của Đại Thừa không phải là tinh tấn hữu hạn.

**Ví như nông phu làm ruộng.**

- ✓ Ông Giáp tận lực thu hoa màu, có được chút ít, về nhà nghỉ ngơi, hưởng thụ.
- ✓ Ông Ất cũng ra sức thu hoạch hoa màu; thu hoạch hoàn tất vụ mùa.

Về phương diện nỗ lực công tác, ông Giáp cũng có vẻ gấp rút, nhưng cuối cùng lười biếng không làm; còn ông Ất mới là siêng năng đến cùng. Tương tự như thế, Thanh Văn mong muốn nhanh chóng chứng quả Giải Thoát cho riêng mình, giống như việc an táng cha, mẹ; ở trong pháp Đại Thừa, nỗ lực như vậy, không thể gọi Chân Tinh Tấn.

▪ **Tinh Tấn là sự kiên trì liên tục so với vội vàng trong thời gian ngắn rồi ngưng. Ví như hai người leo núi.**

- ✓ Một người vội vàng leo lên, chưa đến nửa đường, lòng muốn leo nhanh mà, chân đã rã rời, chỉ mong dừng lại, đi xuống.
- ✓ Còn người kia vững bước tiến lên, không vội vàng, nhưng giữ gìn thể lực và không dừng lại; như vậy, thẳng lên núi cao. Tóm lại, khi làm lành không biết đủ, mới là Tinh Tấn của Đại Thừa.

- **Tinh Tấn của Bồ Tát vĩnh viễn không dừng lại.**

- **Ngoại lực có lúc hết, Tâm lực không hết.**

Trong tiến trình tu học, có lúc sẽ gặp sơn cùng thủy tận, không còn cách nào tiến lên, có người giữa đường dừng lại hoặc thoái lui. Nhưng với tâm tinh tấn của Bồ Tát, tuy thể lực, trí lực, tài lực, năng lực; các Lực ấy hiện giờ có thể cạn mà, sức tinh tấn vô hạn của nội tâm thì vẫn không dừng lại. Người xưa nói: 哀莫大於心死: Ai mặc đại ư Tâm tử: Không có gì buồn hơn, khi lòng đã nguội lạnh; thừa nhận thất bại, buông tay không cố gắng là thất bại thật rồi!

- **Nêu ví dụ để minh chứng**

Chuyện xưa kể rằng có một lữ khách đi vào rừng, bị quỷ núi chặn đường. Lữ khách đưa tay trái lên, đánh nó, nó bắt lại; lại đưa tay phải, chân trái, chân phải và cuối cùng dùng cả đầu để húc nó, đầu bị quỷ tóm lấy.

Quỷ núi nói: Lữ khách dũng cảm lắm, đến bây giờ, ông vẫn còn chịu đựng đến thế?

Lữ khách trả lời: Tâm tôi vĩnh viễn không chịu khuất phục mà luôn muốn tiến lên.

Quỷ núi bội phục lòng can đảm và nghị lực của ông ta, bèn nhường đường cho ông đi qua.

Trong quá trình tu hạnh Bồ Tát, khi năng lực, không đủ thì không có cách nào tiến lên được. Vì vậy, phải giữ vững quyết tâm tiến lên, không thoái lui trước mọi khó khăn.

#### *d. Tinh Tấn Độ*

### **Đối trị gian nan, chướng ngại.**

#### ***Tóm lại có 2 chương***

推延著世樂,            *Suy diên trước thế lạc,*

自輕心怯弱.            *Tự khinh tâm khiếp nhược.*

Luyện tiếc cuộc đời vui,      Tự ty tâm yếu hèn.

- **Có hai chướng ngại không thể Tinh Tấn**

Đối với Đại Thừa Phật pháp, không thể tinh tấn tu học, không ra ngoài hai thứ chướng ngại: Không muốn tiến tu; Không dám tiến tu.

- **Nguyên nhân hai bệnh này và cách đối trị**

- **Không muốn tiến tu**

Công đức của Phật Đạo như vậy, vì sao không muốn tiến tu? Không phải là dây dưa lười biếng thì cũng là luyện tiếc đả đui mật ngọt thế gian.

- ***Lười biếng thành Tánh.***

✓ Có người lười biếng thành tánh, vì sao việc tốt mà không ra sức làm; rớt lại, dây dưa, hôm nay kéo dài ngày mai,

năm nay đợi đến năm sau. Loại căn cơ này thì khó có được sức mạnh tiến tu.

✓ Nếu thường nhớ đến: sinh mạng tùy thuộc trong hơi thở vô ra; sống chết đâu nệ vào tuổi tác; thân người tuy có đó nhưng luôn nhớ đến vô thường, mới mong tự nhắc nhở tu hành.

▪ ***Đắm đuối mật ngọt thế gian.***

✓ Có một số người đắm đuối dục lạc thế gian; ngày qua ngày, chỉ chăm chú vào trong những tiếng hay, sắc đẹp, tiền tài, lợi lộc; vui đời mình trong tất bật hơn thua. Những người này cũng không muốn tiến tu Phật Đạo.

✓ Nếu có thể tư duy, quan sát dục lạc thế gian ngăn tợ gang tay mà, hầu hết đều dẫn đến quả khổ ở đời sau; giống như chút mật ngọt dính lưỡi dao bén, trẻ khờ liếm vào, bị họa cắt lưỡi là cái chắc, giảm bớt tham đắm thế lạc, sẽ có pháp lợi do tiến tu.

○ **Không dám tiến tu**

Vì sao không dám tiến tu?

Bởi vì chính mình khinh thường mình, biết được hiện tại là đời Mạt Pháp, cho mình căn cơ kém cỏi, tội chướng nặng nề mà Phật Đạo rộng sâu vô tận; thật tế, không có pháp nào tu tập đưa đến thành công. Với tâm lý yếu kém như thế, không dám gánh vác nhiệm vụ cho mình và mai sau; đương nhiên, không thể tinh tấn tu học được! Loại chúng sanh có tâm tánh



yếu kém này dễ bị thoái lui và chọn pháp Tiểu Thừa nên bước đi trên con đường vòng ấy.

### ***Ba loại Tâm sợ hãi***

滿果亦難行, *Mãn quả diệc nan hành,*  
 久處於生死, *Cửu xử ư sanh tử,*  
 資糧廣無邊, *Tư lương quảng vô biên,*  
 練心勿退屈. *Luyện tâm vật thoái khuất.*

Khó thành quả viên mãn, Ở lâu trong sanh tử,  
 Tư lương nhiều vô cùng, Luyện tâm chớ thoái chí.

#### • **Người tâm tánh sợ hãi, yếu đuối có ba đặc trưng**

Tâm tánh khiếp nhược, không dám tiến tu Đạo Phật Đại Thừa sâu rộng, viên mãn. Thường từ ba phương diện sau mà sợ hãi, yếu đuối, thoái lui.

##### ○ **Sợ hãi về quả Phật viên mãn.**

Nghe nói đến quả Phật viên mãn là mọi lỗi lầm không còn, tất cả công đức viên mãn rồi, chính mình nhận thấy không thể thực hành nổi; tôi làm sao có thể đạt đến quả Phật viên mãn này! Đây là sự thoái lui.

##### ○ **Đối trị bằng chuyên niệm.**

Nên nghĩ rằng: Bồ Tát vô lượng trong mười phương đều có thể tu hành viên mãn, thành Phật; còn ta, tại sao lại không

thể! Cho nên nói: "Các vị đã là trượng phu, con cũng như thế; không nên tự ti mà thoái lui". Từ trước, từng đọa xuống bao nhiêu đường ác; hiện tại đã và đang thành Phật; hiện tại đang ở trong đường ác, tương lai cũng sẽ phải thành Phật. Chúng sanh trong đường ác đều sẽ thành Phật; chính mình, hiện giờ, đang sống ở cõi nhân gian là điều khó được mà còn biết được. Chánh Lý, làm được Việc Lành; tại sao lại sợ không thể thành Phật?

- **Sợ hãi cái khó làm của Bồ Tát**

- Nói về Sơ Nhân.

Nghe nói Bồ Tát phải tu nan hạnh, khổ hạnh, như Bồ Thí cả chân, tay, đầu, mắt... biết được cực khó, chính mình làm không nổi nên không dám tiến tu mà thoái lui. Điều này cũng không đúng.

- Luôn nhớ đến đối tri (phủ định, từ bỏ)

Từ vô lượng kiếp đến nay, mỗi lần rơi xuống đường ác, chịu khổ đau không sao nói hết; vì sao tu hành Phật Đạo mà lại, lo sợ khổ đau xảy đến. Giống như người mắc bệnh trầm kha, thống khổ vô cùng phải chịu một lần giải phẫu thì có thể chữa khỏi hoàn toàn. Khi giải phẫu chịu chút đau đớn, lẽ nào không chịu nổi hay sao? Vả lại, việc khó làm của Bồ Tát không giống việc khó làm của ngoại đạo. Bồ Tát tu hành có

phương tiện thiện xảo, học tập theo thứ lớp. Thành tựu Nhân Lực, tâm từ tăng trưởng; khi có lợi ích mới có thể bỏ thí cả thân xác này; hoàn toàn không lấy việc chịu khổ đau làm phương pháp tu hành.

- **Sợ hãi thời gian sanh tử dằng dặc và tư lương quá lớn**

- Nói về Sơ Nhân

Nghe nói Bồ Tát tu hành phải ở trong biển sanh tử lâu dài để độ chúng sanh; với thời gian lâu dài như thế nên cần cất chứa tư lương, càng nhiều càng tốt; mà nhận ra chính mình tu không đến nơi, không dám tiến tu. Đây là điều càng không nên.

- Luôn nhớ đến đối trị (phủ định, từ bỏ)

Bồ Tát đã thông đạt sanh tử như ảo, mới có thể ở lâu trong sanh tử để độ chúng sanh, chứ hoàn toàn không phải ở trong đó để chịu khổ. Hơn nữa, vô biên tư lương là vô biên công đức, lại còn nghi ngờ sao? Có ai nói: Tiền nhiều mà lo sợ tính toán không?

Đối với những người này, vì do tâm tánh yếu kém mà nảy ra tâm thoái lui nên mới lý lẽ như vậy. Huấn luyện tâm mình càng nhiều, khiến cho tâm vững chãi hơn, tinh tấn gánh vác Đạo Phật để không thoái lui mới phải.

- **Người khác xem nhẹ Phật Đạo**

Nhưng trong thế gian còn có người xem nhẹ Đạo Phật, chỉ tu tập chút đỉnh công đức cũng thành Phật được. Đây hoặc là người từ trong yếu kém, lười biếng mà ra; hoặc người không biết trời cao, đất dày mà ra; giống như "con nghé không sợ con cọp". Nếu tự cho mình là thế, đến khi hiểu được sự lý không phải như thế; hối hận đâu còn kịp nữa.

### *Hai loại hèn nhác*

怯弱下劣者,      *Khiếp nhược hạ liệt giả,*  
希求易行道.      *Hy cầu dị hành đạo.*

Kẻ khiếp nhược, hạ liệt,      Chỉ mong hành đạo dễ.

#### • **Phân biệt căn tánh phát tâm hướng Đạo**

Tuy tất cả chúng sanh, cuối cùng, đều thành Phật, nhưng dựa vào tánh hiện thực của chúng sanh mà nói căn cơ không đồng nhất. Ở trong chúng sanh phát tâm hướng Đạo có:

- Chúng sanh thích nghi với hạnh Bồ Tát.
- Chúng sanh không hợp với pháp Bồ Tát.
- Có chúng sanh muốn học pháp Bồ Tát mà không dám tu.

#### • **Phân biệt pháp môn theo ba loại căn tánh**

- **Người có căn tánh Bồ Tát thì nói Đạo Vô Thượng.**

Căn tánh thích hợp với hạnh Bồ Tát, đương nhiên, Phật "Vì họ nói Đạo Vô Thượng".

○ **Người không thích hợp hạnh Bồ Tát thì Phật nói Pháp Nhị Thừa.**

Với Tâm, Hạnh Bồ Tát, có chúng sanh không thích hợp là căn tánh thấp hèn, yếu kém, như ví dụ Cùng Tử trong kinh Pháp Hoa: Cùng Tử trở về cố hương, từ xa nhìn thấy ông Trưởng Giả có tiền của, giàu sang vô hạn, kinh tâm bạt vía, hoảng loạn bỏ chạy. Với căn cơ này, không thể không nói pháp môn Phương Tiện là pháp Thanh Văn Thừa, pháp Duyên Giác Thừa để từ từ hướng dẫn, giáo hóa họ.

○ **Người muốn học, không dám tu sẽ mở ra Phương Tiện khác.**

▪ ***Chúng sanh yếu kém thiếu tự tin.***

Muốn tu hạnh Bồ Tát mà không dám tiến hành biết ngưỡng mộ quả Phật viên mãn cùng cực; nhưng đối với Tâm, Hạnh to lớn của Bồ Tát không dám đảm đương, tinh tấn tu hành. Đây cũng là chúng sanh khiếp nhược, thiếu sót tự tin, sanh tâm lo sợ rơi xuống hàng Tiểu Thừa hoặc trôi nổi trong biển khổ. Đối với loại chúng sanh này, Phương Tiện Nhị Thừa không dùng được nên, Phật chỉ dùng phương tiện đặc biệt để hướng dẫn, giáo hóa.

▪ ***Tâm khiếp nhược, mong cầu Đạo dễ thực hành.***

Loại căn tánh yếu hèn này muốn thành Phật mà không nguyện tu học hạnh lớn, khó làm của Bồ Tát. đây giống như trong Phẩm Dị Hành trong Luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa, Bồ Tát Long Thọ nói:

"Hỏi: Là Bồ Tát chúng được A Duy Việt Trí (bất thối chuyển)... làm việc khó làm, lâu dần cũng được hoặc rơi xuống Thanh Văn, Bích Chi Phật, nếu như vậy là mối lo lớn!... Nếu chư Phật nói có Đạo dễ tu hành, mau đến Phương Tiện A Việt Trí, xin vì đó nói cho!

Long Thọ đáp: Nếu như những gì ông nói là yếu kém, hèn hạ; không có tâm lớn; không phải là lời nói của bậc trượng phu có ý chí gánh vác việc đó vậy! Vì lý do gì? Nếu là người phát nguyện mong muốn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (A nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề) mà, chưa chứng được vị Bất Thối Chuyển; ở trong thời gian đó, nên không tiếc đến thân mạng, ngày đêm siêng năng, như cứu lửa cháy đầu".

## **Biểu hiện Đạo dễ tu hành**

### ***Giúp người Sơ Tâm***

佛有勝方便,

*Phật hữu thắng phương tiện,*

攝護於初心.

*Nhiếp hộ ư sơ tâm.*

Phật có phương tiện hay, Giúp đỡ người mới học.

- **Giúp đỡ người mới học để tu tập Đạo**

- **Pháp môn dễ tu để cho không mất Tín Tâm**

Nhờ đạo phương tiện mong tu tập dễ và nhanh, tuy còn thiếu ý chí hành động của Đại Trượng Phu (Bồ Tát), nhưng Phật có nhiều phương pháp hay, riêng nói phương tiện vượt trội để giúp đỡ người học mới phát tâm yếu kém, khiến họ không thoái lui tín tâm, đi vào Đại Thừa. Đây là phương pháp hành Đạo dễ.

- **Dễ hành Đạo lấy Tín, Nguyên là chính.**

Trong luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa, tuy Bồ Tát Long Thọ đã một lần gọi trách, nhưng vẫn giúp đỡ những người ấy nên nói: "Nếu ông muốn nghe phương tiện này, nay sẽ nói cho. Phật pháp có vô lượng pháp môn (lối vào); như đường đời có dễ, khó đi: Đi bộ thì khổ; đi thuyền thì vui. Con đường Bồ Tát đi cũng như thế: Có khi phải siêng năng tu hành, có khi phải dựa vào đức tin làm phương tiện để dễ đi, mau đến Bất Thối Chuyển (A Bộ Bạt Trí)".

Con đường dễ đi chính là lấy Tín, Nguyên mà bước vào dòng chảy của Phật pháp.

- **Điều kiện và mục đích cho tu học là nhờ con đường dễ đi. Ý nghĩa chân chánh của con đường dễ đi là:**

○ **Con đường dễ đi lấy bảy Giác Chi, mười Đại Nguyên làm điều kiện chủ yếu để tu hành**

▪ ***Tâm nghĩ nhớ, Thân lễ bái, Miệng tán thán.***

✓ Con đường dễ đi không chỉ niệm một Phật, mà niệm mười phương Phật, Phật A Di Đà, chư đại Bồ Tát, nhất tâm niệm danh hiệu cũng được không thoái lui và suy sụp.

✓ Con đường dễ đi ngoài xưng danh hiệu Phật, còn phải nghĩ nhớ, lễ bái, dùng kệ tụng tán thán.

▪ ***Sám hối, cung thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng.***

Con đường dễ đi không chỉ xưng danh, lễ bái mà thôi, như luận nói: "Người cần Bất Thối Chuyển, không chỉ nhớ nghĩ, xưng danh, kính lễ mà thôi mà còn đến chỗ Phật sám hối, khuyến thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng". Cho nên, Con Đường Dễ Đi chính là tu bảy Giác Chi, mười đại nguyên của Bồ Tát Phổ Hiền.

○ **Mục đích giả lập Dễ Làm**

▪ ***Giúp đỡ Tín Tâm cho người mới học Phật.***

Con đường dễ đi là vì người mới học có tâm tánh yếu kém mà nói, quan trọng ở chỗ giữ gìn, giúp đỡ tín tâm, trong luận của Long Thọ và Mã Minh đều nói: "Chúng sanh mới học pháp ấy, mong cầu Chánh Tín mà tâm yếu kém... nên biết Như Lai có phương tiện vượt trội, giúp đỡ, giữ gìn Tín Tâm".

▪ ***Vì do dễ làm nên tu học theo thứ lớp.***



- ✓ Lấy Tín, Nguyên vãng sanh Tịnh Độ nên tu học từ từ theo thứ lớp.

Giúp đỡ Tín Tâm cho người đi theo con đường dễ đi, hoặc là lấy Tín Nguyên, tu hạnh niệm Phật để được vãng sanh Tịnh Độ; khi đã đến Tịnh Độ, tu học từ từ theo thứ lớp thì chắc chắn không thối chuyển Vô Thượng Bồ Đề. Điều này giống như thường nói.

- ✓ Từ Tín Tâm vững vàng trên con đường dễ đi chuyển sang con đường khó đi.

Hoặc là nhờ con đường dễ đi làm phương tiện mà Tín Tâm được vững chắc chuyển vào con đường khó đi, như nói: "Vì Bồ Tát nhờ Sám hối, Khuyến thỉnh, Tùy hỷ, Hồi hướng nên phước lực tăng trưởng, tâm điều hòa, mềm mại. Đối với công đức vô lượng của chư Phật, phàm phu không tin nổi đã tin được rồi; và đối với đại hạnh thanh tịnh, ít có, khi làm của chư Bồ Tát cũng tin được rồi... Thương xót các chúng sanh, không có công đức này,... càng sanh tâm bi tha thiết... Vì nhớ tâm bi đáp ứng mong cầu, tùy ý, khiến chúng sanh được an lạc, nên gọi là Từ Tâm. Nếu Bồ Tát như thế thì Tâm Từ Bi càng sâu sắc, cắt đứt tham lam, tiếc nuôi để tâm càng siêng năng bố thí".

***Giới thiệu hai pháp môn:***

**DI ĐÀ TỊNH ĐỘ**

於中殊勝者,            *Ư trung thù thắng giả,*  
 往生極樂土,            *Vãng sanh Cực Lạc độ,*  
 彌陀佛力持,            *Di Đà Phật lực trì,*  
 不退於菩提.            *Bất thoái ư Bồ Đề.*

Đối với người thù thắng,    Vãng sanh về Cực Lạc,  
 Phật Di Đà bảo trì,            Tâm Bồ Đề không lui.

• **Pháp môn cõi Cực Lạc ở phương tây của Phật A Di Đà.**

Bằng Tín Nguyện mà đi vào Phật Đạo là pháp môn Tha Lực, Lạc Hạnh. Như kinh, luận Đại Thừa nói, cũng có rất nhiều pháp môn, nhưng trong những pháp môn thù thắng ấy, Phật giáo Trung Quốc đặc biệt chú ý, không thể không nói đến pháp môn xưng niệm Phật A Di Đà, vãng sanh Tịnh Độ Cực Lạc.

○ **Hoàn cảnh Tịnh Độ của Di Đà.**

Thế giới Cực Lạc, ngoài, hơn mười vạn ức cõi nước về hướng Tây; Phật A Di Đà hiện đang nói pháp, giáo hóa ở đó.

○ **Đặc sắc Tịnh Độ của Di Đà**

- ***Dựa vào đại nguyện của Phật A Di Đà hiện ra thế giới Cực Lạc.***

Con đường Phật đi giống nhau, công đức, nguyện lực không thể nói hơn, kém được; vậy thì rốt cuộc đến được Tịnh

Độ của Phật A Di Đà, có gì thù thắng? Ở trong một pháp giới bình đẳng, con đường Phật đi giống nhau; xác thật, không nghi ngờ, không sai biệt mà hiển lộ thù thắng đặc biệt của chư Phật. Ở trong kinh đại thừa, tuy nói rộng Tịnh Độ trong mười phương, khen ngợi vô số con đường dễ đi; nhưng thật ra, phần nhiều khen ngợi, biểu dương, Tịnh Độ của Phật A Di Đà. Đặc sắc mà Phật A Di Đà biểu hiện là trong Nhân lập ra hai mươi bốn đại nguyện hoặc là bốn mươi tám nguyện với vô biên công đức Bi, Trí và hiện ra thế giới Cực Lạc.

▪ ***Điều kiện vãng sanh về nước ấy.***

Khẳng định nói rằng bất luận là ai, chỉ cần tin tưởng, nương tựa vào Nguyện Lực của Phật A Di Đà, nguyện sanh về thế giới Cực Lạc; Xung; Niệm Phật A Di Đà; dù trong một ngày, hai ngày, cho đến, chỉ trong mười niệm chí thành, cung kính; nhất tâm bất loạn thì sẽ được Phật lực Di Đà gia trì, sau khi chết, vãng sanh về thế giới Cực Lạc.

▪ ***Trong nước ấy, không có các Khổ.***

Ở trong thế giới Cực Lạc, vật dụng vô cùng phong phú, cho nên không có cái Khổ muốn mà không được.

Ở một chỗ với các bậc Thượng Thiện Nhân, siêng năng tu tập, cho nên không có cái Khổ ghét nhau mà gặp nhau, cái khổ do yêu thương mà xa nhau.

Do hóa sanh từ hoa sen, ngay trong khi sanh, nhất định chứng ngộ pháp Vô Sanh Nhân (lý Thể là sanh diệt), cho nên không có cái Khổ sanh, bệnh, chết.

▪ ***Được sanh về nước ấy, chắc chắn, không thối chuyển.***

Vãng sanh về nước Cực Lạc ở ngôi vị Thượng Phẩm Thượng Sanh, hoa nở liền thấy Phật, ngộ Vô Sanh Nhân (niết bàn của Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát).

Trong những căn cơ trung phẩm và hạ phẩm còn lại; tuy còn sanh tử, nhưng có thể nói sanh tử đã dừng rồi (còn sanh tử trên cõi Cực Lạc gọi là Biến dịch sanh tử). Đây là điều chắc chắn, không nghi ngờ; tuy chưa chứng được Bất thối chuyển, nhưng có thể nói đã chứng được Bất thối. Tóm lại, tu học ở cõi Cực Lạc; không kể thời gian dài, ngắn; nhất định, đã dứt hẳn sanh tử; đối với Bồ Đề Vô Thượng không thoái lui.

Vì vậy, nếu biết được tâm tánh của chính mình khiếp nhược thì đại Bồ Tát khí làm, sợ rơi xuống Nhị Thừa; hoặc là theo Nghiệp Lực trôi nổi theo dòng tử sinh, không thể hướng đến Phật Đạo; thế thì xưng niệm Phật A Di Đà là thích hợp nhất, cũng chính là cách giúp đỡ cho chúng sanh sẽ sanh tâm tu tập tốt nhất, là phương tiện nhiệm mầu ngăn ngừa không để Tín Tâm thoái thất (thoái lui, mai một).

• **Tu học theo pháp môn Tịnh Độ**

○ **Bảy cách tu theo Thập Tru Luận**

Xung, Niệm Phật A Di Đà gồm có: Lễ bái, Tán thán, Sám hối, Khuyến thỉnh, Tùy thuận, Hồi hướng.

○ **Thứ tự năm cách tu theo Tịnh Độ Luận**

Có năm cách tu thành tựu tuần tự theo Tịnh Độ Luận mà nói: Nên từ Lễ bái, Tán thán rồi đi vào Chỉ, Quán, Hồi hướng, cũng là cách thành tựu từ từ Trí huệ, Từ bi, Phương tiện. Đây là nguyên nhân chứng được Vô Thượng Bồ Đề không thoái chuyển; so với ý nghĩa trong luận của Bồ Tát Long Thọ như nhau: "Người cầu A duy Việt trí địa (đến mức Bất thoái chuyển), không chỉ Nhớ Nghĩ, Gọi Tên, Lễ Bái mà thôi".

**TỊNH ĐỘ DƯỢC SƯ**

不捨現法樂,

*Bất xả hiện pháp lạc,*

而向於菩提,

*Nhi hướng ư Bồ Đề,*

藥師大悲願,

*Dược Sư đại bi nguyện,*

東方現淨土.

*Đông phương hiện Tịnh Độ.*

Không rời hiện pháp lạc,

Còn hướng về Bồ Đề,

Dược Sư bi nguyện lớn,

Hiện Tịnh Độ phương Đông.

• **Tịnh Độ Dược Sư Lưu Ly ở phương Đông.**

○ **Pháp môn Dược Sư là thích ứng riêng cho một căn tánh**

Ở trong Tịnh Độ là con đường dễ đi, về sau, Phật Thích Ca tuyên bố Tịnh Độ Cực Lạc của Phật Di Đà; còn nói Tịnh Độ Lưu Ly của Phật Dược Sư. Đây là thích ứng riêng cho một loại căn tánh.

○ **Khác nhau giữa Tịnh Độ Dược Sư và Tịnh Độ Di Đà**

- ***Chán ngán, vứt bỏ hiện thực thế gian, chuyên chú, sau khi chết, vãng sanh về Tịnh Độ của Phật A Di Đà.***

Pháp môn Tịnh Độ của Phật Di Đà là chán ghét, buông bỏ hiện thực thế gian này. Phu nhân Vy Đề Hy cảm nhận sâu sắc khổ đau của thế sự, không muốn tái sanh thế giới này, vì vậy, Phật nói tịnh độ cực lạc. Hoằng dương pháp môn Tịnh Độ Di Đà cũng nói: 不厭娑婆, 不生極樂: Bất yếm Ta Bà, bất sanh Cực Lạc: Không chán cõi Ta Bà, không sanh về Cực Lạc. Do chán nhân gian này, cho nên chú trọng, sau khi chết, vãng sanh.

- ***Không chán ngán hiện thực nhân gian, không buông bỏ an vui hiện có; đó là chủ trương của Tịnh Độ Dược Sư.***

Nhưng có một số căn tánh thích hợp với con đường dễ đi, đối với hiện thật nhân gian, như thân thể khỏe mạnh, gia đình hòa thuận, xã hội phồn vinh, quốc gia giàu mạnh, thiên hạ

bình đẳng, hoàn toàn không có cảm nhận chán ngán, ghét bỏ. Để giúp đỡ người sơ tâm tu học này không buông bỏ được hiện thực an lạc, khiến cho họ cũng hướng về Bồ Đề; vì thế, Phật Thích Ca lại khai thị Tịnh Độ Phật Dược Sư.

- ***Sự khác nhau của hai Tịnh Độ đã nói lên đầy đủ về An vui Sau khi chết và An vui Hiện có.***

Tịnh Độ Dược Sư ở phương Đông, tượng trưng sanh trưởng; Tịnh Độ Di Đà ở phương Tây, tượng trưng quy tàng (sau khi chết). Trong giới Phật giáo Việt Nam (kể cả Trung Quốc), để giúp vong linh người chết siêu thoát nên xưng niệm Phật A Di Đà; để tiêu trừ tai nạn, sống lâu nên xưng niệm Phật Dược Sư để nói rõ sự khác nhau giữa an lạc đời sau và an lạc hiện tại.

- **Đặc sắc của Tịnh Độ Dược Sư.**

- **Phật Dược Sư bằng mười hai đại nguyện làm mục đích biểu hiện ra Tịnh Độ Lưu Ly**

Kinh nói: Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Vương, ở trong nhân địa, phát mười hai đại nguyện với mục đích: Phát sanh Tri Thức; xúc tiến sự nghiệp; cứu chữa thân thể tàn phế; nghèo khổ, bệnh tật không nơi nương tựa; ai ai cũng có đầy đủ cơm ăn, áo mặc, thuốc thang, khỏe mạnh; không tin tà kiến, ngoại đạo; không vi phạm pháp luật tử hình; nam, nữ

bình đẳng; tất cả chúng sanh đều thành Phật. Với hạnh nguyện như thế, ở thế giới phương Đông, hiện có thế giới Cực Lạc thanh tịnh là vậy. Tịnh Độ Lưu Ly, trang nghiêm là vậy. Bằng pháp môn Tịnh Độ này giúp đỡ Tín Tâm, khiến cho chúng sanh có được ích lợi hơn ở cõi người và trời, có được ích lợi để vãng sanh về Tịnh Độ; cuối cùng thành tựu Vô Thượng Bồ Đề.

○ **Quốc sư Ngọc Lâm khen ngợi Tịnh Độ Dược Sư**

Từ trước, quốc sư Ngọc Lâm gặp được kinh Dược Sư, khen ngợi là Phương Tiện cùng tốt. Bởi vì người có tâm chán cõi Ta Bà quá ít, so với Tịnh Độ Di Đà không tương ứng. Còn có pháp môn Tịnh Độ Dược Sư, với số người không có tâm buông bỏ, chán ngán cái an vui hiện tại ở cõi Ta Bà cũng có thể vãng sanh Tịnh Độ và thành Phật. Nguyên nhân quốc sư Ngọc Lâm khen ngợi Tịnh Độ Dược Sư là vì:

人間亦有揚州鶴，但泛如來功德船：Nhân gian diệc hữu Dương Chân Hạc, Đãn phiêm Như Lai công đức thuyền: Cõi người cũng có hạt Dương Châu, Chỉ thiếu thuyền công đức của Như Lai.

**TU TẬP BỐN LỰC**

勝解堅固力， *Thắng giải, kiên cố lực,*



歡喜休息力, *Hoan hỷ, hưu tức lực,*

能修於四力, *Năng tu ư tứ lực.*

精進不為難. *Tinh tấn bất vi nan.*

Lực thắng giải, kiên cố, Lực hoan hỷ, hưu tức,

Cố tu bốn lực này, Siêng năng chẳng ngại khó.

• **Con đường dễ đi có bốn loại lực Phương Tiện tuyệt hay đặc biệt**

Chúng sanh sợ hãi, yếu đuối, lười biếng, không dám siêng năng thẳng vào Đại Thừa, cho nên dùng con đường dễ đi làm phương tiện, dùng Tín, Nguyện làm phương tiện; hướng dẫn vào Đại Thừa, đi trên con đường tinh tấn. Thật ra, nếu có được phương tiện thiện xảo thì tinh tấn hoàn toàn không khó để thành tựu; nên tu tập bốn lực này để giúp sức cho tinh tấn thành công.

• **Nói về bốn lực phương tiện giúp sức cho tinh tấn thành công**

○ **Lực thắng giải (Tín, Hiếu)**

Thắng giải là Tín giải (Tín và Hiếu) sâu sắc.

- Đạo lý nhân quả của Tín, Hiếu nghiệp báo Thiện, Ác và lỗi lầm của vi phạm cùng công đức của hạnh nguyện Bồ Tát.
- Nếu có thể Tin, Hiếu sâu sắc thì sẽ khởi lên ham muốn an lạc, mong xa lìa tất cả ác, thành tựu tất cả công đức.

- Từ ham muốn an vui, tin hiểu như vậy, sẽ dẫn đến tinh tấn và khiến họ tu hành.

Vì vậy nói: "Đức Tin là nơi nương tựa của mong muốn; mong muốn là nơi nương tựa của chăm chỉ". Càng Tin, Hiểu triệt để sâu sắc cũng chính là càng siêng năng tu hành.

○ **Lực kiên cố (Vững chắc)**

Trong khi tiến tu phải có sức bền vững; ở đây có hai ý nghĩa:

- ***Có quyết tâm, hằng tâm mới nuôi lớn sự vững chắc của ý chí.***

Có một số người tùy tiện, nay tu pháp môn này, mai tu pháp môn kia, mà không quyết tâm, không hằng tâm, kết quả nuôi lớn tập quán xấu, do tu pháp nào cũng đều không thành tựu. Vì thế cần xem xét kỹ lưỡng rồi mới thực hành; có thể không thực hành chắc chắn thành tựu rất ráo; có bắt đầu có kết thúc, nhưng không thể giữa đường bỏ dở. Có vậy mới nuôi lớn sự kiên định của ý chí.

- ***Tôn trọng chính mình, cố gắng tự lực, kiên quyết gánh vác đại hạnh của Bồ Tát.***

Khi tiến tu phải tôn trọng chính mình, cố gắng tự lực. Thành Phật là việc lớn, chính mình phải ra sức tu hành, không thể hy vọng tha lực; cho nên nói: "Giải thoát sanh tử chỉ dựa vào sự tu tập của chính mình"; sự thất bại của thầy A Nan ở hội Lăng Nghiêm, sai lầm căn bản chính là ở đây. Phải

khẳng định chính mình có khả năng tu hành, có khả năng chiến thắng phiền não, kiên quyết gánh vác đại hạnh của Bồ Tát; nếu không kết quả không dừng.

○ **Lực hoan hỷ (vui vẻ)**

Trong quá trình tu học, đối với giáo pháp, tâm tràn đầy an vui; như nếm được vị ngon mà lòng không biết chán. Càng tiến tu càng hứng thú. Nhờ đây, mới có thể tu hành tinh tấn, mỗi ngày một uyên thâm hơn.

○ **Lực hưu tức (nghỉ ngơi)**

Nếu thân tâm cảm thấy mệt nhọc, nên nghỉ ngơi một tý. Nếu không thì đưa đến tâm lý chán nản, uể oải làm chướng ngại tu tập; hoặc tu đã thành tựu được công đức nào đó, dù có nghỉ ngơi chút ít, lòng cũng không cho là đầy đủ.

Với bốn lực, nếu có khả năng tu như vậy, giống như cuối nguồn của con sông dài, siêng năng tiến về phía trước, không ngừng thì đâu có gì là quá khó, không thể vượt qua.

### Nói chung hai Độ sau

#### ***Công đức Định, Huệ***

三乘諸勝德, Tam Thừa chư thắng đức,

悉由定慧生. Tất do Định, Huệ sanh.

Các thắng đức Ba Thừa, Đều do Định, Huệ sanh.

#### • Hai Độ sau

Từ đây về sau, nói chung hai Độ: Thiên Na và Bát Nhã.

- **Phân biệt giống, khác**

- **Giải nghĩa tên gọi**

Thiên Na dịch nghĩa là Tịnh Lự, thường gọi là Thiên Định hay Định.

Bát Nhã dịch nghĩa là Huệ, thường gọi là Trí Huệ.

- **Thành tựu của Định, Huệ tương ứng nhau, không lìa nhau**

Định cùng Huệ là do sự tu tập thành tựu của Bồ Tát (hay Thanh Văn) và là tương ứng, không lìa nhau, gọi là "Chỉ, Quán song tu"; Định, Huệ đều nhau.

- ***Dựa vào Huệ làm thể để đặt tên Định.***

Cũng do đây, trong pháp Thanh Văn và Bồ Tát thường dùng Thiên và Tam Ma Địa (Tam Muội: Định) đồng với Định; còn gọi Thiên Định là Na và Huệ tương ứng.

- ***Ví dụ Định tương ứng với Huệ.***

Trong pháp Thanh Văn như Không Tam Ma Địa, Thắng Nghĩa Thiên...; Đại Thừa như Lăng Nghiêm Tam Ma Địa, Như Lai Thiên...

- ***Đặc tánh và tu học Định, Huệ không giống nhau.***

Nhưng từ quyết tâm tu tập đến tánh đặc thù của Định, Huệ thì có thể nói: Định và Huệ có khác nhau.

- ✓ **Dựa vào đặc tánh mà đặt tên riêng Định, Huệ.**

Vì vậy, ba tầng thượng học của pháp Thanh Văn, ngoài Tâm tầng thượng học còn có Huệ tầng thượng học; Sáu Ba La Mật Đa của pháp Đại Thừa, ngoài Thiên Ba La Mật Đa còn có Bát Nhã Ba La Mật Đa.

✓ Từ tu tập đặt tên riêng Chỉ, Quán.

Từ tu học mà nói, phần nhiều gọi là Chỉ, Quán. Chỉ và Quán cũng không giống nhau.

✓ Không biết đặc tánh khác nhau của Định, Huệ dễ mắc phải lỗi lầm.

Người tu học Đại Thừa, ắt phải xác định được đặc tánh của Định, Huệ; nếu không thì sẽ cho Thiên là Huệ, cho rằng tu được Tứ Thiên là Chứng Tứ Quả; có được công đức Thiên Định mà lại cho là có được Trí Huệ thành Phật.

• **Định, Huệ là mục đích quan trọng của Tâm Thể, là hành quả của Tam Thừa**

Kể đến, Định và Huệ không chỉ là Tâm Thể của hành quả Đại Thừa mà cũng là mục đích quan trọng của hành quả Thanh Văn.

○ **Không có Định, Huệ, tất cả công đức không thể thành tựu**

Việc tu hành của Bồ Tát, tuy chú trọng Bồ Đề nguyện, tâm Đại Bi, Hồi hướng công đức; nhưng nếu không có Định, Huệ thì tất cả đều không thể thành tựu. Cho nên, kinh Giải Thâm

Mật nói: "Nếu các vị Thanh Văn, các vị Bồ Tát và chư Như Lai có được pháp Lành của thế gian và xuất thế gian nên biết đây là quả có được từ Xa Ma Tha (chỉ) và Tỳ Bát Xá Na (quán)". Chỉ và Quán do Định, Huệ thu được, từ phương tiện tu tập mà có tên.

- **Đối với Định, Huệ (tức Chỉ, Quán) thì người tu tập tôn trọng cả hai**, vì là mấu chốt của việc tu học hạnh Đại Thừa; cho nên, mới khen ngợi rằng "Các công đức thù thắng của Tam Thừa đều do Định, Huệ sanh ra.

e. Thiên Độ

### THỨ TỰ CỦA CHỈ, QUÁN

修習止觀者,	Tu tập Chỉ, Quán giả,
應先修習止;	Ứng tiên tu tập Chỉ;
止成觀乃成,	Chỉ thành Quán nãi thành,
次第法如是.	Thứ đệ pháp như thị.

Người tu tập Chỉ, Quán, Trước nên tu Chỉ;  
Chỉ thành, Quán cũng thành, Pháp thứ tự như thế.

- **Định nghĩa, đặc tính của Chỉ, Quán; Định, Huệ**  
Nói đến tu tập Định, Huệ chính là tu tập Chỉ, Quán.  
Thế nào là Chỉ, Quán; Định, Huệ?

- **Quán và Huệ.**
  - ***Do Quán thành Huệ.***

Huệ thì lấy Giải Trạch (chọn lựa) làm Tánh. Tiếng Phạn là Tỳ Bát Xá Na, dịch nghĩa là Quán. Kinh nói Quán là "Tu duy, chọn lựa chân chánh tốt cùng; truy tìm, suy nghiệm, quán sát cùng khắp". Vì thế, Huệ lấy xem xét, chọn lựa làm Đặc Tính.

- *Có người hiểu rõ chính là Quán Huệ, điều này không hợp với nghĩa của kinh.*

○ Chỉ và Định

Tiếng Phạn là Xa Ma Tha, dịch nghĩa là Chỉ, kinh nói Chỉ là "Tâm nhất Cảnh Tánh: Tâm, Tánh Cảnh là một"; "Nội tâm tương tục: Nội Tâm luôn luôn tiếp nối".

Ý nghĩa của Định là Giữ Tâm Bình Đẳng, cho nên chỉ là Tâm An với Một Cảnh, không phân tán, loạn động.

• **Thứ tự tu tập Chỉ, Quán**

○ Nên tu tập Chỉ trước

- *Chỉ, Quán có tác dụng hỗ tương, giúp nhau thành tựu.*

Chỉ và Quán không giống nhau, nếu tu tập Chỉ, Quán thì trước nên tu tập Chỉ. Ở đây không phải nói: Tu Định cho thật tốt, rồi mới tu tập Quán Huệ, mà sự thật là Chỉ và Quán có tác dụng hỗ tương, giúp nhau thành tựu. Khi chưa có tu Chỉ thành tựu trước thì tâm quán sát Huệ cũng còn tán loạn.

- *Quán Huệ dựa vào Định Tâm mà có được thành tựu.*

Thế tại sao nói trước nên tu Chỉ?

Ở trong quá trình tu tập Chỉ và Quán, nhất định tu Chỉ thành tựu trước; Chỉ đã thành tựu, sau mới có thể tu Quán thành tựu. Nếu Định Tâm không thành tựu thì Quán Huệ cũng không thành tựu. Dựa vào ý nghĩa này nên nói tu Chỉ trước.

○ **Trước Định sau Huệ là thứ tự tất nhiên trong kinh**

Trong kinh nói đến Chỉ, Quán; Định, Huệ; Thiền, Huệ cũng đều trước Định sau Huệ. Đây là thứ tự tu tập tất nhiên; không cần biết bạn nói cách nào, hết thấy đều là Đạo; nếu tu tập Chỉ, Quán đúng thì pháp ấy chắc chắn thứ tự là như thế.

Như vậy, ở đây trước nói Chỉ chính là sự tu tập của Thiền Định Độ.

### **Khả năng an trụ Tâm**

依住堪能性,

*Y trụ kham năng Tánh,*

能成所作事.

*Năng thành sở tác sự.*

Dựa vào Tánh kham năng,

Thành tựu tất cả việc.

- **Nói chung tu Chỉ được Định thành tựu nhiều việc lợi ích.**

Vì sao tu Chỉ mà được Thiền Định?

Nhờ tu Chỉ mà có được Định, thành tựu vô vàn sự nghiệp có nghĩa, lợi. Vì vậy nói: 制心一處, 無事不辦: Ché



Tâm nhất xứ, vô sự bất biến: Giữ Tâm một chỗ, không có gì không làm được.

- **Nói riêng**

- **Tu Chỉ có thể sanh ra Tánh Kham Năng (chịu đựng)**

- ***Nói rõ sức mạnh của tu Chỉ có thể làm lành, lánh ác được.***

Khi tu Chỉ Tâm được an Trụ; thân, tâm phát sanh nhẹ nhàng, thư thái và có sức mạnh làm lành, lánh dữ.

- ***Nói rõ chúng sanh không chịu nổi Tâm tán loạn.***

Chúng sanh một mực ở trong Tâm tán loạn; lực chống lại với Cảnh ham muốn; lực chế phục. Phiền não; lực tu tập việc Lành đều rất là yếu đuối. Nghĩa là hiểu ra có Tâm, không có sức; giống như thuyền đi ngược dòng, khó khăn dường nào! Thân thể cũng như thể khỏe mạnh, có lúc cũng cảm thấy mệt mỏi, không chịu nổi. Giống như người bị bệnh lâu, thân, tâm chậm chạp, nặng nề, yếu đuối, không chút sức lực.

- ***Tâm có sức chịu nổi khó khăn thì mới có thể thành tựu được việc làm.***

Nếu tu Chỉ mà ở được trong Chánh Định, dựa vào Tâm an trụ nên Tánh Kham Năng phát sanh; đó chính là từ thân nhẹ nhàng, an ổn phát sanh thân siêng năng; từ tâm khinh an phát sanh tâm tinh tấn. Tình trạng không thể chịu đựng nổi tán loạn, phiền não ở quá khứ; giờ đã hoàn toàn thay đổi. Dựa

vào Chỉ có được Tánh Kham Năng như vậy thì sẽ có Sức Mạnh tu tập và làm được những gì cần làm cho sự nghiệp.

○ **Ví dụ những việc phải làm của Tam Thừa**

**Thế nào là việc cần làm?**

▪ ***Thanh Văn hoàn thành bốn việc.***

Bậc Thanh Văn, dựa vào Định, mới có thể có được: 現法樂住: Hiện pháp lạc trú: An vui ngay ở đây và bây giờ; có được: 現法樂住: Thù thắng tri kiến: Có đôi mắt của Trời; 分別慧: Phân biệt huệ: Thấy rõ sự sanh tử của chúng sanh; 漏盡解脫: Lậu tận giải thoát: Phiền não hết được Giải Thoát.

▪ ***Đại Thừa hoàn thành Tự Lợi, Lợi Tha.***

Người tu tập theo Đại Thừa, dựa vào Định, phát sanh Thân, Tâm nhẹ nhàng, an lạc; phát sanh thân thông, công đức...; hiểu được diệu lý của pháp Phật; còn làm vô số sự nghiệp lợi ích cho chúng sanh.

Tóm lại, công đức thù thắng của Phật pháp đều không là Định; vì vậy nên chuyên Tâm tu tập Thiên Định.

**Bậc Thanh Văn**

- |  |   |  |
|--|---|--|
| 1. Hiện tại pháp lạc trú<br>(An lạc bây giờ ở đây)     | → | 1. Dẫn phát thân tâm khinh an<br>(Thân tâm phát sanh khinh an)                         |
| 2. Thù thắng Tri Kiến<br>(Trí Huệ giải thoát)          | → | 2. Dẫn phát thân thông, công đức...  |
| 3. Phân biệt Huệ<br>(Huệ dứt sai lầm)                  | → | 3. Năng thâm thậm thắng nghĩa<br>(Hiểu được nghĩa vi diệu Phật pháp)                   |
| 4. Lậu tận giải thoát<br>(Hết phiền não là giải thoát) | → | 4. Tác nhiều ích chúng sanh đa sự nghiệp<br>(Làm lợi ích cho sự nghiệp của chúng sanh) |

**Vượt qua trở ngại khi tu Thiền Định*****Nói chung***

由滅五過失,      *Do diệt ngũ quá thất,*

勤修八斷行.      *Cần tu Bát Đoạn Hạnh.*

Do diệt năm lỗi lầm,      Siêng tu Tám Đoạn Hạnh.

- **Tư lương và điều nhiếp của tu Định như trước đã nói**  
Dựa vào Tâm Từ an trụ trong Tịnh Giới là Tư Lương không thể thiếu mà người tu Chánh Định có được; Điều thân, Điều tức đã nói sơ qua trong ngũ thừa cộng pháp.
- **Nói chung tu năm lỗi lầm, tám đoạn hạnh nên phát sanh Chánh Định**
  - **Diệt năm lỗi lầm**

Cần dụng tâm tu tập như thế nào thì mới có thể phát sanh Chánh Định?

Phải từ chỗ diệt năm loại lỗi lầm này mới thành tựu được.

Năm loại lỗi lầm là: Giải đãi: Lười biếng; Vọng Thánh ngôn: Quên lời Phật dạy; Hôn trầm, trạo cử: Phiền não làm tâm tăm tối, chìm đắm bởi Vô minh, và khiến cho tâm không an tĩnh; Bất tác hành; Tác hành.

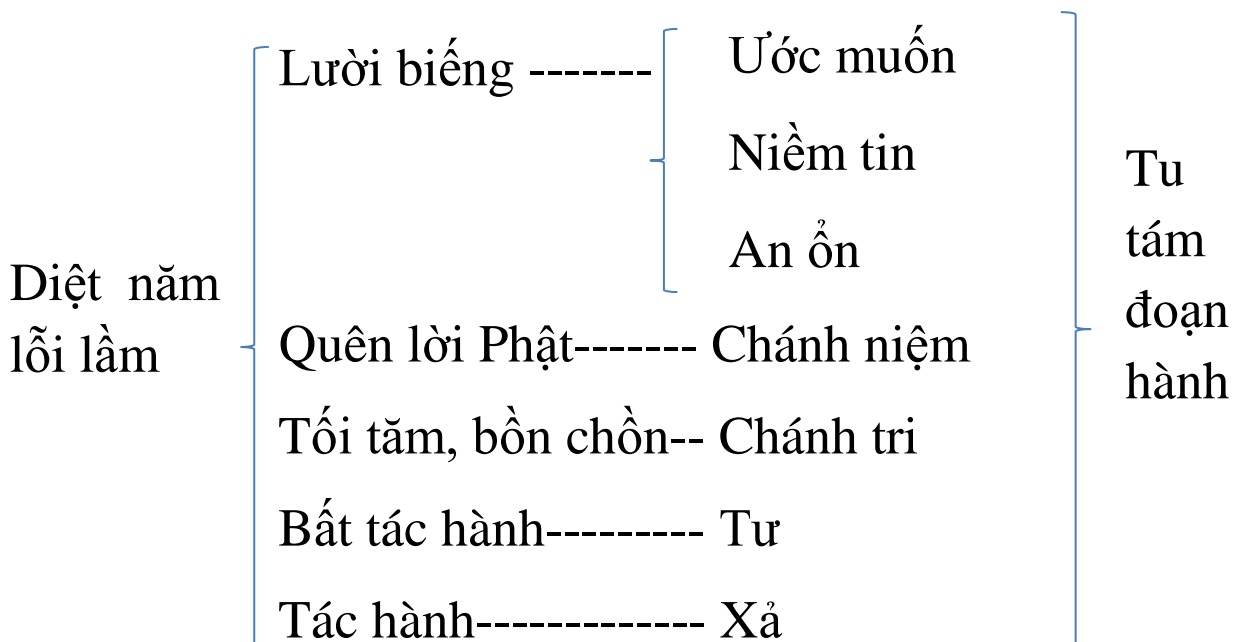
○ **Tu tám Đoạn Hạnh**

Làm sao có thể diệt năm lỗi này? Chỉ cần siêng năng tu tám loại Đoạn Hạnh.

Tám Đoạn Hạnh là: Tín (niềm tin); Dục (ước muốn); Cần (siêng năng); An (an ổn); Niệm (chánh niệm); Tri (biết đúng); Tư (suy nghĩ đúng); Xả (buông bỏ).

*Tu tám Đoạn Hạnh*, diệt năm lỗi lầm thì, tự nhiên, thành tựu Định Tâm. Cũng như vậy, nếu phá trừ xong chương ngại, mới bình an đi đến đích.

**Biểu đồ**



*Nói riêng***Đôi tri Lười Biếng**

懈怠為定障,                      *Giải đãi vi Định chướng,*  
 信勤等對治。                      *Tín, Cần đẳng đối trị.*  
 Lười biếng làm chướng Định,      Lấy Tín, Siêng đối trị.

- **Bốn đoạn hạnh đầu diệt trừ lỗi lười biếng**

Thắng đức là kết quả của tu Thiên Định cần có tâm tin tưởng, tâm chịu đựng, không ngừng học tập mới thành tựu được. Vì vậy, từ mới học đến học tập thành tựu, lười biếng là chướng ngại lớn cho việc tu tập Định; nếu không có tin tưởng, siêng năng đối trị thì không thể tu hành.

- **Nói sơ về quá trình thứ tự cách đối trị**

- **Siêng năng là cuối, tin tưởng là đầu**

- ***Do siêng năng diệt trừ lười biếng.***

Lười biếng là thiếu dũng khí đối với việc lành; lơ là, lầy lệ là phiền não làm trở ngại sự siêng năng. Nên diệt trừ lười biếng, không siêng năng, không thể thành tựu.

- ***Do cầu mong, nguyện vọng sanh ra siêng năng.***

Nhưng tinh tấn tu tập Định phải xuất phát từ nguyện vọng đối với Thiên Định mà ra. Nếu một lòng muốn thành tựu công đức Thiên Định, không được dừng, tự nhiên thích thú tu tập, không thấy uể oải, chán nản.

▪ ***Siêng năng và nguyện vọng đều từ Tín Tâm mà ra.***

Nhưng điều này phải từ trong tín Tâm mà ra: Tin sâu vào công đức Thiên Định và có thể tu tập thành tựu, càng tin chính mình đây là tu học thiết thực, chắc chắn thành tựu. Đã có Tín Tâm này thì, tự nhiên, "Tin là chỗ dựa của mong muốn, mong muốn là chỗ dựa của siêng năng". Nhờ vậy, tinh cần tu tập, không biếng nhác.

○ **Tin sâu vào trạng thái khinh an của cảnh giới Thiên Định thì có thể tiến tu Định.**

Ở trong Tín Tâm Thiên Định, điều quan trọng nhất là tin vào trạng thái khinh an, tự tại của cảnh giới Thiên Định; thân tâm vững vàng, nhạy bén; khiến cho đi vào một cảnh giới mới. Nếu đối với trạng thái khinh an của Định mà thâm tín được thì đây đúng là yếu tố dẫn đến phát sanh tinh tấn.

• **Bốn Đoạn Hành là học trình chủ yếu trước hết cho người mới học**

Tu bốn loại Đoạn Hành: Tín, Dục, Cần, An để diệt trừ Lười Biếng, Lỗi Lầm. Đó thật là đã thấu suốt trọn vẹn quá trình Tu Định; nhưng khi bắt đầu tu tập thì đây là học trình đặc biệt coi trọng.

**Không được quên lời Phật dạy**

***Nhớ rõ Chánh Niệm.***

正念曾習緣,                    *Chánh niệm tăng tập duyên,*  
 令心不餘散,                    *Linh tâm bất dư tán,*  
 明記不忘念,                    *Minh ký bất vong niệm,*  
 安住而明顯.                    *An trụ nhi minh hiển.*

Chánh niệm từng tu tập,      Khiến tâm không tán loạn,  
 Nhớ rõ chớ quên niệm,      An trụ và soi sáng.

• **Chánh niệm trừ lỗi lầm quên lời Phật dạy**

○ **Tu Chỉ, quan trọng ngay khi bắt đầu, là Chuyên Tâm vào Một Cảnh**

▪ ***Tâm cột vào Một Cảnh là sức mạnh của Chánh Niệm.***

Khi tu Chỉ, chủ yếu, là khiến Tâm đồng nhất với Tướng của Một Cảnh thì An Định sẽ đến.

Khiến Tâm cột chặt vào Một Cảnh là sức mạnh của Chánh Niệm.

Chánh Niệm như dây thừng làm cho Tâm cột Một Cảnh, không để cho Tâm trôi nổi, tán loạn đây đó.

▪ ***Cảnh Tướng đã từng nhớ nghĩ đến trở thành tập quán.***

Niệm (nhớ) Cảnh nào đây? Đó là Tăng Tập Duyên. Duyên là Cảnh Sở Duyên. Tăng Tập Duyên là Cảnh Tướng của tập quán đã từng trải qua.

Như người tu niệm Phật, trước phải quán sát thật kỹ Tướng Phật; khi tu tập nhớ nghĩ đến Tướng Phật để cho Tướng Phật hiện trong Tâm.

Như người tu pháp môn Bất Tịnh, luôn luôn Niệm (nhớ) đến tử thi qua các tướng xanh lè, sinh lên, máu mủ rỉ ra, hôi thúi... từ Tướng Bất Tịnh của xác người chết.

Niệm là nhớ nghĩ đến Cảnh đã từng huân tập; Tu Niệm mới có thể thành Định; cho nên, Định thì không thể lấy Ảo Tướng để tu tập thành tựu được.

- ***Niệm niệm không quên Sở Duyên thì từ từ khiến Tâm An Định.***

Đã có Chánh Niệm thì có thể diệt trừ sai lầm "quên mất lời Phật dạy" (pháp nghĩa chỉ dạy của Phật). Đó là căn cứ Sở Duyên để Tu Chỉ. Niệm niệm không quên Sở Duyên thì có thể khiến cho Tâm Không rong ruổi, tán loạn theo cảnh khác và Tâm sẽ từ từ an định.

○ **Chẳng những An trụ mà còn Sáng Suốt**

- ***An trụ, sáng suốt khiến cho Tâm tăng thêm sức mạnh, không còn tán loạn, không còn hôn trầm.***

Tâm của chúng sanh lúc sáng suốt lúc tán loạn; lúc vắng lặng lúc tối tăm, mê muội.

Tối tăm thì không sáng suốt, không có sức mạnh.



Sáng suốt mà lại tâm tán loạn, giống như ngọn đuốc trong gió, chập chờn, không đứng yên thì công dụng của nó cũng như không.

Vì thế, mục tiêu chủ yếu của Tu Chỉ là thành Định, là sức mạnh của tâm tăng lên; có thể làm việc lớn mà người bình thường không làm được. Cho nên cần phải tu tập tâm này càng sáng suốt càng an trụ, càng an trụ càng sáng suốt.

▪ ***Chánh Niệm là Chính, Chính Tri là Phụ.***

Làm sao mới được vừa An Trụ vừa Sáng Suốt?

Việc này phải lấy Chánh Niệm là Chính, lấy Chính Tri là Phụ để tu tập.

Tâm này có thể ghi nhớ Sở Duyên rõ ràng, không đến nỗi quên mất (Vong Niệm); Vong Niệm làm chướng ngại Chánh Niệm, khiến cho Tâm quên mất sở duyên. Khi tu tập, nếu bằng sức mạnh Chánh Niệm của Tâm thì có thể An Trụ nơi Sở Duyên, không chạy tán loạn theo Cảnh Khác, giúp nó tương tục An Trụ tiếp theo. Nhưng An Trụ mà phải Sáng suốt thì cần phải có Chánh Tri lúc nào cũng Quán Chiếu, biết chắc đang ở tại Cảnh Sở Duyên.

Như người niệm Phật, không chỉ Tâm trú nơi Tượng của Phật mà còn, hiểu rõ Phật Tượng. Được thế, Phật Tượng từ từ hiện rõ trước mặt.

- ***Nội dung trọng yếu trong học trình Tu Chỉ là An Trụ và Sáng Suốt.***

An trụ mà còn Sáng suốt như thế, đó là Minh và Tĩnh, là nội dung trọng yếu trong học trình Tu Chỉ. Xin chớ lấy việc Chuyên Tâm vào Một Cảnh là được; như vậy sẽ rơi vào trong Vô Ký Hôn Trầm (trạng thái không phân biệt, tối tăm về Thiện, Ác).

- **Bình luận về hiểu lầm rằng không cần cột Tâm vào Một Cảnh**

- **Hiểu về không cần cột Tâm vào Một Cảnh.**

Có người cho rằng tôi tu không chấp Tướng, không phân biệt, không cần cột Tâm vào Một Cảnh mà cũng có Tu, có Chứng.

- **Phê bình, bác bỏ**

Điều này, đương nhiên, là có chút hiểu nhầm!

- ***Không chấp Tướng, không phân biệt vẫn cần cột Tâm vào Sở Duyên.***

Mặc dù không chấp Tướng, không Phân Biệt, nhưng vẫn còn có nhận thức đối với Cái Đó, rồi sau, mới chuyên Tâm vào đó tu tập. Đây không phải là Cột Niệm vào Sở Duyên (đối tượng) sao? Nếu như cái gì cũng đều không nghĩ đến (người mới học không có khả năng này), mờ mịt như linh hồn người chết thì có thể thành được gì?

- ***Tham thoại đầu của Thiên Tông cũng phải Cột Niệm vào Một Chỗ.***

Ví như thiền sư của Trung Quốc nêu lên một câu: 念佛的是誰? Ai đang niệm Phật? 拖死屍的是誰? Ai đang kéo lê cái thây ma đây? Tuy tác động này khởi lên Nghi Tĩnh, về phương tiện có khác chút đỉnh, nhưng từ đây khiến cho Tâm trở thành một khối, rơi rớt vô biên vọng Niệm. Đây không kể là Cột Niệm vào một chỗ sao?

### ***Chọn lựa Sở Duyên (đối tượng)***

聖說是所緣, *Thánh thuyết thị Sở Duyên,*  
 能淨惑障者, *Năng tịnh hoặc chướng giả,*  
 或順於正理, *Hoặc thuận ư chánh lý,*  
 能向於出離. *Năng hướng ư xuất ly.*

Lời Phật là Sở Duyên; Làm sạch được Hoặc Chướng;  
 Hoặc thuận với Chánh Lý; Có thể hướng về Xuất Ly.

### • **Nguyên tắc chọn lựa Sở Duyên**

- **Sở Duyên của Tu Định, kinh Du Già nói có bốn loại**

Cuối cùng nên trụ tâm ở Sở Duyên gì mới có thể tu tập Định thành tựu?

Lời của bậc Thánh là Sở Duyên, là không có Nhất Định. Không Nhất Định không phải là nói gì cũng được mà là,

trong rất nhiều Duyên để Nhớ (niệm) Cảnh không có nhất định một Duyên nào.

Du Đà sư nói: Có bốn loại Sở Duyên: Chu biến Sở Duyên; Tịnh hạnh Sở Duyên; Thiện xảo Sở Duyên; Tịnh hoặc Sở Duyên.

○ **Sở Duyên Thánh nói, dĩ nhiên, hợp với Tịnh Hoặc và Thuận Lý**

Tóm lại, trong Thánh Giáo nói có rất nhiều Sở Duyên chắc chắn hợp với hai nguyên tắc lớn: Năng Tịnh trị Hoặc Chương; Khế hợp với Chánh Lý.

● **Trình bày Cảnh Sở Duyên Tịnh Hoặc cho đến Đoạn Hoặc**

○ **Lìa xa Dục cho đến cắt đứt Hoặc, đó mới chỉ là Cảnh Sở Duyên**

Đã duyên cảnh này để tu tập Trụ Tâm thì từ từ có thể điều phục được Phiền Não, hoặc là cắt đứt không cho nó khởi lên. Như vậy mới có thể dẫn đến Chánh Định. Định là lìa (phiền não) Dục mà có được. Sở Duyên này hoặc cùng với thế gian hoặc lìa thế gian, có thể đi theo con đường Xuất Ly để tu tập Đoạn Hoặc Chứng Chân. Đây mới chỉ được Duyên lấy làm Cảnh.

Nếu duyên phải đối tượng hoang đường, nghịch lý thì, trái lại, phiền não tăng thêm; nếu duyên phải đối tượng là dâm dục, oán thù hoặc vật vô nghĩa như đất, đá, cây, cỏ mà, không phát cuồng thành bệnh là may lắm rồi, nói chi là Đắc Định.

○ **Nói sơ các loại Cảnh Sở Duyên**

▪ ***Có năm loại Cảnh Sở Duyên đối trị Phiền Não.***

Đối trị phiền não thì từ từ điều phục như lấy Bất Tịnh trị Tham Dục, lấy Từ Bi trị Sân Hận, lấy Duyên Khởi trị Ngu Si, lấy Giới (界) trị Ngã Chấp, lấy quán Sở Tức Tâm Tư trị tán loạn. Đây là tăng thêm sức mạnh của Định tùy theo Phiền Não mà đưa ra pháp môn đối trị không giống nhau.

▪ ***Có năm loại Cảnh Sở Duyên thuận theo Chánh Lý.***

Thuận theo Chánh Lý như lấy năm loại thiện xảo: Uẩn, Giới, Xứ, Duyên Khởi, Xứ Phi Xứ làm Duyên. Năm loại này đều thuận theo Chánh Lý nên có thể diệt trừ Ngu Si.

▪ ***Tướng chung Cảnh Sở Duyên của bậc xuất thế đoạn trừ Hoặc (phiền não).***

Tổng tướng Sở Duyên của bậc xuất thế đoạn trừ Hoặc là tất cả pháp Vô Ngã, tất cả pháp Tánh Không.

○ **Nói rõ sự khác nhau của Sở Duyên Chỉ Quán.**

Những Sở Duyên này đều thông với Chỉ Quán.

Nếu cột Tâm vào những Sở Duyên này, giữ Tâm an trụ, không để cho trôi nổi, tán loạn, không tăng cường quán sát; điều này được gọi là "Vô phân biệt ảnh tượng": Không phân biệt ảnh tượng. Đó là Sở Duyên của Chỉ (samatha).

### Cảnh duyên của Đại Thừa.

#### *Hai Niệm*

大乘多修習,      *Đại Thừa đa tu tập,*  
念佛與念息.      *Niệm Phật dữ Niệm Tức.*

Đại Thừa nhiều tu tập,      Niệm Phật và Niệm Tức.

- **Cảnh Sở Duyên tu Chỉ của Thanh Văn và Đại Thừa, mỗi bên đều có sự khác nhau**

Có thể làm Cảnh Sở Duyên của Tu Chỉ tuy có rất nhiều.

Pháp của Thanh Văn, phần nhiều, Tu Niệm Bất Tịnh và Niệm Đếm Hơi Thở; bởi vì pháp này dứt trừ Tham Dục và Tán Loạn và rất dễ phát sanh Định.

Nhưng giới Phật giáo Đại Thừa, cũng phần nhiều tu tập pháp Niệm Phật và Sở Tức.

- **Nói sơ qua về Niệm Phật và Sở Tức của Đại Thừa**

- *Niệm Tức (sở tức: Đếm hơi thở)*

Phương pháp Sở Tức, ít nhiều có khuynh hướng xem trọng thân thể.

- *Niệm Phật*

▪ ***Niệm Phật là pháp môn quan trọng của Đại Thừa.***

Đại Thừa lấy Thành Phật làm mục tiêu, cho nên, Niệm Phật là pháp môn quan trọng của Đại Thừa.

▪ ***Pháp môn Niệm Phật là pháp môn dễ thật hành.***

✓ Có bốn cách Niệm Phật theo thứ tự cạn, sâu:

- Xưng danh Niệm Phật giống như con đường dễ đi; nếu được Nhất Tâm Bất Loạn, đây chính là Niệm Phật Tam Muội (Định).

- Quán Tướng, Duy Tâm cho đến Thật Tướng Niệm Phật.

Tuy trọng điểm của pháp môn Niệm Phật là Nhớ (niệm) đến Thân Tướng và Công Đức của Phật, xưa gọi là Quán Tướng và Quán Tướng Niệm Phật. Nếu từ Tâm khởi lên, dựa vào cách này mà Niệm Phật; niệm Phật đúng như Thật Tướng. Đây chính là Thật Tướng Niệm Phật, đi vào nghĩa lý nhiệm mầu của Thiên Quán xuất thế.

- Từ cạn vào sâu, quán triệt tất cả.

Cạn một chút là niệm Phật có công đức của sám hối nghiệp chướng, của tích tập căn lành.

Sâu một chút là Duyên theo Tướng thành tựu Định, càng tiến càng đi vào Chứng Ngộ.

Pháp môn Niệm Phật là từ cạn đi vào sâu đến quán triệt tất cả.

Vì vậy, ở trong năm Tịnh Hạnh của Đại Thừa đã sớm lấy pháp môn Niệm Phật thay thế cho pháp môn Giới Phân Biệt.

✓ Niệm chư Bồ Tát.

Niệm Phật còn niệm Bồ Tát như Bồ Tát: Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm đều có thể dựa vào Tướng để nhiếp Tâm tu tập.

○ *Pháp môn niệm Phật đối với Phật, Trời như nhau*

Tiến thêm một bước, các vị Kim Cang, Dạ Xoa là hình ảnh của Phật, Bồ Tát hóa hiện, nên cũng có thể dựa vào quý Ngài để tu tập, nhưng như vậy đã trở thành Tu Thiên rồi; bởi vì Phật mà không có tướng giải thoát, tướng từ hòa mà hóa ra tướng phần nộ, tướng tham dục. Đến đây, Phật và Trời dường như hợp nhất.

○ *Sự khác nhau từ Niệm Phật đi vào Đại Thừa hoặc Phật Thừa*

Tuy Đại Thừa hoàn toàn không phải là Thiên Thừa; tu Chỉ hoàn toàn không phải là tu Quán. Vì thế, mặc dù cũng gọi là Niệm Phật nhưng, cuối cùng chú trọng Định mà đưa vào Thiên Thừa. Đây còn vì hóa ra công hạnh Thiên Thừa nên cho vào Phật Thừa. Điều này cần xem có dựa vào tính chất đặc biệt của Đại Thừa, hay không. Đó là tu tập dựa vào ba Tam Tương ưng.



***Niệm Phật***

念 佛 由 意 念,            *Niệm Phật do Ý niệm,*  
 真 佛 非 像 佛;            *Chân Phật phi tượng Phật;*  
 觀 相 而 持 心,            *Quán tướng nhi trì Tâm,*  
 善 識 於 方 便.            *Thiện thức ư phương tiện.*

Niệm Phật từ Ý niệm,            Chân Phật phi tượng Phật;  
 Quán Tướng để giữ Tâm,        Đối phương tiện khéo hiểu.

- **Niệm Phật là Tu Chỉ phải chú trọng vào Ý Niệm**

Cột Ý vào Niệm Phật làm Sở Duyên khi tu tập, nên biết đây là Từ Ý Niệm

Xung danh Niệm Phật, thông thường Tâm tán loạn, còn phải chú trọng vào Ý Niệm, huống chi lấy Tượng Phật làm Sở Duyên để Tu Chỉ?

- **Tu Chỉ thành Định đến từ Ý Thức, chẳng phải từ năm Thức Trước**

Ngay từ đầu, thâm định tướng hảo của Phật để tu tập; xin đừng, vì tượng Phật không dễ hiện lên, hiện khởi cũng không dễ kiên định mà đặt tượng Phật trước mặt rồi, chăm chú mắt nhìn vào tượng Phật mà tu tập. Tu Chỉ thành tựu Định là Ý Thức ở trong Định, chứ không thuộc năm Thức Trước.

Vì thế, nếu Nhãn Thức lấy Sắc Tướng để tu thì Tâm chuyển là do tác động từ bên ngoài; chính điều này, dù làm thế nào, cũng không thể Nhập Định được.

Phải biết cột Tâm vào Tướng Sở Duyên là hướng nội nhiếp Tâm, là hình tượng được an lập do Ý Thức, cho nên, Tướng Sở Duyên của Chỉ Quán cũng gọi là Ảnh Tượng.

Đã là Tu Chỉ đều là ảnh tượng được Ý Thức dựng lên và khiến cho nó (ý thức) an trụ; không chỉ có Niệm Phật là như thế.

Có một số người Tu Chỉ được một chút an định. Năm Thức Trước tiếp nối lưu chuyển không có phân biệt Tùy Niệm và Kế độ, rồi cho là Định Vô Phân Biệt; thật đáng nực cười.

○ **Sở Duyên Phật tượng nên tưởng tượng là Phật thật.**

Lại có người, khi mới học dựa theo tượng Phật bằng đá, bằng gỗ, bằng giấy nhận thấy tướng rõ ràng; sau, duyên các tướng này nhiếp Tâm để tu tập. Nhưng khi tu tập nên nhận biết Sở Niệm là Phật Thật, hoàn toàn không phải là tượng Phật bằng gỗ hay đá... Khi tu tập thành tựu như vậy thì Phật hiện ngay trước mặt, phóng quang, thuyết pháp... Nếu chỉ

nương vào Phật tượng mà tu thôi thì sẽ mất đi những công đức này.

• **Tu học theo Quán Tượng Niệm Phật phải theo tuần tự**

Tóm lại, quán tượng Phật là Cảnh để giữ Tâm an trụ; nên biết phương tiện có rất nhiều, cho nên, nói: "Phương tiện khéo hiểu biết".

○ **Tu học theo thứ tự từ thô đến tế**

▪ **Ví dụ:** Ban đầu nương nơi tượng Phật mà tu tập, không cần đòi hỏi tỉ mỉ; có thể sơ lược tổng quát tượng Phật là được.

▪ ***Thô tướng vững chắc, quán sát kỹ tướng của từng bộ phận trên thân thể một cách tỉ mỉ.***

Chỉ đến khi tướng Phật hiện ra trước mắt và từ từ vững chắc; nếu một bộ phận đặc biệt nào đó hiển hiện rõ ràng thì, chớ ngại, duyên vào đây mà tu tập. Như chẻ tre, đốt thứ nhất đã chẻ được, các đốt còn lại chỉ theo lưỡi dao, tách ra. Quán Phật tượng cũng như vậy, nếu tướng thô đã an trụ rõ ràng, lại quán đến tướng tế; Tâm lực càng mạnh, chính là Phật tượng đã được nói đến trong kinh Hoa Nghiêm và đều có khả năng tu tập được thành tựu.

▪ ***Thực tập quá gấp trở thành chướng ngại cho Định.***

Vì vậy, mới bắt đầu phải chuyên nhất, xin chớ lúc niệm đối tượng này, lúc niệm đối tượng kia hoặc cầu cho mau sáng tỏ,

cầu cho mau đến chỗ vi tế; ngược lại, sẽ thành chướng ngại cho Định.

○ **Tướng Phật sở quán không thể Tâm, Cảnh không tương ứng**

Còn như tướng Phật là ảnh tượng của Ý Thức hiện khởi, tùy Tâm Lực mà thành, vì thế, phải nương theo Nhân, Quả.

Nếu duyên tướng Phật A Di Đà mà Phật Thích Ca hiện ra; duyên tướng Phật mà Bồ Tát hiện ra; duyên Phật đứng mà Phật ngồi hiện ra. Như vậy, duyên tu và ảnh tượng hiện ra không giống nhau, không tương ứng. Xin chớ tiếp tục trụ vào Cảnh Tướng hiện ra ấy mà nên, vẫn dựa vào Tướng Sở Duyên ban đầu Tu Tập mà nhiếp Tâm.

***Niệm Tức***

念息數隨止,      *Niệm tức sở tùy chỉ,*

非風非喘氣.      *Phi phong phi suyển khí.*

Niệm Tức: Sở, Tùy, Chỉ;      Không thôi, không khò khè.

• **Sơ lược phương pháp Sở Tức**

○ **Niệm Tức là Định học nhằm an ổn Thân, Tâm**

Lấy Niệm Tức làm phương tiện để Tu Chỉ, cũng là pháp môn dễ dàng thực hiện. Một hơi thở ra, một hơi hít vào gọi là Một Tức. Tức dựa vào Thân, Tâm mà chuyển động. Tho động hoặc an định của Thân, Tâm đều có quan hệ mật thiết;

cho nên, Định Học là làm cho Thân, Tâm an định; đối với Tu Túc rất xem trọng.

○ **Lược nói ba pháp môn đều từ sáu pháp môn nhiệm mầu.**

Tu Túc có sáu cách: Sô, Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn, Tĩnh. Ba cách sau là phương pháp Quán dựa vào Chỉ khởi lên Quán.

▪ ***Đếm hơi thở (Sô Túc).***

Đếm hơi thở lấy hơi thở làm sở duyên; khi hít vào, dùng Tâm dẫn hơi thở đến dưới rốn; khi thở ra; Tâm theo hơi thở đi lên đến mũi. Một hơi hít vào, một hơi thở ra là Một Túc. Nếu đếm hơi thở hít vào thì không đếm hơi thở ra; nếu đếm hơi thở ra thì không hơi thở hít vào, âm thầm đếm như vậy, đến mười thì ngưng rồi bắt đầu trở lại đếm từ một.

Sô Túc giống như lần chuỗi niệm Phật làm cho Tâm dính liền với Hơi Thở, là Sở Duyên trong khi Tâm chuyển động, không để cho Tâm quên mất. Người mới học đếm được nửa chừng thì quên, nếu vậy thì đếm lại từ đầu, từng hơi, từng hơi mà không gắng sức, luôn nhớ nghĩ rõ ràng.

▪ ***Theo hơi thở (Tùy Túc).***

Lâu dần Tâm an tĩnh, không còn quên lãng thì chẳng cần phải đếm nữa, chỉ cần Tâm theo hơi thở; Tâm, Hơi Thở

nương nhau, theo hơi thở lên, xuống; biết hơi thở khắp thân thể. Như vậy, ngay cả nhớ hay không nhớ đếm cũng là xa.

▪ ***Chỉ Tức.***

Tu Tức, từ Sổ Tức, Tùy Tức lâu dần đi đến thành tựu. Tâm và Hơi Thở không rời nhau như hình với bóng. Một lúc nào đó, thành linh, Tâm, Hơi Thở bất động; Thân, Tâm hòa tan vào Định, cũng chính là thành tựu của Tu Chỉ.

• **Nói sơ về Hiện Tượng và Tướng Hơi Thở trong khi Niệm Tức**

○ **Hiện tượng và quá trình của Tu Tức**

- ***Hơi thở nên dài ra, vi tế, đều đặn; chớ có lúc dài, lúc ngắn; cũng không được gắng gượng.***

Đã Tu Tức lấy vi tế, dài ra của hơi thở là vi diệu; nhưng người mới học không được gắng gượng để khỏi tổn thương khí huyết.

Hơi thở còn phải đều đặn, chớ có lúc dài lúc ngắn.

- ***Chớ lấy hiện tượng thông suốt khí huyết, hơi thở mà rơi vào lối mòn phép luyện khí công, luyện đan (thuốc trường sinh) của Đạo gia.***

Giữ hơi thở trong pháp Phật có bốn ý là nhiếp Tâm và Định, cho nên, không thể vướng mắc tướng tượng xảy ra trên thân thể. Tu tập lâu thì dường như bụng nhỏ mà chứa đầy đến phát sanh nhiệt lượng hoặc khi hít vào hơi thở đến tận đầu

ngón chân hoặc cảm nhận khí huyết, hơi thở xuống dưới đan điền; từ dưới cột sống lại truyền theo xương sống lên trên hoặc khi khí đi qua, do ảo giác như có ánh sáng, âm thanh. Đây đều là do lưu thông của khí huyết và hơi thở, là hiện tượng tự nhiên thuộc sinh lý. Xin chớ lấy làm lạ hay để bị mê hoặc, rồi rơi vào lối mòn của ngoại đạo khí công, luyện đan.

○ **Tướng của hơi thở lấy nhẹ nhàng, đều đặn và dài làm tiêu chuẩn**

▪ ***Không có tướng gió thổi.***

Khi hơi thở ra, vào giống như tiếng gió rung động phát ra tiếng. Như thế là thô quá, không được.

▪ ***Không có tướng khò khè.***

Hơi thở này, tuy ra, vào không có tiếng nhưng không thông ở cổ họng, giống như tiếng dao vót tre, rít lên từng chập, hình như nghe thoáng qua.

▪ ***Không có tướng khí.***

Tuy hơi thở đã thông suốt nhưng vẫn còn cảm giác ở miệng, mũi có luồng khí ra, vào.

▪ **Lìa xa tướng gió, tướng khò khè, tướng khí này; chỉ còn lại nhẹ nhàng, vi tế, đều đặn và dài mà người xưa hình dung là thanh thang bất tận, như còn như mất mới hợp với mẫu mực của tướng hơi thở.**

## Đôi phó với Hôn trầm và Trao cử

覺了沈與掉,                      *Giác liễu Trầm dữ Trao,*

正知不散亂.                      *Chánh tri bất tán loạn,*

Hiểu rõ Hôn trầm và Trao cử,      Biết đúng hết tán loạn.

### • Sau Chánh Niệm đến Chánh Tri, diệt trừ Hôn trầm và Trao cử

Lấy Chánh Niệm để Nhiếp Tâm, đạt đến giai đoạn An trụ ở Sở Duyên; rồi lấy Chánh Tri diệt trừ sai lầm của Hôn trầm và Trao cử.

### • Nói rõ Hôn trầm và Trao cử

#### ○ Định nghĩa Hôn trầm và Trao cử.

Trao cử có một phần Tham, một phần đắm nhiễm Cảnh khả ái; tâm không tự tại; dẫn, khởi lên tâm tán loạn theo ngoại Cảnh.

Hôn trầm có một phần si, một phần thân thể, tâm nặng nề, trì trệ đưa đến năng lực yếu kém cho việc nhiếp tâm ở Sở Duyên, không sáng suốt, rõ ràng.

#### ○ Chủng loại của Hôn trầm và Trao cử

##### ▪ *Lúc mới tu Hôn trầm và Trao cử còn thô và nặng.*

Lúc mới tu Vọng Tưởng rối rắm, hoặc là Hôn trầm tăm tối; so với Tu Chỉ thì sai lầm quá nặng nề, hoàn toàn không tương ứng. Điều này rất dễ nhận biết, ở đây không cần nói đến.



▪ ***Khi an trụ ở Sở Duyên thì Hôn và Trao trở thành vi tế.***

Ở đây muốn nói là: Niệm đã an trụ nơi Sở Duyên thì nên biết rõ Hôn trầm, Trao cử cũng đã vi tế.

Nếu không thể biết rõ hoặc làm cho là Định Lực đã an ổn. Như vậy thì tu tập đã đình trệ, không tiến thêm được; từng ngày qua đi, lâu dần, tu tập sẽ thoái lui, rơi rớt. Điều này rất quan trọng.

✓ Tướng trạng vi tế của Hôn trầm và Trao cử.

Nếu ở trong quá trình tu tập, hiểu được ảnh tượng không an định, không rõ ràng; hoặc biết được Tâm Lực yếu kém; không thể tiến lên mạnh mẽ. Điều này minh chứng Trầm, Trao còn tồn tại vi tế.

✓ Dựa vào Chánh Niệm khởi lên Chánh Tri trừ bỏ Trầm và Trao.

Ở đây chỉ cần Chánh Niệm an trụ, liên tục ức niệm, quán sát miên mật thì có thể sanh khởi Chánh Tri; biết được Trầm, Trao đã sanh hoặc sắp sanh thì có thể khiến cho Tâm không bị cuốn vào dòng chảy Tán Loạn.

### **Đôi tri Bất Tác Hành**

為 斷 而 作 行,      *Vì đoạn nhi tác hành,*

切 勿 隨 彼 轉.      *Thiết vật tùy bỉ chuyển.*

Vì đoạn trừ mà Tác Hành,      Chớ biến chuyển theo nó.

- **Lấy Tư để đối trị Bất Tác Hành**

- **Đã hiểu rồi mà còn không đối trị tức là Bất Tác Hành**

Đã biết Hôn trầm và Trao cử vi tế mà, giả sử còn đi theo nó, hoặc vì lỗi lầm của Hôn, Trao sâu nặng không dễ dứt trừ, không dễ tìm cách đối trị.

- **Dùng Tư để đẩy mạnh sự hành trì (tác hành) mà giảm bớt Trầm, Trao.**

Lỗi lầm của loại Bất Tác Hành này, cần dùng Tư để đối trị nó, mới có thể đạt đến mục đích diệt trừ Trầm, Trao.

Tư là thúc đẩy Tâm, Tâm Sở khiến cho nó hành động; đây chính là hành vi đoạn trừ Trầm, Trao mà dùng Tư để Tác Hành (thực hành); xin chớ tùy thuận trôi theo Trầm, Trao ấy; hoặc để nó lớn mạnh hơn.

- **Nói sơ về đối trị Tác Hành**

Phải Tác Hành như thế nào?

- **Trải qua Trầm, Trao vi tế dùng toàn tâm hoặc hạ tâm để đối trị**

Nếu Trầm, Trao không nghiêm trọng quá; vì vậy, tướng hôn trầm hiện ra thì bằng toàn tâm làm cho nó giảm hẳn sức mạnh bằng sự sáng suốt hoặc tu quán sát.

Nếu tướng trao cứ hiện ra thì hạ tâm làm cho nó thư giãn hoặc chuyên tu an Định. Cho nên, trong quá trình tu Chỉ, toàn tâm hay hạ tâm, tu Chỉ hay tu Quán, tùy tình huống của tâm

mà ứng dụng để đạt được sự cân bằng cần thiết. Giống như cưỡi ngựa; ngựa quẹo trái thì giựt dây cương về bên phải và ngược lại để ngựa đi đúng đường quy định.

○ **Trầm, Trao nghiêm trọng nên dùng tướng vui, mừng hoặc chán nản để đối trị**

Nhưng Trầm, Trao nghiêm trọng, không dễ trừ bỏ thì nên dùng cách đối trị đặc biệt.

Nếu Trầm không nặng, tu tướng Quang Minh hoặc tu tướng công đức của tâm Bồ Đề... có thể làm cho vui mừng.

Đợi đến khi Trầm, Trao dùng rồi, lại dựa vào Bốn Tính Thanh Tịnh vốn có và an trụ vào Sở Duyên để tiến tu.

### **Đối trị mất Tác Hành**

滅時正直行,                      *Diệt thời chánh trực hạnh,*

斷於功行失.                      *Đoạn ở công hạnh thất.*

Khi mất hạnh chánh trực, Công hạnh bị cắt đứt.

● **Dùng xả để diệt lỗi làm Tác Hạnh**

○ **Tâm, nếu không Trầm, Trao mà bình đẳng An Trụ thì nên Tu Xả.**

Nếu tu tập đến không còn Trầm, Trao thì tâm được bình đẳng, chánh trực. Lúc ấy, không nên quá gắng sức mà để tâm bình đẳng, chánh trực vận hành là được. Đây gọi là Xả. Khi Xả không dụng công nữa, để cho tâm ở trong trạng thái bình

đẳng, chánh trực và tự do tiến hành. Như vậy có thể cắt đứt sai lầm đối với công hạnh.

○ **Ví dụ cưỡi ngựa để làm sáng tỏ vấn đề này.**

Điều này ví như cưỡi ngựa, nếu ngựa không quẹo sang trái, không quẹo sang phải thì nên thả lỏng dây cương để nó chạy thẳng về phía trước.

Sau thời gian này, đừng ghì dây cương lại, cứ để ngựa chạy như trước; nếu không, ngựa sẽ không thoải mái và nó sẽ quẹo sang phải hay trái.

Tu Chỉ cũng giống như vậy, nếu tâm đã bình đẳng, an trú mà vẫn còn phòng hộ Trầm, Trạo bằng cách tác động (tác hành) vào; kết quả sẽ khiến cho tâm tán loạn. Vì vậy, đến giai đoạn này nên dụng công tu Xả một cách thông thả.

● **Đây là Đoạn Hành Xả thứ tám:**

Có thể diệt trừ lỗi lầm của Tác Hành thứ năm. Được như vậy thì tâm nhanh chóng được an Định.

**Lịch trình Trụ Tâm**

內住亦續住,	<i>Nội trụ diệt tục trụ,</i>
安住復近住,	<i>An trụ phục cận trụ,</i>
調順及寂靜,	<i>Điều phục cập tịch tĩnh,</i>
次最極寂靜,	<i>Thứ tối cực tịch tĩnh,</i>

專 注 於 一 趣,                      *Chuyên chú u nhất thú,*  
 等 持 無 作 行:                      *Đẳng trì vô tác hành:*  
 聖 說 止 方 便,                      *Thánh thuyết Chỉ phương tiện,*  
 不 越 九 住 心.                      *Bất việt cửu Trụ Tâm.*

Nội trụ và Tục trụ,                      An trụ lại Cận trụ,  
 Điều thuận và Tịch tĩnh,                      Kế tịch tĩnh rất mực,  
 Chuyên chú về một hướng,                      Không ngoài chín Trụ Tâm.

• **Lịch trình Trụ Tâm có chín giai đoạn**

○ **Nói chung**

Từ nhiếp tâm lúc mới học đến khi thành tựu Chánh Định có chín Trụ Tâm, cũng là quá trình tu tập Trụ Tâm, có thể chia ra chín giai đoạn.

○ **Giải thích nội hàm của chín Trụ Tâm.**

▪ **Quá trình an trụ Sở Duyên (có bốn):**

✓ **Nội trụ: Thu Tâm hướng nội, trụ ở Sở Duyên.**

Hầu hết con người xưa nay, tâm luôn tán loạn hướng ngoại, nhà Nho gọi là phóng tâm; giống như gà, chó đi lạc, quên đường về nhà. Tu Chỉ chính là thu và giữ cái Tâm tán loạn hướng ngoại này, khiến cho nó ở lại Sở Duyên của nội tâm, không để nó chạy ra ngoài.

✓ **Tục trụ: Tâm luôn trụ nội Cảnh.**

Khi mới bắt đầu nhiếp tâm, tâm thô động, không dừng, giống như ngựa hoang không ngừng nhảy nhót, khó cho nó vào khuôn phép. Tu tập lâu ngày, tâm loạn động cũng bớt dần chút ít thì tâm mới có thể an trụ ở nội cảnh và liên tiếp như vậy, không còn rong ruổi, tán loạn.

✓ An trụ: Biết rõ thất niệm, giữ tâm dừng lại.

Tuy nói an trụ liên tục nhưng về sau, không phải là không thất niệm, rồi rong ruổi, tán loạn. Song tu tập đến đây thì vọng niệm vừa khởi, tâm hướng ngoại nảy ra thì biết liền, giữ tâm trụ lại trong Sở Duyên. Đến giai đoạn này, mới có thể nói là Tâm An Định.

✓ Cận trụ: Tâm trụ Sở Duyên để không tán loạn.

Đây là công phu đã tiến bộ, đã đến chỗ không sanh khởi Vọng Niệm, không tán loạn hướng ngoại. Bởi vì, vọng niệm sắp khởi lên đã có thể biết trước rồi, chế phục ngay. Như vậy, tâm an trụ được ở Sở Duyên thì sẽ không tán loạn theo ngoại cảnh, cho nên, gọi là Cận Trụ.

▪ ***Quá trình hàng phục Phiền não (có ba):***

✓ Điều thuận: Có khả năng không bị loạn động do ngoại cảnh mê hoặc, quyến rũ.

Điều thuận ngũ Dục: Sắc, Thinh, Hương, Vị, Xúc; ba Độc: Tham, Sân, Si; thêm Nam, Nữ. Tất cả mười tướng này hay

khiến tâm rong ruổi, tán loạn. Hiện tại tâm đã an trụ, thấu hiểu công đức của Định, cũng hiểu được lỗi lầm của Dục. Vì thế lấy Tĩnh chế Dục; nội tâm nhu hoà, điều thuận thì không bị những tướng này dụ dỗ làm cho tán loạn.

✓ Tịch tĩnh: Khắc chế được pháp bất thiện ở trong tâm.

Bị sự cám dỗ ngoại cảnh nên mười tướng quan trọng, còn có pháp bất thiện phát sanh trong tâm.

Nếu lo nghĩ, tìm tòi bất chính như quốc độ, bà con, bất tử, ham muốn, oán thù, tổn hại...

Năm Cái: năm phiền não che khuất Chân Tâm: Tham dục, giận hờn, tối tăm ngủ nghỉ; trạo cử làm ác; nghi.

Đối với những thứ này cũng có thể dùng công đức an Định của nội tâm để khắc chế chúng, tránh khỏi sự nhiễu loạn của chúng.

Đến đây, nội tâm đã Tĩnh Tĩnh. Vắng lặng giống như nửa đêm không một tiếng động, hoàn toàn chẳng phải là sự tịch tĩnh của Niết Bàn.

✓ Tối cực Tĩnh Tĩnh lập tức trừ pháp bất thiện trong Tâm.

Tịch Tĩnh ở trên vẫn còn lấy Tĩnh để chế phục Tâm Tứ... phiền não; chúng chưa hết hẳn hiện khởi. Hiện tại có thể tiến bộ đến chỗ: Khi Tâm, Tứ vừa khởi lên thì liền loại trừ và tiêu diệt ngay.

Bốn Trụ Tâm trước là quá trình an trụ Sở Duyên. Nhưng Tu Chỉ để thành Định, chủ yếu là lìa pháp bất thiện Ác Dục; cho nên, Định Lực vừa mạnh lên thì từ Trụ Tâm năm đến bảy. Đó chính là quá trình hàng phục phiền não. Tất nhiên, Tĩnh rồi còn phải Tịnh (Dừng rồi đến Lặng). Đây mới là tiến đến Chánh Định.

▪ ***Giai đoạn gần đến được Định (có hai):***

✓ Chuyên chú về một hướng: Có Tác Hành, khiến Tâm liên tục chuyên chú để an trụ.

Tâm đã an trụ, không bị ảnh hưởng nhân tố loạn động, bất thiện cả trong lẫn ngoài; đã đến giai đoạn duy trì được Tâm bình đẳng, chánh đạo. Với nỗ lực này có thể khiến tâm chuyên chú đến đồng nhất, có thể không gián đoạn mà, tự nhiên, nhậm vận (vận động tùy ý) liên tục trong an trụ.

✓ Đẳng trì: Không Tác Hành, không tán loạn khiến Tâm nhậm vận tương tục mà an trụ.

Đây là chuyên chú về một hướng đã tiến bộ, công phu thuần thực, không cần dụng Công thêm; Vô tác hành mà nhậm vận tự tại; liên tục không tán loạn và an trụ. Tu tập Chỉ mà đến giai đoạn này thì đã đạt được Định.

• **Chín Trụ Tâm bao quát cả phương pháp Tu Định**

Phương pháp tu Định không phải một, thời gian có kết quả, tùy người, cũng khác nhau.



Giảng dạy Trụ Tâm có nhiều cách như tám đoạn hành... đều được. Nhưng từ mới nhiếp Tâm cho đến thành tựu chánh định; trình bày quá trình hoàn chỉnh này, dựa vào Phật (TỔ) đã nói: Quá trình phương tiện tu chỉ không ra ngoài chín trụ tâm siêu việt, cũng không ra ngoài pháp môn chín trụ tâm. Vì vậy, tu tập Chỉ nên dựa vào đây tu tập, nhưng tiến trình nhận thức chính mình đã đến giai đoạn nào để tránh tăng thượng mạn và làm hỏng chính mình.

### Biểu đồ tóm tắt

1	2	3	4	5	6	7	8	9
Nội Trụ	Tục Trụ	An Trụ	Cận Trụ	Điều Thuận	Tịch Tĩnh	Rất mực Tịch Tĩnh	Chuyên chú một hướng	Đẳng Trì
Thanh Vã Lực	Tư Duy Lực	Sức nhớ nghĩ		Sức Chánh Tri		Sức siêng năng		Sức tập luyện
Gắng sức xoay chuyển Tác Ý		Có lúc thiếu vận chuyển tác ý					Luôn luôn thiếu vận chuyển tác ý	Không dụng công vận chuyển tác ý
Quá trình an trụ Sở Duyên				Quá trình hàng phục phiền não			Giai đoạn gần được Định	

### Được thành tựu Chỉ

若得輕安樂,                      *Nhược đắc khinh an lạc,*  
 是名止成就.                      *Thị danh Chỉ thành tựu.*

Nếu được vui, khinh an;      Gọi là thành tựu Chỉ.

- **Trong quá trình Tu Chỉ, lúc hình như là Định, nhưng Định chưa thành tựu**

Trong quá trình Tu Chỉ, sớm có được một số cảm giác nhẹ nhàng, thư thả, vui vẻ của thân, tâm, và cũng có phát hiện cảm xúc nóng, cảm xúc chuyển động. Nhưng thẳng đến Tâm Trụ thứ chín có thể không phân biệt, nhậm vận không dụng công, vẫn chỉ là tương tự Định, chưa thể nói thành tựu Định.

- **Nói về điều kiện và tướng trạng thành tựu của Chỉ**

- **Điều kiện Chỉ thành tựu.**

Đây là điều cốt yếu, nếu thân tâm sanh khởi nhẹ nhàng, an vui; dẫn đến thân tâm tinh tấn, đối với Sở Duyên được tự tại, đủ sức chịu đựng. Đây mới gọi là thành tựu Chỉ, cũng chính là giai đoạn thứ nhất của Vị Đáo Địa Định (chưa đến Định).

- **Tướng trạng Phát Định, Đắc Định và Xuất Định**

- ***Phát Định.***

Khi phát Định, trước hết trên đỉnh đầu hiện lên Cảm Xúc nặng nặng, nhưng vô cùng thoải mái, kể đến thân tâm phát sanh nhẹ nhàng, an ổn. Do tâm nhẹ nhàng làm cho thân nhẹ nhàng. Trạng thái này đến cực mạnh, sự an vui đến khắp các bộ phận của thân thể, tận xương tận tủy.

Lúc ấy, trong Tâm có chấn động lớn, dường như cả thân và tâm reo mừng.

- ***Đắc Định.***

Đợi đến khi tánh xung động qua đi thì sự an vui, nhẹ nhàng, vi diệu tương ứng với thân.

Trong tâm vẫn như cũ không hề dụng công, vững chắc an trụ Sở Duyên không hề phân biệt. Đây mới gọi là Đắc Định.

▪ ***Xuất Định.***

Từ đây đến sau khi Xuất Định, ở trong đi, đứng, nằm, ngồi và các hành vi khác đều có Định và khinh an tương thích, giống như luôn ở trong Định.

○ ***Trở lại vào Định thì có thể tăng trưởng vượt bậc***

Nếu Tu Chỉ, Nhập Định trở lại, giữ Tâm không tán loạn thì có thể nhập Định ngay; thân, tâm sanh khởi khinh an và, hơn nữa, có thể không ngừng tăng trưởng vượt trội.

**Giải thích công đức của Thiên Định**

明 顯 無 分 別,      *Minh hiển vô phân biệt,*

及 妙 輕 安 樂,      *Cập diệu khinh an lạc,*

是 道 內 外 共,      *Thị đạo nội ngoại cộng,*

由 觀 成 差 別.      *Do quán thành sai biệt.*

Rõ ràng không phân biệt;      Khinh an, vui nhiệm màu,

Là đạo chung trong, ngoài;      Do quán thành phân biệt.

• **Nói rõ công đức đặc biệt hơn hết của Thiên Định**

○ ***Nói chung công đức của Thiên Định bao trùm tất cả.***

Thành tựu về Định có được là do công đức thù thắng của Định phát sanh. Công đức của Thiền Định trùm khắp có ba: Minh hiển, Vô phân biệt, Vi diệu khinh an lạc.

○ **Nói riêng ba loại công đức của Định**

▪ **Minh hiển.**

Là Tâm vô cùng sáng suốt, vắng lặng, Sở Duyên ở trong Tâm cũng vô cùng sáng tỏ; giống như trăng sáng trong bầu trời, vạn dặm không một bóng mây.

▪ **Vô phân biệt.**

Là Tâm an trụ mà nhậm vận tự nhiên, rõ ràng phân minh, chưa từng có dụng công tác ý cái gì. Cho nên, Tâm Cảnh lúc ấy; giống như biển cả trong veo, yên lặng, không gợn sóng lăn tăn. Thật có thể nói đây là trạng thái tinh tảo vắng lặng!

▪ **Vi diệu, khinh an, lạc.**

Ở trong Cảnh Định như thế, còn có được thân tâm nhẹ nhàng, vi diệu; nhờ đó mà bỏ ác, làm lành với sức mạnh phi thường và cực kỳ tự nhiên, không giống như đi thuyền ngược dòng. Đối với Cảnh Dục, tự nhiên không khởi tâm đả diệt.

Với Cảnh Định ở giai đoạn thấp nhất mà sâu thẳm, nhiệm mầu đến như vậy đó!

● **Phân biệt Định thế và Định xuất thế**

○ **Thiền Định là pháp tu chung cho cả thế gian phàm phu, ngoại đạo.**

Tuy Thiền Định mầu nhiệm, sâu xa như vậy nhưng, những người ở trong thế gian hay xuất thế gian; trong Đại hay Tiểu Thừa; còn là Định Chung cho người Phật tử hay ngoại đạo; còn là Định Chung cho người thế gian; cũng là Định cho phàm phu. Tất cả đều có thể tu được.

▪ ***Lỗi lầm Tu Thiền mà rời xa kinh điển.***

Có một số người thích Tu Thiền mà không đọc tụng Tam Tụng kinh điển, cho việc này chỉ tăng trưởng Kiến Giải thôi, đối với người Tu Thiền thì không cần thiết lắm. Đối với hạng người rời bỏ việc thấu hiểu giáo điển mà chỉ chuyên tâm tu tập và dựa vào một ít kinh nghiệm tu hành của chính mình; rời cho như vậy là hết mức, không còn gì nữa.

▪ ***Sai lầm cho đạo đức Thiền Định là chứng ngộ.***

- ✓ Từ chỗ xa lìa Dục, cho nên chính mình biết được không sanh khởi phiền não (cõi Dục) và cho là cắt đứt phiền não mà không bị phiền não nhiễm ô.
- ✓ Từ chỗ Định sanh khởi và lực của Định tiếp nối, rời cho là Động, Tĩnh nhất như, luôn ở trong Định.
- ✓ Từ chỗ Nhậm vận mà Tâm không dụng công, không phân biệt, rời cho là đã chứng được Trí Vô Phân Biệt.
- ✓ Thấy vậy, cho rằng có Giải Thoát (như nói Tu chứng Tứ Thiền, rời cho là chứng được Tứ Quả); cho rằng cũng có

Thành Phật; không biết đây còn là sơ bộ của Định chung cho cả thế gian!

Thật ra, người có thể nghiệm tu tập như thế cũng không quá nhiều.

▪ ***Còn chưa được Định mà Tâm đã điên rồ.***

Có một số người còn ở trong quá trình Tu Chỉ, và thân tâm có ít kinh nghiệm đặc thù, rồi cuồng vọng cho rằng chính mình đã chứng được Chân Diện Mục mà không biết.

▪ ***Tu Thiền không tu Quán Huệ, không chứng được phép xuất thế.***

Tu Thiền mà không tu Huệ Quán và cho rằng Thiền Na chính là Bát Nhã nên vĩnh viễn không thể vào sâu trong pháp Xuất Thế; thật đáng thương xót!

○ **Định chung của thế gian, do Huệ Quán nên có khác nhau Định thế gian, Xuất thế gian; Định Tiểu Thừa, Đại Thừa.**

Đây vẫn còn là giai đoạn bắt đầu trên con đường Tu Định chung của thế gian; vì từ Huệ Quán mà có khác nhau: Đây là Thiền thế gian; là Thiền Xuất thế gian; là Thiền Tiểu Thừa; là Thiền Đại Thừa.

▪ ***Quán Huệ không giống nên Định không giống.***

Đây là nói: Sau khi chứng được Định Vị Đáo Địa này.

✓ **Dựa vào Sáu Hành Quán trở thành Định hai cõi.**

Nếu Tu Hân Thượng (mừng trên), Yêm Hạ (chán dưới) trong sáu Hành Quán (yêm hạ: khổ, thô, chướng; Hân thượng: Tịnh, Diệu, Ly). Theo thứ tự lên dần, rồi thành Định Sắc, Vô Sắc của thế gian.

✓ Dựa vào Vô Thường, Vô Ngã Quán trở thành Định Thanh Văn.

Nếu bằng cửa ngõ Quán Vô Thường, từ từ đi và Quán Vô Ngã, Ngã Sở mới là Định của Thanh Văn Thừa.

✓ Dựa vào Pháp Quán Tánh Không trở thành Thiên Định Đại Thừa.

Nếu dựa vào đây, Pháp Quán Tánh Không, Bất Sanh Bất Diệt thì tương ứng với Bát Nhã Đại Thừa, cũng thành Thiên Định Đại Thừa.

✓ Vì thế, chỉ Tu Thiên Định, không Tu Quán Huệ thì không thể giải thoát sanh tử, càng không thể nói Thành Phật được.

✓ Tam Luân Thế Không của Thiên Ba La Mật Đa thì tương ứng với Vô Sở Đắc Huệ.

Nếu tu Định này thì tương ứng với Vô Sở Đắc Huệ. Thiên Ba La Mật Đa chính là Tam Luân Thế Không.

*f. Huệ Độ*

### **Khen ngợi Đức Bát Nhã**

般若波羅蜜,

*Bát Nhã Ba La Mật,*

最尊最第一! *Tối tôn, tối đệ nhất!*

解脫之所依, *Giải thoát chi sở y,*

諸佛所從出. *Chư Phật sở y xuất.*

Bát Nhã Ba La Mật, *Là tôn quý số một.*

Nơi Giải Thoát nương về, *Nơi sanh ra chư Phật.*

- **Bát Nhã là nguồn gốc bậc Thánh ra đời và là nơi Công Đức Vô Lượng phát sanh**

Từ đây trở xuống, nói Bát Nhã Ba La Mật Đa.

Bát Nhã Ba La Mật Đa, ở trong tất cả công đức vô lượng, được cho là vô cùng tôn quý số một! Trong kinh nói vô số lời khen ngợi Bát Nhã. Ý nghĩa cuối cùng là gì mà được tôn kính đến thế?

- **Nói rõ tính vượt trội đặc biệt của Bát Nhã**

Công đức của Phật pháp vô biên, hết thảy đều có tính vượt trội, đặc biệt và đều có giá trị đáng tôn trọng.

- ***Khác nhau giữa thế và xuất thế.***

Nhưng Bát Nhã có một ý nghĩa đặc thù, đáng được tôn trọng. Đây chính là căn bản của Phật pháp.

Bát Nhã là nơi tồn tại khác nhau giữa phàm phu và bậc Thánh, giữa pháp thế gian và pháp Xuất thế gian.

- ***Là nơi nương tựa của bậc Thánh Tam Thừa và công đức vô lượng.***



Vì thế, tất cả công đức vô lậu, tất cả bậc Thánh Tam Thừa đều dựa vào Bát Nhã mà có.

Như trong kinh nói: "Muốn học ngôi vị Thanh Văn cũng phải nghe Bát Nhã Ba La Mật... Muốn học ngôi vị Bích Chi Phật cũng phải nghe bát nhã ba la mật... Muốn học ngôi vị Bồ Tát cũng phải nghe Bát Nhã Ba La Mật".

○ **Tóm lại**, không có Bát Nhã thì không có bậc Thánh xuất thế, không có công đức vô lậu. Vì vậy, tính chất của Phật pháp hơn hẳn tính chất của thế gian pháp; đó chính là Bát Nhã vậy.

• **Pháp môn tất yếu phải Tu để chấm dứt Sanh, Tử và để Thành Phật là Bát Nhã**

○ **Bát Nhã là gì?**

▪ ***Bát Nhã là nơi nương tựa căn bản của Thánh pháp Xuất thế***, cho nên, là nơi nương tựa của Tam Thừa giải thoát, bậc Thánh Tam Thừa dựa vào Bát Nhã để giải thoát Sanh, Tử.

▪ ***Tất cả chư Phật đều từ Bát Nhã mà ra đời, vì vậy, kinh Bát Nhã gọi Bát Nhã là Mẹ của Phật.*** Như kinh nói:

般若波羅蜜能生諸佛。智度菩薩母，方

便以為父：Bát Nhã Ba La Mật năng sanh chư Phật. Trí

độ Bồ Tát Mẫu, Phương Tiện dĩ vi Phụ: Bát Nhã Ba La Mật

sanh ra chư Phật. Trí bát nhã là Mẹ của Bồ Tát, Phương Tiện

là Cha của Bồ Tát.

Như vậy, Bát Nhã là Mẹ sanh bậc Thánh Nhị Thừa, còn là Mẹ sanh ra Phật, Bồ Tát. Thế thì, cuối cùng Bát Nhã là pháp Tiểu Thừa hay pháp Đại Thừa đây?

○ Có hai nghĩa

▪ **Ba Thừa cùng học.**

Dựa vào pháp sanh ra các bậc Thánh mà nói: Bát Nhã

Dựa theo nghĩa rộng của Bát Nhã mà nói, cũng chỉ dựa vào pháp sanh ra các bậc Thánh mà nói: Bát Nhã là pháp môn chung của Tam Thừa.

Dựa vào chứng nhập Tánh Không của Bát Nhã mà nói: Không của Thanh Văn giống như lỗ chân lông; Không của Bồ Tát giống như hư không, bản chất của nó hoàn toàn khác nhau.

Ba con thú (thỏ, ngựa, voi) qua sông, chỉ có hương tượng mới có khả năng đến cùng tột.

“Chỉ có Phật với Phật mới có khả năng thấu được Thật Tướng của các Pháp”

Dù sâu, cạn không giống nhau nhưng đều khế hợp đi vào trong dòng Pháp Tánh. Dựa vào ý nghĩa này mà nói: Quán Huệ của Tam Thừa có thể dùng Phương Tiện sâu, cạn không giống nhau nhưng đặc chất căn bản không chút khác nhau.

- ***Một cách tổng quát, tất cả đều hướng về Phật Đạo, mà nói: Bát Nhã chỉ thuộc về Bồ Tát.***

Nhưng theo nghĩa sâu thẳm của Bát Nhã mà nói; nếu cùng với quốc vương giao hợp mà sanh ra vương tử thì “Mẹ xem con là quý tử”, so với sự sanh con của thường dân, không giống nhau. Dựa vào đây, Bát Nhã và Tâm Bồ Đề tương, Đại bi lấy Bát Nhã làm trên hết; Bát Nhã trang nghiêm cho năm Độ; Bát Nhã có thể thu nhiếp tất cả công đức và hướng về Phật Đạo. Như vậy, “Bát Nhã... chỉ thuộc về Bồ Tát”; “Sanh ra chư Phật”. Bát Nhã thể hiện Không Tánh của vạn Pháp nên không chỉ không phù hợp đi vào Không Tịch của Nhị Thừa, mà còn là Phương Tiện Thiện Xảo, trở thành là người hướng dẫn tất cả công Đức, trở thành tổng tướng của tất cả Bát Nhã Ba La Mật.

Cho dù nói cách nào, Bát Nhã, quyết định, là đặc chất Pháp của Bạc Thánh Xuất Thế, không phải là bổ thí, thiên định,... có thể đạt đến được, mà là pháp môn tất yếu tu tập để chấm dứt Sanh Tử và để Thành Phật.

### **Tuần tự tiến tu: Văn, Tư, Tu, Chứng**

現 證 由 修 得,      *Hiện chứng do tu đắc,*

修 復 由 思 聞;      *Tu phục do Tư, Văn;*

善友及多聞,            *Thiện hữu cập đa văn,*  
 實為慧所依.            *Thật vi Huệ sở y.*

Hiện chứng do tu được,    Tu còn do Văn, Tư;  
 Bạn lành và nghe nhiều,    Thật ra nhờ Trí Huệ.

• **Thứ tự tu học theo Bát Nhã.**

○ **Bát Nhã có Bát Nhã thắng nghĩa và Bát Nhã thế tục.**

- ***Thắng nghĩa Bát Nhã là Trí Huệ hiện chứng Thật Tướng Bát Nhã.***

Bát Nhã chân thật là do tu tập mà có được Bát Nhã hiện chứng, là Bát Nhã thể nghiệm thân chứng.

Như nói: “Thật tướng Định (khế hợp, như như, bất động) của Bát Nhã thì cực quan trọng, sâu sắc, cho nên, Trí Huệ khinh bạc không thể xứng hợp”. Nên biết, Bát Nhã là danh từ vốn có của thế gian, là lấy Lý Trí giản trạch làm Tánh. Tuy nhiên, Bát Nhã hiện chứng Thật Tướng thì thế gian, từ xưa đến nay, không có; đương nhiên, cũng không phải là danh từ vốn có của thế gian. Thế thì phải gọi thế nào cho đúng đây?

Phật bằng phương tiện khéo léo, khiến cho chúng sanh nương vào Huệ Tánh vốn có của thế gian, giúp cho chúng tiến triển đến chỗ cao sâu, tiến triển đến Lý Trí siêu việt thế gian. Đó là hiện chứng Thật Tướng. Đây là dựa vào Tánh của

Trí Huệ giản trạch nên được phát sanh; Cho nên, tuy không phải là Trí Huệ vốn có của thế gian cũng có thể gọi là Bát Nhã. Thật ra, tu tập mới có được Bát Nhã Chân thật, quyết chẳng phải là đem ra so sánh với Lý Trí của thế gian.

▪ ***Bát Nhã thế tục là ba Huệ: Văn, Tư, Tu.***

Hiện chứng của Phật pháp không phải bỗng dưng mà đến; nhưng phải có phương tiện, có nhân duyên; đó chính là không lìa khỏi ba Huệ: Văn, Tư, Tu.

✓ Hiện chứng Huệ thành tựu được là do tu ba Huệ.

Hiện chứng Huệ là Huệ do tu tiến bộ mà có được. Trí Huệ được thành tựu bởi Tu Trí này cùng với Quán Huệ của Định tương ưng.

Tu cũng không phải là Tu mù mà còn do Tư Huệ mà có; đối với nghĩa lý của pháp phải Tư Duy, chọn lựa, khắc sâu vào Ý Thức mới có thể làm Sở Duyên của quán Sát.

Tư Huệ lại phải Từ Văn thành tựu mà có được. Văn là “hoặc nghe từ Phật hoặc nghe từ đệ tử của Phật hoặc nghe từ kinh điển.”

✓ Tam Huệ là Tu học theo mười Pháp Hành.

Nói rõ về ba Huệ: Văn, Tư, Tu; đó chính là mười Pháp Hành: “Viết kinh sách; Cúng dường; Bồ thí người khác; Nếu

có người khác tụng, đọc chí tâm nghe kỹ; chính mình đọc, tụng; Thọ trì; Vì người giải thích ý nghĩa kinh văn; Phúng tụng; Tư duy; Tu tập.” Phật pháp cần dựa vào sự chỉ dạy của Phật, Bồ Tát mà tu tập, đó cũng là quá trình tu học Tam Huệ; đặc biệt là Bát Nhã, nếu không bắt đầu từ Văn, Tư, Tu thì không thể!

▪ ***Văn; Tư, Tu; Chứng minh là ba loại Bát Nhã.***

Nói tóm lại, ba loại Bát Nhã này, bình thường, hay nói đến.

- ✓ Trí Huệ hiện chúng là Bát Nhã Thật Tướng, là ý nghĩa vượt trội của Bát Nhã.
- ✓ Trí Huệ Tu và Tư là Bát Nhã Quán Chiếu
- ✓ Trí Huệ Tư và Văn là Bát Nhã Văn Tụ (Tư Huệ thì dựa vào Văn cũng có thể không dựa vào Văn: Lời văn, ngôn ngữ).

Văn (nghe); Tư, Tu là Bát Nhã thể tục; bởi vì có thể làm nhân duyên cho Bát Nhã thắng nghĩa, đây là Trong Nhân nói Quả, cũng là mượn tên Bát Nhã.

### **Sơ đồ**

1. Viêt kinh sách, 2. Cúng dường, 3. Bồ thí, 4. Chí tâm nghe kỹ, 5. Chính mình đọc, 6. Thọ trì, 7. Vì người khác giải thích Văn nghĩa, 8. Phúng tụng, 9. Tư duy, 10. Tu tập.

- Từ 1- 8 là Văn (nghe) cũng là Bát Nhã Văn Tụ

- 9 là Tư
  - 10 là Tu
- } Bát Nhã Quán chiếu

Chứng: Bát Nhã Thật Tướng; Bát Nhã Thắng Nghĩa

Từ Văn, Tư, Tu (không kể chứng): Bát Nhã Thế Tục.

- **Bạn lành và Học nhiều là phương tiện đầu tiên của việc tu học Bát Nhã.**

Tu học Bát Nhã thì lấy kinh luận Bát Nhã làm đối tượng Văn, Tư, cũng là tư lương phải có. Phương tiện đầu tiên của tu học Bát Nhã là Văn, Tư, cho nên gần gũi bạn lành và huân tập đa văn là tất yếu, không thể thiếu. Đó chính là chỗ nương tựa, tu học Huệ.

- **Nói riêng ý nghĩa của Đa Văn.**

Có hai điểm nên chú ý:

- **Thấu hiểu Thật Nghĩa mới là Đa Văn.**

Đa Văn hoàn toàn không phải hiểu rộng về Danh Tướng mà thôi.

- ***Dựa vào âm thanh để nghe được Pháp, nghe Vô Thường, Vô Ngã là Đa Văn; cho nên nói:***

若人生百歲,	Nhược nhân sanh bách tuế,
不解生滅法,	Bất giải sanh diệt pháp,
不如生一日,	Bất như sanh nhất nhật,

而得解了之。                      Nhi đắc giải liễu chi.

Nếu người sống 100 tuổi, Mà không hiểu pháp Sanh Diệt;  
Không bằng sống một ngày, Mà hiểu được pháp ấy.

- Trong pháp Đại Thừa thì Đa Văn là nghe Tánh Không Bất Sanh Bất Diệt, như kinh Lăng Già nói. Vì vậy, không đạt được Thật Nghĩa mới là Thiệt Tri Thức Đa Văn.

○ ***Dựa vào Văn hướng đến Tu, Tu mới là Chân Nghĩa của Đa Văn.***

Ở trong mười Pháp Hành, Văn chỉ là nghe, đọc tụng, giảng giải; cũng chính là nhờ văn mà thấu nghĩa. Vì vậy, nếu lấy Văn Huệ làm đối tượng để tu học Bát Nhã thì vô ích, không hợp với pháp Phật. Đó là trôi dạt ở ngoài Tam Tạng Giáo Điển. Điều đó, tuy là tốt yếu nhưng, vẫn là mới bắt đầu; còn phải dựa vào đây để hướng thẳng đến Tu, Tu.

**Dựa vào kinh luận**

般若本無二,	<i>Bát Nhã bản vô nhị,</i>
隨機行有別;	<i>Tùy cơ hành hữu biệt;</i>
般若諸經論,	<i>Bát Nhã chư kinh luận,</i>
於此最親切。	<i>Ư thử tối thân thiết.</i>



Bát Nhã vốn không Hai,                      Tùy cơ, hành có khác;  
 Các kinh, luận Bát Nhã,                      Đây nơi thân thiết nhất.

- **Lược nói khác và giống về Tu, Chứng Bát Nhã**
  - **Nội dung của hiện chứng Bát Nhã là bình đẳng, không phân biệt.**

Học Bát Nhã theo những gì Phật đã chỉ bày là dựa vào pháp Duyên Khởi mà hiển thị pháp môn thắng nghĩa của Pháp Tánh. Văn, Tu như vậy lại Tu Quán như vậy để đi đến Hiện Quán. Từ nội dung của Bát Nhã là nội dung Thê Chứng mà nói: Xưa nay là Bát Nhị Vô Phân Biệt, Tất cả phần chứng của Bồ Tát, viên chứng của mười phương chư Phật, thảy đều bình đẳng. Vì vậy nói:

與十方諸佛同一鼻孔出氣

Dữ thập phương chư Phật đồng nhất tỵ không xuất khí:  
 Mười phương chư Phật thở ra cùng một lỗ mũi.

- **Theo căn cơ, bố thí giáo nghĩa nên có nhiều điểm không giống nhau.**

Như vậy, theo giáo nghĩa chỉ bày về phương diện tu tập Quán, Huệ cũng vốn không giống nhau.

- ***Tùy cơ nói khác.***

Nhưng mà không phải như thế, vì căn cơ của chúng sanh ưa thích không giống nhau nên Như Lai tùy cơ nói pháp, không thể không có phương tiện thích ứng, nói rõ là có một số điểm không giống nhau.

▪ ***Cùng nghe, hiểu khác; kinh giống, luận khác.***

Những gì Như Lai chỉ dạy đồng nhất với Giáo Điển, nhưng do vì tư tưởng, phương thức của người học hoàn toàn không giống nhau; lý giải ý nghĩa của pháp thì lấy Sở Duyên của Quán Huệ cũng không thể giống nhau hoàn toàn; cũng chính là thứ tự trước sau của Tu Hành, cũng có khác nhau ít nhiều. Ở đây, cách dạy của thầy và học của trò hình thành nên Học Phái; đây đó khác nhau càng hiển lộ rõ ràng hơn.

- Tóm lại, Căn Tánh bất đồng, cho nên Phật pháp tùy cơ mà nói khác nhau, cùng nghe, hiểu khác nên có hiện tượng kinh giống, luận khác.

● **Kinh, luận là chỗ nương tựa để chọn lựa Bát Nhã.**

Bây giờ muốn chỉ bày Bát Nhã Ba La Mật Đa, phải căn cứ vào đâu?

- **So sánh với học giả ở Ấn Độ**

Tổ sư Trung Quốc cũng có Hành, Giải độc đáo, nhưng nói chung, không bằng sự truyền dạy của các vị Bồ Tát ở Ấn Độ.

Bởi vì, đối với Phật pháp, học giả Ấn Độ giảm bớt một khoảng cách văn tự.

○ **So sánh với học phái Đại Thừa ở Ấn Độ.**

Học phái Đại Thừa ở Ấn Độ cũng có khá nhiều.

▪ ***Tông Trung Quán và Tông Du Già***

Bồ Tát Long Thọ và Đề Bà truyền bá tông Trung Quán; bồ tát Thế Thân và Vô Trước truyền bá tông Du Già, có thể nói là hai phái lớn.

▪ ***Tông Trung Quán dựa thẳng vào hệ kinh Bát Nhã làm ra luận.***

Trong tông này, Bồ Tát Long Thọ xiển dương Quán Huệ về Tánh Không của Tất Cả Pháp, so sánh phần nào bằng cách trực tiếp, ngắn gọn, bởi vì đây là dựa thẳng vào hệ kinh Bát Nhã để sáng tác luận Trung Quán...

- ✓ Như Luận Đại Trí Độ của Long Thọ chính là giải thích rộng kinh Bát Nhã.
- ✓ Trung Luận, Thất Thập Tánh Không Luận, Lục Thập Như Lý Luận, Thập Nhị Môn Luận, Hồi Tránh Luận, Bảo Man Luận... của Long Thọ, cho đến Bách Luận của Đề Bà đều dựa vào kinh Bát Nhã để sáng tác, nhằm phát huy pháp môn: Nhất Thiết Pháp TÁNH KHÔNG.

○ **Học Bát Nhã dựa vào kinh Bát Nhã và các luận của Tông Trung quán là chính.**

Vì vậy, các kinh thuộc hệ Bát Nhã và các luận dựa vào Bát Nhã của học phái hệ Long Thọ; giải, hành học Bát Nhã, từ đây được xiển dương; có thể nói, không quá lời, là cực kỳ gần gũi.

- **Bây giờ dựa vào đây để trình bày, đến sau cùng, sẽ nói thêm đặc điểm của ba hệ Đại Thừa và tính dung thông như thế nào.**

### **Duyên khởi Trung Đạo.**

#### *Phật nói Nhị Đế*

諸佛依二諦,	<i>Chư Phật y Nhị Đế,</i>
為眾生說法:	<i>Vì chúng sanh thuyết pháp:</i>
依俗得真諦,	<i>Y Tục đắc Chân Đế,</i>
依真得解脫。	<i>Y Chân đắc Giải Thoát.</i>

Chư Phật nương hai Đế,      Vì chúng sanh nói Pháp:  
Nương Tục chúng Chân Đế, Nương Chân chúng Giải Thoát.

- **Nói tổng quát về Nhị Đế.**
  - **Nhị Đế là phương pháp quan trọng để quán sát đúng đắn Bát Nhã.**

Sự giáo hóa của chư Phật là dựa vào hai Đế và vì chúng sanh mà thuyết pháp.

Nhị Đế là Thế Tục Đế, Thắng Nghĩa Đế; nói tắt là Tục Đế, Chân Đế. Phương pháp của hai Đế là phương pháp quan trọng để quán sát đúng đắn Bát Nhã.

○ **Trước nói về Tục Đế**

Vì sao, Phật nói Nhị Đế?

▪ ***Ý nghĩa của Tục Đế.***

Tự thân của chúng sanh là Thân Tâm cùng với vạn hữu trong thế gian đều gọi là Pháp.

Đối với Tâm Cảnh của chúng sanh thì vật chất là có thật, tinh thần là có thật. Vật lý, Sinh lý, Tâm lý, mỗi pháp đều có liên quan. Nhân Quả là tất nhiên, cho nên, từ trong liên quan ấy phát hiện ra phép tắc chế ngự vật chất, điều trị thân tâm, tề gia, trị quốc. Điều này xem ra là xác thật như thế, nhất trí công nhận: Đây là một thế giới thường thức và gọi là Tục Đế.

▪ ***Phạm vi và sâu cạn của Tục Đế.***

Trong Tục Đế có sự tiềm ẩn thâm sâu, sự biểu hiện nông cạn.

- ✓ Như các thứ vật chất gỗ, đá,... người nào cũng có thể thấy nhưng nguyên tử, điện tử phải nhờ dụng cụ khoa học mới có thể thấy được.

✓ Còn như sự sống hiện giờ, người nào cũng biết được nhưng, kiếp trước và kiếp sau thì phải có thiên nhãn mới thấy được; Tuy có cạn, sâu không giống nhau nhưng, đều là hiểu biết của những tâm thức bình thường. Giống như Phật nói: ba cõi, sáu đường, năm uẩn, sáu xứ, Phiền não, Nghiệp, Khổ,... cũng là nói rõ Thế Tục Đế.

○ **Kế tiếp Tục Đế là biểu hiện Chân Đế.**

▪ ***Tục Đế trong Tâm Cảnh của chúng sanh hoàn toàn không phải là Chân Tướng.***

Ở trong Tâm Cảnh thuộc Tục Đế của chúng sanh, nhất mực, là thật, là không nghi ngờ, là không thể chạy trốn.

Nhưng với hiện thực, công nhận này chính là Chân Tướng của Cứu Cánh sao? Không phải.

Ở trong Tri Thức tiền bộ đã phát hiện trăm ngàn điều chân thật của quá khứ nhưng hoàn toàn không phải như thế. Như nguyên tử không thể phân chia mà hiện tại, biết được là hiện tượng hợp thành của điện tử. Như màu sắc xanh, vàng,... mà hiện tại biết được là do sóng ánh sáng khác nhau.

▪ ***Từ trong Chánh Giác của Phật hiển hiện chương ngại về sự ngu tối của chúng sanh.***

Ở trong Chánh Giác của Phật, biết được kinh nghiệm có được của chúng sanh, sự chân thật của thế gian là hư dối,

không thật, cho nên gọi là Tục Đế; là do vô vàn nhân duyên biểu hiện ra như thế mà, hoàn toàn, không có một pháp nào Chân Thật. Điều này có thể thấy mọi người đều cho nhận thức như vậy là chính xác mà, hoàn toàn không thể thấy được Chân Tướng của thế gian; ngược lại, biểu hiện sự chướng ngại con người vương phải ngu tối; nếu không phá trừ cái sai lầm từ sự mê muội này và thấu rõ cái thấy thông thường thì không thể nào thấy rõ các Chân Tướng của thế gian. Sự lý giải này là điểm chung của pháp Phật.

○ ***Từ trong Tục Đế bỏ Vọng, hiện Chân rồi thể nhập Chân Đế.***

Vì vậy, việc tu hành trong pháp Phật chính là từ trong chánh quán thế gian hiện thực (Tục Đế) mà phát hiện ra sự sai lầm là không thật có; bỏ Vọng, hiện Chân, đi sâu vào việc thể hiện Thật Tướng của thế gian. Đây là Chân Tướng cứu cánh, gọi là Thắng Nghĩa Đế, bởi vì là Cảnh đặc thù do Thế Nghiệm và được sự công nhận của bậc Thánh.

Bát Nhã, tu tập Bát Nhã chính là đạt thành phương pháp dựa vào Tục Đế mà thấy Chân Đế, từ Hư vọng mà thấy Chân Thật, từ phàm phu đi vào bậc Thánh.

• **Nương Tục mà hợp Chân**

○ **Chân Đế tồn tại hoàn toàn không là Tục Đế.**

Nói Chân Đế, chớ tưởng rằng rời bỏ thế gian hiện thực để có một cái gì khác. Phật nói hai Đế để chỉ rõ ngoài hiểu biết chung về hiện thực thế tục, còn có Chân Tướng mà các bậc Thánh cùng chứng. Đây chính là Bản Tướng của tất cả pháp, hoàn toàn không là hiện thực thế gian mà tồn tại; cho nên, nếu chẳng dựa vào Tục Đế thì không thể Có Chân Đế. Đây chính là: 即相顯性: Tức Tướng hiển Tánh: Từ nơi Tướng hiển lộ Tánh.

○ **Trước nói rõ nguyên nhân khổ đau của thế gian, sau mới có thể phá trừ Vọng tưởng, có được Giải Thoát.**

**Vì sao phải tu học như vậy?**

- ***Nguyên nhân chúng sanh khổ nạn trong sanh tử, chính là không tương ưng với Chân Lý.***

Bởi vì chúng sanh, nhất là loài người, không thể hiểu thấu Chân Tướng của Thế Gian, cho nên không thể tương ưng với Chân Lý.

Từ đây, Tâm Niệm dấy động, biểu hiện ra hành vi, ngôn ngữ đều không phù hợp với Chân Lý. Cõi chúng sanh, con người đây có cá nhân, gia đình, xã hội, quốc gia; tất cả đều



rồi bời trong khổ nạn, đều chỉ vì những hiện tượng trái ngược, không tương ứng với Chân Lý.

Con người, nguyên nhân từ đời trước đến đời này; đời này đến đời sau, sống chết trôi nổi, khổ đau không dừng, cũng chính là Không Tương Ứng với Chân Lý, là thành quả của Vô minh, Vọng chấp, Điên đảo, Thác loạn.

▪ ***Dựa vào Chân Đế phá Vô Minh mới có thể tiến đến Giải Thoát, thành Phật.***

Vì vậy, Phật nói hai Đế dạy người tu học dựa vào Tục đế được Chân Bát Nhã. Chứng Bát Nhã rồi mới có thể nương vào Chân Đế mà thể hiện qua Tướng và Dụng để phá trừ Vọng chấp, Vô minh, tương ứng với Thắng Nghĩa, cũng là có được Giải Thoát, tiến lên Thành Phật.

### ***Quán đúng Thế Tục***

世俗假施設,	<i>Thế Tục giả thi thiết,</i>
名言識所識.	<i>Danh ngôn, Thức, Sở Thức.</i>
名假受法假,	<i>Danh giả thọ pháp giả,</i>
正倒善分別.	<i>Chánh đảo thiện phân biệt.</i>
Thế tục giả thiết lập,	Tên gọi, Thức, đối tượng.
Tên giả, Pháp nhận giả,	Ngược lại khéo phân biệt.

- **Đã biết được nhận thức của thế tục đều là giả Danh thì mới có thể hướng về Chân Thật.**

Tâm Cảnh thường thức của tập quán chúng sanh dường như là thật tại, cho nên nó che khuất Chân Tướng. Nếu dựa vào đây được thì thấu rõ Thế Tục, thấu rõ giả Danh dựng lập thì sẽ khả năng hướng về Chân Thật.

- **Giả danh chính là tất cả những hiểu biết thông thường.**

Vì vậy, ở đây gọi là Thế Tục, bởi vì nó là giả thiết lập nên. Giả thiết lập (giả thi thiết) có nghĩa là Giả Danh: Cái tên giả hay cái tên vay mượn.

Ở đây, không nói là Không Có; cũng không nói lẫn lộn chỉ trái bí mà nói trái bầu.

Ở đây nói cái mà chúng ta nhận thức được là dựa vào vô số Nhân Duyên, vô số liên hệ mà thành.

- Ở đây không phải là Thật Thể, cho nên là Giả.
- Dựa vào Nhân Duyên thành cái này, thành cái kia, cho nên gọi Thi Thiết: Dựng lập, bày đặt.
- Giả mà bày đặt ra là cái này, là cái kia nên gọi là Giả Danh: Cái tên giả, Cái tên vay mượn. Giả danh là tất cả nội dung của hiểu biết thông thường của con người.

- **Danh, Ngôn, Kiến Thức là nhận thức thông thường của Thế Tục.**

Theo tâm nhận thức mà nói, đây là cái Biết của Ngôn ngữ, của Thức và đối tượng của Thức.

Khi một ấn tượng, khái niệm hiện rõ ở Tâm Cảnh của chúng ta thì phân biệt rõ ràng rồi nhận ra: Đây là cái gì, kia là cái gì và chúng ta dùng ngôn ngữ gọi tên đối tượng tương đồng, cho nên gọi Danh- Ngôn- Thức. Đây chính là nhận thức thông thường của Thế Tục.

Nếu là người lớn thì khéo dùng Danh, Ngôn; nhận thức phân minh và còn nói được rõ ràng.

Nếu là con nít, súc sanh thì chỉ có nhận thức; tuy không rõ ràng bằng người lớn nhưng cũng vẫn biết được: Đây là cái gì; tuy không thể nói là cái gì, nhưng có thể biết đây là cái gì. Đương nhiên, cái biết ấy không quá nhiều mà, sai lầm thì nhiều lắm.

○ ***Tất cả tri thức đều lấy Thế Tục làm cơ sở chung, không tìm tòi Chân Tướng được.***

Căn thức của chúng ta là Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức và Ý Thức đều nhận biết như vậy. Những nhận thức này đều dựa vào Tâm Cảnh rồi tập tành thành thói quen mà có. Thế gian cho là như vậy sẽ là như vậy.

Ở đây không tìm tòi Chân Tướng của Tri Thức cơ bản trong nhận thức chung của Thế tục, phát triển trở thành tất cả Tri Thức của Thế Gian.

Nếu tìm tòi Tướng rốt ráo của từng pháp thì Tri Thức thế tục này sẽ không thể lập thành.

• **Nói về Chánh Quán Thế Tục theo thứ tự từ cạn đến sâu.**

○ **Tam giả.**

▪ ***Nói chung Tam Giả.***

Cái giả của thế thế tục do bày đặt ra cũng có khác nhau: Biến đổi, không biến đổi; có thể chia ra ba loại: Danh giả, Thọ giả, Pháp giả.

▪ ***Giải thích riêng Tam giả:***

✓ **Danh giả: Rõ ràng và biến đổi**

- Không biết giả danh mà cho Danh là Thật.

Như nghĩ đến người, nói đến người rồi cho rằng chính là người đó; tên gọi và ý nghĩa hợp nhất mà, không biết đây là sự tương ứng giữa Danh, Nghĩa giả dựng lập.

- Phá bỏ Danh và Nghĩa, rồi lại chấp trước Danh là thật.

Như không gọi kẻ kia là người, không nghĩ kẻ kia là người; kẻ kia vẫn là kẻ kia; hoàn toàn không lý do, không nghĩ đến, không nói ra mà lại không có. Ở đây có thể thấy

Danh và Nghĩa không nhất định phải tương ứng. Biết được điều này sẽ phá bỏ chấp trước cho Danh là Thật.

✓ Thọ giả:

- Không biết Thọ giả mà lấy vật hợp lại là thật.

Thọ giả, thầy Huyền Trang dịch là Thủ Giả 受假. Như người này, cái nhà kia; đây là những vật do nhiều yếu tố hợp lại mà có; khi nhận thức, luôn luôn cho là: Những thứ này, tuy không chắc chắn gọi là cái gì; nhưng chúng có thật mà không biết đó là những thứ giả dựng lập nên, giả đặt để ra.

- Lấy nhất hợp tướng (tướng tổng quát, tướng chung) để phá bỏ chấp trước cho rằng vật do nhiều yếu tố hợp thành là Thật thể.

Như con người, thông thường nói là do: Tứ chi, xương gân, lục phủ, ngũ tạng,... hợp thành.

Như cái nhà thì gồm: cây, đá, sắt, đất, công nhân hợp thành.

Nếu phân tích con người, cái nhà,... ra thì những nhân tố ấy tách rời ra thì hình thể có thật của cái này hay cái kia không có (nhưng có những cái do giả lập mà thành).

Vì sao gọi là Thọ giả? Bởi vì do nhiều Nhân Duyên kết hợp mà thành Nhất hợp Tướng hay Tổng Tướng.

Đã biết như vậy, thì phá bỏ nhận thức cho rằng Vật do nhiều thứ hợp thành là một nguyên tố đơn lẻ; như trên lấy nguyên tử cho là Thật Thể, rồi Chấp Trước.

✓ Pháp giả.

- Pháp là không mất nhân tố cơ bản của Tự Tánh.

Pháp giả là phân tích một đối tượng đến mức không làm mất Tự Tánh của nó; cũng chính là nhân tố cơ bản của con người, vũ trụ; như hiện tại, chúng là những gì của điện tử.

- Giả là nhân tố của tự tánh cũng không rời Nhân Duyên.

Nhưng, đây vốn là giả lập, bởi vì nó còn có thể biến hóa. Ngay tại hiện thực, khoảng không chẳng hạn, hình thành được cũng nhờ nhân tố đặc hữu của nó, như điện tử không thể nói là không có sự liên quan quyết định của nó. Rời bỏ Nhân Duyên thì bản thân nó hoàn toàn không thể như thế, cho nên cũng là giả lập. Đây là điều khó phá bỏ nhất, vì là cứ điểm tối hậu của chúng sanh để chấp Thật hữu.

- Thứ tự quán sát đúng Tam giả

Quán sát đúng của Bát Nhã, chính là bằng quán Bát Nhã. “Trước phá hoại Danh giả, đến Thọ giả rồi phá Thọ giả; đến Pháp giả rồi phá Pháp giả rồi vào trong Thật Tướng”

Ba giả này nên khéo léo học tập, chớ cho rằng tất cả là Giả lập mà còn, phân biệt tất cả cho rõ ràng.

○ **Chánh, Đã hai loại Thế Tục.**

▪ ***Nêu lên hai loại Thế Tục.***

Ở trong giả lập của Thế Tục, còn có hai loại: Chánh và Đã, cũng nên khéo léo phân biệt.

Như ban ngày, gặp, nói chuyện, làm việc với một người; đó là một loại. Gặp người trong mộng, nói chuyện, làm việc; đó lại là một.

✓ **Chánh thế tục: Trong pháp thế tục, thực sự được công nhận là Thực Tại.**

Con người làm việc, hoạt động lúc ban ngày là sự thật, tồn tại ở trong không gian và thời gian; là con người khác có thể nhận biết như một Thực Tại. Trong pháp Thế Tục, điều này được nhận thức là Thực Tại và gọi là Chánh Thế Tục.

✓ **Đã thế tục: Trong pháp Thế Tục, sự việc có thể biết là hư dối, không thật.**

Nhưng, với cảnh mộng chỉ là cảnh mộng của cá nhân, còn trong pháp thế tục cũng có thể biết là hư dối, không thật.

▪ ***Dùng Đã thế tục làm ví dụ để nói sự mê lầm, rối loạn, không thật của Chánh thế tục.***

✓ Đảo Thế Tục dựa vào Chánh Thế Tục nhận thức thì biết được hư dối, không thật.

Loại Đảo Thế Tục này:

- Là Cảnh Tượng có sai lầm, rối loạn, như cắm cây bút vào lọ thủy tinh thì thấy cây bút cong lại.
- Như trong mắt có vảy, thấy hoa đóm rơi loạn giữa hư không; đây là sự sai lầm, rối loạn của Căn.
- Như Tâm có Thành Kiến, cho nên, có sự hiểu biết sai lầm; đây là sự lầm lỗi, rối loạn của Thức.

Đây là Danh Ngôn, Thức ở trong Thế Tục, cũng được hiểu là sai lầm, rối loạn, hư dối, không thật.

✓ Chánh Thế Tục cần dựa vào Bát Nhã Chánh Quán mới có thể biết hư dối, không thật.

Nhưng những hiện tượng Vật lý, Sinh lý, Tâm lý thông thường, như giả pháp..., ở trong Danh (tên gọi), Ngôn (lời nói), Thức (phân biệt) thì khó hiểu rõ chúng là sai lầm, rối loạn, hư dối, không thật. Điều này cần Chánh Quán Bát Nhã mới có thể biết Giả Danh của Thế Tục.

✓ Không thể dùng Dị Giải Không để hiểu Nan Giải Không, thì không thể thấu suốt Thật Tượng của Thế Gian.

Vì vậy, Phật hay dùng hư dối, sai lầm, rối loạn của Đảo Thế Tục; như trăng trong nước, cảnh trong mộng, hoa đóm



giữa hư không... để ví dụ về sai lầm, rối loạn, không thật của Chánh Thế Tục. Nếu không biết sự khác nhau này mà, ít nhiều biết một số sai lầm, rối loạn, không thật của Đạo Thế Tục; biết Dị Giải Không về không hoa..., thì không thể dùng Chánh Thế Tục làm Cảnh để quán chiếu Nan Giải Không; thì không thể thấu suốt Chân tướng của Thế gian.

### ***Quán Thuận Thắng Nghĩa***

自性如何有? *Tự Tánh như hà hữu?*

是觀順勝義。 *Thị quán thuận Thắng Nghĩa.*

Tự Tánh làm sao có? Là quán thuận thắng nghĩa.

- **Dựa vào Danh, Ngôn, Thức thuộc hữu lậu hướng về Quán Huệ thuộc Thắng Nghĩa.**

Phật, từ trong Danh, Ngôn, Nhận Thức của chúng sanh, chỉ ra cách hướng về Quán Huệ thuộc Thắng Nghĩa. Đây là Danh, Ngôn, Thức thuộc hữu lậu, nhưng thuận với Thắng Nghĩa, không thuận với Thế Tục.

○ **Nói về đặc tính Danh, Ngôn, Thức của Thế Tục.**

- ***Nhận Thức và Hành Động của Thế Tục đều hình thành trên cơ sở không truy tìm cứu cánh.***

Danh, Ngôn, Thức là tùy theo sự chấp nhận chung của Thế Tục, hoàn toàn không vì sự truy tìm cứu cánh gì; đã đến cứu

cánh rồi, sau mới thành lập. Tuy nhiên, sự tiến bộ của tri thức đều có khuynh hướng tìm tòi cứu cánh; nhưng cuối cùng, đều dựa vào sự công nhận của Thế Tục: Tự mình sáng suốt hoặc Tiên thiên (à priori, innè). Với loại độc đoán này là cơ bản của việc không truy tìm Cứu Cánh để hình thành Nhận Thức, hình thành Hành Động.

▪ *Nêu ví dụ để nói rõ.*

✓ Quán sát thời gian, không gian của Địa Cầu.

Ví dụ như nói: Tàu thuyền gặp nguy hiểm vào ngày nào, giờ nào, phút nào; tại tọa độ kinh đông mấy độ, mấy phân.

Bản thân của thời gian, hoàn toàn không có giờ, phút nào cả. Tự thân của trái đất cũng tìm đâu ra độ kinh đông mấy độ, mấy phân.

Chỉ vì giả lập như thế của Thế Tục, được công nhận, nhằm biết thời gian nào, thuyền ở chỗ nào và mọi người mới đặt ra phương pháp giải cứu con thuyền ấy.

✓ Luận về thứ tự tiến hóa của nhà khoa học.

Còn các nhà khoa học hiện đại cho rằng trái đất là xuất phát từ mặt trời, từ không có sinh vật rồi có sinh vật, thực vật, động vật rồi đến loài người; tạo thành, tuần tự tiến hóa theo hàng dọc. Nhưng đối với những vật chất này, vì sao mà có;

vật chất dựa vào cái gì mà thành lập; cái trước hết hoặc cái sau cùng cũng hoàn toàn không thể truy cứu rốt ráo. Nếu hỏi đến cuối cùng thì tất cả học vấn khó mà đứng vững được.

✓ Thuyết nguồn gốc vũ trụ của nhà triết học.

Còn như nhà triết học truy tìm giả thiết nguồn gốc của vũ trụ là: Vật lý, Sinh lý, Tâm lý hay đa nguyên. Thừa nhận nguồn gốc vũ trụ là những cái này thì hoàn toàn không có, từ sự tìm tòi nguyên nhân rốt ráo. Thật ra, từ vật lý, sinh lý, tâm lý của hiện tượng thế gian, rồi trải qua sắp đặt, chế tạo tinh vi của chính mình, rồi xem đó là nguồn gốc của vũ trụ, rồi suy luận phải là như vậy mà thôi.

Nhận thức và hành vi của thế tục đều là như vậy, chứ không dựa vào tìm hiểu tới cùng mà hình thành.

✓ Ngã và ngã sở của chúng sanh.

Như cây cối là do ta trồng, cuối cùng thế nào là ta; không cần thiết khảo cứu đúng, sai; nhưng thế tục đều công nhận cây cối là ta trồng.

▪ ***Nhận thức của chúng sanh chưa từng đạt đến Chân Thật rốt ráo.***

Những tri thức này không triệt để mà có đặc tính mâu thuẫn và tương đối. Điều này không phương hại sự hình

thành tri thức của thể tục; chúng sanh vốn ở trong Tâm Cảnh như vậy, và cho là Chân Thật mà, thật ra, xưa nay chưa từng đạt đến Chân Thật rốt ráo

- **Thuận theo Quán Huệ Thắng Nghĩa, dựa vào sự việc Thể Tục mà quán sát rốt ráo.**

Hiện tại, Thắng Nghĩa Đế là thể nghiệm chân thật rốt ráo; dựa vào sự việc thể tục để quán sát Tự Tánh rốt ráo. Quán sát nó, vì sao, mà có. Loại quán sát này gọi là thuận theo Quán Huệ Thắng Nghĩa.

- ***Quán sát trước, sau của cái này, cái kia.***

Từ trong trước, sau tiếp nối; quán sát cái gì là trước nhất; cái trước nhất được sanh ra từ đâu?

Từ trong tương quan cái này, cái kia; quán sát Tánh khác nhau tuyệt đối của cái này, cái kia là gì; tại sao trở thành Thể độc lập của cái này, cái kia?

- ***Dựa vào Thọ giả (受假) truy tìm, quán sát cái Cứu Cảnh.***

Dựa vào Thọ giả mà nói: Quán sát, tập hợp, hình thành vi trần nhỏ bé, đến không còn có thể nhỏ bé hơn nữa, cuối cùng là cái gì? Cái ấy tồn tại và sanh khởi như thế nào? Nếu cho rằng thật thể của vũ trụ là đồng nhất.

Quán sát thể đồng nhất này như thế nào? Tồn tại ra làm sao? Nhất Thể, tại sao, có thể trở thành sai khác?

- ***Quán sát là truy tìm Tự Tánh, là ngược lại với Thế Tục nhưng, thuận theo Thắng Nghĩa.***

Đây gọi là truy tìm Tự Tánh. Tự Tánh là Tự Thể, là xưa nay vốn Như Thế. Chính mình cũng Như Thế, vĩnh viễn là Như Thế; dù cho, nhỏ nhất hay lớn nhất, trước nhất hay sau cùng. Đây hoàn toàn không phải thành kiến sẵn có, tương tượng như có một cái gì đó, mà chỉ là đập bể cái nôi đất vụn hỏi đến cùng, truy tìm cứu cánh của cái ấy là gì. Cái ấy, tuy là Danh, Ngôn, Thức nhưng ngược lại với con đường thông thường của Tri Thức Thế Tục, mà là thuận theo Quán Sát của Thắng Nghĩa, đi vào Thắng Nghĩa.

- **Thắng Nghĩa quán huệ là từ Văn, Tư, Tu chuyên chú quán sát Tự Tánh để đi sâu vào cứu cánh**

Vì vậy, sự tương của Thế Tục, kinh, luận nói rất nhiều, nhưng Thắng Nghĩa quán huệ, từ Văn mà Tư mà Tu, chuyên chú quán sát Tự Tánh để đi sâu vào Cứu Cánh. Điều này mới có thể triệt phá ngu mê căn bản của chúng sanh, thấu suốt Thật Tướng của thế gian.

***Dựa vào Tính Không tiêu diệt Hoặc***

苦因於惑業,                      *Khổ nhân từ Hoặc Nghiệp,*  
 業惑由分別,                      *Nghiệp Hoặc do phân biệt,*  
 分別由戲論,                      *Phân biệt do Hý Luận,*  
 戲論依空滅。                      *Hý luận y Không diệt.*

Nhân Khổ từ Hoặc Nghiệp, Hoặc Nghiệp do phân biệt,  
 Phân biệt do Hý Luận,              Hý Luận nương Không mất.

- **Nói quả Khổ từ Hý Luận mà đến.**
  - **Quán Thắng Nghĩa Không là pháp môn Bất Nhị của Giải Thoát.**

Quán Thắng Nghĩa là tìm tòi Tự Tánh của tất cả pháp và dựa vào đó hiểu sâu Thắng Nghĩa. Quán sát Chánh Lý này là phương pháp Bất Nhị của Giải Thoát.

- **Nói rõ quan hệ nhân quả từ Khổ đến Hý Luận.**
  - ***Do Hoặc Nghiệp mà có Khổ***

Khổ là đối tượng đích thực của Giải Thoát; Khổ là tự thể Thân, Tâm của chúng sanh; vì tiếp xúc với tất cả nên dẫn đến lo âu, đau khổ.

Chúng sanh vì sao khổ? Vì sao luân hồi trong sanh, tử? Ở trên đã nói: Đó là Nguyên Nhân từ Hoặc Nghiệp.

- ***Do phân biệt sai lầm (Hoặc) mà sanh Hoặc, tạo Nghiệp.***

Nghiệp dựa vào Hoặc mà có. Hoặc là Vô Minh; thấy có Ngã, Ngã Sở là Phiền Não chủ yếu. Kinh nói: “Vô Minh là Tư Duy không đúng”; bởi vì, do phân biệt giả dối, sai lầm, không như Lý sanh ra.

- ***Do Hý Luận nên phân biệt sai lầm, không như Thực Tri (biết đúng sự thực).***

Tại sao Tâm Thức của chúng sanh thường phân biệt sai lầm mà, không thi tri nhận đúng sự Thật? Đây là do Hý Luận. Thế nào gọi là Hý Luận? Đó là sự Phân Biệt sai lầm, không rời Cảnh Tượng rồi hiện khởi lên. Khi sanh ra phân biệt sai lầm, trực giác được Cảnh là Thực Tại; đây dường như Tự Thể là như thế, cùng với Tâm phân biệt không có tương quan gì. Đây không chỉ là trực giác sai lầm của Vọng Phân Biệt mà, ở trong Tâm Cảnh của phàm phu, Cảnh Tượng ấy, cũng hiện rõ xác thực như vậy.

- **Dựa vào Quán Vô Tự Tánh Không để diệt trừ Hý Luận.**
  - **Tâm phân biệt không thể biết Hý Luận là căn nguyên của sai lầm.**

Nguồn gốc của sai lầm này là không phù hợp với Thực Tế. Vì sao? Nếu nhận thức đến nơi, đúng với Thực Tại thì Tự Thể là như thế. Việc này so với Sự, Lý của kinh nghiệm hoàn

toàn không tương hợp; cũng vì vậy, tất cả Thế Tục, xuất Thế đều không thể lập thành!

Điều đó hoàn toàn không như thế mà, Hý Luận, Tâm phân biệt biểu hiện như thế; Danh, Ngôn, Thức không thể biết Nó sai lầm.

○ **Quán sát Tự Tánh Bất Khả Đắc để diệt trừ Hý Luận.**

Nếu bằng quán sát Chánh Lý để tìm tòi Tự Tánh qua nhiều lớp phân tích, muốn nó xuất hiện đầu mỗi cuối cùng, thì biểu lộ rõ ràng là hoàn toàn không có Tự Tánh chân thật. Tất cả pháp không có Tự Tánh chính là Chân Tướng của tất cả pháp. Vì vậy, dựa vào Không Quán để tìm tòi Tự Tánh thì không thể được mà, phải tu tập không ngừng mới đủ khả năng diệt trừ Hý Luận.

○ **Hý Luận diệt trừ thì Vọng Tưởng hết cho đến có được Giải Thoát.**

Hý Luận đã diệt rồi, phân biệt vọng tưởng liền mất đối tượng không phát khởi nữa. Tâm phân biệt ngưng thì Bát Nhã xuất hiện ngay, đương nhiên, không Khởi Hoặc, Tạo Nghiệp trở lại; bản chất khổ đau không còn tiếp nối nữa mà được giải thoát.



Giải thoát của Bạc Thánh là dựa vào KHÔNG làm phương pháp Quán Sát mà có được. Phật nói: Phương pháp Giải Thoát: Không, Vô Tướng, Vô Nguyên; lý do cũng là như thế.

***Biểu hiện Trung Đạo Tánh Không***

請法因緣生, *Chư pháp nhân duyên sanh,*  
 緣生無性空; *Duyên sanh vô Tánh Không;*  
 空故不生滅, *Không có bất sanh diệt,*  
 常住寂靜相。 *Đương Trụ Tĩnh Tĩnh Tướng.*

Nhân Duyên sanh các pháp, Duyên sanh Vô Tánh, Không;  
 Vì Không không Sanh, Diệt, Tướng Thường Trụ vắng lặng.

- **Quán các pháp do Nhân Duyên sanh nên không có Tự Tánh.**

- **Tất cả các pháp đều từ Nhân Duyên sanh.**

- ***Pháp do Nhân Duyên sanh là tất cả kinh nghiệm hiện thực.***

- ✓ **Tất cả, nếu là Thật Có thì không phù hợp với kinh nghiệm hiện thực.**

Tâm Sở phân biệt hiện lên thì cảm nhận có Cảnh Tướng của thực tại; vì sao biết là Hý Luận và không phù hợp với Thực Tế? Bởi vì, nếu tất cả là Thực Tại thì so với hiện thực

kinh nghiệm không phù hợp; mà dù thế nào đi nữa cũng không thể chứng thực các pháp ấy là thực tại.

✓ Vì Cái Này ở trong Cái Kia theo pháp Duyên Khởi nên biết tất cả là Nhân Duyên sanh.

Liên quan với điều này, Phật chỉ dạy Pháp Duyên Khởi; nói rõ các pháp: Ngoài là vũ trụ, vạn vật; trong là Thân, Tâm; lớn như Vũ trụ, nhỏ là vi trần đều Nhân Duyên sanh ra.

Nói cách khác, bất cứ cái gì đều không phải Chính Nó là như vậy mà là do Nhân Duyên quan hệ quyết định. Đó cũng chính là:

此 有 故 彼 有,	Thử hữu cố bỉ hữu,
此 生 故 彼 生;	Thử sanh cố bỉ sanh,
此 無 彼 故 無,	Thử vô cố bỉ vô,
此 滅 故 彼 滅.	Thử diệt cố bỉ diệt.

Cái này có nên cái kia có, Cái này sanh nên cái kia sanh,

Cái này không nên cái kia không, Cái này diệt nên cái kia diệt.

Tất cả kinh nghiệm hiện thực, phép tắc Nhân Quả; từ những điều này cũng không nói lên cái gì, càng không thiết yếu nói ra luận chứng Chân Tướng của các pháp.

▪ ***Nhân Duyên Sanh là Không có Tự Tướng.***

Tất cả đều từ Nhân Duyên Sanh, bất luận mối quan hệ của Nhân Duyên Sanh trước hay sau hay Nhân Duyên Sanh đồng thời quan hệ, đều biết được là các Pháp Không Sanh, Không Sanh là Không Có Tự Tánh.

✓ Từ Nhân Duyên Sanh phê bình, phá trừ đặc tính có Tự Tánh.

Tự Tánh là một danh từ, với ý nghĩa là Tự Có, Tự Thành.

- Nhân Duyên Sanh thì không Tồn Tại Một Mình.

Thực Tại mà không dựa vào Cái Khác thì không Hiện Hữu và cũng không thể Hiện Hữu Độc Lập. Bởi vì, nếu không dựa vào Nhân Duyên Khác thì Thực Tại ấy phải chịu sự quyết định, chi phối; không thể nói: Chính tôi là như vậy, không có quan hệ gì với cái khác.

- Nhân Duyên Sanh thì không Thường Tại, Bất Biến.

Tự có thật sự là tồn tại độc lập nên cũng phải là Thường Tại.

Bởi vì đã lìa xa Nhân Duyên thì không thể từ Tự Thể mà nói rõ sự thay đổi. Giả sử nói rằng Tự Thân vốn có khả năng Tánh thay đổi này thì Tự Thân này không phải là Tự Thể có một Tánh mà còn có Tính Mâu Thuẫn của tương đối; vì vậy, Tự Thân phải do Nhân Duyên Khởi, chứ không phải là Tự Tính sẵn có.

✓ Quán sát sự tồn tại của tất cả pháp là do Duyên Khởi, cho nên không thể Tự Có, Độc Tồn, Thường Tại, cũng nhất định không phải như Tâm Phân Biệt biểu hiện tánh Thật Tại như thế.

✓ Vô Tự Tánh chính là KHÔNG.

Không Tự Tánh mà biểu hiện Có Tự Tánh, cho nên là Hý Luận sai lầm, rối loạn. Hý Luận này có cũng có thể biết là Không Tự Tánh, Phật gọi là KHÔNG.

Hai từ Không (空) và Vô (無) trong văn tự Hán Việt có điểm giống nhau nhưng trong Phạm văn thì không giống.

- Vô (無) là Không Có.
- Không (空) thì không phải là Không Có Gì mà là Không Thể Có Tự Tánh (自性不可得), Không Có Tự Tánh (無自).

○ **Thấu suốt Nhân Duyên Sanh mới biết Có, Không vô ngại.**

Tất cả pháp, Tự Tánh của nó không thể Có, chỉ là sự bày đặt của Thế Tục thôi nên Có và gọi là Giả Danh Hữu (tạm gọi là Có); Không thì không trở ngại với giả danh Hữu.

- **KHÔNG, bởi vì giả danh Có, do Nhân Duyên Sanh nên Có**

- ***Giả danh Có vì Nhân Duyên sanh, nên mới biết là Vô Tánh Không.***

Quán Duyên Khởi, Quán Vô Tánh, Quán Không, Quán Giả Danh là phương pháp quán sát không giống nhau mà khuynh hướng giống nhau; thật ra là như nhau.

Vì vậy nói:

眾 因 緣 生 法,      Chúng nhân duyên sanh pháp,  
 我 說 即 是 空,      Ngã thuyết tức thị Không,  
 亦 為 是 假 名,      Diệc vi thị Giả Danh,  
 亦 是 中 道 義.      Diệc thị Trung Đạo Nghĩa.

Các pháp do nhiều Duyên Sanh, Phật nói: đó là Không,  
 Đó cũng là Giả Danh,                      Đó là Nghĩa Trung Đạo.

- **Vô Tự Tánh Không chính là Bản Tánh của tất cả pháp.  
 Dựa vào đây quán sát:**

- ***Dựa vào giả Có của Thế Tục mà thành lập pháp Sanh, Diệt.***

Tất cả những gì của Thế Tục giả bày đặt ra; đó là những Tương quan, đã trở thành hiện thực, như: Hữu, Vô, Sanh, Diệt, Trước sau, liên tục, phát triển.

- ***Dựa vào Vô Tánh Không Quán mà biết Không Sanh, Không Diệt.***

Đến khi cuối cùng, thấu suốt Không Vô Tánh rồi quán sát tất cả pháp và biết rằng đó là Giả Có vì Vô Tánh; Có, Không; Sanh, Diệt hoàn toàn không chân thật. Dù cho sanh, diệt bao nhiêu, mãi mãi không ngừng mà vì Không, Vô Tự Tánh nên tất cả là Giả sanh, Giả diệt, nhưng thật ra là Không sanh, Không diệt.

○ **Dựa vào pháp Duyên Khởi để nêu lên Bốn Tánh của Tất Cả Pháp.**

Tất cả pháp, xưa nay, đều bất sanh bất diệt như thế; đó là Tánh Thường Hằng, Như Như Bất Động, Đây không phải là lìa sanh diệt mà riêng có bất sanh, bất diệt để nói mà là chỉ thẳng Đương Thể của Sanh Diệt; đó là Bốn Tánh Bất Sanh Bất Diệt.

Vì lý do này, dù cho Tướng Thế Gian bất sanh bất diệt như thế, dao động, rối loạn không ngừng như thế nhưng, thật ra là Tướng thường hằng Tự Vắng Lặng, Đương Thể của dao động, rối loạn là Vắng Lặng; cũng không phải lìa bỏ tất cả động, loạn mà riêng có Vắng Lặng để nói.

Như vậy, dựa vào Pháp Duyên Khởi, khi quan sát Thắng Nghĩa để tìm tòi Tự Tánh là lần lượt mở ra Bốn Tánh của tất cả pháp; như kinh đã nói: “Tất cả pháp đều không có Tự

Tánh; không Sanh, không Diệt; xưa nay Văng Lặng; Tự Tánh là Niết Bàn (kinh Giải Thâm Mật, q.2)”.  
**Thứ tự hiện quán**

***Quán Nhị Không.***

**Trước quán Pháp Không**

法不自他生,	<i>Pháp bất tự tha sanh,</i>
不共不無因;	<i>Bất cộng bất vô nhân;</i>
觀是法空性,	<i>Quán thị pháp Không Tính,</i>
一切本不生。	<i>Nhất thiết bản bất sanh.</i>

Pháp sanh không Tự, Tha; Không chung; Không Vô Nhân, Quán pháp này Không Tánh; Tất cả vốn Không Sanh.

• **Nói sơ qua về quán Nhị Không.**

- **Quán Vô Tánh Không có thể gồm quán Pháp Không và quán Ngã Không.**

Tất cả quán Thắng Nghĩa về Vô Tự Tánh không, Bồ Tát quán rộng ra tất cả; bằng vô lượng, phương tiện quán sát để thông đạt Vô Tự Tánh. Nếu nói sơ qua, có thể gồm hai phương pháp lớn: Quán Pháp Không, quán Ngã Không.

- Pháp là lấy Pháp Giả là chính, gồm có Thọ giả, Danh giả.

- Ngã là một loại trong Thọ giả, là sự hòa hợp của Thân và Tâm rồi thành một cá thể chúng sanh.
- **Quán Pháp Không dùng bốn môn Không Sanh để chỉ rõ chân nghĩa của pháp Phật.**

Quán môn Pháp Không, cần thiết là quán bốn môn Bất Sanh.

- *Nêu sơ lược kiến giải của phàm phu ở ngoài và kiến giải trong Phật pháp.*
- ✓ Pháp là Có, phàm phu chấp là Có Thật; Nếu Không thì là Thật Không.

Phật chỉ dạy quán Sanh Diệt, Vô Thường; đây chỉ là Hiện Tượng Sanh Diệt từ Không mà Có, đã Có trở lại Không.

- ✓ Nhưng có một số người cho rằng: Pháp có thật sanh, thật diệt.

Điều này không những là không có nguyên nhân Sanh Diệt mà còn hiểu được Thế Tục Giả Danh; trái lại, chấp trước có Tự Tánh Sanh Diệt thật; điều này hoàn toàn ngược lại Tánh Bất Sanh Bất Diệt của Pháp Không.

- *Vì vậy, Pháp Đại Thừa lấy Nhân Duyên Sanh làm pháp môn chủ yếu để trừ bỏ vọng chấp của phàm phu, ngoại đạo, sở đắc của Tiểu Thừa và Đại Thừa để nêu rõ Chân Nghĩa pháp Phật.*

## • Nói rõ Bốn Môn Bất Sanh



○ **Nói chung, chấp Pháp có Thật Tánh không ngoài bốn Sanh.**

Chúng sanh chấp Pháp có thật Tánh là Có, cũng chính là Sanh.

Thế thì cuối cùng, Sanh Khởi như thế nào? Tại sao mà Có?

▪ ***Bốn Sanh chia ra hai loại: Có Nhân và Không Nhân.***

Nói đến Sanh, không ngoài hai loại: Sanh có Nhân Duyên và Sanh không Nhân Duyên.

Sanh có Nhân Duyên cũng không ngoài ba loại: Tự sanh, Tha sanh, Cộng sanh, tổng cộng là bốn cách (thêm Nhân Duyên Sanh).

▪ ***Nói ý nghĩa của ba Sanh: Tự, Tha, Cộng.***

Tự sanh là chính mình sanh ra.

Tha sanh là dựa vào Cái Khác mà sanh ra, Cái Sanh Ra là thật Có.

Cộng sanh là, tuy tự Thể Vốn Có nhưng phải có Trợ Duyên của cái khác, mới có thể sanh ra.

Nói dễ hiểu, tuy có nhiều thuyết khác nhau của từng tông phái, nhưng không ngoài bốn Cách này; cho nên, Quán Sát phải dùng bốn Cách vừa nêu.

- **Nói rõ bốn cách Sanh để sáng tỏ Pháp Tánh có thật, không thể thành lập bốn cách Sanh.**

Dùng chánh lý để quán sát thì đã là Pháp, có Thật Tự Tánh nên bốn Cách Sanh không thể xảy ra.

- **Pháp không Tự Sanh là không thể tự sanh ra.**
- ✓ Nêu lên mâu thuẫn của tự sanh: Tự Thể đã tồn tại mà còn nói sanh ra Tự Thể.

Tự Sanh có nghĩa là Chính Mình Sanh Ra Mình; Tự Thể đã Tồn Tại, chính là đã sanh ra; thế mà nói Tự Thể và còn nói Sanh Ra thì mâu thuẫn trong tư tưởng.

- ✓ Từ Tự Sanh đã phá sự khác, giống của đã sanh và chưa sanh.

Thử hỏi: Tự Thể không sanh ra, Tự Thể đã sanh ra thì Có, Không đâu giống nhau?

- Không giống vì có khác nhau giữa Chưa sanh và Đã sanh.

Nếu có một số không giống nhau; thế thì tồn tại Tự Thể Sanh Ra, không tồn tại Tự Thể Chưa Sanh Ra. Tự Thể không tồn tại thì phải sanh như thế nào?

Tự thể khi chưa sanh, nếu không tồn tại, thì có khác nào Chính Mình không tồn tại mà sanh ra Tự Thể được?

Đã tồn tại thì chẳng phải là Tự Thể?

Nếu Tự Thể chưa sanh ra mà đã tồn tại thì, đối với Sanh Ra mà nói thì đã có chỗ bất đồng là không còn, là Tự Thể.

- Giống nhau thì phạm lỗi vô cùng.

Giả sử nói: Tự thể chưa sanh, Tự Thể đã sanh thì không giống nhau tí nào; thể thì không có gì khác biệt giữa Đã Sanh và Chưa Sanh. Hơn nữa, Tự Thể có khả năng sanh ra Tự Thể; sanh ra rồi, Tự Thể vẫn như vậy; thế là Tự Thể sanh ra trở lại và đã phạm lỗi Sanh vô cùng!

▪ ***Cũng không phải Cái Khác sanh.***

✓ Từ tương đối phá bỏ Cái Khác sanh.

Khi không có Sanh, nếu không có Tự Thể thì không có Tha tương đối với Tự; không có Tự, cũng không thể nói là có Tha. Ý nghĩa của Tha, Tự, vì vậy, đều không thành lập được, còn vì sao nói Sanh?

✓ Từ Tánh Riêng phá bỏ Cái Khác sanh.

Nếu thật có Cái Khác thì Cái Khác có riêng Tự Tánh, Cái Khác không thể sanh Chính Mình (Tự); giống như trâu không sanh ngựa.

✓ Luận về sự khác nhau giữa Nhân Duyên Sanh và Tha Sanh.

Có người cho rằng: Pháp Phật nói: Nhân Duyên Sanh, Y Tha Khởi thì cũng không phải là Tha Sanh sao? Nếu chấp Tha Sanh có tự tướng, có tự tánh thì nên trừ bỏ đi.

Nhưng Phật nói Nhân Duyên Sanh, Duyên Sanh thì không có Tự Tánh, cho nên, không thể nói có Tự Tướng. Nhân Duyên và Pháp Được Sanh Ra đều không có Tự Tánh Riêng; vì vậy, dựa vào Thế Tục mà có tên Tha (cái khác) là Giả Danh (tên giả, tên vay mượn) và, chắc chắn, chẳng có Tự Thể khác của Tự Thể đối lập.

▪ ***Cũng không có Cộng Sanh.***

Cộng Sanh là tổng hợp giữa Tự Sanh và Tha Sanh.

Nếu phân biệt sanh ra thì riêng Tự Sanh không thành lập được; riêng Tha Sanh không thành, thế thì Cộng Sanh làm sao có thể thành được? Giống như A đui, không thấy vật; B đui, cũng không thấy vật; A và B hợp lại, làm sao có thể thấy được vật?

▪ ***Không thể không có Nhân mà Sanh***

Hiện thấy thế gian có mối quan hệ Nhân Quả; nếu nói không có Nhân, không có Duyên thì tất cả đều không thể thành lập! Thiện, ác; tà, chánh cũng không thể thành lập được! Nếu không có Nhân mà sanh; thế thì kẻ phạm mười

điều ác, làm năm điều ngũ nghịch cũng có thể sanh lên trời hoặc thành Phật. Điều này cũng không làm sao có thể được.

• **Từ bốn cách Không Sanh được thì biết tất cả pháp vốn Không Sanh.**

Tóm lại, đã cho rằng Pháp thì có Tánh Thật Hữu, không ra ngoài bốn cách và kết quả đều là không thể Sanh.

Nhưng Sanh là hiện thực của thế gian, cho nên, tất cả pháp, chắc chắn, chẳng có Tự Tánh.

Do có Tự Tánh, không thành lập Tự Tánh Sanh; vì thế, biết là Duyên Sanh, là Có mà giả tạo. Dựa vào Duyên Sanh Giả Danh mà Quán các Pháp là Vô Tánh, là Pháp Không Tánh, cũng có thể thấu triệt: 一切法本來不生了. Nhất thiết Pháp bản lai Bất Sanh liễu: Tất cả Pháp, từ xưa đến nay, vốn Không Sanh.

Như kinh nói: “Nếu từ Duyên Sanh là Không Sanh, vì Duyên Sanh chẳng có Tự Tánh Sanh” (Bồ Đề Đạo thứ đệ quảng luận, q.19); hay kinh Pháp Hoa, q.1 nói: 諸法從本來,常自寂滅相: Chư Pháp tùng bản lai, thường Tự Tịch Diệt Tướng: Các pháp, từ xưa đến nay, luôn luôn Tự có Tướng Vắng Lặng.

**Sau quán Ngã Không**

我不即是蘊，

*Ngã bất tức thị Uẩn,*

亦復非離蘊，

*Diệc phục phi ly uẩn,*

不屬不相在，

*Bất thuộc bất tương tại,*

是故知無我。

*Thị cố tri Vô Ngã.*

Ngã không phải là Uẩn,

Cũng chẳng phải là Uẩn,

Không Thuộc, không tương tại,

Cho nên biết Vô Ngã.

- **Tiếp theo nói Quán Vô Ngã.**

- **Nói rõ hai loại Chấp Ngã.**

Quán ngã Không, Ngã có hai: Bồ Đặc Già La; Tát Ca Da

- **Ngã Bồ Đặc Già La.**

Bồ Đặc Già La dịch nghĩa là Sở Thủ Thú, có nghĩa là thọ sanh bất tận trong sanh tử.

Bất luận là chính mình, người khác, súc sanh đều là cá thể gồm Thân, Tâm hòa hợp, đều có thể nói có Giả Ngã của thể tục (thọ giả), nhưng chúng sanh không thể hiểu thấu được mà đều cho đó là chúng sanh có Thật Thể khi luân hồi và trở thành chấp Ngã Bồ Đặc Già La.

- **Ngã Tát Ca Da**

Tát Ca Da có nghĩa là Tích Tụ, Hòa hợp Thân Tâm ở trong Chính Mình, sanh ra Cảm Giác với đặc tính tương ứng về Tự

Ngã và Ngã Ái, Ngã Mạn và đối lập với người khác (Danh Giả) mà sanh ra. Đây là Vọng Chấp không có căn cứ: Tát Ca Da kiến.

▪ ***Đối tượng Sở Duyên của hai loại Ngã Chấp.***

Đối với người có Ngã Chấp Bồ Đặc Già La.

Đối với Chính Mình có Ngã Chấp Bồ Đặc Già La còn có Ngã chấp Tát Ca Da kiến.

○ **Do Pháp Vô Ngã mà Ngộ được Nhân Vô Ngã, rồi từ bỏ được Ngã Tát Ca Da.**

▪ ***Chấp Pháp Ngã và Chấp Nhân Ngã với đặc tính là Thật, Duy nhất, Thường hằng.***

✓ **Tâm, Cảnh thể tục của chúng sanh đều là Chấp Ngã (Câu Sanh Ngã Chấp)**

Nhưng đó là từ Trục Giác đến, còn Thật Ngã giản đơn nhất, cuối cùng, Ngã là cái gì; hầu hết chúng ta đều chưa từng suy nghĩ đến.

✓ **Vấn đề này đã đến tay các nhà tôn giáo. Triết học và có những suy luận về Tự Ngã (phân biệt ngã chấp) không giống nhau, nhưng cho rằng Ngã là Chủ Thể sanh mạng, là Thật Thể luân hồi và nhận thức, chắc chắn là Có Thật. Ngã này đối lập với người khác và Tự thành lập, luân hồi và là Ngã Thể bất biến.**

Đặc tính nội hàm của Tự Ngã là Thật (thật có), là Duy Nhất (Tự Có), là Thường (thường hằng).

Ý này so với Cháp Pháp có Tự Tính của Tự Tính về định nghĩa hoàn toàn giống nhau.

Vì thế, theo pháp mà nói là Không Có Tự Tính; theo chúng sanh mà nói là Không Có Ngã; thật ra, cả hai có thể dung thông.

Vì thế, nói là Pháp Không: Pháp Không có Tự Tính; Ngã Không: Ngã Không có Tự Tính.

Còn nói là Pháp Vô Ngã; Nhân (Bồ Đặc Già La) Vô Ngã.

○ **Cháp Ngã Tát Ca Da, đặc sắc là lấy Dục làm thể lực chi phối.**

Có thể là cháp Ngã Tát Ca La còn vì vọng cháp Thật Có, Tự Có, Thường Hằng. Biết được Tự thân là độc lập, sẽ biết được đó là Tự do, Tự tại. Từ bốn Tính của Ngã (vọng cháp) mà nói thì Ngã là Vui (lạc); từ tác dụng của Ngã Sở biểu hiện mà nói thì Ngã là Tự Ngã làm Chủ, do quyền lực, ý chí của ngã chi phối (chủ tể, là định nghĩa về Ngã). Vì vậy, Ngã Tát Ca Da thì lấy Dục làm chủ để biểu hiện đặc sắc của nó.

Nhưng, nếu thông đạt Vô Tự Tánh; thông đạt về Ngã Không Thể Có bản chất: Thật, Duy Nhất, Thường Hằng;



thông đạt về Ngã Tự Tại như chủ tử; cũng sẽ mất đi nền tảng của tồn tại. Những điều này có được là do Quán Ngã Không mà thông đạt ý nghĩa.

- **Bình luận, đã phá hai loại Chấp Ngã: Uẩn và Lìa Uẩn.**

Theo Ngã Chấp của phàm tình mà nói không ra ngoài hai loại: Ngã Là Uẩn, Ngã Lìa Uẩn.

- ***Uẩn là Ngã.***

Nhưng, dùng chánh lý để quan sát Ngã Có Tự Tánh thì không thể nói Ngã chính là ngũ Uẩn được.

- ***Chấp ngũ Uẩn Thân, Tâm là Ngã.***

Cuối cùng, Ngã là gì? Thông thường nói rằng Tôi đi, Tôi cần, Tôi vui mừng, Tôi tưởng tượng, Tôi hành động, Tôi nhận thức đều không lìa khỏi Thân, Tâm: ngũ Uẩn. Vì thế, thông thường Chấp Ngã đều Chấp uẩn là Ngã.

- ***Phê bình, bát bỏ.***

Nhưng năm uẩn là số nhiều, nào sanh diệt, vô thường, khổ; những điều này, so với định nghĩa về Ngã là Duy nhất, là Thường hằng, là an Vui thì hoàn toàn không thích hợp. Nếu đích thực Năm Uẩn chính là Ngã thì những thứ này không hình thành được Ngã và sẽ khiến cho mọi người thất vọng.

- ***Lìa Uẩn có Ngã.***

▪ ***Chấp lìa năm Uẩn Thân, Tâm có Ngã riêng ở ngoài.***

Trải qua một phen suy tư, khảo nghiệm, các nhà tôn giáo, hầu hết đều chủ trương: Lìa Uẩn có Ngã; nhận thức rằng Lìa Thân, Tâm tức là ngoài năm Uẩn, riêng có Cái Ngã thần bí, nhiệm màu, an vui, thường hằng.

▪ ***Phê bình, đả phá.***

✓ Đả phá chung: Lìa năm Uẩn Thân Tâm, không có pháp thành lập riêng có Ngã Thể.

Nhưng dùng chánh lý để tìm tòi, cũng chắc chắn chẳng phải là Lìa Uẩn mà Có Ngã.

Bởi vì đã lìa năm Uẩn thì dù cách nào cũng không thể hình dung được; không thể chứng minh được sự Tồn Tại của Ngã; không thể xuất hiện Tác Dụng của Ngã. Vậy thì làm sao biết Có Ngã? Việc chấp Ngã của chúng sanh, đều không lìa Tự Thể Thân, Tâm; hoàn toàn không giống như tưởng tượng của các nhà thần học.

✓ Đả phá riêng: Tương Thuộc (lê thuộc lẫn nhau) và Tương Tại (tồn tại lẫn nhau).

Có người cố chấp: Lìa Uẩn có Ngã rồi giải thích một cách khéo léo, riêng biệt.

- Tương Thuộc.

Có người nói: Uẩn, Ngã liên hệ với nhau: Chỉ vì năm uẩn lệ thuộc ở Ngã, là công cụ của Ngã.

Ngã đã lợi dụng chân để đi, lợi dụng mắt để nhìn, lợi dụng ý thức để nhận thức rõ ràng.

- Tương Tại.

Có nói Tương Tại:

Nếu Ngã so với năm uẩn lớn hơn thì năm Uẩn ở trong Ngã, nếu năm Uẩn so với Ngã lớn hơn thì Ngã tồn tại trong năm Uẩn.

- Phá cả Tương Thuộc và Tương Tại.

Đã đành, điều này đều là những giải thích khác nhau về Lìa Uẩn có Ngã, đương nhiên cũng không thể thành lập; cho nên, không phải là Tương Thuộc, cũng Không phải là Tương Tại.

Tương Thuộc giống kẻ dưới lệ thuộc người trên; Tương Tại giống như người ở trên giường (người và giường cùng tồn tại), có thể tách riêng ra rõ ràng, chính xác. Nhưng chấp ngã mà chấp tương thuộc, tương tại như lìa năm Uẩn thì làm cách nào cũng không thể chứng minh Có ngã Thể riêng biệt: Ngã, chẳng qua, là dựa vào Tính thống nhất, tương tục, hòa hợp của Thân và Tâm và đặt ra Giả Danh mà thôi.

- **Phá luôn cả chủ trương: Ngã không thể nói: Không phải là Uẩn; Không phải Là Uẩn của Độc Tử Bộ.**

Chấp Ngã vốn không ra ngoài hai cách; về sau, trong Phật pháp có Độc Tử Bộ chấp có Ngã mà Bất Khả Thuyết: Ngã không phải là Uẩn, ngã không phải Là Uẩn. Đây là sự hiểu lầm Ngã do thế tục đặt ra (thi thiết) là có Tự Tướng, chấp Giả là Thật do Vọng Chấp phân biệt.

**Nhi Không, Chứng minh cho nhau**

若無有我者,      *Nhược vô hữu ngã giả,*

何得有我所?      *Hà đắc hữu ngã sở?*

諸法性尚空,      *Chư pháp tánh thượng Không,*

何況於彼我!      *Hà huống vi bỉ ngã!*

Nếu không có cái Ngã,      Làm sao có Ngã Sở?

Tánh các Pháp vốn Không,      Làm gì có Ngã ấy!

- **Lược nói Thể Tánh tương quan của hai Không.**

Trong kinh, luận Bát Nhã đề cập đến Ngã Không và Pháp Không thì luôn luôn chứng minh lẫn nhau về sự hình thành.

Ngã Không, cho nên, Pháp cũng Không; Pháp Không, cho nên, Ngã cũng Không.

- **Dựa vào Ngã Không chứng minh sự hình thành Ngã Không.**

Dựa vào đây, nếu hiểu rõ Chúng Sanh thì Không Có ngã; như vậy, làm sao có được Pháp Ngã Sở?

▪ ***Ngã Sở chính là Pháp.***

Ngã Sở là Pháp mà Ngã sở hữu, là Pháp mà Ngã nương tựa.

- ✓ Nếu Thân Thể là của Ngã, Tài sản là của Ngã, Danh vọng là của Ngã, Quốc gia là của Ngã... Những gì có quan hệ với Ngã và Ngã bị trói buộc, chính là Pháp mà Ngã sở hữu.
- ✓ Còn, nếu Ngã là Thọ Giả (cảm giác Thân, Tâm cảm nhận đều không thật); là cái Thân, Tâm chấp trước và hình thành. Vì thế, năm Uẩn, sáu Xứ, sáu Giới, sáu Thức... đều là Pháp Giả, nơi của Ngã nương tựa.

Ngã Sở Hữu, Ngã Sở Y đều là Pháp.

▪ ***Không Ngã thì Không Pháp.***

Không có Ngã thì không có Ngã Sở, cho nên, Ngã Không cũng là Pháp Không.

○ ***Dựa vào Pháp Không chứng minh Ngã Không.***

Trái lại, Tự Tánh của các Pháp dường như Chân Thật mà vốn là Không; huống chi dựa vào pháp ấy mà thành lập Ngã? Đến đây không còn phải nói là Không nữa.

- **Quyết đoán, quán thông sự khác nhau của hai Không Ngã và Pháp.**

○ **Trình bày sự khác nhau giữa hai Không Ngã, Pháp.**

Bài tụng này có ý nghĩa sâu sắc rất mực, chỉ có bậc kiệt xuất về Trung Quán mới có thể mở toang được Như Thật, thấu suốt vô ngại, ở đây muốn nói:

▪ ***Trong hàng Thanh Văn ở vùng Tây Bắc và Trung Nam của Ấn Độ.***

Ở trong pháp của Thanh Văn, Phật nói nhiều về Vô Ngã, ít nói rõ về Pháp Không. Do vậy, trong Phật Pháp lưu truyền, có chia hai phái:

- ✓ Ở vùng Tây Bắc của Ấn Độ có hệ phái Nhất Thiết Hữu; phái này cho là Phật chỉ nói Không Có Ngã (Vô Ngã), còn Pháp thì Bất Không (như các nhà Tỳ Đàm).
- ✓ Ở vùng Trung Nam Ấn Độ có hệ phái Đại Chúng cho rằng Phật nói: Ngã Không mà, cũng nói qua Pháp Không (như Thành Thật Luận).

▪ ***Tông Du Đà và Tông Trung Quán trong Đại Thừa.***

Kinh Phật Đại Thừa, không cần nhắc đến, đều nói Tánh Không của Tất Cả Pháp. Nhưng đối với Ngã Không và Pháp Không:

- ✓ Nếu Từ Du Đà tông mà nói về Hữu Độ thì cho là Tiểu Thừa chỉ nói Ngã Không; Đại Thừa thì nói hai Không Ngã và Pháp.

- ✓ Trung Quán tông gần với học phái ở Trung Nam Ấn Độ, cho nên, chấp nhận là Tiểu Thừa có hai Không Ngã và Pháp; Đại Thừa cũng có hai Không Ngã, Pháp.
- ***Đưa vào luận của thầy Long Thọ chứng minh Đại Thừa và Tiểu Thừa đều có hai Không Ngã và Pháp.***

Giờ dựa vào luận thầy Long Thọ để nói rõ và thấu triệt hai Không.

- ***Đưa vào Căn Tánh nói hai Không.***

“Vì căn của đệ tử Tiểu Thừa chậm lụt nên nói Chúng Sanh Không... Và căn của đệ tử Đại Thừa lanh lẹ nên nói Pháp Không”. “Căn của chúng sanh không chút lanh lẹ nên nói Vô Ngã; chúng sanh có căn lạnh, trí huệ sâu sắc thì nói Các Pháp, xưa nay, Không”. Kinh của Đại, Tiểu Thừa xác định rõ ràng như thế.

- ***Hai Không, cuối cùng, đều trở về Một nghĩa.***

- ✓ Nói rõ ràng hay nói đại khái

Nhưng, ở đây, không thể nói đệ tử Thanh Văn không có Pháp Không; bởi vì, “nếu nói rõ ràng thì nói: Tất Cả Các Pháp Là Không; nếu nói vì phương tiện thì nói là Vô Ngã. Hai cách thuyết pháp này đều vào trong Tướng Trí Huệ Đáo Bỉ Ngạn. Vì lý do này, trong kinh Phật nói: Đường Dẫn Đến Niết Bàn Đều Cùng Một Hương, không có con đường nào

khác”. Điều này xác định rõ ràng: Vô ngã và Pháp Không của Chúng Sanh Không chỉ là nói rõ ràng một phần nào hay một phần nào mới đại khái mà thôi. Thật ra, những Tánh Không ấy đều là Chánh Quán Bát Nhã; là Nhất Vị, Nhất Thừa của Đạo Giải Thoát.

Vì thế mới nói: “Pháp Ngã, Ngã Sở còn không chấp, huống gì pháp khác? Vì lý do này, chúng sanh Không, pháp Không; cuối cùng trở về Một Nghĩa, gọi là Tánh Không”. Ở đây muốn nói: Chứng được Vô Ngã, Ngã Sở thì, chắc chắn, thông đạt được Pháp Không. Bởi vì quán ý nghĩa của Không, đều là Không Có Tự Tánh.

Quán Ngã Không có Tự Tánh thì chứng được Ngã Không, nếu cứ như thế quán các Pháp, đương nhiên, các Pháp cũng Không.

✓ Nói rộng ra hay nói cốt lõi.

- Thanh Văn quán thẳng Vô Ngã, Ngã Sở tự chứng được Pháp Không.

“Chỉ có bậc Thanh Văn mới thấy được rõ Cái Ngã của Mình là nhân duyên sanh ra các phiền não; lìa bỏ các pháp Ái Dục; sợ hãi già, bệnh, chết và đau khổ trong các đường ác; còn không muốn tìm tòi tường tận gốc ngọn để phá hoại các



pháp mà, chỉ lấy Giải Thoát làm việc quan trọng”. Đây chính là gấp cần Chứng ngộ, trực tiếp thực tập từ Quán Vô Ngã, Ngã Sở, không trở lại quán sâu vào Tánh Không của các pháp. Nhưng đâu là không còn tìm tòi sâu xa về Pháp Không nữa (Phật cũng không vị họ mà nói Pháp Không) nhưng, chắc chắn, không chấp rằng Pháp Có Thật; như “Nếu không có chúng sanh thì pháp không có chỗ nương tựa”; “Không có Ngã, Ngã Sở; tự nhiên, chúng được Pháp Không”.

Như vậy, Vô Ngã của Thanh Văn, có thể, tương đồng với Pháp Không và không mâu thuẫn với Pháp Không.

- Đại Thừa quán rộng Pháp Không, lại trở vào Vô ngã, Ngã Sở.

Dựa vào sự chỉ dạy của Trung Luận, phẩm Quán Pháp, tuy quán rộng Tất Cả Pháp Không, Không Sanh Không Diệt và do Chánh Quán hiểu biết rộng rãi, lại từ Ngộ Nhập về Vô Ngã, Ngã Sở. Đây chính là sự khó khăn còn đó của sanh tử, con đường Giải Thoát của xuất thế, chắc chắn, không thể có sự sai khác. Nhưng căn cơ không giống nhau nên nói rõ ràng hay nói đại khái; nói rộng lớn hay ngắn gọn, nhiều, ít đó thôi.

- **Hai Không Ngã, Pháp can, sâu bất đồng nhưng là nhất quán.**

- ***Người thông đạt Ngã Không, chắc chắn, không khởi sanh Pháp Chấp.***

Như vậy, hễ đã thông đạt Ngã Không, chắc chắn, thông đạt Pháp Không; có thể không quán sâu vào Pháp Không, không nói rõ Pháp Không, nhưng chắc chắn không chấp chắc có Tự Tánh, làm trở ngại Pháp Không.

- ***Người đã chấp Pháp cũng không thể diệt trừ được Chấp Ngã.***

Nếu chấp có Thật Ngã, điều ấy không những không hiểu Pháp Không mà cũng không hiểu Ngã Không; không những không trừ được Pháp Chấp mà còn không trừ được Ngã Chấp.

- ✓ Cho nên kinh nói: “Nếu chấp Pháp Tướng tức Chấp Ngã, Nhân, Chúng sanh, Thọ giả; nếu chấp chẳng Phải Pháp Tướng tức chấp Ngã, Nhân, Chúng sanh, Thọ giả”.
- ✓ Luận của Thầy Long Thọ cũng nói: “Nếu thấy Âm không thật thì Ngã Kiến không sanh. Do Ngã Kiến diệt hết, các Âm không còn sanh khởi... Chấp Âm mà chưa dứt thì Ngã Kiến luôn tồn tại”.

Ai nói bậc thánh Thanh Văn, biết Ngã Không mà nói: Tất cả Pháp Thật Có? Không hiểu Pháp Không, không lìa Pháp Chấp; ai nói lìa được Ngã Chấp?

- ***Hai Không nhất quán dù có sâu, cạn. Vì nặng về Chấp mà có sự bất đồng này.***

Điều này có thể suy ra, biết rằng Phật nói, xưa nay, có Một Vị, chỉ vì người có căn tánh cạn thì thấy cạn, người có căn tánh sâu thì thấy sâu; cạn, sâu vốn là nhất quán (trước, sau là Một); do thiên chấp mới chia thành hiểu và hành, đây, kia không giống nhau.

### ***Quán trong, ngoài***

#### **Trước quán Thân Không**

惑業由分別,	<i>Hoặc Nghiệp do phân biệt,</i>
分別由於心,	<i>Phân biệt do ở Tâm,</i>
心復依於身,	<i>Tâm phục y ở Thân,</i>
是故先觀身。	<i>Thị cố tiên Quán Thân.</i>

Hoặc, Nghiệp do phân biệt, Phân biệt do ở tâm,  
Tâm lại dựa ở Thân, Cho nên trước Quán Thân.

- **Mới học Quán Không, trước nên Quán Thân Không.**

Không là chủ yếu Quán Chúng Sanh và Tất Cả Pháp đều là Tánh Không, Thầy Long Thọ kế thừa tinh thần độc đáo của Phật đã nói, cho rằng người mới học nên bắt đầu Quán Thân trước. Điều này có ý nghĩa gì?

- **Từ chỗ Tâm Sở dựa vào nên nói là Trước Quán Thân.**

▪ ***Tâm nắm giữ, ẩn chứa ở Thân, cho nên, chấp trước Thân.***

- ✓ Bởi vì Sanh, Tử là do Hoặc, Nghiệp. Hoặc, Nghiệp do Phân Biệt. Điều này như trên đã nói.
- ✓ Phân Biệt sai lầm từ Hoặc, Loạn (tâm mê mờ chấp Cảnh, tâm tán loạn) này là do ở Tâm.
- ✓ Từ con người, chúng sanh có thể phát Tâm học Phật mà nói thì Tâm lại dựa ở Thân.

Từ dựa ở Tâm rồi khởi sanh Hoặc, tạo ra Nghiệp mà nói Phật pháp chia ra rõ ràng là từ Nhân Sinh Quan của Tâm Luận; xem trọng Thanh Tịnh của Tự Tâm và đương nhiên, đó là Mục Đích của Phật Pháp. Nhưng Tâm thì dựa ở Thân; thân này, thật sự, là cái đang Hiện Hữu mà chúng sanh chấp trước một cách vững chắc. Tham, Ái, Hỷ, Lạc, A Lại Da; cho nên Sanh, Tử không dừng; nhưng lý do mà A Lại Da yêu mến, đăm đuối, không rời và sự chấp trước ấy được xác định ở trong kinh Giải Thâm mật sau: “Đối với Thân, Thức này, nắm giữ, thọ nhận, ẩn tàng và cùng an, nguy”.

▪ ***Chấp Thân là thông thường, Chấp Tâm thì trái lại với thông thường.***

Con người, trong sinh hoạt thường ngày, cơ hồ, đều vì cái Thân này.

- ✓ Thân thể thì an định trong một khoảng thời gian nên dễ đưa đến Chấp Thường; đã chấp thường thì cũng dễ đắm đuối trong khoái Lạc, trong thanh Tịnh. Đây là thường tình của chúng sanh.
- ✓ Ngược lại, Tâm không dừng lại trong một sát na, cho nên, nếu chấp Tâm là thường trụ, dựa vào đó rồi đắm đuối khoái Lạc, thanh Tịnh thì có thể nói là ngược lại với thường tình. Đây chỉ là phân biệt chấp trước của nhà Thần Học và Triết Học. Đây luận Đại Trí Độ gọi là “Có người nói: Tâm là Thường, như vua Phạm Thiên nói: Hễ là Tứ Đại, Tứ Đại tạo ra Sắc, ắt đều là Vô Thường; còn Tâm, Ý, Thức thì Thường. Đó là Thường Không thì vào được Pháp Không”; cũng chính là Tư Tưởng xa xưa của Bà La Môn giáo. Cho nên, nếu chúng sanh chuyên tâm nhiệm trước thân thể này thì không thể phát tâm, không thể giải thoát khỏi chướng ngại lớn; vì vậy, trước nên Quán Thân.

○ **Từ thứ lớp đạo phẩm nên nói trước Quán Thân.**

Đạo phẩm Phật nói: Thứ nhất là Tứ Niệm Xứ, gọi là Đạo Nhất Thừa.

▪ ***Trước quán Thân Bất Tịnh để vào Thân Không.***

Tứ Niệm Xứ, trước nhất Quán Thân bất tịnh (không sạch), khổ, vô thường, vô ngã thì có thể ngộ nhập Thân Không.

▪ ***Lại quán Thân, Tâm, tất cả Pháp Không.***

Đối với Thân Thể thì vọng chấp, đả đuổi trong Ái Dục; để có thể hàng phục được những thứ này, phải Quán Thân, Tâm, Thế giới, hết thấy đều là Pháp Không; không có Ngã, không có Ngã Sở thì mới có thể đi vào con đường Giải Thoát.

• **Quán thẳng vào Tâm, chẳng phải cần Tánh thông thường có thể làm được.**

Trong Phật pháp, có phương pháp trực tiếp, nhanh chóng; đó là lấy Tâm làm Chủ, là Duy Tâm nên, tu hành là trực tiếp Quán Tâm.

Phương pháp này, giống như bao vây thành lũy không chặt chẽ thì không thể công phá được mà muốn bắt giặc, bắt vua là điều không thể. Đúng là nói dễ mà làm khó.

Tự thân ô nhiễm không dừng, thế mà có một số người muốn tu luyện thành Phật ngay trên thân thể ấy!

**Năng, Sở dần dần tiêu tan**

無我無我所,

*Vô Ngã, Vô Ngã Sở,*

內外一切離,

*Nội, ngoại, nhất thiết ly,*

盡息諸分別,

*Tận tức chư phân biệt,*

是為契真實。

*Thị vi khế Chân Thật.*

Không Ngã, không Ngã Sở,

Lìa trong, ngoài, tất cả,

Trừ sạch các phân biệt, Đó là hợp Chân Thật.

• **Bằng quán Vô Tự Tánh không để chứng Chánh Pháp tuyệt đối**

○ **Do quán Không liền chứng Trí Huệ vô lậu.**

Người tu theo Đại Thừa, bằng chánh quán không có Ngã, không có Ngã Sở để quán sát trong Thân, Tâm và ngoài thế giới, biết tất cả pháp này đều dường như Chân Thật nhưng Không Có Tự Tánh.

Quán Ngã Không có Tự Tánh, gọi là Quán ngã Không; quán Pháp không có Tự Tánh, gọi là Quán Pháp Không.

Do tu tập thành tựu Không Quán nên lia được Tướng Hý Luận của tất cả pháp; cũng không sanh khởi Chấp Ngã, Ngã Sở đối với tất cả.

Nhờ đây, dứt hết các Phân Biệt đã có, Trí Huệ vô lậu xuất hiện.

Vì vậy nói: “Vì các pháp không sanh nên Trí Huệ đến bờ bên kia sanh”.

Hay nói: “Ngôn ngữ không còn, Tâm hành cũng bật. Không sanh không diệt, pháp giống như Niết Bàn”.

○ **Chứng Bát Nhã ngay bây giờ, phù hợp Chánh Pháp chân thật tuyệt đối.**

Chúng Bát Nhã ngay bây giờ, chính là phù hợp với Chân Tướng của tất cả pháp. Tướng Chân Thật nay còn gọi là Không Tánh, Pháp Tánh, Pháp Giới, Chân Như,... Hết thảy đều là Danh Ngôn giả lập. Thật ra, điều này vượt thoát vọng chấp của tất cả phân biệt; vượt thoát Tánh của Thời, Không; siêu việt Tánh của Chất Lượng và chúng được Chánh Pháp tuyệt đối.

• **Nói sơ qua sự khác và giống nhau giữa Đại Thừa, Tiểu Thừa về sự ngộ nhập Tánh Vô Phân Biệt.**

Vô Ngã, Vô Ngã Sở tương tự nhau; vậy thì Nhị Thừa, Phật, Bồ Tát có gì khác nhau?

○ **Ba Thừa cùng chứng Pháp Tánh mà không bằng Huệ Kiến để phân biệt.**

Ngộ được Tánh Vô Phân Biệt, dựa kinh Hoa Nghiêm, phẩm Thập Địa thì đây là chỗ Nhị Thừa cùng chứng được.

Bát Nhã kinh luận cũng nói: “Trừ bỏ Trí của Nhị Thừa, chính là Vô Sanh Nhân của Bồ Tát”.

Nhưng Bồ Tát có Tâm Bồ Đề, Tâm Đại Bi, hồi hướng lợi lạc cho người khác với Nguyên Lực vốn có, rộng cứu độ chúng sanh, Vậy thì so với Nhị Thừa, làm sao không khác! Đây chính là nói: Đại, Tiểu Thừa lấy Hạnh Nguyên để phân biệt, không lấy Huệ Kiến để phân biệt.



- **Bồ Tát có thể quán sát sâu sắc Pháp Không, đoạn trừ các Tập Khí để thành Phật, không giống với Thanh Văn.**

Dù nói đồng chứng Pháp Tánh Vô Phân Biệt nhưng cũng có một vài bất đồng.

- Đối với tất cả pháp, Thanh Văn không chấp Ngã, Ngã Sở, đoạn trừ Phiền Nã chướng.
- Còn Bồ Tát không chỉ dùng Huệ Ngã, Pháp Không Tánh; chứng Pháp Tánh Vô Phân Biệt; đoạn trừ Phiền Nã chướng mà còn, có thể tu sâu sắc Pháp Không; xa lìa tất cả Hý Luận; dứt hết tất cả Tập Khí; chứng được Hạnh hoàn toàn Vô Tướng; viên mãn Pháp Giới thanh tịnh cùng tột và Thành Phật. Đây là chỗ mà, Nhị Thừa đạt đến sao?

***Lựa chọn, quyết đoán Ý Nghĩa chân thật.***

***Khéo phân biệt Chánh, Tà***

真實無分別,            *Chân Thật vô phân biệt,*

勿流於邪計!            *Vật lưu ư tà kế,*

修習中觀行,            *Tu tập Trung Quán hạnh,*

無自性分別。            *Vô Tự Tánh phân biệt.*

Chân Thật không phân biệt, Chớ toan tính cong vẹo!

Tu tập hạnh Trung Quán, Không phân biệt Tự Tánh.

• **Chọn lựa Quán Huệ của Chân Thật không có phân biệt.**

○ **Nên bằng Trí Huệ chứng ngộ thấu rõ Vô Phân Biệt so với ý nghĩa không Nên Phân Biệt trong kinh nói.**

Bát Nhã hiện chứng gọi là Trí Vô Phân Biệt; Pháp Tánh chứng ngộ gọi là Pháp tánh Vô Phân Biệt.

Khi tu tập Bát Nhã, trong kinh hay nói: Không nên Nhớ (niệm); không nên Năm Bắt (thủ); không nên Phân Biệt.

Chứng ngộ còn không nói; tu tập Bát Nhã mà không nên Nhớ, không nên Năm Bắt; không nên Phân Biệt. Như thế thì làm sao tu quán là phân biệt, chọn lựa, tìm hiểu đây?

- Điều này cũng chẳng trách, có một số người tu theo Phật pháp, lại khuyên người không cần suy nghĩ gì cả mà, đi thẳng vào Thể Hội (chứng ngộ).
- Cũng lấy làm lạ, có một số người lấy Định Vô Phân Biệt không quán sát rồi cho là chứng được Trí Vô Phân Biệt thậm thâm!

Vì vậy, dù chứng được Trí Vô Phân Biệt, Quán Huệ Vô Phân Biệt, Ý Nghĩa Vô Phân Biệt của Chân Thật nên hiểu đúng đắn và khéo léo; chớ có mơ hồ dường như Đúng mà Sai, trôi theo toan tính của ngoại đạo, tà giáo; cố ý cho Chánh Quán của Phật nói là không thể.

○ **Nêu một số vô phân biệt để sáng tỏ vô phân biệt của Quán Huệ.**

Cần phải biết ý nghĩa của Vô Phân Biệt. Từ này có nhiều ý nghĩa khác nhau, không thể hiểu sai do nói chung chung, không rõ ràng.

▪ ***Nói Vô Phân Biệt chẳng phải là Huệ Học.***

- ✓ Như gỗ, đá cũng vô phân biệt, đó, đương nhiên, không phải là Vô Phân Biệt của Phật pháp.
  - ✓ Định Vô Tướng: Tâm, Tâm Sở không sanh khởi; đây cũng là vô phân biệt nhưng là vô phân biệt của ngoại đạo.
  - ✓ Tự nhiên không tác ý (đề ý) cũng gọi là vô phân biệt. Vô phân biệt này cũng không thể nói là Huệ vô phân biệt; bởi vì không có công dụng; không có phân biệt của không Tác Ý; năm Thức hữu lậu, ngũ gục... đều là như vậy.
  - ✓ Từ Nhị Thiên trở lên không có Tâm, không có Tư (思); loại vô phân biệt này không có Tâm, Tư. Từ Nhị Thiên trở lên đều là như thế; so với Huệ Vô Phân Biệt không giống.
- ***Nói rõ Vô Phân Biệt của Huệ Học tức là Vô Tự Tánh Phân Biệt.***

Vì thế, Vô Phân Biệt của Huệ Học không phải là không Tác Ý; không Tâm Tư; hoặc không sanh khởi Tâm Niệm phân biệt. Như vậy, cuối cùng là thế nào? Tu tập Vô phân

biệt của Trung Quán là bằng Chánh Quán mà không có phân biệt của Tự Tánh đó. Từ Tự Tánh Phân Biệt Bất Khả Đắc (Từ sự phân biệt không thể có của Tự Tánh) để đi vào hiện chứng của Pháp Tánh Vô Phân Biệt.

- **Kinh nói: Có hai nghĩa không nên phân biệt.**
  - *Lấy quán Vô Tự Tánh Không để phân biệt rằng Tự Tánh có phân biệt thì không thể được.*
    - *Có Tự Tánh là nơi chấp trước của Ngã Chấp.*

Phân biệt Tự Tánh là đối với Tướng Hý Luận không Chân Thật mà dường như Chân Thật, rồi chấp Tướng cho là có Tự Tánh.

Ở trên đã nhắc lại Có Tự Tánh là chỗ vướng mắc do Chấp Ngã, Ngã Sở; nếu khởi lên phân biệt Tự Tánh thì không thể đạt đến Cái Không của Ngã, Pháp để rời bỏ chấp trước Ngã, Ngã Sở.

- *Do phân biệt mà lìa bỏ Có Tự Tánh là phương tiện của Trí Chứng.*

Vì thế, nên phân biệt, quyết trạch, quán sát, Tự Tánh Có này không thể có; Tự Tánh Có, dù mảy may, cũng không thể có thì mới có thể lìa hẳn Có Tự Tánh phân biệt. Lìa Tự Tánh

có phân biệt, chính là Quán Không: Không có Tự Tánh phân biệt.

Phân biệt, không nhất định là Tự Tánh phân biệt mà, phân biệt cái Phân Biệt của Tự Tánh thì không thể được, đó là Không Quán; không những là không chấp trước, mà còn là phương tiện quan trọng dẫn đến Trí chứng lìa ngôn ngữ, không phân biệt!

- **Tóm lại, kinh nói: Không nên phân biệt, chẳng có gì là không phân biệt.**

Kinh nói: Không nên Niệm (nhớ); không nên Thủ (nắm giữ); không nên Phân Biệt. Đó là nói:

- Không nên Niệm (nhớ, nghĩ) Tự Tánh có; nếu Tự Tánh Có, không nên nắm giữ (chấp); không nên sanh khởi phân biệt Tự Tánh Có.
- Chớ nói tu học Bát Nhã thì cái gì cũng không: Không Nhớ, không Nghĩ, không Phân Biệt.

Nếu tất cả phân biệt đều là chấp trước, thế thì Phật nói Văn, Tư, Tu Huệ đều là điên đảo sao?

Nếu Trí Vô Phân Biệt xuất hiện ngay mà không do Văn, Tư, Tu Huệ phát sanh thì điều đó cũng trở thành không Nhân mà có sao!

- **Khi quán hạnh thuần thục, đối với phân biệt, không nên cố sức.**
  - ***Khi sắp chứng được Trí, nếu đối với phân biệt mà chấp Tướng thì trở thành chướng ngại.***

Nhưng, từ khi tu Quán Vô Phân Biệt, Quán Tự Tánh phân biệt không thể được, khi sắp tiến tới chứng ngộ Trí Vô Phân Biệt; đối với phân biệt, nếu cố sức, chọn lựa thì đó cũng là chướng ngại; cho nên, kinh nói không nên Nhớ, Nghĩ; Năm giữ Phân biệt.

- ***Nêu ví dụ Thuận Đạo Pháp Ái Sanh để sáng tỏ ý nghĩa trên.***

Đây gọi là Thuận Đạo Pháp Ái Sanh trong kinh Đại Bát Nhã; giống như ăn thực phẩm sống, không tiêu hóa được, sanh bệnh.

Điều này giống như bắn tên, khi ngắm đích để bắn tên ra, không thể quá vội vàng, quá căng thẳng. Vội vàng, căng thẳng sẽ không trúng đích.

Xưa kia, có người viết thư gửi cho một người có địa vị; vì sợ sai sót nên đã dán phong thư rồi, lại mở ra; đóng, mở như vậy nhiều lần; cuối cùng, để tờ giấy trắng vào phong thư, gửi đi và đã trở thành chuyện nực cười.

Vì vậy, khi quán Tâm thành tựu, là lúc thuần thực, chuyên hóa thì không thể lại tác ý, phân biệt, chọn lựa nữa. Thật ra, đây cũng là ý nghĩa không chấp Tướng, không tác ý phân biệt.

### Chỉ và Quán bằng nhau

以無性正見,	<i>Dĩ vô tánh Chánh Kiến,</i>
觀察及安住.	<i>Quán sát cập an trú.</i>
止觀互相應,	<i>Chỉ, Quán hỗ tương ưng,</i>
善入於寂滅.	<i>Thiền nhập ư Tịch Diệt.</i>

Lấy Chánh Kiến vô tánh, Quán sát và an trú.

Chỉ, Quán tương ưng nhau, Khéo vào được Tịch Diệt.

#### • **Lược nói thứ tự tu học Chỉ, Quán Khế ngộ Chân Thật Bát Nhã.**

##### ○ **Bằng Văn, Tư Huệ để đi vào Tu Huệ**

- *Văn, Tư Huệ của Chánh Kiến Vô Tánh là dùng trí tuệ quán sát Tán Tâm.*

Muốn tu học Bát Nhã, khế ngộ Chân Thật, trước cần đối với cái Có Giả Danh của thế tục; Tự Tánh không thể có; chọn lựa sâu sắc, tinh tế để có được Chánh Kiến vững chắc của Không, Có chẳng trở ngại. Giả Danh Có và Vô Tánh Không thì thành tựu lẫn nhau, không trở ngại cho nhau. Vì thế nói:

“Dường như Có mà rốt cuộc Không, rốt cuộc Không mà dường như Có”, Có Chánh Kiến cùng cực là Vô Tự Tánh mà không phá hoại tất cả cái Có thuộc Duyên Khởi của Thế Tục; đây chính là học tập Văn, Tư Huệ. Nếu không tu tập thành tựu Định Tâm thì đó chỉ là quán sát của tán Tâm phân biệt.

▪ ***Do Định thành tựu đi vào Tu Huệ đạt được Quán thành tựu.***

✓ Thành tựu Chánh Định đi vào giai đoạn Tu Huệ.

Nếu tu Chỉ mà đã được Khinh An thì đã thành tựu Chánh Định thì có thể Chánh Kiến Không Tánh về Giả Hữu không làm trở ngại; dựa vào Định tu Quán, đi vào giai đoạn Tu Huệ.

✓ Chỉ, Quán tu chung và thành tựu được Quán.

Lúc này lấy Vô Tánh Không làm sở duyên để tu Quán sát, gọi là “Có Phân Biệt Ảnh Tượng”. Quán Sát lâu thì lấy Vô Tánh Không làm sở duyên để tu tập An Trú (Định), gọi là “Không Phân Biệt Ảnh Tượng”: đến đây không còn vô phân biệt trong quán sát.

Nếu an trú (Định) rồi, trở lại tu quán sát; Chỉ, Quán cùng tu như vậy thì đều lấy Vô Tánh Không làm sở Duyên.

Khi quán Tâm thuần thực, an trú, hiển lộ rõ ràng, trong veo, như hư không tĩnh lặng, không áng mây mù. Lúc ấy: —



切法趣空: Nhất thiết pháp thú không: Tất cả pháp hướng về Không, Quán tất cả pháp Tướng, không có một pháp nào, đáng để trụ lại mà, hết thấy như làn khói nhẹ thoảng qua.

Khi tu quán sắp thành tựu, công phu nên chậm lại, chờ cho quán lực phát khởi trở lại Khinh An, mới gọi là Tu Quán thành tựu.

○ **Chỉ, Quán đồng đều thì đi vào Pháp Tánh Vắng lặng.**

Từ đây về sau, Chỉ, Quán tương ưng cùng nhau, gọi là Chỉ, Quán song song vận hành. Bằng Quán Huệ Vô Phân Biệt có thể khởi sanh Trụ Tâm Vô Phân Biệt. Trụ Tâm này có thể sanh khởi Quán Huệ Vô Phân Biệt. Chỉ, Quán quân bình, quán lực sâu sắc, triệt để: cuối cùng, Không Tướng cũng rơi rụng, không hiện khởi nữa và nhẹ nhàng bước vào Pháp Tánh vắng lặng của Vô Sanh.

• **Nói riêng về Trí Vô Phân Biệt không giống với sự suy nghĩ hoàn hảo của đời sau.**

Đến đây, Bát Nhã là Trí Vô Phân Biệt có ở đây, bây giờ.

○ Nếu nói: “Bát Nhã Ba La mật có khả năng diệt các Tà Kiến, Phiền não, Hý Luận, đến rốt ráo Không”. Lại nói: “Huệ nhãn cũng không có đối tượng (sở kiến)”.

○ **Duy Thức Học cũng nói: Thấy Đạo chân thật của Không Phân Biệt là là Tất cả Tướng.**

Rốt ráo Không Huệ của lộ trình từ Phàm phu vào Thánh vị đều được học giả Đại Thừa ở Ấn Độ công nhận.

Điều này so với suy nghĩ hoàn hảo của đời sau không biết được cách thức chính yếu khám phá, nên không thể cùng luận bàn!

### **Tán dương Bát Nhã**

善哉真般若!                      *Thiện tai chân Bát Nhã!*

善哉真解脱!                      *Thiện tai chân Giải Thoát!*

依無等聖智,                      *Y vô đẳng Thánh Trí,*

圓滿諸功德.                      *Viên mãn chư công đức.*

Lành thay! Chân Bát Nhã,      Lành thay! Chân Giải Thoát,  
Nương Thánh Trí tột cùng,      Muôn công đức tròn đầy.

- **Khen ngợi Bát Nhã và trách cứ ngoại đạo, phàm phu và người cho rằng mình có sở đắc.**

Bát Nhã Ba La Mật Đa, đã nói rõ, là phương tiện để tiến tu. Đây là cửa Bát Nhị để siêu phàm nhập Thánh, cho nên, được ca tụng đặc biệt.

- **Chân Bát Nhã có đặc điểm là phá tan sự nan giải của Sanh, Tử, là pháp đặc biệt vượt ngoài thế gian.**

Lành thay! Đây là Chân Bát Nhã, chỗ giác ngộ, chứng đắc của Phật; chỗ khai thị của Phật; không chỉ trí của phàm phu,

ngoại đạo không hiểu được; mà ngay cả, Trí Tương Trợ của Tiểu Thừa và Đại Thừa chúng được cũng vậy.

Từ phạm tình đề xuất máu chốt tồn tại của Sanh, Tử để giúp mở toang trọng điểm của cội nguồn; đây là pháp đặc biệt vượt ngoài thế gian.

○ **Chân Giải Thoát là Nghĩa Không của Pháp Tánh, rất sâu khó thấy.**

Nghĩa Không của Pháp Tánh, vì thế, sâu thẳm khó thấy, chẳng phải mơ tưởng đến của học giả thế gian. Vì thế, đây là pháp đáng được ca tụng. Lành thay! Lành thay! Pháp này mới có được Chân Giải Thoát, không giống với phạm phu ngu muội và ngoại đạo; hoặc cho sanh lên trời là giải thoát hoặc cho cảnh giới Thiên Định sâu xa là giải thoát.

• **Bát Nhã là kho báu khiến tất cả công đức tròn đầy.**

Kinh có nói: “Bồ Đề Tát Đỏa vì nương vào Bát Nhã Ba La Mật Đa nên tâm quái ngại; vì tâm không quái ngại nên không sợ hãi, lìa xa điên đảo, mộng tưởng, rốt ráo Niết Bàn. Chư Phật trong ba đời vì nương vào Bát Nhã Ba La Mật Đa nên chúng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác!”

Đức Niết Bàn chung của Thanh Văn; đức đại Bồ Đề không chung của Nhị Thừa đều dựa vào Thánh Trí không có gì sánh

bằng được này mới có thể viên mãn các công đức. Vì thế nói: Bát Nhã Ba La Mật Đa là kho chứa Pháp Bảo rất sâu sắc của chư Phật.

Nếu người học Phật mà không tu pháp môn này, thật, chẳng khác gì người vào núi báu mà trở về tay không!

### 5.3.1.2. Ba hệ phái Đại Thừa

#### *a. Chọn Ba hệ phái*

#### **Chọn lựa ba hệ phái**

法性本無二，	<i>Pháp Tánh Bản vô nhị，</i>
隨機說成異。	<i>Tùy cơ thuyết thành dị。</i>
了義不了義，	<i>Liễu nghĩa, bất liễu nghĩa，</i>
智者善抉擇。	<i>Trí giả thiện quyết trạch。</i>

Pháp Tánh vốn không hai,	Tùy cơ nên nói khác,
Liễu nghĩa, không liễu nghĩa,	Người trí khéo chọn lựa.

- **Dựa vào Pháp Tánh Đức Phật chứng được, tùy căn cơ chúng sanh mà nói khác.**

Giải thoát sanh tử, thành Phật đều dựa vào Pháp Tánh hiện chứng mà thành tựu. Pháp Tánh là Tướng Chân Thật của tất cả pháp, từ xưa đến nay, Không Hai, Không Khác. Một Vị biến khắp tất cả tướng. Nhị Thừa, Bồ Tát, Phật đều chứng Pháp Tánh này như nhau. Kinh nói: “Vì Pháp Vô Vi mà có

khác nhau”; thật ra, Pháp Vô Vi không khác nhau, chỉ vì dựa vào Trí chứng ngộ sâu hay cạn mà nói có khác nhau. Như hư không vốn không khác nhau, nhưng vì có hộp vuông, hộp tròn mà nói không khí trong đó có hình dạng vuông, tròn.

Phật dựa vào DUYÊN KHỞI mà chứng ngộ được PHÁP TÁNH, cũng dựa vào Duyên Khởi mà Khai Thị Pháp Tánh. Pháp Tánh vốn không khác nhau, nhưng khi tùy cơ khéo nói, thì không thể không trở thành Giáo Thuyết khác nhau. Do Pháp Tánh có ý nghĩa sâu thẳm, có một số người không những không tin tưởng và thọ nhận nổi, mà còn gièm pha. Vì thế, Phật không thể không dùng ngôn từ uyển chuyển, nói khác đi để dẫn dắt họ.

- **Nói về ba hệ phái của Đại Thừa**

Nói về Đại Thừa có thể chia thành ba hệ phái lớn.

- **Nói về tên gọi ba hệ phái.**

Đại Sư Thái Hư gọi là: Pháp Tánh Không Huệ, Pháp Tướng Duy Thức, Pháp Giới Viên Giác.

Còn tôi thường gọi là: Tánh Không Duy Danh, Hư Vọng Duy Thức, Chân Thường Duy Tâm. Tên gọi không giống nhưng nội dung như nhau.

Ngày xưa, Tông Hiền Thủ chia Đại Thừa thành: Pháp Tướng Tông, Pháp Tướng Tông, Pháp Tướng Tông, Đây cũng là ba hệ phái của Đại Thừa.

○ **Tranh luận về ý nghĩa của ba hệ phái.**

- ***Ba hệ phái lấy Liễu Nghĩa, Bất Liễu Nghĩa để tranh luận.***

Ba hệ phái này, đã từng khiến người mê lầm, không tránh khỏi tình trạng trái ngược nhau.

Bởi vì ba hệ phái đều cho hệ thống của mình là Liễu, cho hệ thống khác là Bất Liễu Nghĩa.

- ✓ Như Tông Hiền Thủ, lập tông ở hệ phái thứ ba. Quyền giáo là Pháp Tướng, Pháp Tướng; Thật giáo là Tông của mình.
- ✓ Tông Du Già (Tông Duy thức), lập tông ở hệ phái thứ hai (Hư Vọng Duy Thức) và tự xưng là Ứng Lý Tông, gọi hệ phái thứ nhất là Ác Thủ Không. Hệ phái thứ ba là Phật Giáo Trung Quốc.
- ✓ Tam Luận Tông lập tông dựa vào hệ phái thứ nhất, tự xưng là Đại Thừa Vô Sở Đắc, cũng không tránh khỏi có học giả bài xích các hệ phái khác.

Việc này đều xuất phát từ cho hệ phái của mình là Liễu Nghĩa, cho hệ phái khác là Bất Liễu Nghĩa. Mỗi hệ phái đều có kinh điển chứng minh và luận chứng là hệ phái mình Liễu Nghĩa. Vì thế, tranh luận không dễ gì chấm dứt.

- ***Nên khéo léo chọn lựa để làm sáng tỏ Tông Chỉ Chân Thật của Phật Pháp và công dụng lớn lao của Phương Tiện.***

Điều này có liên hệ đến Pháp Tánh, đến tu chứng Bát Nhã nên không thể mập mờ, cho qua! Cuối cùng, thế nào là Liễu Nghĩa, Bất Liễu Nghĩa? Cuối cùng, ai là Liễu Nghĩa, ai là Bất Liễu Nghĩa? Người trí nên khéo léo chọn lựa, mới có thể thấu suốt Tông Chỉ Chân Thật của Phật pháp và sáng tỏ công dụng lớn lao của Phương Tiện trong lời dạy của Đức Phật.

- **Đạo sư bàn luận về phương pháp của ba hệ phái.**

Liên quan đến Pháp Tánh Bát Nhã, ở trên, tuy đã dựa vào kinh luận Bát Nhã để giảng giải sơ lược; nếu học giả của hệ phái khác xem đến, sẽ không đồng tình. Vì vậy, không thể không nói sơ lược về ba hệ phái này. Bây giờ gạt bỏ những kiến giải khác nhau của học giả đời sau, đi thẳng vào kinh luận căn bản để tìm ra đầu mối. Tuy không chắc vừa ý với tất cả học giả, nhưng cũng không đến nỗi là thành kiến của chính mình.

### ***Hệ phái Tánh Không Duy Danh***

諸法從緣起,            *Chư pháp tùng Duyên Khởi,*  
 緣起無性空;            *Duyên Khởi, Vô Tánh, Không;*

空故從緣起,      *Không cố tùng Duyên Khởi,*  
 一切法成立.      *Nhất thiết pháp thành lập.*  
 現空中道義,      *Hiện Không, Trung Đạo Nghĩa,*  
 如上之所說.      *Như thượng chi sở thuyết.*

Các pháp Từ Duyên Khởi, Duyên Khởi, Không, Vô Tánh;  
 Không vì theo Duyên Khởi, Tất cả pháp lập thành.

Hiện Không, nghĩa Trung Đạo, Như trên đã nói rồi.

- **Nói chung nguyên nhân chủ yếu của ba hệ phái Đại Thừa xuất xứ không giống nhau.**

Trước nói kinh luận căn cứ của hệ phái Duy Danh Đại Thừa Tánh Không là Bát Nhã, Trung Luận,...

- **Vấn đề căn bản về An Lập, Lưu Chuyển và Hoàn Diệt của Giáo Học Đại Thừa.**

Trước hết, cần nói rõ: Giáo học Đại Thừa của Ấn Độ (Tiểu Thừa cũng vậy) đều cần An Lập tất cả pháp.

- ***Nghiệp báo Thiện, Ác; điên đảo, lầm lạc, trôi nổi trong Sanh, Tử, tại sao có?***

Điều này là lý luận rất căn bản, dựa vào đó chỉ dạy pháp lành cho người, trời.

- ***Trái lại, làm thế nào để triệt ngộ Pháp Tánh, đoạn Hoặc, chứng Chân, thành lập Thánh pháp tam thừa.***



Cần phải theo quá trình tu tập như thế nào để đạt được thành tựu viên mãn Niết Bàn và Bồ Đề.

Ở đây và bây giờ có hai pháp môn quan trọng, đó là Khô, Tập và Diệt, Đạo. Tuy nhiên, đây không phải là pháp môn mà người thường có thể thông đạt hoàn toàn, mà phải là bậc chân chánh hoằng dương giáo pháp Đại Thừa; trước sau không được quên đi vấn đề này.

- **Bất đồng căn bản nhất của ba hệ phái là ở chỗ An Lập của Nghiệp Quả.**

Căn cứ vào lời dạy từ kinh luận, chứng tỏ rằng ba hệ phái của Phật pháp Đại Thừa có sự bất đồng mà, chủ yếu là ở Kiến Địa (Cái Thấy) về việc Thành Lập Tất Cả Pháp, căn bản nhất là Nghiệp Quả An Lập như thế nào.

- **Nói tổng quát về Tánh Không của hệ phái Duy Danh.**
  - **Lược nói về giáo thuyết Liễu Nghĩa, Bất Liễu Nghĩa của Tông Tánh Không.**
    - ***Dựa vào kinh Vô Tận Ý để nói Liễu Nghĩa và Bất Liễu Nghĩa.***

Kinh Vô Tận Ý nói:

- ✓ Hiện thị Thế Tục là kinh Bất Liễu Nghĩa; hiện thị Thắng Nghĩa là kinh Liễu Nghĩa.
- ✓ Hiện thị bằng Danh, Cú giả lập là Bất Liễu Nghĩa, hiện thị thâm sâu khó thấy là Liễu Nghĩa.

- ✓ Hiện thị Hữu Ngã là Bất Liễu Nghĩa; hiện thị Vô Ngã, Không, Vô Sanh là Liễu Nghĩa.

Những điều này giống như kinh Tam Ma Địa Vương nói.

- ***Trung Quán thì chỉ dựa Giả Danh của Thế Tục thành lập tất cả pháp.***

- ✓ Giáo lý Liễu Nghĩa của Trung Quán là Vô Tự Tánh, Không, Bất Sanh Diệt.

Như vậy, kinh Bát Nhã, Luận Trung Quán,... nói sâu rộng về Vô Tự Tánh, Không, Bất Sanh Diệt,... là giáo lý Liễu Nghĩa, là giáo thuyết có lý quyết định, rõ ràng, triệt để nhất.

- ✓ Dựa vào Thuyết Liễu Nghĩa, tất cả pháp Thế Tục được an lập.

Dựa vào lập trường Liễu Nghĩa này, tất cả Ngã, Pháp đều là Thế Tục, Giả Có.

Từ nghiệp báo sanh tử đến đạo quả Tam Thừa, ngay cả Niết Bàn đã là An Lập (có sự sai biệt bởi Danh Ngôn về hiện tượng và nghĩa lý của Sự, Vật) thì gọi là An Lập thì Có, đều là Duy Danh, Duy giả. Cái Có của Thế Tục là do Danh Ngôn, Thức thành lập. Nếu quán sát theo Thắng Nghĩa thì tất cả là Vô Tự Tánh nên không thể An Lập.

Đây chính là: 從無住，立一切法: Tòng Vô Trụ, lập nhất thiết pháp: Từ Vô Trụ, lập thành tất cả pháp (kinh Duy

Ma Cật Sở Thuyết), mà chẳng phải từ trong Chân Như Thật Tướng lập thành tất cả.

✓ Dẫn kinh chứng minh.

Như kinh Bát Nhã nói: “Vì tên gọi của thế gian mà có Tu Đà Hoàn cho đến A La Hán, Bích Chi Phật, chư Phật.

Trong Thật Nghĩa thứ nhất không có Tri, không có Đắc, không có Tu Đà Hoàn cho đến không có Phật... sáu đường riêng khác cũng là tên gọi của thế gian nên có, chẳng phải là Đệ Nhất Nghĩa Chân Thật... Trong Đệ Nhất Nghĩa Chân Thật, không có Nghiệp, không có Báo”.

“Ngã như ảo như mộng... Phật đạo như ảo như mộng.... Ta nói Niết Bàn cũng như ảo như mộng.

Đối với Niết Bàn, nếu ai đang có pháp thù thắng này, Ta cũng nói như ảo như mộng như thế”. (Ma ha Bát Nhã Ba La Mật Đa kinh, q.8).

Đây là tất cả như ảo như hóa, còn xác chứng chỉ là Giả Danh do Thế Tục đặt ra, không có căn cứ.

• **Lược nói Tông Tánh Không, dựa vào nghĩa Trung Đạo, Duyên Khởi lập thành tất cả pháp.**

○ *Duyên Khởi nên Có Giả Danh, là Vô Tự Tánh Không.*

Hành giả Trung Quán đã có cái thấy sâu sắc về Tánh Không, Duy Danh này; nói các pháp sắc, tâm; tịnh, nhiễm; thể, xuất thể đều là Giả bày đặt ra thôi (cũng chính là Giả Danh), là Duyên Khởi sinh khởi thôi. Đây là lập trường căn bản mà trong kinh Thắng Nghĩa Không, Phật đã nói.

- ***Đã là Duyên Khởi thì Có là Giả Danh***
- ***Bằng Thắng Nghĩa quán sát, tất cả là Vô Tự Tánh nên Không, không có một pháp có thể An Lập.***

Nhưng ở đây không thể nói: Vô Tánh, Không phá hoại tất cả, không thể thành lập tất cả pháp. Ngược lại, nếu không phải là Vô Tánh Không mà là Có Tự Tánh. Như vậy thì Pháp Thật Có.

Thật Có nghĩa là Pháp có Tự Tánh, thể thì không cần theo Duyên để sanh khởi; thể thì pháp chưa sanh không thể sanh, pháp chưa diệt không thể diệt; phàm phu, mãi mãi là phàm phu, không thể thành Phật!

- ***Về Vô Tự Tánh Không, tất cả pháp đều theo Duyên mà sanh khởi.***

May thay! Do Không nên không có Tự Tánh, cho nên, từ Duyên mới có Sanh Khởi. Dựa vào Nhân Duyên, tất cả pháp đều có thể thành lập.

Làm lành được quả báo lành; làm ác bị quả báo ác. Đã mê đắm thì trôi lăn trong sanh tử; khi chứng ngộ thì ắt được giải thoát.

Vả lại, bằng Duyên Khởi. Tánh Không quán tất cả pháp, vì thế không đắm chìm trong sanh tử, cũng chẳng trụ ở Niết Bàn; thực hành rộng khắp hạnh Bồ Tát rồi, thành Phật. Bất Không, cái gì cũng đều không thể thành lập; Không, tất cả đều có thể thành lập.

○ *Dẫn luận để chứng minh.*

Điều này, Trung Luận, phẩm Quán Tứ Đế và luận Hồi Trách đã xác quyết. Như nói:

以有空義故，

*Dĩ hữu Không Nghĩa cố，*

一切法得成。

*Nhất thiết pháp đắc thành.*

若誰有此空，

*Nhược thùy hữu thử Không，*

彼有一切義。

*Bĩ hữu nhất thiết Nghĩa.*

Vì có nghĩa Không,

Nên tất cả Pháp lập thành.

Nếu ai ngộ Tánh Không này, Người ấy có tất cả nghĩa.

Dựa vào nghĩa Duyên Khởi tương ứng với Tự Tánh Không thì lập thành tất cả pháp.

- **Nghĩa Trung Đạo không trở ngại Không, Giả: Nhị Đế; như trên đã nói Huệ Độ (một trong sáu độ).**

Vì vậy, theo Giả Lập của Thế Tục mà nói thì biểu hiện như ảo, theo Vô Tự Tánh của Thắng Nghĩa mà nói thì Không. Ảo hiện mà không trở ngại Tánh Không, Tánh Không mà không trở ngại Ảo hiện. Không, giả vô ngại, ý nghĩa Trung Đạo của Nhị Đế vô ngại là thuyết Liễu Nghĩa của Tông Tánh Không. Đây chính là, như trên đã nói trong Bát Nhã Ba La Mật Đa.

### *Hệ phái Duy Thức hư vọng*

#### *Ứng cơ thuyết pháp.*

一切法無性,	<i>Nhất thiết pháp Vô Tánh,</i>
善入者能入。	<i>Thiện nhập giả năng nhập.</i>
或五事不具,	<i>Hoặc ngũ sự bất cụ,</i>
佛复解深密。	<i>Phật phục giải thâm mật</i>

Tất cả pháp Vô Tánh,	Người khéo vào, vào được.
Hoặc năm việc không đủ,	Phật lại giải nghĩa sâu.

- **Lược nói kinh luận mà hệ phái Hư vọng Duy Thức căn cứ.**

Kế đến nói về hệ phái Hư Vọng Duy Thức, lấy kinh Giải Thâm Mật, luận Du Đà làm tông chỉ.

Thầy Huyền Trang đã truyền Duy Thức Pháp Tướng này rất có ý nghĩa trong việc biểu đạt hệ phái Duy Thức.

Kinh Bát Nhã được nói vào thời giáo thứ hai, Tiểu Thừa nói vào thời giáo thứ nhất, kinh Giải Thâm Mật vào thời giáo thứ ba. Thầy Vô Trước truyền luận Du Đà, sau thầy Long Thọ. Vì vậy, kinh luận của hệ phái này căn cứ có chậm hơn một chút.

- **Hệ phái Duy Thức phân biệt căn cơ bất đồng của chúng sanh mà hình thành sâu sắc, bí mật và biểu hiện rõ ràng của các pháp.**
  - *Theo Thắng Nghĩa nói sự khác nhau giữa Trung Quán và Duy Thức.*

Thắng Nghĩa là Chân Tánh rốt ráo cùng tận của tất cả pháp, không có gì cao hơn; cho nên, Thắng Nghĩa chính là Liễu Nghĩa. Điều này luận giả Trung Quán kế thừa kinh Bát Nhã, Vô Tận Ý mà có được Cái Thấy chính xác.

Nhưng kinh Giải Thâm Mật dùng tương đối luận về Liễu Nghĩa và Thâm Mật (Bất Liễu Nghĩa): Nói được rõ ràng, dễ hiểu là Liễu Nghĩa; nói được sâu sắc, vi diệu, ẩn mật là Bất Liễu Nghĩa. Nhờ đây, ở trong Thắng Nghĩa Đệ, còn có phân biệt giữa Thâm Mật và Liễu Nghĩa.

- *Dựa vào kinh Giải Thâm Mật phân biệt chúng sanh thành năm việc đầy đủ và không đầy đủ.*

Dựa vào kinh Giải Thâm Mật của Phật nói đề lý giải Không Tánh của Pháp Thắng Nghĩa, cho nên, có Thâm Mật và Liễu Nghĩa là thuộc vấn đề căn cơ.

- *Căn cơ của chúng sanh có năm việc đầy đủ.*

Như trên kinh đã nói: “Tất cả pháp đều không có Tự Tánh, không sanh không diệt, xưa nay vắng lặng, Niết Bàn tự tánh. Trong kinh nói: Nếu các hữu tình đã trồng căn lành thượng phẩm; các chướng đã sạch trơn; đã luôn luôn thành thực; đã tu nhiều thắng giải; đã chất chứa được phước đức, trí tuệ, tư lương vào hàng thượng phẩm. Người ấy, nếu đã nghe được pháp như thế; đối với lời nói có ý nghĩa sâu sắc, Thâm Mật của Ta, đã hiểu đúng như thế. Đối với pháp như thế, tìm hiểu sâu sắc; đối với nghĩa như thế, thật sự thông đạt bằng trí huệ không điên đảo. Vì được dựa vào sự thông đạt này mà tu tập nên nhanh chóng chứng được quả vị rốt ráo, cùng tột.”

Ở đây, có thể thấy, đối với giáo thuyết “Tất cả pháp không có Tánh”; giống như loại căn cơ thành thực này đã có năng lực khéo vào Pháp Tánh sâu thẳm, rồi có thể bằng trí huệ



không điên đảo, chứng ngộ được, cũng không cần Phật nói kinh Giải Thâm Mật nữa.

▪ ***Căn cơ của chúng sanh có năm việc không đầy đủ.***

✓ Nêu ba loại người không đủ năm việc.

- Tin mà không hiểu.

Hoặc có trường hợp năm việc không đầy đủ, đối với giáo thuyết Tất cả Pháp Vô Tánh, thì đã có vấn đề.

Kinh đã nói: Trồng thiện căn thượng phẩm, các chương vắng bậc, thành thực mãi mãi, tu nhiều Thắng Giải mà, vẫn không chứa nhóm đủ Phước, Trí tư lương của bậc thượng phẩm. Đây là loại hữu tình đã nghe được pháp Phật, đã cảm nhận rất sâu sắc, tuy dối lòng tín ngưỡng, nhưng không thể hiểu rõ.

- Tin nhưng hiểu sai.

Có người đã được nghe Pháp Phật, tuy có lòng tín ngưỡng nhưng không thể hiểu nổi nghĩa lý; mà dựa theo ý kiến của chính mình để giảng giải; cho rằng tất cả pháp vô tự tánh KHÔNG là Không Có Gì Hết (thầy Long Thọ gọi người này là Phương Quảng Đạo Nhân). Kết quả không có chút ích lợi gì cho chính mình; trái lại, trí tuệ còn thoái lui. Người nghe pháp từ người khác; rồi đi theo vết xe đổ Chấp Không của họ, trái lại phản đối giáo lý Tất cả pháp Không.

- Không tin, không hiểu.

Còn có người đã được nghe pháp Phật. Tất cả pháp Vô Tánh Không nhưng năm việc không đầy đủ; không tin; không hiểu và nói: “Đây không phải là lời Phật nói mà là lời của Ma”. Ngay cả thầy Long Thọ cũng nói:

“聲聞五百部,... 聞說般若諸法畢竟空,如刀傷心

Thanh Văn ngũ bách bộ... Văn thuyết Bát Nhã chư pháp tất cánh Không, Như đạo thương tâm”. Thanh Văn có 500 bộ... Nghe nói Bát Nhã các Pháp rốt ráo Không, như con dao làm tổn thương trái tim.

✓ Vì người không có đầy đủ năm việc, mà nói: Dựa vào ba Vô Tự Tánh nên nói Tất cả pháp Vô Tự Tính.

Đối với người độn căn tin mà không hiểu; tin mà hiểu sai; không tin còn không hiểu. Đó là lý do Phật nói kinh Giải Thâm Mật: “Ta dựa vào ba loại Tánh Vô Tự Tánh, mật ý nói rằng Tất cả Pháp đều không có Tự Tánh”.

Nói đơn giản: Dựa vào Ba Vô Tánh để trừ bỏ Tánh Biến Kế Sở Chấp nên nói Tất cả Pháp không có Tự Tánh.

Thật ra, Pháp Duyên Khởi– Y tha Khởi Tánh, Tịch Diệt Pháp Tánh– Viên Thành Thật Tánh là có Tự Tánh, hoàn toàn

không phải tất Cả Điều Không Có. Là Chẳng phải Có của Có,  
Là Thật Có của Có.

- Đây mới là điều Không Tin, Không Hiểu cũng không phản đối.
  - Hiểu sai, cho là không có gì hết cũng không nhận hiểu sai.
  - Có Tin mà không hiểu cũng có thể nương vào niềm tin để tiến tu.
    - ***Đúng cơ nói pháp, pháp không có Hiện, Mật, vì hợp căn cơ mới có khác nhau.***
- ✓ Kinh Giải Thâm Mật cũng là ứng cơ nói pháp.

Dựa vào tự thuật của kinh văn đã hiểu:

- Do năm việc đầy đủ, đối với tất cả pháp Vô Tự Tánh Không, có thể thành lập tất cả pháp; theo căn cơ mà nói có thể Tu, có thể Chứng; đây còn không phải là giáo lý Liễu Nghĩa sao?
- Nếu căn cơ không đủ, năm việc không đầy đủ, đối với tất cả pháp Vô Tánh Không, không thể thành lập tất cả pháp hay là phá hoại tất cả pháp; đây mới là điều khó hiểu vô cùng, nên cần phải có sự giải thích rõ ràng của Đức Phật theo căn cơ nông cạn của chúng sanh.
  - ✓ Nêu ý của thầy Long Thọ trong luận để chứng minh.

Ý của thầy Long Thọ cũng giống như vậy:

- Như biển lớn, người cho là quá sâu, nhưng vua La Hầu La A Tu La đứng trong biển lớn, nước không tới rốn; biển ấy đâu có gì là sâu!
- Giống như người sống trên núi; nghe nói muối có vị ngon, bèn hít một nắm muối ăn; kết quả là muối quá mặn, chịu không nổi. Muối có vị ngon đối với người thường, vốn đã hiểu rõ; nhưng trong tâm của người sống trên núi, không biết gì hết nên trở thành bí mật, khó hiểu.

Vì thế, sâu hay không sâu; bí mật hay không bí mật; không ở bản thân của pháp mà ở căn cơ của người nghe.

✓ Dựa vào căn tánh mà thuyết Liễu Nghĩa có sự bất đồng.

- Như vậy, kinh Bát Nhã nói: Tất cả pháp Vô Tánh Không, tất cả chỉ là Tên Gọi, chỉ là Giả Dối, đối với căn tánh trong pháp hội Bát Nhã mà nói là giáo lý Liễu Nghĩa, rất ráo.
- Tuy thế, nhìn từ căn tánh về năm việc không đầy đủ thì sâu thẳm mà còn bí mật; cho nên, cần phải một phen giải thích rõ ràng mới có thể Tin, mới có thể hiểu, mới có thể cảm nhận được đây là Pháp Môn Liễu Nghĩa.

### **Hai loại Giả, Thật**

或 是 無 自 性,            *Hoặc thị Vô Tự Tánh,*

或 是 自 相 有。            *Hoặc thị Tự Tướng Hữu.*

Hoặc là Không Tự Tánh,            Hoặc là Có Tự Tướng.

- **Nương Thật lập Giả để thành lập tất cả pháp.**

Pháp môn Du Già được thầy Vô Trước truyền lại, dựa vào kinh Giải Thâm Mật đã được nói rõ về căn tánh của người không đầy đủ năm việc.

- **Nói chung hai loại: Vô Tự Tánh của Giả Hữu, Tự Tánh của Thật Hữu.**

Cho rằng: Tất cả Vô Tự Tánh, tất cả Giả Hữu; thế thì giống như nói cái gì cũng đều không có, thì không thể thành lập tất cả pháp; vì vậy, phải có hai loại Giả Hữu Vô Tự Tánh, Thật Hữu Tự Tánh; dựa vào Thật lập Giả mới đúng.

Như nói: “Ví như cần có các Uẩn: Sắc, Thọ .... thì mới Giả Lập Bồ Đặc Già La, chẳng phải là thật Sự không có mà có Giả Lập Bồ Đặc Già La.

Như thế, vì Sự mà phải có các pháp Thật Hữu, Sắc, Thọ... mới có thể có giả thuyết của các pháp Sắc, Thọ... biểu hiện. Không phải không vì Sự mà có giả thuyết Sắc, Thọ... biểu hiện.

Nếu chỉ có Giả mà sự thật không Có; vì đã không có chỗ y cứ, thì Giả cũng không Có. Đó gọi là phá hoại pháp. (Du Già Sư Địa luận, q.36)”.  
○ **Nói riêng hai loại Giả, Thật của Tục Đế.**

- ***Chấp không có Tự Tánh, dựa vào Tướng Y Tha mà Có.***

Trong kinh Giải Thâm Mật chia Thế Tục ra hai loại:

“Tướng Biên Kế sở chấp của các Pháp như thế nào?

Vì rằng an lập Tự Tánh của tất cả pháp là Giả Danh, cho đến theo đó, khởi sinh Ngôn Thuyết.

Tướng Y Tha Khởi của các Pháp, như thế nào?

Vì rằng Tự Tánh của tất cả Pháp là Duyên Sanh”.

Tướng Biên Kế Sở Chấp: “Tướng này là do Giả Danh an lập (đặt ra), không phải Tướng do Tự Tướng an lập: Vì vậy nói Tánh của Danh Tướng là Vô Tự Tánh”.

Và Y Tha Khởi thì: “Do dựa vào sức của Duyên khác mới Có; không phải tự nhiên Có; cho nên gọi tên là Tánh của Sanh thì Vô Tự Tánh”. Vì thế, lập trường căn bản của hệ phái này là:

“Hoặc là Giả Hữu không có Tự Tánh, gọi là Giả nói Tự Tánh, Tướng bị chấp là Biên Kế

Hoặc Chỉ là Sự Kiện có thật (實有唯事: Thật hữu duy sự) của Tự Tướng Hữu, gọi là Tự Tánh là ngôn ngữ, Tánh Y Tha Khởi”.

- ***Lược nói hai loại khác nhau ở trong hai hệ phái.***

✓ Y Tha Tụ Tánh có và dường như có chẳng Thật của Trung Quán không giống nhau.

Nhân Duyên sanh pháp thì Tụ Tướng có, là Duyên sanh Tụ Tánh của tất cả pháp.

Hoặc nói Tánh của mười tám Giới; giới cũng chính là ý nghĩa của Tụ Tánh không mất.

Đây không phải là Chấp Trước mà thật có Tánh; khi từ Nhân Duyên sanh, như vậy chính là Tụ Tánh có.

Điều này so với Trung Quán xem như là Tướng Hý Luận. Dường như có nhưng theo cái thấy của bậc Sơ Quả thì, thật sự, chẳng có. Đây là điều bất đồng căn bản do vướng mắc.

✓ Hai nhà công nhận về Sở Chấp không có Tụ Tánh

Cho đến dựa vào pháp mà chấp là Có Thật, là không có Tụ Tánh. Điều này có hai nhà công nhận.

• **Nhận xét quan điểm tranh luận của hai hệ phái.**

○ Ứng cơ nói pháp thì không tranh luận

Nhìn từ giáo lý của Phật nói thì không có một chút tranh luận.

- Năm việc đầy đủ, đối với tất cả pháp Vô Tụ Tánh Không, tất cả chỉ là Giả Danh, thấu hiểu được Không thì không trở ngại Có; dựa vào Không, cho nên thành Có;

lập thành được tất cả pháp; cũng có thể Tin, Hiểu và thông đạt như thật.

- Năm việc không đầy đủ thì cho rằng tất cả pháp, cái gì cũng đều không có; Không chính là Không Có; vì thế, đương nhiên, không thể thành lập được tất cả pháp, cho nên, không tránh khỏi hiểu lầm; như vậy, dựa vào giải thuyết mới đã khá rõ ràng được chút ít, nói Có “Thật Hữu chỉ vì Sự” của Tự Tướng Hữu, cũng có thể Tin, Hiểu tất cả pháp Không và từ từ đi vào Phật đạo!

○ **Bất luận Căn Cơ, chỉ dựa vào một bên thì có đấu tranh.**

Nhưng học giả Du Già đời sau không thể hiểu nổi ý nghĩa giáo thuyết của Như Lai; không biết giáo thuyết của Di Lặc, Vô Trước: đó là nói vì hạng căn tánh không đầy đủ năm việc. Trái lại, cho rằng bất luận căn cơ nào đều phải nương vào thuyết Liễu Nghĩa của kinh Giải Thâm Mật. Như thế, vấn đề nằm ở đây.

- Vì thuyết Tất Cả Pháp Không của kinh Bát Nhã; đương nhiên, Phật không đạt như thật, nhưng không nói rõ ràng được, dễ làm cho hiểu lầm; vì vậy, không thể không dựa vào thuyết tân giải về kinh Giải Thâm Mật.
- Tuy không dám bài bác tổ Long Thọ, nhưng ý nghĩa tổ giải thích thì giống chính mình nói về kinh Giải Thâm Mật; trái lại, kiên quyết phản đối với phái Trung Quán là Tánh của tất cả pháp là Không, theo thuyết Liễu Nghĩa tất cả chỉ là Giả Danh. Thậm chí còn nói: “不應共語



“不應共住” : Bất ưng cộng ngữ, bất ưng cộng trụ: Không nên cùng nói, không nên cùng ở (Du Già Sư Địa Luận, q.36), rồi dấy lên sự đấu tranh giữa các tông phái.

*Giả sử có thể nghĩ rằng còn có người, căn cơ đầy đủ năm việc, có cái thấy sâu sắc: “Vì với nghĩa Có, Không; tất cả pháp được thành”. Điều này cũng cho phép để thích ứng với từng căn cơ, mỗi tông phái hoằng truyền đạo lý của hệ phái mình mà không cần tranh chấp!*

### Lại Da Duyên Khởi

緣起自相有,	<i>Duyên Khởi Tự Tướng Hữu,</i>
即虛妄分別。	<i>Tức hư vọng phân biệt.</i>
依識立緣起,	<i>Y thức lập Duyên Khởi,</i>
因果善成立。	<i>Nhân quả thiện thành lập.</i>

Duyên Khởi có Tự Tướng, Là hư vọng, phân biệt.

Nương thức lập Duyên Khởi, Nhân Quả được thành lập.

• **Do Y Tha khởi mà biết rõ A Lại Da khởi.**

○ **Y Tha Duyên Khởi lấy A Lại Da làm Căn Bản.**

Duyên Khởi mà có Tự Tướng, chính là Tánh Y Tha Khởi.

Y Tha Khởi là Pháp của tất cả Duyên Khởi, chỉ có Đại Thừa Duy Thức mới lấy Duy Thức làm Tông; cho nên, Y Tha Khởi mới lấy Hư vọng Phân biệt làm Tánh, cũng chính

là Thức Hữu Lộ. Xưa nay, chúng sanh hiện hành đều là Hữu Lộ.

Thức có tám loại, nhưng Căn Bản Phân Biệt làm chỗ nương tựa cho tất cả pháp, gọi là Thức A Lại Da.

Y là dựa vào Thức Căn Bản A Lại Da mà lập nên Duyên Khởi, tất cả pháp mới được sanh ra.

- **Một hạt giống, bảy hiện hành hỗ tương huân tập thành Nhân, Quả.**

Thức A Lại Da dịch là Tàng Thức, chứa đựng vô lượng chủng tử.

Dựa vào Chủng Tử sanh ra Hiện Hành; bảy thức và Tâm Sở Tương Ứng, Căn Trần, Vũ Trụ (khí thể giới)

Khi tất cả pháp sanh khởi, lại huân tập thành chủng tử (hạt giống) chứa trong Thức A Lại Da.

Như vậy, Thức A Lại Da là Tánh của Chủng Tử, tất cả Nhân Quả đều từ Mảnh Đất thiện xảo nông lập thành.

- **Quan điểm Nhân Quả của Duy Thức là Tự Tánh sanh Tự Tánh.**

Học giả Duy Thức thì lấy Có Tự Tướng nên tất cả pháp; cho nên, Nhân, Quả cũng Có Tự Tướng.

- **Lược nói Duyên Khởi phân biệt Tự Tánh của Y Tha Khởi**

Thức A Lại Da là Tánh của Chủng Tử, gọi là “分別自性緣起: Phân biệt Tự Tánh Duyên Khởi”: Duyên Khởi nên phân biệt Tự Tánh (Luận Nhiếp Đại Thừa, q. Thượng). Như chủng tử nhãn thức sanh nhãn thức; chủng tử nhĩ căn sanh nhĩ căn; chủng tử tham sanh tham; chủng tử màu xanh sanh màu xanh; chủng tử màu vàng sanh màu vàng, chủng tử hữu lậu sanh hữu lậu; chủng tử vô lậu sanh vô lậu. Chủng tử nào sanh ra Hiện hành nấy; Hiện hành gì lại huân tập chủng tử đó.

Tánh của loại chủng tử này gọi là (親生自果功能差別): Thân sanh tự quả công năng sai biệt: Quả của chính nó, sanh ra từ chính nó, có công năng khác nhau. Nói cách khác: Thân sanh tự quả thù thắng công năng: công năng vượt trội của Quả mà chính nó sanh ra. Công năng sai biệt (khác nhau): Không phải nói Chủng tử với Chủng tử, hoặc có bất đồng ở trong Bốn Thức, mà là nói Tánh công năng của pháp ần sanh ra có tác dụng vượt trội; đây là quán Nhân Quả về Tự Tánh sanh Tự Tánh.

Nhưng ngoài chính chủng tử ra, còn cần có mặt duyên khác của nó, mới có thể sanh quả; cho nên gọi là Y Tha Khởi.

- Nêu ra cách quán Nhân Quả của hai hệ phái không giống nhau.

Ở đây có thể thấy dựa vào Tự Tướng mới biết có Chung Tử, quán Nhân Quả theo Duy Thức thì sanh Tự Tướng nên có Hiện Hành và quán Nhân Quả theo Vô Tự Tính Không, thì khác nhau như thế nào.

### Tuần tư Hiện Quán

心 外 法 非 有,	Tâm ngoại pháp phi hữu,
心 識 理 非 無。	Tâm Thức lý phi vô.
達 無 境 唯 識,	Đạt vô cảnh Duy Thức,
能 入 於 真 實。	Năng nhập u Chân Thật.

Pháp, ngoài Tâm, không có, Lý Tâm Thức chẳng không Thấu duy Thức, không Cảnh, Vào được nói Chân Thật.

- **Lược nói thứ tự hiện quán của Duy Thức.**

- Thấu được cảnh Không, Thức có.

- *Ngoại Cảnh thật có và nội Tâm làm chấp đều là Biến Kế Sở Chấp Không, không có Tự Tánh.*

Dựa vào Thức Hư vọng Phân Biệt, Chung Tử sanh Hiện Hành, Hiện Hành huân Chung Tử. Đó là theo Nhân Quả mà nói; Pháp ngoài Tâm là không có. Chúng sanh trực giác được Ngoại Cảnh có thật, như Sắc (vật chất) là sự tồn tại khách

quan. Thậm chí, phản tỉnh lại xem, Cảnh Giới dường như đôi lập của Tâm. Đây là thác loạn, vọng chấp từ vô thi đến giờ. Từ đây mà Chấp Ngã, Chấp Pháp, đều là Tướng của Biến Kế Sở Chấp, là Không Vô Tự Tánh.

- ***Cảnh tướng của Tâm Thức là có nhưng là Sở Hiện của Thức từ Tự Tánh Có.***

Nhưng mà, Giả phải dựa vào Thật, Tự Tướng có là vì Tâm thức là chỗ dựa của tất cả Giả, theo lý luận là Chẳng Phải Không có (phi vô). Nếu Tâm Thức cũng không có Tự Tánh; thế thì, tất cả đều không thể thành lập. Thức thì hư vọng nhưng Tự Tướng có.

Từ vô thi đến giờ, Tâm, Cảnh tương ưng, huân tập thành Chủng Tử. Cho nên, khi thức từ Chủng Tử sanh; lúc đó, lấy thức làm Tánh của Cảnh Tướng Chủng Tử, cũng là lúc sanh hiện hành, hiện khởi hai Tướng Năng Phân Biệt và Sở Phân Biệt.

Dường như Tâm, Cảnh độc lập; thật ra, Cảnh không lìa Tâm mà Cảnh lấy Tâm Thức làm Tánh.

Cảnh Tướng ngoài Tâm, tuy không có nhưng Cảnh Tướng không lìa Tâm Thức, cũng là Có. Từ chính chủng tử sanh ra

(đây gọi là Tánh Cảnh, nếu dựa vào tướng tượng vọng chấp của Tâm Thức mà thành mới là không có).

Vì thế, tất cả Nhân Quả dựa vào Y Tha Khởi đều có thể thành lập; tuy nói tất cả lấy Thức làm Tánh (có khả năng thấu hiểu); đây đều là Tự Tướng Hữu (hiện hữu của Tự Tướng); không thể nói là Không Vô Tự Tánh.

○ **Sau khi dựa vào Cảnh Không Thức, không ngộ nhập Tánh Chân Thật.**

Dựa vào Duy Thức mà thành lập Nhân Quả, cũng dựa vào Duy Thức mà lập nên Mê, Ngộ.

▪ ***Dựa vào Thức thành lập Sanh, Tử.***

Chúng sanh đã không hiểu thấu ngoại cảnh là Căn Nguyên của Duy Thức điên đảo, thác loạn, chấp Ngã, chấp Pháp. Vì vọng chấp nên khởi sanh phiền não, tạo nghiệp. Những thứ này đều huân tập trong Thức A Lại Da. Khi hạt giống Nghiệp trở nên chín mùi, tùy nghiệp chịu Quả Báo; Thức A Lại Da gọi là Dị Thục Thức và trở thành chủ thể của sanh tử, luân hồi.

▪ ***Dựa vào Thức được Giải Thoát***

✓ **Dựa vào Y Tha Khởi biết Biến Kế Sở Chấp Không.**

Trái lại, nếu dựa vào quán chiếu mà thông suốt, thật sự, không có ngoại cảnh, là không có Tự Tánh, là sở hiện của Duy Thức lập thành. Đây là dựa vào Y Tha Khởi nên biết Biến Kế Sở Chấp Không.

✓ Vì Cảnh vô sở đắc, Thức vô sở đắc nên vào thẳng Thật Tánh.

Nếu Cảnh Tướng Không vô sở đắc (không thể được, không có gì có thể), Thức hư vọng, phân biệt cũng vì mất đi đối tượng nên không sanh.

Cảnh không thể có, Thức cũng không thể có, thì có khả năng ngộ nhập Tánh Chân Thật của Duy Thức: Không Tướng, Chân Tướng.

Tánh Chân Thật là Tự Tánh Y Tha Khởi đã rời biểu hiện của Chấp; vì thế, cũng không thể nói là Không.

✓ Nêu lên luận làm chứng cứ.

Luận Biện Trung Biên, phẩm thứ nhất nói:

唯所執、依他、及圓成實性；境故、分別故、及二空故說：*Duy Sở Chấp, Y Tha, cập Viên Thành Thật Tánh; Cảnh cố, phân biệt cố, cập nhị không cố thuyết*: Chỉ vì Sở Chấp của Y Tha và Tánh Viên Thành Thật, vì vậy Cảnh bị phân biệt và đó là lý do nói Hai Không.

Nói cách khác: Dựa vào Cảnh hư vọng, phân biệt, vì thế, nói có Tự Tánh của Biến Kế Sở Chấp; dựa vào Tánh hư vọng, phân biệt; vì thế, nói có Tự Tánh của Y Tha Khởi; dựa vào Cái Không Năng Thủ, Sở Thủ; Vì thế, nói có Tự Tánh của Viên Thành Thật.

“Dựa vào Thức không có Sở Đắc, Cảnh không được Sanh; Dựa vào Cảnh không có Sở Đắc, Thức không được Sanh.

Do Thức có Tánh Được (đắc), cũng trở thành không có Sở Đắc (cái Được); Cho nên, hai Tánh Hữu Đắc và Vô Đắc bình đẳng”.

• **Dựa vào ý nghĩa của Duy Thức thu nhiếp, giáo hóa căn tánh năm việc không đủ và Hữu Tông thuộc Tiểu Thừa.**

Thức có Sở Đắc, có Tự Tướng; dựa vào đây mà thành lập Nhân Quả, Mê Ngộ. Đây là nghĩa cốt yếu của hệ phái Duy Thức hư vọng.

Đối với Căn Tánh không đủ năm việc; điều này Thức, thật có thể nói là phương tiện cực khéo léo, linh động!

Nhưng mà, dựa Thật lập Giả, vốn là lập trường căn bản của Nhất Thiết Hữu Bộ thuộc Tiểu Thừa.

Tánh Thật Hữu của tất cả pháp; tánh Thật Hữu của mười tám Giới lấy ý nghĩa của Duy Thức để giải thích. Đây là giáo



thuyết nhằm thu nhận, giáo hóa Hữu Tông của Tiểu Thừa để hướng về Tánh Không của tất cả Pháp thuộc Đại Thừa; không thể không nói: Đó là phương tiện khó nghĩ, bàn của Phật và Bồ Tát.

### *Hệ phái Duy Tâm Chân Thường.*

#### *Ứng cơ nói pháp.*

或以生滅法,

*Hoặc dĩ sanh, diệt pháp,*

縛脫難可立,

*Phược, thoát nạn khả lập,*

畏於無我句,

*Úy ư Vô Ngã cú,*

佛又方便攝

*Phật hữu phương tiện nhiếp.*

Hoặc vì pháp sanh, diệt;

Buộc, thoát khó thể lập

Vì sợ câu Vô Ngã;

Phật tạm dùng Phương Tiện

#### • **Căn cứ kinh, Luận hệ phái Duy Thức Chân Thường.**

Nói lại về hệ phái Duy Thức Chân Thường; đây là dựa vào Như Lai Tạng – Như Lai Giới, Chúng Sanh Giới, với Tự Tánh của Tâm thanh tịnh là chỗ y cứ căn bản. Giống như các kinh Như Lai Tạng, Thắng Man, Lăng Già; giống như các luận Bảo Tánh, Khởi Tín nói.

Tại Ấn Độ và Trung Quốc, hoằng dương hệ phái này, so với kinh, luận Bát Nhã có chậm hơn.

- **Hệ phái Duy Thức Chân Thường so với hai hệ phái trước có khác nhau.**

- **Hai hệ phái trước đều nói các pháp Vô Thường, Vô Ngã.**

- Trung Quán thì dựa vào Ngã, Pháp triệt để không có Tự Tánh (vô ngã) nói Duyên Khởi sanh, diệt như huyễn, so với pháp ấn Vô Thường, Vô Ngã tương hợp.
- Duy Thức thì dựa vào lập trường Tự Tướng Hữu, nói tất cả pháp Vô Thường sanh, diệt; trong sáu nghĩa của Chung Tử thì nghĩa thứ nhất là “Sát Na Diệt”, đối với không có Ngã Bồ Đặc Già La (Cái Ta sở thủ thú: Cái Ta luân hồi trong sáu đường) cũng triệt để (thuyết Tiểu Thừa có: Nhất Thiết Hữu bộ và Kinh bộ, so với Duy Thức khá gần nhau).

- **Hệ phái Chân Thường thành lập Ngã Thường Tru Bất Biến.**

- ***Dẫn Kinh, Luận ví dụ căn Tánh sợ vô thường, vô ngã.***

Vấn đề này, đối với ngoại đạo gần với pháp Phật và tín đồ thần giáo thì rất khó tin, khó hiểu.

Không có Ngã Thể thì làm sao có Luân Hồi? Sát na sanh diệt; đời trước, đời sau, liên hệ thế nào?

Đây là vấn đề đã có từ lâu trong Phật pháp, như nói: “Ngã, nếu không thật, thì ai sanh tử, luân hồi trong các cõi”?

Kinh Lăng Già nói: “Sanh diệt của Âm, Giới, Nhập không có Ngã thì ai sanh? Ai diệt? Kẻ ngu dựa vào Sanh Diệt mà

không biết đến Hết Khổ, không nhận ra Niết Bàn”. Đoạn văn đáp này của bồ tát Đạo Huệ là đại biểu cho hạng người ngu si giác ngộ rằng Vô Thường, Vô Ngã không thể thành lập Luân Hồi, cũng không thể thành lập Giải Thoát.

Ở trong tâm tưởng của kẻ ngu, tất cả là sanh diệt, sanh diệt, vô thường là Khổ. Thế thì không thể hi vọng hết Khổ, được Vui. Điều này dường như không có Cái Ngã thường trụ, bất biến cũng nên.

- ***Vì muốn giáo hóa kẻ sợ Vô Ngã nên nói Pháp Môn Như Lai Tạng.***

Bởi vì trong và ngoài Phật pháp đều có hạng chúng sanh cho rằng Pháp Sanh Diệt đối với sự ràng buộc của sanh tử và Niết Bàn giải thoát đều khó có thể an lập được.

Loại chúng sanh này, Phật nói là: “畏 無 我 句 Úy vô ngã cú: Sợ vì câu Vô Ngã”, chính là đã nghe Vô Ngã mà khiếp sợ ràng buộc bởi Sanh Tử, giải thoát do Niết Bàn đều không thể thành lập; sau khi chết không còn gì nữa vì căn tánh yếu đuối, sợ hãi. Đối với hạng chúng sanh này, Phật còn không thể thích ứng với chúng nên phải dùng phương tiện thiện xảo để thu nạp, giáo hóa. Đây chính là pháp môn Như Lai Tạng.

- **Vì thuyết Ly Thánh Thần Ngã nên trong kinh Lăng Già, Phật lựa chọn ý nghĩa chân thật của Như Lai Tạng.**
  - ***Thuyết Như Lai Tạng khiến cho mọi người hiểu ý nghĩa Thần Ngã và Chân Ngã.***

Kinh điển Phật nói về thuyết Như Lai Tạng không ít, nhằm khiến cho mọi người hiểu được: Chúng sanh ở trong sanh tử hoặc ở trong Tâm của chúng sanh vẫn có Thể Tánh của Như Lai Tạng tồn tại, đầy đủ đức tướng, trí huệ; hoặc nói tướng hảo, trang nghiêm.

- ✓ Thuyết này với thuyết Thần Ngã ở Ấn Độ rất gần gũi. Vì vậy, phái Giác Nang Ba ở Tây Tạng dựa vào mười bộ kinh Đại Thừa là giáo điển của thuyết Như Lai Tạng để thành lập hệ phái Thần Ngã Thể thuộc Phật giáo Đại Thừa.
- ✓ Ở Trung Quốc nội địa cũng có hệ phái này, lấy Thể Nghiệm Chân Ngã làm pháp môn tối cao.
  - ***Sự tương thông về ý nghĩa chân thật của Như Lai Tạng và hệ phái Pháp Không Tánh.***

Phật biết chúng sanh ngu si, đã nói trước trong kinh Lăng Già, chọn lựa đích thật ý nghĩa của thuyết Như Lai Tạng. Việc này nhằm thu nạp, giáo hóa ngoại đạo có kẻ sách về Ngã và thật tế, cùng với Pháp Không Tánh của Đại Thừa có chung huyết thống.

**Duy Tâm Duyên Khởi*****Tịnh Độ Như Lai Tạng.***

甚深如來藏,                      *Thậm thâm Như Lai Tạng,*

是善不善因。                      *Thị thiện bất thiện nhân.*

Như Lai Tạng sâu thẳm;    Là nhân Thiện, bất thiện.

- **Nói chung ba yếu điểm của Như Lai Tạng.**

Bồ Tát Đại Huệ đại biểu cho tất cả chúng sanh, muốn tìm ra Chủ Thể của sanh tử, luân hồi; Phật Thể của Niết Bàn vốn có; vì vậy, nói Như Lai Tạng.

Như nói: “

- ***Như Lai Tạng là nguyên nhân của Thiện và bất Thiện***
- ***Tự Tánh không nhớ, hoàn toàn Thanh Tịnh***
- ***Có khả năng biến hiện và tạo ra tất cả cõi của chúng sanh; ví như người làm xiếc biến hóa các thứ***.

Biến hóa các thứ khác nhau của người làm xiếc có thể nói là Chủ Thể Luân Hồi.

Tự Tánh không nhớ, hoàn toàn thanh tịnh chính là khai thị Phật thân và Niết Bàn vốn có. Điều này như tất cả kinh thuộc Như Lai Tạng đã rộng nói.

- **Lược nói hai yếu điểm đầu tiên.**

- ***Phật Thể, Niết Bàn vốn có.***

- ***Như Lai triệt chứng, Bồ Tát phân chứng Như Lai Tạng.***

Như Lai Tạng thâm sâu mà Như Lai đã thể chứng triệt để, thấy biết rõ ràng, thấu đáo.

Còn những vị khác như đại Bồ Tát lợi căn và trí huệ sâu sắc mới có thể chứng được từng phần.

- ***Trong nhân địa (tâm) của chúng sanh cũng bao hàm tất cả công đức của Như Lai.***

Vì sao gọi là Như Lai Tạng? Là Phật đã tròn đầy, rốt ráo, ngay còn ở nhân địa (tâm) chúng sanh, có thể nói, vốn đã thành tựu. Như nói: “Tự Tánh của Như Lai Tạng thanh tịnh, ba mươi hai tướng tốt uyển chuyển, vào trong thân của tất cả chúng sanh: như viên ngọc lớn vô giá, cột vào chiếc áo nhơ. Dung lượng của Như Lai thường còn, không biến đổi cũng giống như vậy; những Âm, Giới, Nhập đã cột chặt vào chiếc áo nhơ; tham dục, sân hận, vọng tưởng trần lao đã nhiễm ô”.

Vì vậy, Như Lai Tạng có khả năng giải thoát là vì bao dung tất cả công đức của Như Lai nhưng, vì pháp tạp nhiễm che khuất.

Vì thế, nếu lìa bỏ sự chất chứa phiền não thì Như Lai Tạng cũng gọi là Pháp Thân.

○ **Chủ Thể của Sanh Tử, Luân hồi.**

- ***Đối với các cõi, ý nghĩa của Như Lai Tạng là một nhưng có nhiều tên gọi.***

Lấy Như Lai Tạng làm chủ thể của Luân hồi, Giải thoát mà nói:

“Chính Pháp Thân này, trải qua Hằng sa kiếp, bị vô biên phiền não trói buộc, từ vô thủy đến giờ, thuận theo thế gian, nổi trôi trên sóng cả, sống chết tới lui, gọi là chúng sanh” (Ý này chính là ví dụ: Người làm xiếc biến hiện các thứ của kinh Lăng Già)

“Cõi chúng sanh tức là Pháp Thân, Pháp Thân tức là cõi chúng sanh”.

Chúng sanh và Phật bình đẳng không sai khác; cho nên, ở địa vị chúng sanh gọi là cõi chúng sanh, ở địa vị Bồ Tát gọi là Cõi Bồ Tát, ở ngôi vị Như Lai gọi là Cõi Như Lai.

- ***Như Lai Tạng biểu lộ giống như Phạm Ngã của phái Phệ Đàn Đa thuộc Nhất Nguyên Luận.***

Đây là một pháp môn, bề ngoài, so với triết học Phệ Đàn Đa của Ấn Độ, Đại Ngã (Pháp Thân), Tiểu Ngã (chúng sanh) thì rất giống nhau.

○ **Giải thích riêng yếu điểm thứ ba: Như Lai Tạng là nguyên nhân của tất cả Thiện và bất Thiện.**

▪ ***Lược bàn ý nghĩa Như Lai Tạng là nguyên nhân.***

Dựa vào Như Lai Tạng thành lập Sanh Tử và Niết Bàn, Chúng sanh và Phật; cho nên nói: “Là nguyên nhân của Thiện, Bất Thiện”, là Cái Nhân tạp nhiễm, sanh tử của Bất Thiện; cũng là cái Nhân Phật quả thanh tịnh của Thiện. Nhưng Nhân có nhiều loại, nhiều dạng, như Duy Thức Học có mười nhân; Hữu Bộ có sáu nhân; cuối cùng Nhân là thế nào?

✓ Như Lai Tạng chẳng phải là Nhân.

Có một số học giả tiếp thu (一本萬殊): Nhất bản vạn thù: Một gốc sanh nhiều cành nhánh; chịu ảnh hưởng Huyền Học: Từ Thường Vô mà sanh Diệu Hữu; Thiện và Bất Thiện, Như Lai Tạng vốn có đủ, lấy Như Lai Tạng làm Thể, từ Như Lai Tạng được sanh ra. Quan hệ với điều này, ở đây không thể nói nhiều.

✓ Sơ lược nói rõ Như Lai Tạng là Nhân nương tựa.

- Ý nghĩa của Nhân là Nương Tựa (y), Giữ Gìn (trì), Lập Thành,...

Tóm lại, Như Lai Tạng là Nhân theo Ấn Độ giáo mấy nghĩa Tự Có.

- Nêu kinh, luận làm sáng tỏ Nhân là Y, Trì, Kiến Lập.



Như kinh Thắng Man nói:

“Như Lai Tạng là tướng hữu vi; Như Lai Tạng thường còn, không thay đổi; vì thế, Như Lai Tạng là nơi Nương Tựa (Y), là nơi Gìn Giữ (Trì), là nơi Dựng lên (Kiến Lập); thừa Thế Tôn! Phật pháp không lìa, không dứt, không thoát, không nghĩ bàn.

Thừa Thế Tôn! Pháp Hữu Vi là Đoạn (dứt), Thoát (lìa), Di (đổi khác), Ngoại (ở ngoài); còn Y, Trì, Kiến Lập là Như Lai Tạng”.

Câu văn như vậy, kinh Vô Thượng Y, luận Bảo Tánh cũng đều nói như vậy. Y, Trì, Kiến Lập; đây chính là Nhân; là Tăng Thượng Duyên, là Năng Thượng Nhân.

- Nêu Tứ Đại dựa Năm Nhân tạo ra Sắc làm ví dụ để nói rõ ý nghĩa trên.

Ví như, khả năng tạo tác của Tứ Đại là tạo ra Sắc, nhất định không lấy Tứ Đại làm Thể phát sanh tạo ra Sắc, mà dựa vào Năm Nhân: Sanh, Y, Lập, Trì, Dưỡng nên nói Tạo. Y nói: Không lìa Tứ Đại mới có thể sanh khởi, tạo ra Sắc (như tạo ra tất cả cõi chúng sanh, trong kinh Lăng Già, cũng tạo ra giống như vậy).

Ba Nhân: Y, Lập, Trì trong Năm Nhân; kinh cũng nói: Là Y, là Trì, là Kiến Lập. Vì vậy, Thiện và Bất Thiện dựa vào Như Lai Tạng mà có, nhưng không phải lấy Như Lai Tạng làm Thể, chỉ dựa vào Như Lai Tạng sanh ra.

✓ Nhân Thường Trụ, Bất Biến mà là nơi nương tựa của tất cả.

Vì sao có thể cho Như Lai Tạng là Nhân: Y, Trì, Kiến Lập; bởi vì nó Thường Trụ, Bất Biến. Dù cho luân hồi các cõi, giải thoát, Niết Bàn; Như Lai Tạng vẫn thường trụ, bất biến. Đây là chỗ tất cả nương tựa.

Đã có Như Lai Tạng thường trụ, bất biến, một số người nghe nói Vô Thường, Vô Ngã nên lo sợ luân hồi và giải thoát không có chỗ nương tựa thì cũng khá an tâm.

✓ Nêu hư không làm ví dụ để sáng tỏ vấn đề.

Như Lai Tạng là Nhân nương tựa, có thể nêu ví dụ để giải thích. Như mặt trời, mây đen nương tựa hư không mà có, cùng với hư không không lìa nhau; nhưng mặt trời và mây đen đều không lấy hư không làm thể, cũng chắc chắn, chẳng phải từ hư không sanh ra! Như Lai Tạng là Nhân của sanh tử, Niết Bàn cũng giống như vậy.

• **Giải thích Nhân Bất Thiện dựa Như Lai Tạng mà có**

Vì sao Như Lai Tạng là Nhân của Bất Thiện? Từ vô thỉ đến giờ, có một số pháp Hữu Vi Không tương ưng, là xa Như Lai Tạng như Âm, Giới, Nhập, Tham, Sân, Si... vô biên phiền não; nhưng đều dựa vào Như Lai Tạng mà có, giống bụi bặm dính vào tấm kính sáng mà có. Đã có những thứ này thì sanh, tử, tạp nhiễm, lưu chuyển không dừng.

Những thứ này đều dựa vào Như Lai Tạng mà có, cho nên nói: 依如來藏故有生死: Y như Lai Tạng cố hữu sanh tử: Dựa vào Như Lai Tạng, cho nên có Sanh Tử.

- **Giải thích Nhân Thiện dựa vào Như Lai Tạng mà có.**

- Cùng Như Lai Tạng tương ưng, không khác tức là **Phật Tánh.**

Cái gì là Nhân của Thiện? Từ vô thỉ đến giờ, đã có nhân này cùng Như Lai Tạng tương ưng, không thể nói khác, Phật pháp không thể nghĩ bàn, không thể phân ly, cũng dựa vào Như Lai Tạng mà có. Đây chính là Phật Tánh.

- Tuy tương ưng, không khác, nhưng không nói Sanh, chỉ nói Nương Tựa.

Nhưng Nhân này tương ưng với Như Lai Tạng mà không khác; vì sao không nói Sanh mà nói Nương Tựa?

- **Là Pháp Vô Vi nên không nói Sanh.**

Thứ nhất, đây là Pháp Vô Vi, không thể nói Sanh.

- ***Nêu Thức A Lại Da để nói rõ lỗi lầm về sanh có một Nhân Nhiều Quả.***

Lại còn, như chúng tử hữu lậu, ở trong Thức A Lại Da, không thể nói là khác lạ. Nhưng chỉ có thể nói chúng tử hữu lậu từ trong A Lại Da sanh ra Hiện Hành hữu lậu mà, không thể nói từ Thức A Lại Da sanh. Nếu nói tất cả từ Thức A Lại Da sanh thì sẽ mắc lỗi Một Nhân Nhiều Quả. Vì vậy nói không Khác, không Lìa và cũng không thể nói là Một.

Giống như thế, chúng sanh vốn đầy đủ, có khả năng làm Nhân của đức tánh vô lậu, thanh tịnh; so với Như Lai Tạng không thể nói là khác, lạ mà, chỉ có thể nói “dựa vào Như Lai Tạng”; đó là Dựa vào, Giữ Gìn, Gây dựng nên (Y, Trì, Kiến Lập).

- **Tóm lại,** Phật thì nói có “Như Lai Tạng Thường Trụ, bất biến” là chỗ nương tựa của Thiện và Bất Thiện và tất cả pháp đều được thành lập từ đây.

### ***A Lại Da tạp nhiễm.***

無始習所熏,                      Vô thi tập sở huân,

名為阿賴耶。                      Danh vi A Lại Da.

由此有生死,                      Do thử hữu Sanh Tử,

及涅槃證得。                      *Cập Niết Bàn chứng đắc.*

Huân tập từ vô thí,                      Gọi là A Lại Da.

Từ đây có Sanh, Tử,                      Và chứng đắc Niết Bàn.

• **Tư tưởng Chân Tâm Luận** lầm vì dựa vào **Chân thường kiến lập**

Phật nói Như Lai Tạng, chủ yếu là lấy Pháp Thể thường trụ, bất biến; Tự Tánh thanh tịnh làm chỗ nương tựa của Sanh Tử và Niết Bàn.

○ *Từ trong chúng sanh nói hệ thống tư tưởng của Tạng, Thức và tất cả pháp.*

Như Lai Tạng ở trong Âm, Giới, Nhập cũng chính là ở trong Thân Tâm của chúng sanh; cho nên Như Lai Tạng nói không nhất định kết hợp cùng với Thức A Lại Da của Duy thức. Nhưng mà, chúng sanh là tất cả do Tâm; A Lại Da Thức là Thức Căn Bản của Sở Tri (cái biết) dựa vào, vì vậy, hình thành một cách tự nhiên: Dựa vào Như Lai Tạng mà có Thức A Lại Da: dựa vào Thức A Lại Da mà có hệ thống tư tưởng của tất cả Pháp.

○ *Cùng với Như Lai Tạng, A Lại Da tương hợp trở thành Tự Tánh thanh tịnh Tâm.*

Như Lai Tạng thuộc Tự Tánh Thanh Tịnh ở chỗ thâm sâu của Thức A Lại Da (Thức A Lại Da là Căn Bản hay Trung Tâm của tất cả pháp). Vì thế, kinh Thắng Man cũng gọi Như Lai Tạng là Tự Tánh Thanh Tịnh Tâm và tương hợp với thuyết Tâm Tánh Bốn Tịnh, triển khai thành hệ tư tưởng của Chân Tâm Luận. Đây chính là Tâm Chân Thật, đừng nhầm lẫn với Tâm thông thường.

- **Nói về lý luận của hệ phái Chân Thường kiến lập Sanh Tử và Niết Bàn.**
  - *Dẫn kinh nói chung về hai chỗ dựa nên có Sanh Tử và Niết Bàn.*

Kinh A Tỳ Đạt Ma Đại Thừa nói: “Vô Thi Giới đến nay, tất cả pháp... đều nương tựa; từ đây có các cõi và Niết Bàn chứng được”. Chữ Giới trong là chỉ Như Lai Tạng, cũng là Thức A Lại Da.

- ***Tự Tánh Thanh Tịnh và Như Lai Tạng, Hư Vọng Tạt Nhiễm là Thức A Lại Da.***

Sự liên quan của phương diện này là: Như Lai Tạng là Tự Tánh Thanh Tịnh, nhưng từ Vô Thi đến nay, chính là bị huân nhiễm bởi Hý Luận tập khí của hư vọng tạt nhiễm, nên gọi là Thức A Lại Da.

- ***Nghiệp Tướng tức là Thức A Lại Da do Chân Tướng (Như Lai Tạng) mà đến.***

Điều này giống như hư không rộng lớn nhưng bị mây đen che phủ nên khoảng hư không ấy trở thành mờ tối. Vì vậy, phân tích nội dung Thức A Lại Da có Chân Tướng (Như Lai Tạng) và Nghiệp Tướng (Hý Luận huân tập). Hai Tướng này hòa hợp chính là A Lại Da. Điểm này, trong Duy Thức học của hai thầy Vô Trước, Thế Thân không dễ Tin và Hiểu nổi, nhưng đây là nương vào Như Lai Tạng mà có Thức A Lại Da.

- **Từ hai Tướng ấy mà nói lưu chuyển các cõi và chứng được Niết Bàn.**
  - ***Nghiệp Tướng không là Chân Tướng mà có Sanh Tử, cho nên, nói Như Lai Tạng lưu chuyển các cõi.***
  - ✓ Từ Chủng tử tạp nhiễm của Thức A Lại Da này, Nghiệp Tướng không là Chân Tướng của Như Lai Tạng nên có Sanh Tử, Lưu Chuyển trong các cõi (thú).
  - ✓ Như Lai Tạng thường trụ, bất biến, không là sanh tử; cho nên cũng có thể nói Như Lai Tạng Lưu Chuyển trong các Cõi. Điều này giống như hư không vào ống thì dài, vào lọ thì tròn.
  - ***Chuyển Nghiệp Tướng của A Lại Da trở về chứng được Chân Tướng của Pháp Thân thanh tịnh Niết Bàn.***

Đồng thời Chân Tướng của Thức A Lại Da; Như Lai Tạng có Tánh Thanh Tịnh không lìa, không khác. Đây không phải là sở thuộc của Thức A Lại Da, mà là sở thuộc của Pháp Giới (chúng tử vô lậu của tông Duy Thức cũng giống với thuyết này, so với ý nghĩa của kinh hợp nhau; nhưng nói là Hữu Vi Sanh Diệt thì so với kinh trái nhau). Vì vậy, nên chán ghét sanh tử, vui mừng Niết Bàn; nên phát tâm tu hành, phá hoại phiền não, chứng được Niết Bàn. Nếu triệt để lìa xa tất cả vọng niệm, nhiễm ô; thành tựu tất cả công đức thanh tịnh. Đây chính là Như Lai Tạng ra khỏi sanh tử, gọi là Pháp Thân, cũng không còn gọi là Thức A Lại Da.

### • **Kết luận về hai hệ phái Duy Thức và Chân Thường**

Hai phái Duy Thức hư vọng và Duy Tâm chân thường là thích ứng với Căn Tánh khác nhau, là khai triển, hướng dẫn giáo thuyết khác nhau. Nhưng thời gian, trước sau khá gần, cùng lấy Pháp Thật Có làm chỗ nương tựa lập thành tất cả pháp, cùng lấy Tâm Thức làm trung tâm; cho nên thường có ảnh hưởng qua lại.

***Chọn ra ý nghĩa đúng nhất.***

佛說法空性,            *Phật thuyết Pháp Không Tánh,*

以為如來藏。        *Dĩ vi Như Lai Tạng.*



真如無差別, *Chân Như vô sai biệt,*

勿濫外道見! *Vật lạm ngoại đạo kiến!*

Phật nói Pháp Không Tánh, Lấy làm Như Lai Tạng.

Chân Như không khác nhau, Chớ tà kiến ngoại đạo!

• **Nghi vấn về Như Lai Tạng.**

Như Lai thích ứng với phàm phu, ngoại đạo và phần nào Tiểu Thừa chấp ngã; nói Như Lai Tạng thường trụ, bất biến, lưu chuyển, sanh tử. Lại nói: Như Lai trí huệ, đức tướng, trang nghiêm thành tựu ở trong thân của chúng sanh.

- Như Lai Tạng là thế nào?
- Như Lai, đích thực có vô biên tướng hảo; cụ thể không có trong thân của chúng sanh sao?
- Quả thật, giống với Ngã của ngoại đạo, trở thành chúng sanh mà, Thể Tánh là Phạm (đại Phạm Thiên Brahman) thường trụ, thanh tịnh sao?

• **Trả lời nghi vấn về Như Lai.**

- *Dẫn kinh chứng minh Như Lai Tạng là Pháp Tánh Không rất sâu sắc.*

Vì tâm từ bi, Như Lai phương tiện, đặc biệt trong kinh Lăng Già, quyết trạch rõ ràng: Phật nói tất cả pháp đó là Pháp Không Tánh, gọi nó là Như Lai Tạng. Như nói: “Ta nói Như Lai Tạng, không giống ngoại đạo nói về Ngã.

Này Đại Huệ! Có thời gian, không gian, Vô Tướng, Vô Nguyên, Như, Thật tế, Pháp Tánh, Pháp Thân, Niết Bàn, Ly (vô), Tự Tánh, Bất sanh Bất diệt, Bỏ lại Tịch tĩnh, Tự tánh Niết Bàn; những câu như thế đã nói về Như Lai. Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác (ba Phật hiệu trong mười Phật hiệu) vì đoạn trừ sự sợ hãi của kẻ ngu bởi câu Vô Ngã; nói pháp môn Như Lai Tạng để lìa xa cảnh giới vô sở hữu (không phải của mình)... Ví như người làm đồ gốm, trước tập hợp bùn đất, rồi công nhân, nước, dụng cụ... và nhiều đồ vật được làm ra. Như Lai cũng như thế, đối với pháp Vô Ngã, lìa tất cả Tướng vọng tưởng; bằng trí huệ dùng vô số phương tiện khéo léo, hoặc nói Như Lai Tạng, hoặc nói Vô Ngã. Vì thế, Như Lai Tạng chính là Pháp Không Tánh rất sâu sắc, là đương thể trực tiếp của Thân Tâm Chúng Sanh. Đó là Bỏ Tánh Không Tịch Tánh (Tánh vắng lặng vốn có).

- **Như Lai Tạng không phải là Thân Ngã của ngoại đạo, mà chỉ là giúp kẻ sợ câu Vô Ngã.**

Vì thế, phải đổi cũ thành mới, gọi là Như Lai Tạng, giống như Thân Ngã, chỉ là để thích ứng với người ngoại đạo sợ câu Vô Ngã (úy Vô Ngã cú), tránh được khi nghe: Nhân, Pháp Không, Vô Ngã (không người, không pháp, không có

cái ta), không chịu tin tưởng mà còn gièm pha. Do đó, không thể không nói như vậy để khuyến hóa những người ấy. Đây là sự tận tình dạy bảo của Như Lai! Sự khéo léo của Như Lai là ở đây. Khi nghe dường như giống với Thần Ngã, sau khi tin nhận rồi, dần dần vào sâu mới biết trước đây, đã suy nghĩ sai lầm; nguyên do chính là, trước đã nghe Tánh Không Vô Ngã, quá sợ hãi.

○ ***Dưa vào Chân Như Pháp Tánh không sai khác, Cho nên, nói Chúng Sanh Có Thật Tánh.***

Pháp Tánh Không, Chân Như không khác nhau, như luận Bảo Tánh nói: “

法身遍無差,	<i>Pháp Thân biến vô sai,</i>
真如無差別,	<i>Chân như vô sai biệt,</i>
皆實有佛性;	<i>Giai thật hữu Phật Tánh;</i>
是故說眾生,	<i>Thị cố thuyết chúng sanh,</i>
常有如來藏.	<i>Thường hữu Như Lai Tạng.</i>

Pháp Thân khắp thời, không,  
 Chân Như không sai khác,  
 Điều có Phật Tánh;  
 Cho nên, nói Chúng Sanh,  
 Luôn có Như Lai Tạng.

Tự không sai khác mà nói; ở chúng sanh thì gọi là Chúng Sanh Giới; ở Phật thì gọi là Như Lai Giới.

- Pháp Tánh Không sai khác, luôn thường hằng, thanh lương, bất biến; Phật lấy đây là Tánh, lấy đây làm thân; cho nên, gọi là Phật Tánh, Pháp Thân.
- Dựa vào không sai khác của Chân Như Pháp Tánh mà nói: Phật là như vậy, chúng sanh cũng vẫn là như vậy; cho nên nói: Tất cả chúng sanh thành tựu Như Lai Tạng.
- **Dùng kinh luận khuyên can người học chớ có kiến thức giống với ngoại đạo.**
  - Kinh Lăng Già nói: “Vì cắt đứt sợ câu Vô Ngã của kẻ ngu”; “Vì tìm cách hướng dẫn về Ngã cho các ngoại đạo mà nói Như Lai Tạng”
  - Luận Bảo Tánh nói: Khiến cho chúng sanh xa lìa năm loại lỗi lầm, cho nên nói Phật Tánh. Loại thứ năm là “Cho rằng thân này có Thần Ngã”. Ở điểm này, người tin tưởng thật hành giáo học Như Lai Tạng, nên chú ý thật sâu sắc; đừng tự cho mình thấu rõ Liễu Nghĩa mà, kỳ thật, lạm dụng kiến giải của ngoại đạo.

*Khéo léo nắm vững một cách nhất quán.*

方便轉轉勝,	<i>Phương tiện chuyển chuyển thắng,</i>
法空性無二。	<i>Pháp Không Tánh vô nhị.</i>
智者善貫攝,	<i>Trí giả thiện quán nhiếp,</i>
一道一清淨。	<i>Nhất đạo nhất thanh tịnh.</i>

Phương tiện chuyển đổi hơn, Pháp Không Tánh không hai  
Bậc trí khéo quán triệt, Con đường đến Thanh Tịnh.

- **Kết luận phương tiện của ba hệ phái không giống nhau, nhưng chúng được Pháp Không Tánh không khác nhau.**

Giải thích về Bát Nhã Ba La Mật Đa, thuận tiện lược xem  
tuôn trào trong biến pháp; ở đây xin tóm tắt lại.

- *Sự chuyển biến vượt trội về phương tiện của ba hệ phái, lấy Như Lai Tạng đứng đầu.*

Nhìn từ hệ phái Đại Thừa, không thể không khen ngợi  
phương tiện khéo léo của Như Lai, mỗi lần chuyển biến lại  
càng thù thắng. Thuyết Như Lai Tạng có thể nói là Phương  
Tiện không thể nghĩ bàn!

- *Theo thứ tự hiện quán nói rõ sở chứng Pháp Không Tánh của ba hệ phái không khác nhau.*

Nhưng khảo cứu nội dung chân thật, hiện chứng Pháp  
Không Tánh, trước sau, không hai, không khác.

- *Nêu sơ lược thứ tự hiện quán của ba hệ phái.*
- ✓ *Hệ phái Tánh Không lấy hiện quán Pháp Tánh Không làm mục đích.*

Nếu hệ phái Duy Danh Tánh Không lấy hiện quán Pháp  
Tánh Không làm mục đích chính thì chẳng cần phải nói.

✓ Hệ phái Duy Thức lấy Duy Thức Vô Cảnh tiến đến hiện chứng Pháp Không Tánh.

Hệ phái Duy Thức hư vọng, tuy nói rộng về Pháp Tướng, nhưng nói về tu chứng.

Trước, dùng Thức Có để loại bỏ Cảnh Không; sau, dùng Cảnh Không và Thức cũng không khởi. Đây mới đạt được Tâm, Cảnh đều vô sở đắc.

Bởi nói Y Tha có Tự Tướng, cho nên lìa chấp thì Không Tánh hiển hiện, cũng không thể không phải là thực tại (réalité).

Nhưng cuối cùng, có thể phá trừ vô biên phiền não, có thể dứt sạch vô vàn vọng chấp. Nếu có thể tiến bộ đến năm việc đầy đủ thì không còn trở về hiện quán Tự Tánh hoàn toàn không sao? Cho nên, biện luận rõ ràng, thấu đáo rằng thật có Tánh Không dường như Chân Như là Ngã (tợ ngã Chân Như); rất có thể không cần thiết!

✓ Hệ phái Chân Thường lấy thứ tự bốn loại thiền quán để chứng minh Pháp Vô Ngã.

Hệ phái Chân Thường Duy Tâm, tuy lập thuyết Như Lai Tạng gần giống với Thần Ngã, nhưng trong quá trình tu học,

Phật đã sớm khai thị Vô Ngã Như Lai Tạng; thứ tự tu hành cũng vẫn là:

- Trước, quán ngoại cảnh chẳng có Tánh Thật, gọi là Quán Sát Nghĩa Thiên.
- Tiến đến Nhị Vô Ngã, không sanh Vọng Tưởng (Thức), gọi là Phan Duyên Như Thiên.
- Chờ đến Bát Nhã hiện tiền, chính là Như Lai Thiên, đối với Pháp Vô Ngã, lìa xa tất cả Vọng Tưởng. Điều này so với thứ tự hiện quán Hư Vọng Duy Thức giống nhau.
  - **Kết luận:** Phương tiện khác, Hiện Chứng giống như thế, ba hệ phải thích ứng với chúng sanh, nhưng Phương tiện không giống nhau; hơn nữa, trở về với cội nguồn hiện chứng của Pháp Tánh Không không có một chút khác nhau.
- **Thiết lập phương tiện của ba hệ phải đều cùng trở về Cứu Cánh.**
  - **Ví dụ đặc điểm của ba hệ phái lập ra đều hòa tan với nhau.**

Nói đến phương tiện, thứ nhất:

- *Về thu nhận theo căn cơ, phương tiện lập ra ba hệ phái không giống nhau.*
- ✓ Hệ phái Tánh Không do Không lập thành tất cả pháp.

Hệ phái Duy Danh Tánh Không có thể ở trong rốt ráo Không mà lập thành tất cả pháp.

- ✓ Hệ phái Duy thức dựa Thật lập thành Giả làm phương tiện.

Không thể thành lập được nên phải dựa vào Thật lập thành Giả làm phương tiện, nói Tự Tướng của Y Tha có. Điều này rất thích ứng với căn tánh của Tiểu Thừa, dựa vào đây dẫn đến hồi Tiểu hướng Đại.

- ✓ Hệ phái Chân Thường lấy Ngã Như Lai Tạng là phương tiện.

Nhưng hàng phàm phu, ngoại đạo bình thường không tin Vô Thường, Vô Ngã (Không), không thể từ Vô Thường, Vô Ngã lập thành tất cả pháp, Phật không thể không lập riêng phương tiện nên nói rằng “Trong Thân của tất cả chúng sanh có Như Lai Tạng”. Điều này có hiệu quả rất lớn trong việc nhiếp phục, dẫn đường đối với phàm phu, ngoại đạo chấp Ngã, sợ hãi Không, Vô Ngã.

- ***Phương tiện thu phục căn cơ dùng Như Lai Tạng là thù thắng nhất.***

Tùy căn cơ mà thu nạp, dạy dỗ chúng sanh; từ năm việc đầy đủ đến năm việc không đầy đủ của Tiểu thừa... cho đến phàm phu, ngoại đạo bình thường thì căn cơ được là tối thắng, cũng chính là lý do khả dĩ để lưu hành ở thế gian.



Thuyết Cảnh Phong của ngoại đạo là kiến giải thiên cận, cho rằng Phật Tính, Như Lai Tạng thu phục càng lúc càng rộng rãi hơn; cho nên, nói phương tiện dùng thuyết Như Lai Tạng với Thượng Đế, Linh Tánh gần nhau; phải đặc biệt thông suốt điều này.

Rõ ràng, ngoại đạo muốn dụ hoặc Phật tử chúng ta, mọi người nên cảnh giác, vì giống nhau về hình thức.

○ **Thấu triệt chỗ dựa chỉ ở Pháp Không Tánh này. Thứ hai**

- ***Chỉ có Pháp Không Tánh này mới có thể lập thành tất cả pháp.***

Đối với tất cả Pháp Tánh Không mà lập thành tất cả pháp, thì có khác nào vác bó cỏ đi ngang qua đám lửa lớn mà không cháy- phải là bậc mưu trí mới làm được- không phải là khả năng của kẻ bình thường. Nhưng trên thực tế, là Pháp Tánh Không này thì hoàn toàn không có chỗ dựa cho tất cả pháp.

- ***Như Lai Tạng cũng là Pháp Không Tánh Vô Ngã.***

Vì vậy để thu nạp, giáo hóa ngoại đạo chấp Ngã mới mật thuyết Pháp Không Tánh là Như Lai Tạng.

Điều này giống như có Ngã làm chỗ dựa, thật ra, vẫn là Pháp Không Tánh Vô Ngã.

▪ ***Bàn riêng về chỗ dựa của hệ phái Duy Thức.***

- ✓ Dựa vào kinh Mật Nghiêm nói Thức A Lại Da là Như Lai Tạng.

Đối với năm việc không đủ, gần với căn Tánh của Tiểu Thừa; kinh trên còn nói: “Phật nói Như Lai Tạng cho là A Lại Da. Ác Huệ không thể biết, Tạng là A Lại Da”. A Lại Da vốn là Như Lai Tạng. Dựa vào Như Lai Tạng mà có huân tập hư vọng từ vô thủy, gọi là Thức A Lại Da là chỗ y cứ của pháp tạp nhiễm và thanh tịnh. Không biết nó, thật ra, dựa vào Pháp Không Tánh- Như Lai Tạng. Khá tiếc, có một số học giả không thể tự mình biết được!

- ✓ ***Thức A Lại Da cũng chỉ là chỗ dựa tương đối so với Chuyển Thức.***

Nếu dựa Thức A Lại Da hữu lậu, đây là nói trung tâm của pháp sanh tử, tạp nhiễm. Thức A Lại Da cũng còn là Thức Chuyển Y, phải dựa vào sự huân tập của Chuyển Thức và quan hệ Nhân Quả hỗ tương với Chuyển Thức. Vì vậy, Thức A Lại Da chỉ là chỗ nương tựa tương đối.

- **Nêu ví dụ bán thuốc để sáng tỏ Phương Tiện đến Cứu Cánh.**

- Lấy phương tiện khéo léo của ba hệ phái hợp thành ví dụ bán thuốc.

Giống như ví dụ bán thuốc trong kinh Lăng Già có một thầy thuốc kê đơn, một thợ làm đồ gốm. Thuốc bán ra là thuốc quý cứu mạng.

- ***Hệ Duy Danh Tánh Không là tiệm thuốc cũ***, không chú trọng bề ngoài mà bán thuốc thật, chỉ có người hiểu biết thật sự về thuốc, mới đến mua thuốc cứu mạng.
- Nhưng có người chê tiệm thuốc thiếu thẩm mỹ, không khí nặng nề, không muốn mua. Vì thế, tiệm thuốc mới tân trang mặt ngoài là nhằm tiêu thụ hàng hóa. Trang trí lại bình, hũ, lọ cho đẹp đẽ; thuốc có dạng viên nang, bọc đường. Nhờ thế, sự tiêu thụ thuốc tăng vọt và cứu mạng người cũng nhiều thêm. Điều này như Thời Giáo thứ ba: Hệ Phái Duy Thức Hư Vọng.
- Nhưng với trẻ con thì không chưa thể dùng được; cho nên, phải nghĩ đến phương pháp khác: Thêm vào thuốc một lượng đường lớn và chế biến thuốc thành dạng đồ chơi như phi cơ, búp bê; rao bán khắp các nẻo đường. Vì thế, người mua thuốc càng nhiều và cứu được mạng sống cũng càng nhiều! Điều này giống như hệ phái Chân Thường Duy Tâm.

Thật ra, người bệnh uống thuốc cứu mạng cũng như vậy. Nhưng cái có thể cứu mạng hoàn toàn không phải bình, lọ, bọc đường; càng không phải là những hình thức dưới dạng đồ chơi mà chính là thuốc quý cứu mạng kia.

- **Phương tiện là quyền biến không phải mục đích; chớ lấy phương tiện làm cứu cánh**

Đây gọi là phương tiện, dùng phương tiện để đi đến Cứu Cánh. Phương tiện là quyền biến, không phải Mục Đích.

Vì vậy, hiểu lầm phương tiện là cứu cánh, thật là độc hại cho chúng sanh đường nào!

- **Đính mắc quá mức vào phương tiện cũng là lỗi lầm.**

Giả sử, hộp, lọ đựng thuốc tinh vi, cực đẹp, nên mua hộp, lọ mà không cần thuốc, không uống thuốc; đó quả thật là sai lầm quá lớn!

Giả sử mua phi cơ, búp bê càng xem càng thích và vui chơi với những thứ này; đó là điều thật đáng xấu hổ!

Hơn nữa, trộn đường quá nhiều, có khi làm hiệu lực thuốc giảm đi; có khi làm biến chất thuốc. Khi ấy, có uống thuốc cũng không cứu được mạng.

Vì vậy, bán thuốc thật cũng có chỗ tốt của nó.

- **Ba hệ phái cùng trở về một điểm, chớ kẹt vào phương tiện, quên mất chân thật.**

Ba hệ phái vốn đồng quy một điểm, người trí nên quán triệt pháp môn giải thoát duy nhất này để tránh khỏi tranh chấp nhiều đời. Điều quan trọng nhất là: Không được dính

chặt vào Phương Tiện mà quên mất Lý Chân Thật. Người đọc! Rốt cuộc Như Lai ra đời, đại ý là gì?

### *Tứ Nhiếp Pháp*

成熟眾生道,	<i>Thành thực chúng sanh đạo,</i>
佛說以四攝:	<i>Phật thuyết Tứ Nhiếp Pháp:</i>
布施及愛語,	<i>Bố Thí cập Ái Ngữ,</i>
利行與同事。	<i>Lợi Hành dĩ Đồng Sự.</i>

Dạy chúng sanh thuần thực,	Phật nói bốn Nhiếp Nháp
Bố Thí và Ái Ngữ,	Lợi Hành cùng Đồng Sự.

- **Nói chung bốn Nhiếp Pháp vì lợi tha và làm cho chúng sanh thuần thực.**

Ở trong đạo Bồ Đề, tự mình thuần thực Phật Đạo bằng sáu Ba La Mật Đa mà kinh đã nói. Nói đến đạo lợi tha để làm thuần thực chúng sanh, Phật dạy phải dùng Tứ Nhiếp Pháp, thu nhận, giáo hóa chúng sanh.

#### ○ **Định nghĩa Tứ Nhiếp Pháp.**

Đó là bốn phương pháp thu nhận chúng sanh.

#### ○ **Bác lãnh đạo ở đời và tu hành giải thoát đều không lìa bốn nguyên tắc này.**

Tại gia hay xuất gia, cho dù là gia đình, xã hội quốc gia hoặc ở trong Tăng đoàn đều phải có mối quan hệ hợp quần,

khởi dậy tác dụng của lãnh đạo, được sự tín nhiệm của mọi người, được tiếp nhận, giáo hóa qua sự thật hành, thì chắc chắn không lìa xa bốn phương pháp này. Tứ Nhiếp pháp là pháp chung với thế gian. Người Lãnh đạo trong thế gian không thể lìa xa bốn nguyên tắc này.

Lợi tha là việc làm trước hết của Bồ Tát, tất nhiên, phải có Tứ Nhiếp Pháp. Từ lợi tha bằng Tứ Nhiếp Pháp của Đại Thừa, có thể biết lợi tha của Đại Thừa cần có Đồng Nguyên Đồng Hành mà địa vị lãnh đạo là Bồ Tát.

- **Nội dung tứ Nhiếp Pháp.**

- **Bồ thí là điều cần thiết để tiếp nhận chúng sanh.**

Bồ thí là cung cấp vật chất để tiếp nhận chúng sanh. Ngay cả loài thú hoang dã, ngày nào cũng cho chúng ăn, chúng sẽ nghe theo bạn. Các ngoại đạo đem vật chất cứu giúp, thuốc men chữa bệnh để hướng dẫn, chuyển hóa niềm tin, hiểu biết chánh pháp; ấy cũng là nguyên tắc bồ thí thích hợp.

Vì vậy, trong sáu độ của Bồ Tát thì bồ thí là số một.

- **Ái Ngữ là nói năng khéo léo.**

Ái Ngữ là dung mạo dễ gần, vui vẻ; thái độ thành khẩn. Đây là thái độ cần có khi đàm thoại với người khác.

Lời nói ra hoặc thiện pháp thế gian hoặc thiện pháp xuất thế gian; nói chung cần làm cho đối phương biết, đó là vì lợi ích của người khác. Do vậy, dù bị trách mắng họ cũng vui vẻ tiếp nhận. Về phương diện này, cần thiết là khéo léo trong đàm thoại.

- **Lợi Hành là thích hợp với căn cơ khiến người khác được ích lợi.**

Lợi Hành: Hướng về người khác mà nói; chỉ vì người khác mà làm, cần thích hợp và chân tình, cốt sao cho người khác được lợi ích, ở trong Phật Pháp, tăng trưởng công đức. Vì vậy, nếu tất cả những việc ấy mà không thích hợp với nhu yếu; không phải là điều hi vọng của người khác; không phải là điều họ không thể làm thì, tuy là, pháp lành, việc lành cũng sẽ khiến cho họ không quan tâm.

- **Đồng sự là cùng làm việc chung với người khác tận lực, bình đẳng.**

Đồng sự là cùng người khác làm một việc.

Chỉ huy và binh sĩ đồng cam cộng khổ thì sẽ được binh sĩ thương mến và giúp đỡ tận lực. Đây là một ví dụ Đồng Sự Nhiếp.

Trước đây, ở trong Tông Lâm, trụ trì và đại chúng cùng sanh hoạt như nhau: Quá đường (ăn cơm), lên chánh điện (hành lễ), ngồi thiền; đi hóa duyên hết thầy bình đẳng; cho nên, mới “thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại: nắm vững nguyên tắc Đồng Sự này, tất cả đều tùy thuận.

Năm mươi ba lần tham vấn của đồng tử Thiện Tài, tất cả bậc thiện tri thức đều lấy pháp môn chính mình thật hành để dạy ông tu học. Pháp của mình thật hành không giống pháp đem dạy cho người, thì làm sao người ta có thể tín nhiệm và phục tùng đây?

Tóm lại, Bồ Tát dựa vào Tứ Nhiếp Pháp này mà thật hành; vì thế Bồ Tát là người hướng dẫn và đem lại lợi ích cho chúng sanh.

### 5.3.2. Lịch trình Hạnh Vị

#### 5.3.2.1. Cấp bậc Thập Tín.

初修菩提心,	<i>Sơ tu Bồ Đề Tâm,</i>
習行十善業;	<i>Tập hành Thập Thiện Nghiệp;</i>
成就心不退,	<i>Thành tựu tâm bất thoái,</i>
入於大乘道。	<i>Nhập ư Đại Thừa Đạo.</i>

Trước tu Tâm Bồ Đề, Thực hành mười Nghiệp Lành.

Thành tựu Tâm Bất Thoái, Đi vào Đạo Đại Thừa.



a. *Pháp môn đã nói rồi, giờ nói thứ tự Hành Vị.*

Pháp môn Bồ Tát tu học, lấy Tâm Bồ Đề làm gốc; Ba Tâm Tương Ứng; tu Lục Độ, Tứ Nhiếp.

Từ cạn vào sâu, nên kinh luận lập thành hành vị theo thứ tự.

Như bài tụng ở trước đã nói: “Từ từ trải qua các địa”. Ở đây thuật lại giản lược.

• **Tu học theo Đại Thừa từ Tín Tâm đến Bất Thối, mới bắt đầu vào giai đoạn thứ nhập của Hành vị.**

Phát tâm tu học Đạo Bồ Đề của Đại Thừa, trước hết, phải phát nguyện Tâm Bồ Đề, tu Tâm Bồ Đề, sao cho Tâm ấy thành tựu. Luôn nhớ: Trên cầu Phật Đạo, dưới hóa độ chúng sanh; nếu gặp phải cảnh khôn cùng cũng không lìa bỏ hay thoái thất Tâm ấy.

• **Con đường thông thường và đúng nhất là Tâm tin vào Đại Thừa.**

○ **Thập Thiện là từ Nhân Thừa vào Đại Thừa.**

Trong việc tu học, thực hành Tâm Bồ Đề là phải thọ giới Bồ Tát, tu tập, thực hành mười Nghiệp Thiện. Đây là con đường thông thường của Đại Thừa, bằng hạnh Nhân Thừa đi vào Đại Thừa, Tâm từ bi làm tăng trưởng phong cách của Bồ Tát.

○ **Thập thiện dùng mười loại Tâm làm nội dung tu học.**

Theo kinh nói: Khi mới học, gọi là Bồ Tát Thập Tín, cũng gọi là Bồ Tát Thập Thiện.

Tu tập mười Tâm: Tín Tâm, Tinh Tấn Tâm, Niệm Tâm, Huệ Tâm, Thí Tâm, Giới Tâm, Hộ Tâm, Nguyện Tâm, Hồi Hướng Tâm. Đây là lấy Tín Tâm Đại Thừa (Bồ Đề Tâm) tu tập làm chủ đích.

○ **Thành tựu đến bất thoái là bậc đầu tiên bước vào Đại Thừa.**

Nhưng khi bắt đầu, “Trải qua mười ngàn kiếp tu hạnh Thập Thiện; có khi thoái lui, có khi tiến bộ; ví như lông nhẹ, theo gió bay sang đông, sang tây”.

Nếu tu một mạch tiến tới, không thoái lui, trải qua mười ngàn kiếp như vậy, thì có thể thành tựu Tâm Bồ Đề không thoái lui, không còn thoái chuyển mà vào Đạo Đại Thừa ở bậc thứ nhất: Phát Tâm Trụ.

Bằng Tín Tâm tu tập, cần phải lấy Thập Thiện, Lục Độ... Làm cho Tâm tin tưởng ấy thành tựu. Với Tín Tâm tu tập thành tựu, như bài tụng nói: “Thanh tịnh Tâm thêm sức mạnh, kiên cố Tâm tiến lên, gọi là Bồ Tát mới tu, vô số ba đại kiếp”.

• **Con đường Phương Tiện của Tín Tâm Đại Thừa.**

Song bằng Tín Tâm tu tập thành tựu cũng không quá dễ.

○ **Dưa vào con đường Phương tiện mà trở về với Đại Thừa.**

Vì để giúp Tín Tâm sợ hãi của người mới học, Phật nói con đường Phương Tiện dễ thật hành mà không trở ngại pháp môn Vãng Sanh Tịnh Độ; chờ sức mạnh của nhẫn nhục thành tựu, mới tu lại hạnh rộng lớn, khó làm vì sự hoàn thiện cho chúng sanh; hoặc khuyên tu trở thành Trời, thành Tiên Nhân Trì Minh.

○ **Dưa vào Thiên Thừa trở về đạo Phương Tiện.**

Có người không chịu nổi đường dài sanh tử, chúng sanh có nhiều căn tánh, công đức của Phật khó suy tư mà, quên mất Tâm Bồ Đề. Vì họ, Phật nói hóa thành để việc tu hành được giới hạn và nghỉ ngơi một chút, rồi tiếp tục đi vào Đại Thừa.

Những điều này đều là vì người mới tu học Đại Thừa mà từ trước, không có thành tựu nên đề xuất phương tiện khéo léo, nhằm giúp đỡ những người ấy.

*b. Ba bậc, Mười vị*

以 諸 勝 解 行,

*Dĩ chư Thắng Giải hạnh;*

廣 集 二 資 糧;

*Quảng tập nhị Tư Lương;*

經 一 無 數 劫,

*Kinh nhất vô số kiếp,*

證 入 於 聖 位

*Chứng nhập u Thánh Vị.*

Bằng các hạnh Thắng Giải, Tập hợp hai Tư Lương;

Trải một vô số kiếp,

Chúng được vào bậc Thánh.

- **Nói rõ tu tiến vào ba mươi cấp bậc của đại vô số kiếp thứ nhất.**

- **Phát Tâm Trụ là bắt đầu của ba đại vô số kiếp.**

Tu tập Tín Tâm thành tựu, tiến vào Trụ thứ nhất của Thập Trụ là Phát Tâm Trụ. Từ đây chắc chắn tiến tu đạo Đại Thừa. Dựa vào căn tánh thông thường mà nói, đến đây đạo Bồ Tát đã có một thời hạn nhất định, bắt đầu tiến vào ba đại vô số kiếp.

- **Lược nói cấp bậc của ba mươi vị.**

- ***Nêu tên gọi của ba mươi vị***

Trong phương diện này, kinh nói có ba mươi vị.

- ✓ Thập Trụ: Phát Tâm, Trị Địa, Tu Hành, Sanh Quý, Phương Tiện Cụ Túc, Chánh Tâm, Bất Thối, Đồng Chân, Pháp Vương Tử, Quán Đảnh.
- ✓ Thập Hạnh: Hoan Hỷ, Nhiều Ích, Vô Khuê Hận, Vô Tận, Ly Si Loạn, Thiện Hiện, Vô Trước, Tôn Trọng, Thiện Pháp, Chân Thật.
- ✓ Thập Hồi Hương: Cứu Hộ Nhất Thiết Chúng Sanh ly Chúng Sanh Tướng, Bất Hoại, Đẳng Nhất Thiết Phật,

Chí Nhất Thiết, Vô Tận Công Đức Tạng, Tùy Thuận Bình Đẳng Thiện căn, Tùy Thuận Đẳng Quán nhất Thiết Chúng Sanh, Như Tướng, Vô Phược Vô Trước Giải Thoát, Pháp Giới Vô Lượng.

- ***Ba mươi cấp bậc là vị Thắng Giải Tư Lương của Phàm vị.***

Ba cấp, ba mươi vị này gọi chung là Thắng Giải Hành Địa. Bởi vì những vị này còn chưa hiện chứng Pháp Tánh nên phải dùng các Thắng Giải để tu hành. Trong ba mươi vị này rộng tu Lục Độ, Tứ Nhiếp để chứa nhóm phước đức, trí huệ; đó là hai loại Tư Lương to lớn vô biên, cho nên gọi là Tư Lương vị.

- ***Trải qua một đại vô số kiếp tiến tu đến Thánh vị.***

Việc tiến tu của ba mươi vị này, trải qua thời gian dài một đại vô số kiếp; mới có thể viên mãn và tiến đến chứng ngộ Thánh vị Vô Lậu Hiện Hành; đó là Hoan Hỷ Địa.

- **Bồ Tát khi chưa vào Thánh Vị, phần nhiều ở nhân gian.**
  - **Nêu ví dụ tu theo cách Quán Huê từ vị Tư Lương đến vị Gia Hạnh.**

Ba cấp bậc này dựa vào kinh Bồ Tát Bản Nghiệp Anh Lạc:

- Thập Trụ chú trọng vào việc tu tập thành tựu Không Tánh Thắng Giải, an trụ trong Thắng Nghĩa.

- Thập Hạnh chú trọng vào quán sát Giả Danh Hữu tức Không, bằng Tâm Đại Bi làm lợi ích cho chúng sanh.
- Thập Hồi Hương chú trọng vào quán huệ Không, Giả bình đẳng.
- Khi kết thúc ở Thập Hồi Hương, tùy theo học giả Hữu Bộ, Du Già lập ra thứ tự hiện quán: Noãn, Đảnh, Nhân, Thế Độ Nhất gọi là Tứ Da Hạnh, còn có tên là Da Hành vị.
- **Bồ Tát quả báo sanh làm Luân Vương, thi hành chính trị nhân từ, đem đến lợi ích cho mọi người.**

Tu hạnh Bồ Tát, lợi tha trước nhất, cho nên trong ba mươi vị Bồ Tát này, phần nhiều ở nhân gian làm lãnh tụ chính trị, thi hành chính trị nhân từ, đem lại lợi ích cho mọi người. Do công đức nhiều, ít mà có quốc vương lớn, nhỏ khác nhau.

Thập Thiện Bồ Tát, phần nhiều quốc vương nhỏ và dùng võ lực thống lãnh, thi hành chính trị nhân từ, gọi là Thiết Luân Vương.

Thập Trụ Bồ Tát phần nhiều thống lãnh hai châu, gọi là Đồng Luân Vương.

Thập Hạnh Bồ Tát phần nhiều thống lãnh ba châu, gọi là Ngân Luân Vương.

Thập Hồi Hương Bồ Tát phần nhiều thống lãnh bốn châu, không dựa võ lực cai trị, gọi là Kim Luân Vương.

Kỳ thật, tu tập Thập Tín mà thất bại, gọi là Bại Hoại Bồ Tát (Bồ Tát thua, hư hỏng), đa số chiêu cảm quả báo làm quốc vương, thì hành chính trị lương thiện, đem lại lợi ích cho nhân dân.

- **Bồ Tát ở phàm vị và thánh vị đều không lìa bỏ nhân gian để thật hành Chánh pháp.**

Vì vậy, việc đầu tiên của Bồ Tát mới học Đại Thừa là ở tại nhân gian phần nhiều, không bỏ những pháp chân chính của nhân gian.

Chờ đến khi chứng ngộ Thánh Vị, mới đi khắp Trời, Người, tùy cơ cảm hóa, ứng hiện độ sanh.

### c. Cấp bậc Thập Địa

#### Hoan Hỷ Địa

初住極喜地,	<i>Sơ trụ cực hỷ địa,</i>
生諸如來家,	<i>Sanh chư Như Lai gia,</i>
斷除三種結,	<i>Đoạn trừ tam chủng kết,</i>
施德最增勝.	<i>Thí đức tối tăng thắng.</i>
Sơ trụ Cực Địa Hỷ,	Sanh vào nhà Như Lai
Dứt ba loại phiền não,	Thí đức là tột bậc.

- **Lược nói các công đức của Sơ Địa.**

Bồ Tát ở trong nhân địa, đã hiện chứng Pháp Tánh có mười địa, cũng gọi là mười Trụ Địa.

- **Sơ địa mới chứng một phần công đức của Pháp Tánh nên gọi là Hoan Hỷ Địa.**

Sơ Trụ Địa gọi là Cực Hỷ Địa, cũng gọi là Hoan Hỷ Địa

- **Địa giống như Pháp Tánh có khả năng sanh ra vô vàn công đức.**

Địa có nghĩa là sanh ra công đức, hiện chứng Pháp Tánh, dựa vào Pháp Tánh sanh ra vô vàn công đức vô lậu, cho nên cũng gọi là Pháp Giới; giống như dựa vào đất mà sanh ra cỏ cây, trân bảo.

- **Sơ địa là vị Kiến Đạo gọi là Tâm Bồ Đề Thắng Nghĩa (diệu lý).**

Sơ địa là Bồ Tát vào ngôi vị Kiến Đạo, hiện chứng Pháp Tánh.

Tâm Bồ Đề và Pháp Tánh tương ưng, gọi là Tâm Bồ Đề Thắng Nghĩa.

Đã từng phân chứng Vô Thượng Bồ Đề, cho nên, cũng có thể gọi là thành Phật từng phần. Lúc ấy, vui mừng rất đổi; giống như mới được Định, cũng vui mừng nhảy nhót như vậy.



- ***Vừa chứng Tánh của bậc Thánh, thành Như Lai với tất cả công đức, vui mừng không thể so sánh.***

Bồ Tát mới chứng Tánh của bậc Thánh, có được Tâm Xuất Thế, nếm được niềm an lạc, lìa xa hệ lụy mà, từ xưa đến nay, chưa từng có; quán sát tất cả công đức của Như Lai, chính mình cũng có phần, có thể được, có thể thành; cho nên, có được niềm an lạc không gì sánh nổi.

○ ***Lược nói vào Sơ Địa có vô số thắng đức.***

- ***Thấu rõ Pháp Tánh Không, không có các sợ hãi.***

Do thông đạt Pháp Tánh Không, không còn: “sợ không sống; sợ tiếng xấu; sợ chết; sợ đọa vào đường ác; sợ oai đức của đại chúng”

- ***Được sanh vào nhà Như Lai là con Phật chân chánh.***

Đi vào Sơ Địa, gọi là sanh vào nhà của chư Như Lai. Như Lai là tất cả Phật. Bồ Tát lấy Bát Nhã Ba La Mật (Trí Độ) làm mẹ, Phương Tiện làm cha, chứng Pháp Thân Phật từng phần. Từ đây mới gánh vác được gia nghiệp của Phật, làm rạng rỡ dòng giống của Phật, không để gián đoạn, mới là con Phật chân chánh; cho nên nói là sanh vào nhà Như Lai.

- ***Cắt đứt phiền não bằng Kiến Đạo.***

Nói chung, chúng Pháp Tánh thì cắt đứt được phiền não. Bồ Tát ở vị Sơ Địa đoạn trừ là tất cả phiền não của Kiến Đạo Sở Đoạn (do Kiến Đạo mà cắt đứt được mê hoặc; Phiền não và Sở Tri chướng). Nói vắn tắt: Đoạn trừ ba loại phiền não: Thân Kiến, Giới Cấm Thủ; Nghi.

✓ Giống như Nhị Thừa đều cắt đứt hai chấp phiền não chướng thuộc Ngã, Pháp.

Trung Quán thì nói: Chấp Ngã, Chấp Pháp đều là phiền não chướng; Đại Thừa, Tiểu Thừa đều cắt đứt.

✓ Không giống như Nhị Thừa chỉ đoạn Tập Khí để thành Phật.

Khác nhau ở chỗ:

- Thanh Văn quán trực tiếp Vô Ngã, Vô Ngã Sở cắt đứt mê lầm (phiền não), chứng được chân lý Tứ Đế, không nhất định phải quán sát sâu sắc Pháp Không; cho nên không thể cắt đứt Tập Khí (vọng hoặc gồm: Hiện Hành, Chủng Tử, Tập Khí); đó là Sở Tri Chướng.
- Nhưng Bồ Tát thì: Sơ học đã thấu rõ Pháp Tánh Không, chọn lựa một cách tinh vi, sâu sắc về Tứ Đế; sau quán Vô Ngã, Vô Ngã Sở và chứng ngộ Pháp Tánh Không; cho nên mới cắt đứt được ba kết (Kiến kết= Ngã Kiến, Giới Thủ

Kết= Hành Tà Giới; Nghi Kết= Nghi Tứ Đê. Ba kết gọi chung là Kiến Hoặc. Dứt Kiến Hoặc chứng quả Dự Lưu); hơn nữa, có thể cắt đứt Tập Khí. Tập Khí hoàn toàn thanh tịnh thành Phật.

▪ ***Việc làm ở ngôi vị Sơ Địa vượt bậc hơn cả là Bồ Thí.***

Dựa theo hạnh tu của Bồ Tát mà nói, đương nhiên là Tự Lợi, Lợi Tha, rộng tu Lục Độ, Tứ Nhiếp Pháp, vô số pháp môn.

Nhưng ý nghĩa đặc biệt trong kinh nói; Bồ Tát ở Sơ Địa bồ thí Công Đức là hơn hết, cũng gọi là Bồ Thí: Ba La Mật Đa viên mãn. Bồ Tát Sơ Địa không thể không thí xả như vậy. Công đức của từng địa, từng địa rộng lớn vô cùng, như kinh Thập Địa... nói rõ.

• **Dẫn chứng luận, nói sơ về công đức của Sơ Địa.**

Bồ Tát Long Thọ đã từng tóm tắt công đức của Sơ Địa mà nói rằng “Sơ Địa gọi là Hoan Hỷ, ở trong niềm vui ít có; do ba Kết diệt sạch nên sanh trong nhà Phật. Nhờ quả báo địa này, hiện giờ tu Bồ Thí Đáo Bỉ Ngạn, đối với hằng trăm Đức Phật trong thế giới, được tự tại bất động. Ở châu Diêm Phù làm đại Chuyển Luân Vương; thường chuyển Bảo Luân và Pháp Luân ở thế gian”.

## Ly Cầu Địa

戒德滿清淨, *Giới đức mãn thanh tịnh,*

名為離垢地。 *Danh vi Ly Cầu Địa.*

Giới đức đã thanh tịnh, Gọi là Địa Ly Cầu

### • Địa thứ hai giữ giới tốt nhất

Bồ Tát ở địa thứ hai, ở trong mười Ba La Mật, tốt nhất là Giới Ba La Mật Đa, công đức giữ giới thanh tịnh vẹn toàn.

### • Lấy mười điều thiện làm cho ba nghiệp đạt được thanh tịnh, gọi là Ly Cầu Địa.

Giới chính là Thập Thiện Hạnh, như kinh Thập Thiện nói: Bồ Tát ở địa thứ hai, tự tu Thập Thiện, cũng dạy người tu Thập Thiện.

Bằng Tâm Đại Thừa thực hiện mười hạnh Thiện rộng lớn, đạt được thanh tịnh vẹn toàn của ba Nghiệp Thân, Khẩu, Ý; không còn như Sơ Địa, vẫn có sai phạm vi tế, làm cho Giới bớt đi thanh tịnh, cho nên, gọi là Ly Cầu Địa.

## Phát Quang Địa

發光地忍勝, *Phát quang địa Nhẫn Thắng,*

慧火除諸冥。 *Huệ hỏa trừ chư minh.*

Phát Quang Địa, Nhẫn Thắng; Lửa Huệ trừ tối tăm.

- **Lược nói sự khác nhau về hạng mục tu tập của sáu Địa trước.**

Trong sự thuyết minh công đức tu tập của từng địa, có hai hạng mục của lịch trình tiến tu, điều hòa với nhau.

○ **Dùng Lục Địa giải thích Lục Độ**

Dựa theo Thập Địa tu Thập Ba La Mật Đa mà nói sáu Địa trước là Thí, Giới, Nhẫn, Cần, Định, Huệ.

○ **Dùng Lục Địa giải thích Pháp Lành của năm Thừa công pháp và ba thừa công pháp.**

Nhưng còn có:

- Sơ, Nhị, Tam Địa tu Bồ thí, Giới Thiện, Thiên Định; đây là dùng Tâm Đại Thừa, thực hành pháp lành của thế gian cùng tu chung với Năm Thừa.
- Tứ, Ngũ, Lục Địa tu ba mươi bảy Đạo Phẩm, Tứ Đê, Duyên Khởi; đây là dùng Tâm Đại Thừa, thực hành pháp lành của xuất thế gian cùng tu chung với Tam Thừa.

○ **Vì thiết lập cấp bậc của mười Địa, giữa Ba, Bốn, Năm Địa nên có chênh lệch chút ít.**

Như vậy, hạng mục tu tập của Địa Ba, Bốn, Năm thì có chênh lệch chút ít. Điều này xảy ra chỉ vì thiết lập cấp bậc của mười Địa mà khéo léo nói rõ như vậy; kỳ thật, mỗi Địa

đều có tất cả pháp môn tu tập viên mãn. Vì thế, sự chênh lệch chút ít này không ảnh hưởng lớn đến Tông Chỉ.

**Biểu Đồ**

<u>Lục Độ</u>			<u>Ngũ Thừa, Tam Thừa</u>		
Sơ Địa	Bồ Thí	.....	Bồ Thí		Pháp Lành thế gian chung 5 Thừa
Nhị Địa	Trì Giới	.....	Thập Thiện		
Tam Địa	Nhẫn Nhục	.....	Thiền Định		
Tứ Địa	Tinh Tán	.....	37 Đạo phẩm		
Ngũ Địa	Thiền Định	.....	Tứ Thế		
Lục Địa	Bát Nhã	.....	Duyên Khởi		

Thứ ba là Phát Quang Địa, trong 10 Độ thì Nhẫn Ba La Mật Đa là vượt trội, trọn vẹn.

• **Thứ 3 Phát Quang Địa, Nhẫn Ba La Mật vượt trội.**

Thứ ba là Phát Quang Địa, trong mười Độ thì Nhẫn Ba La Mật Đa là vượt trội, trọn vẹn.

Vì sao gọi là Phát Quang?

○ **Địa ba có thể thọ trì Phật pháp, siêng tu Định học**

Bởi Bồ Tát Địa thứ ba cần cầu Phật pháp, được nghe, gìn giữ Đà La Ni, có thể giữ gìn tất cả Phật pháp, còn siêng năng tu Định học: Tứ Thiên, Tứ Vô Sắc Định, Tứ Vô Lượng Định.

○ **Do hai lực khiến lửa Huệ như ánh sáng xua tan tối tăm nên gọi là Phát Quang Địa.**

Do được nghe và sức tu Định, Huệ tăng trưởng, ánh sáng bùng lên như ngọn lửa, tiêu tan bao lớp tối tăm.

Nếu thọ trì Phật pháp mà còn gì không sáng tỏ, cũng sẽ được trừ sạch.

Người đã đi sâu vào Định thì không còn bị Tà Tham, Tà Sân, Tà Si che khuất, tối tăm và khởi lên trở lại, Tâm sáng suốt càng sáng tỏ và vắng lặng hơn.

### Diệm Huệ Địa

進滿修覺分,                      *Tiến mãn tu giác phần,*

焰慧見無餘。                      *Diệm Huệ kiến vô dư.*

Tiến tu trọn giác phần,                      Diệm Huệ kiến vô dư.

● **Địa bốn chuyên tu tinh tấn và giác phần.**

Bồ Tát ở địa thứ tư, tu tập theo mười Ba La Mật Đa mà nói, tinh tấn Ba La Mật Đa tròn đầy.

Theo địa bốn, năm, sáu tu chung Pháp Tam Thừa mà nói thì tu tập ba mươi bảy giác phần (phẩm Trợ Đạo).

- **Nhờ hai lực làm cho ánh sáng Trí Huệ giống như ngọn lửa nên gọi là Diệm Huệ Địa.**

Nhờ siêng năng tu tập ba mươi bảy phẩm Trợ Đạo, ánh sáng Trí Huệ giống như ngọn lửa rực rỡ bốc lên; dựa vào Ngã Kiến rồi Cháp Ngã, Cháp Pháp, Cháp bao nhiêu Ái Nhiễm, giống như lửa thiêu đốt củi, vĩnh viễn tiệt diệt, không sót mảy may; cho nên gọi là Diệm Huệ Địa.

### **Nan Thắng Địa.**

難勝靜慮勝,                      *Nan Thắng tĩnh lực thắng,*  
善達諸諦理。                      *Thiện đạt chư Đế Lý.*

Nan Thắng: Thiên Định Thắng; Thấu đáo Tứ Đế Lý.

- **Địa năm chuyên tu Thiên Định và Tứ Đế.**

Địa năm gọi là Nan Thắng Địa.

Tu theo mười Ba La Mật Đa mà nói Tĩnh Lực Ba La Mật Đa vượt trội, tròn đầy.

Tu theo Thánh pháp của chung Ba Thừa mà nói có thể thông đạt cái Lý Tứ Đế một cách khéo léo.

- **Địa năm chứng được Hạnh Vô tướng Bất Nhị Có, Không.**



Vì sao gọi là Nan Thắng? Địa này trải qua gian nan lắm mới có thể đến được.

○ **Năm Địa về trước thường không đồng thời Có, Không.**

Đạt đến cái gì?

- ***Năm địa về trước chỉ dựa vào sức thấu hiểu mà biết được các Hành như ảo hóa.***

Từ trước khi Sơ Địa hiện chứng Pháp Không Tánh, diệt sạch tất cả tướng Hý Luận, cho nên nói: “Bát Nhã Ba La Mật có khả năng diệt các Tà Kiến, Phiền não, Hý luận đến Rốt Ráo Không”.

Chờ đến khi chứng được Thiên Định Chân Chánh, rồi khởi lên thì Tướng Có lại đến nữa; hoặc là Trí Hậu Đắc Vô Phân Biệt, hoặc là Thiện Huệ Phân Biệt, cho nên nói: 方便將出畢竟空: Phương Tiện tương xuất Tất Cảnh Không, Phương Tiện vừa xuất hiện thì Rốt Ráo Không; thanh tịnh thế giới Phật, an lạc tâm chúng sanh.

Khi ấy, tuy nói có thể thấu hiểu các Hành (tạo tác của thân, khẩu, ý. Hay tâm theo cảnh) như ảo hóa, kỳ thật, là dựa vào sức Thắng Giải chứ không phải cái Thấy hiện tiền như Thật. Bởi vì cái Biết dựa vào Cảnh, dường như có Thật Tánh, đó là Tướng Hý Luận, giống như hiện ra trước mặt; nhưng trải qua

hiện chứng Không Tánh Bát Nhã, dựa vào sức của Huệ Tánh Không thì hiểu rõ được Vô Tánh như ảo hóa mà thôi.

- ***Nêu ví dụ: Mây bay Trăng chuyển để nói rõ năm Địa trước Có, Không không đồng bộ.***

Ở đây có thể nêu ví dụ để nói: Nếu nhìn lên bầu trời, thấy Mây bay trăng chuyển thì biết đó là sự di động của áng mây bông bênh, chứ không phải là sự chuyển dịch của mặt trăng. Nhưng từ kinh nghiệm của cơ quan cảm giác, xuất phát từ Căn và Thức thì lại là mặt trăng đang di động. Đây chỉ là điều phân định thông qua Ý Thức; cho nên, biết rằng chỉ có mây chuyển động thôi.

Tâm, Cảnh của Bồ Tát, đối với năm Địa trước cũng như thế. Khi thấy Tánh Không, lìa tất cả Tướng, không thấy tất cả Pháp. Đợi đến khi thấu đạt Pháp Tướng, lại lìa bỏ cái Chứng Tri về Không Tánh. Không, Có vẫn không đồng bộ như thế; Còn, Mất luôn hỗ tương.

- Năm Địa trải qua tu tập lâu dài mới đạt được Không, Có Bất Nhị, cho nên gọi là Nan Thắng Địa.

Do không ngừng tu chứng Huệ Tánh Không nên sức Bát Nhã càng mạnh; lúc này mới có thể thấy tất cả pháp hữu vi hiện tiền, lìa bỏ tướng thật hữu của Hý Luận; thật sự, có thể

quán chiếu vừa ảo hữu của Vô Tự Tánh, vừa Vô Tự Tánh Không của ảo hữu. Đây mới thật sự là Chân, Tục vô ngại; Không, Hữu bất nhị. Kết quả này phải trải qua thời gian tu tập lâu dài mới đạt được, nên gọi là Nan Thắng.

- *Sơ Địa là cửa ải Phàm Thánh; Năm Địa là cửa ải Đại Thừa, Tiểu Thừa; vượt ngoài Tâm, Cảnh của Tiểu Thừa.*

Hiện chứng Không Tánh từ Sơ Địa trở về trước là cửa ải của Phàm và Thánh; hiện tại còn thông qua cửa ải thứ hai, có thể nói là cửa ải của Đại Thừa và Tiểu Thừa. Bởi vì hiện chứng Không, Hữu Bất Nhị mới không khởi lên ý chán ghét đối với Sanh, Tử; không khởi lên ý vui mừng đối với Niết Bàn; thật là có khả năng Không trụ Sanh, Tử, Không trụ Niết Bàn, siêu việt Tâm, Cảnh của bậc Thánh Tiểu Thừa.

### Hiện Tiền Địa

第六現前地, *Đệ lục Hiện Tiền Địa,*  
 慧勝住滅定, *Huệ thắng trụ Diệt Định,*  
 佛法皆現見, *Phật pháp giai hiện kiến,*  
 緣起真實性。 *Duyên Khởi Chân Thật Tánh.*  
 常寂常悲念, *Thường tịch thường bi niệm,*  
 勝出於二乘。 *Thắng Xuất ư Nhị Thừa.*

Thứ sáu Địa Hiện Tiền,      Huệ Thắng trụ Diệt Định,  
 Phật pháp đều hiện thấy,      Thật Tánh là Duyên Khởi.  
 Tịch tĩnh, Bi niệm luôn,      Vượt thoát hơn Nhị Thừa.

• **Địa sáu Trí Huệ vượt trội trụ Diệt Định.**

Tiến tu đến địa thứ sáu Hiện Tiền, dựa theo thuyết tu tập của mười Ba La Mật Đa thì Bát Nhã – Trí Huệ - là vượt trội, tròn đầy. Đến đây, Bồ Tát ở trong Định Diệt Tận.

○ **Địa sáu vào Diệt Định, Phật pháp hiện ngay trước mắt, nên gọi là Hiện Tiền Địa.**

▪ ***Định Diệt Tận giống Tướng Niết Bàn, Bi Nguyện không đủ để rơi xuống Tiểu Thừa.***

Định Diệt Tận là định hơn hết, Tâm Thức hữu lậu đều nhờ định này mà không sanh khởi.

Nếu bậc Thánh Nhị Thừa vào Định Diệt Tận thì cho là đã chứng được Thực Tế (Niết Bàn) nên sanh khởi ý tưởng vào Niết Bàn.

Kinh Lăng Già nói: Tiểu Thừa say rượu Tam Muội cũng chính là vào Diệt Tận Định. Vì vậy trong kinh Bát Nhã, Phật khuyên các vị Bồ Tát, nếu sức mạnh của Bi Nguyện không đủ, không nhất thiết vào Diệt Tận Định để tránh rơi xuống Tiểu Thừa.

- ***Trí Huệ của Bồ Tát ở Địa thứ sáu đầy đủ, có thể vào Diệt Tận Định.***

Nhưng Bồ tát đã đến địa thứ sáu, ở Trí Huệ Bát Nhã, giữ gìn tư lương là Nguyên Đại Bi, có thể vào Định Diệt Tận và hơn nữa ở trong định hiện chứng Pháp Tánh. Lúc ấy, Phật pháp hiện ra trước mặt, thấy rõ ràng toàn triệt, cho nên gọi là Hiện Tiền Địa.

- ***Đến địa sáu thì Không, Có; Bi, Trí không hai; đây là Trí chứng không chung với Nhị Thừa.***

Ở trong Không Huệ thăm sâu này, Tánh Chân Thật của Duyên Khởi, cũng chính là Áo Hữu tức Không, Không tức là Áo Hữu, không hai, bình đẳng cũng có thể thấy rõ thấu suốt. Địa thứ năm tuy có thể đạt đến quán chiếu đồng thời Chân, Tục nhưng, điều này rất khó được.

Đến Địa thứ sáu, chỉ cần tu nhiều Vô Tướng Tác Ý, thì sẽ hiện chứng Trung Đạo Duyên Khởi vô ngại Không, Có. Vì vậy, Bồ Tát ở Địa thứ sáu có thể Thường Tịch, cũng có thể Thường Bi Niệm chúng sanh. Thường Tịch là hiện chứng Bát Nhã; cho nên, đây là Đại Bi, Bát Nhã không hai, là pháp thù thắng riêng của Đại Thừa và vượt qua, siêu xuất Trí Chứng của Nhị Thừa.

• **Địa sáu cũng tu Quán Nhất Tâm Duyên Khởi nhiều.**

Địa sáu tu Quán Duyên Khởi nhiều. Do Duyên Khởi và Không tương ưng, cho nên cũng đã đến được Pháp Phật hiện tiền, nghĩa là Chứng Cảnh của Trung Đạo.

○ **Nhất Tâm Duyên Khởi của Hoa Nghiêm giống Nhất Niệm Duyên Khởi của Hữu Bộ.**

- Hữu Bộ của Tiểu Thừa nói: Duyên Khởi có bốn loại, có tên là Nhất Niệm Duyên Khởi, cho rằng mười hai Duyên Khởi không nhất định nói về Ba Đời chính là Một Niệm Trong Tâm cũng có thể an lập được.
- Phẩm Thập Địa của kinh hoa Nghiêm nói rõ và rộng về Duyên Khởi ở trong Địa thứ 6, cũng nói về Nhất Niệm Duyên Khởi này; như nói: “Ba cõi hư vọng, nhưng từ Một Tâm tạo ra. Mười hai duyên phần đều nương tựa vào Tâm...”. Giải thích, nói chung, tương đồng với Hữu Bộ.

○ **Nhất Tâm Duyên Khởi cũng ảnh hưởng đến Duy Tâm Luận của Đại Thừa.**

Ý nghĩa của một pháp này thích ứng với căn cơ và học phong của Duy Tâm Luận, đã triển khai Duy Tâm Luận của Đại Thừa có sức ảnh hưởng phi thường. Thật là Phật pháp không thể nghĩ bàn!

**Viễn Hành Địa.**

遠行於滅定,

Viễn Hành ư Diệt Định,

念念能起人;                    *Niệm niệm năng khởi nhập;*  
 方便度熾然,                    *Phương tiện độ xí nhiên,*  
 二僧祇劫滿。                    *Nhị tăng kỳ kiếp mãn.*

Viễn Hành ở Diệt Định,            Vào, Ra trong từng Niệm;  
 Phương tiện vượt ba cõi,           Hai tầng kỳ kiếp tròn.

- **Đã đến Địa thứ bảy. Viễn Hành lại càng vi diệu, sâu sắc. Có thể ở trong Định Diệt Tận và vào, ra trong từng niệm.**

Vào Định, Ra Định bình thường đã đến vị Siêu Tác ý cũng có được phương tiện. Nhưng hiện tại, từng niệm có thể ra, vào nhanh chóng. Đây không những là cần vào thì vào, cần ra thì ra; mà là, vào chính là ra, ra chính là vào. Như kinh Duy Ma Cật nói: “Không vào Diệt Định mà biểu hiện các oai nghi”.

- **Địa bảy Vô Tướng, có Công Dụng Hạnh vượt hơn Địa thứ sáu.**

Do sự mâu nhiệm, sâu thẳm của Định; Bát Nhã dựa vào Định cũng đã đến cảnh giới Vô Tướng Hữu Công Dụng Hạnh.

- Đã nói ở trên, từ Sơ Địa đến đây, Trí chứng ngộ Không Tánh là Vô Tướng, chỉ khi ra khỏi quán chiếu sâu thẳm

mới chính là Hậu Đắc Trí cũng còn có tướng hiện tiền. Chớ hiểu sai, cho có Tướng là Chấp trước.

- Địa năm khó có thể đạt đến Vô Tướng Hạnh của Không, Hữu Bất Nhị.
- Địa sáu tiến bộ nhưng chủ yếu tu nhiều Vô Tướng Tác Ý sẽ có thể hiện hành Vô Tướng, nhưng thời gian gián đoạn vẫn còn.
- Đã đến Địa bảy thì Vô Tướng Hiện Hành, có thể không gián đoạn nữa.
- **Địa bảy, Phương tiện độ là hơn hết; như lửa thiêu đốt ba cõi.**

Theo thuyết mười Ba La Mật Đa, Bát Nhã Ba La Mật Đa thứ sáu, chú trọng Thật Trí. Từ đây về sau có bốn Ba La Mật Đa: Phương Tiện, Nguyện, Lực, Trí đều là Diệu Dụng thuộc Phương Tiện của Bát Nhã. Vì thế, nếu nói sáu Ba La Mật Đa thì bốn Ba La Mật Đa sau này đều ở trong Bát Nhã.

Theo thuyết Thập Độ thì Phương Tiện Độ ở trong Địa Thứ bảy, cực kỳ thù thắng, như lửa càng lúc càng bùng cháy.

- **Địa bảy đã đến gần hết hai A tăng kỳ kiếp của Hạnh Vô Tướng nên gọi là Viên Hành.**

Dựa theo thời gian tu hành mà nói, đến Địa thứ bảy là hoàn tất, A tăng kỳ thứ hai đã hoàn mãn.

- Theo thời gian chia ba đại A tăng kỳ kiếp.



Sự khác nhau của ba đại A tăng kỳ kiếp, với ý nghĩa đặc thù.

- Từ phát tâm thành tựu, tu tập đến khi sắp vào hiện chứng Không Tánh là A tăng kỳ kiếp thứ nhất.
  - Về sau là bậc thánh, tiến vào A tăng kỳ kiếp thứ hai.
  - Địa bảy hoàn tất đã sắp xong Vô Tướng Hạnh hoàn toàn thanh tịnh, cho nên A tăng kỳ kiếp thứ hai viên mãn.
  - Về sau đi vào A tăng kỳ đại kiếp thứ ba.
- **Phối hợp giải thích ba đại kiếp, từ Hữu Tướng đến Vô Tướng.**

Kinh nói: Địa bảy giống như vùng đệm giữa hai quốc gia.

- Từ Địa sáu về trước, khi tu còn Hữu Tướng.
- Tập Hành giữa Hữu Tướng và Vô Tướng.
- Vô Tướng mà còn Công Dụng Hạnh.
- Về sau, hoàn toàn Vô Tướng, Vô Công Dụng Hạnh.

Địa bảy đã sắp hoàn tất, cho nên gọi là Viên Hành.

### Sơ đồ

Hữu Tướng Hành	Từ phát tâm thành tựu đến sắp vào hiện chứng Không Tánh	Vô số Đại Kiếp Thứ nhất
Tập hành giữa Hữu Tướng và Vô Tướng	Từ Địa 1 đến Địa 4 Không, Có không đồng thời	2 vô số Đại Kiếp

Vô Tướng vẫn còn có Công Dụng Hạnh	Địa 5 bắt đầu đến được Không, Có không hai	
	Địa 6, Vô Tướng Hạnh gián đoạn nhiều	
	Địa 7, Vô Tướng Hạnh không gián đoạn	
Vô Tướng, Vô Công Dụng Hạnh	Từ Địa 8 đến Địa 10	3 vô số Đại Kiếp

### Bất Động Địa

進 入 不 動 地,

*Tiến nhập Bất Động Địa,*

無 相 無 功 用,

*Vô Tướng, Vô Công Dụng,*

盡 斷 三 界 惑,

*Tận đoạn tam giới Hoặc,*

大 願 極 清 淨。

*Đại nguyện cực thanh tịnh.*

以 如 幻 三 昧,

*Dĩ Như Huyền Tam Muội,*

三 有 普 現 身。

*Tam hữu phổ hiện thân.*

Đi vào Bất Động Địa,

Vô Tướng, Vô Công Dụng.

Dứt hết Hoặc ba cõi, Đại nguyện rất thanh tịnh.

Lấy Tam Muội Như Huyền, Hiện thân khắp ba cõi.

- **Địa tám Vô Tướng, Vô Công Dụng không bị lay động với Phiền não và Công dụng, nên gọi là Bất Động Địa.**

Từ Địa bảy đi vào Địa tám, gọi là Bất Động Địa.

Tại sao gọi là Bất Động Địa?

Vô Tướng Hành của Địa thứ bảy, vẫn còn có Công Dụng; Địa tám thì Vô Tướng và Vô Công Dụng.

Đã đến đây, Trí Huệ, Công Đức đều theo sự vận hành của Địa mà tiến lên; phiền não cũng không khởi lên Hiện Hành nữa.

Không bị phiền não và Công dụng lay động, cho nên gọi là Bất Động.

- **Địa tám chứng được Vô Sanh Pháp Nhãn, dứt hết Hoặc trong ba cõi.**

Như người ở trong mộng đi qua sông, bằng tất cả kỹ năng, nhọc nhằn, sức lực vượt qua; bỗng tỉnh giấc, tất cả công dụng đều dừng lại.

- **Địa tám cắt đứt Hoặc giống như A La Hán.**

Phiền não trong ba cõi do tu đã cắt đứt, quá khứ chưa cắt hết nhưng không đến nổi, dẫn đến hiểm nguy. Bởi vì Bồ Tát,

đồng thời, không gấp rút cần cắt đứt Phiền não, mà chỉ cần không chế được nó thôi. Có lúc, còn có thể lợi dụng Phiền não để làm phương tiện tự lợi và lợi tha. Nhưng đi vào Địa thứ tám, Phiền não Chướng không cắt đứt mà tự nhiên cắt đứt; cho nên ở trong ngôi vị Bồ Tát Địa thứ tám chứng được Vô Sanh Pháp Nhãn, mới cắt đứt Hoặc trong ba cõi, giống như A La Hán.

○ **Địa tám, bằng Trí cắt đứt Phiền não, tuy giống như A La Hán nhưng vì hai lực mà không chứng Niết Bàn.**

- Từ Vô Tướng Hạnh của Bồ Tát ở Địa tám mà, chứng được Pháp Tánh Vô Phân Biệt và Vô Sanh Pháp Nhãn, có thể nói giống như A La Hán chứng nhập Niết Bàn. Và cắt đứt Phiền não ba cõi cũng giống như A La Hán; cho nên kinh Thập Địa nói: Bồ Tát đi vào Địa thứ tám là muốn vào Niết Bàn.
- Nhờ Lực gia trì của Phật, Lực bốn nguyện của Bồ Tát, đương nhiên, sẽ không giống như Tiểu Thừa vào Niết Bàn. Từ đây, chính thức đi vào Bồ Tát Đạo không cùng với Nhị Thừa. Bồ Tát ở Địa năm khó khăn lắm mới vào được cảnh giới sâu thẳm của Đại Thừa (Vô Tướng Hành) nhưng, đến đây mới hoàn toàn đạt được.
- **Địa Tám, Nguyện Độ rất thanh tịnh, dùng Như Huyền Tam Muội để hiện thân nói pháp.**

Theo thuyết Thập Độ, Đại Nguyện của Địa thứ tám cực kỳ thanh tịnh; cho nên có thể ở trong Vô Tướng, Vô Công Dụng

Hạnh khởi sanh Như Huyền Tam Muội; ở trong ba cõi hiện tất cả thân, nói tất cả pháp.

Giống như Phổ Môn Đại sĩ Bồ Tát Quan Thế Âm, nên dùng thân gì để độ được chúng sanh thì liền hiện thân ấy để nói pháp. Đây là cảnh giới của Bồ Tát có Hạnh Nguyên sâu rộng, từ Địa tám trở lên.

Trong Vô Tướng Hạnh, không những có thể biết Như Huyền Tam Muội mà còn, thị hiện Đại Nguyên Như Huyền (Tướng Vô Hý Luận) và Không Tánh, Bình Đẳng Bất Nhị. Bồ Tát Địa thứ tám hoàn toàn thực hành Hạnh Vô Tướng; vì vậy, nói Bồ Tát Địa thứ tám khởi sanh Như Huyền Tam Muội.

### Thiện Huệ Địa

善 慧 無 礙 解,      *Thiện Huệ vô ngại giải,*

圓 淨 一 切 力。      *Viên tịnh nhất thiết lực.*

Thiện Huệ hiểu thấu triệt,      Thanh tịnh tất cả lực.

- **Địa thứ chín dùng Bốn Trí Vô Ngại vì người khác nói pháp mà không thêm Công Dụng, nên gọi là Thiện Huệ Địa.**

Vô Tướng, Vô Công Dụng Hạnh đã đến Địa thứ chín Thiện Huệ, càng thêm vượt trội.

Tự chứng ngộ, không cần nói Vô Công Dụng mà, vì người khác nói pháp cũng có thể không đợi đến Công Dụng.

Bồ Tát Địa thứ chín chứng được bốn Trí Vô Ngại Giải (bốn Trí hiểu thấu suốt, không bị trở ngại): Pháp, Nghĩa, Từ, Biện; ở trong đại chúng nói pháp là vị đại pháp sư thứ nhất, giữ gìn, bảo vệ pháp tạng của Phật. Bồ Tát có khả năng dùng một thứ tiếng (âm) nói, tất cả pháp cho vô số căn tánh khác nhau của chúng sanh nghe được; nhất thời, nói pháp môn thích ứng với tất cả căn cơ, một cách tự nhiên mà không dụng công.

### • **Lực độ Địa thứ chín hoàn toàn thanh tịnh**

Ở trong mười Ba La Mật Đa, tất cả Lục Ba La Mật Đa của Địa thứ chín hoàn toàn thanh tịnh.

### **Pháp Vân Địa**

第十法雲地,	<i>Đệ thập Pháp Vân Địa,</i>
諸佛光灌頂,	<i>Chư Phật quang quán đỉnh,</i>
智增澍法雨,	<i>Trí tăng bành pháp vũ,</i>
長善如大雲。	<i>Trường Thiện như đại vân.</i>

Thứ mười Địa Pháp Vân; Hào quang Phật quán đánh.

Trí tăng, mưa Pháp ngập; Dài, đẹp như cầu mây.

- **Bồ Tát Địa thứ mười là con của Pháp Vương, hào quang Phật gọi đỉnh đầu, công đức viên mãn.**

Địa thứ mười gọi là Pháp Vân Địa.

- Như vương tử phong tước cho con mình làm thái tử ở Ấn Độ, chánh thức lên ngôi, phải cử hành lễ quán đảnh, lấy nước của bốn biển lớn, tưới lên đỉnh đầu của vương tử thì lễ lên ngôi mới hoàn thành. Lễ này giống như lễ đội vương miện thời cận đại.
- Bồ Tát đã đến Địa thứ mười là Pháp vương tử, ở ngôi vị Bồ Xứ, cũng cần viên mãn thành Phật. Việc này sẽ có mười phương chư Phật phóng đại quang minh lên đỉnh đầu của Bồ Tát. Đây là Phật quang quán đảnh, tượng trưng cho ánh sáng Trí Huệ, giác ngộ của chư Phật đi vào trong tâm của Bồ Tát; ánh sáng Trí Huệ, giác ngộ của Bồ Tát và của chư Phật không hai, không khác; cũng chính là tâm quý báu, giác ngộ của Bồ Tát, viên mãn thanh tịnh như Phật chứng được. Đây là tượng trưng cho sự thành Phật.
- **Trí Độ Địa thứ mười rất vượt trội, hiện thần thông nói pháp như mây rơi xuống thành mưa, nên gọi là Pháp Vân Địa.**

Vì sao gọi là Pháp Vân?

Bởi vì tu học trong mười Độ, Địa thứ mười thì Trí Ba La Mật Đa vượt trội; Trừ Phật, tất cả Trí Huệ, Thiện Căn của Bồ Tát chín địa còn lại, đều không thể tày. Vì vậy, không chỉ có

thể tự tại nói pháp, mà còn, có thể hiện thần thông khắp pháp giới để nói pháp độ sanh, như trận mưa lớn đem đến biết bao ích lợi cho loài hữu tình và vô tình.

Pháp vũ từ Pháp Vân đến, Bồ Tát thập địa là: “Từ Nguyên Lực sanh Đại Từ Bi, Phước Đức, Trí Huệ như vàng mây lớn; biểu hiện nhiều màu sắc sáng rõ, tươi đẹp; thông minh, vô úy tợ như điện, chớp; âm thanh nói ra dường như tiếng sấm vang lừng, hàng phục ma quân. Khoảnh khắc một niệm, đã nói pháp ở khắp cõi nước như vi trần, bằng trận mưa cam lồ, hương thiện”.

Vì thế, việc hiện thần thông nói pháp của Bồ Tát thập địa có khả năng nuôi lớn căn lành của tất cả chúng sanh, giống như vàng mây lớn, đúng lúc, mưa tuôn xuống vạn vật.

### **Biểu đồ ngôi vị tu tập theo Đại Thừa.**

Thập Tín	Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ, Thí, Giới, Hộ, Nguyên, Hồi Hương		
Hữu Tướng Hành	Thập Trụ	Phát tâm, Trị địa, Tu hành, Sanh quý, Phương tiện cụ túc, Chánh tâm, Bất thối, Đồng Chân Pháp vương tử, Quán đánh	Phàm phu Sơ A tăng kỳ kiếp
	Thập Hạnh	Hoan hỷ, Nhiên ích, Vô khuể hận, Vô tận, Ly si loạn, Thiện hiện, Vô trước, Tôn trọng, Thiện pháp, Chân thật	
Thắng giải hành địa	Thập hồi	Cứu hộ tất cả chúng sanh lìa Tướng chúng sanh, Bất hoại, Đẳng nhất thiết Phật, Chí	



	hướng	nhất thiết, Vô tận công đức tạng, Tùy thuận bình đẳng thiện căn, Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sanh, Như tướng, Vô phược vô trước giải thoát, Pháp giới vô lượng					
Cùng thực hành cả Hữu Tướng và Vô Tướng. Không, Hữu không cùng	Sơ địa	Sơ chứng Thánh Tánh đặc xuất Thế Tâm, Ly hệ lạc, Phần chứng vô thượng Bồ Đề vô tỷ Hoan Hỷ (còn liên quan giữa phàm và Thánh)	Bồ Thí	Bồ Thí	Pháp chung 5 Thừa	Kiên Hoặc dứt hết	Thánh nhân, Nhị A tăng kỳ kiếp
	Nhị địa	Ly Sơ địa chi	Trì giới	Thập Thiện		Tập Khí	

			vi tế					từ Sơ	
			Giới cầu					địa	
			Đắc văn					trở	
			trì Đà					lên,	
			La Ni,	Nhãn	Thiền			trừ	
			Cần tu	nhục	định			bỏ	
			thiền					từng	
			định					phần	
			Tinh cần						
			tập Giác						
			phần,						
			Vĩnh						
			diệt Ngã						
			Kiến						
			nhưng	Tinh	Đạo				
			Ngã	tân	phẩm				
			Pháp lại						
			đến 2						
			Chấp và						
			nhiều						
			thứ Ái						
			nhiễm						
Không	Vô		Vừa						
Hữu	Tướng		chứng						
Bất	hữu	Ngũ	được	Thiền					
Nhị	công	địa	Hạnh	định	Tứ Đế				
	dụng		Vô						
	hạnh		Tướng						

			Bất Nhị của Không, Hữu (liên quan Đại Thừa, Tiểu Thừa).						
		Lục địa	Vô Tướng hiện hành còn gián đoạn.	Bát Nhã	Duyên Khởi				
		Thất địa	Vô Tướng hiện hành không còn gián đoạn	Phương Tiện		Gom hết vào trong			Thánh nhân Tâm, A tăng kỳ kiếp
	Vô Tướng vô công dụng	Bát địa	Hiện hành hoàn toàn Vô tướng	Nguyện		Bát Nhã	Tự Hoặc dứt hết		

	hạnh		Vô công dụng, Chứng Vô Sanh Pháp Nhân, Bằng Tam Muội Như Huyền hiện tất cả thân.					
		Cứu địa	Tự chứng và lợi tha đều Vô công dụng, chứng 4 Trí Vô ngại giải, ở trong loài người nói pháp la đại	Lục				

			Pháp Sư thứ nhất.					
		Thập địa	Chư Phật quán đảnh ở ngôi vị Bồ Xứ, Trí hơn 9 địa trước. Bằng pháp vân mưa pháp vũ nuôi lớn tất cả căn lành	Trí				

### 5.3.2.2. Đốn, Tiệm tùy Căn Cơ

菩薩所修道,

*Bồ Tát sở tu đạo,*

三期歷十地。

*Tam kỳ lịch Thập Địa.*

頓入與漸入,

*Đốn nhập dĩ tiệm nhập,*

隨機有差別。

*Tùy cơ hữu sai biệt.*

Con đường Bồ Tát tu,

Mười Địa qua ba kỳ,

Vào mau hay vào chậm,

Khác nhau tùy căn cơ.

a. *Lại bàn con đường tu thành Phật có nhanh, chậm*

Con đường tu của Bồ Tát là Phát Tâm Bồ Đề, Thọ Giới Bồ Tát, Lục Độ, Tứ Nhiếp.

Thời gian Bồ Tát tu là ba đại A tăng kỳ kiếp.

Những ngôi vị trải qua, dựa theo chứng vào Pháp Giới Tánh mà nói là trải qua Mười Địa.

Điều này đã nói qua ở trên, nhưng còn một vấn đề cần giải thích.

- **Có thuyết khác nói về việc chọn ba đại A tăng kỳ kiếp.**
  - *Ở trong Đại Thừa, thành Phật nhanh hay chậm không giống nhau.*

Bồ Tát tu hành trong ba đại A tăng kỳ kiếp, vốn là quy định theo Phật giáo Thanh Văn, nhưng Đại Thừa thì không nhất định.

- Vì thế, luận Khởi Tín nói rằng kinh nói không nhất định là Phương Tiện nói; từ thành tựu Tín Tâm đến thành Phật, kỳ thật, nhất định trải qua ba đại A tăng kỳ kiếp.
- Nhưng cái Thấy (kiến đạo) trong luận của Bồ Tát Long Thọ không như vậy: Thành Phật hoặc nhanh hoặc chậm; nếu chậm thì trải qua vô lượng vô số tăng kỳ kiếp!
- **Hai loại kiếp không giống nhau, tạo thành nhanh, chậm sai khác.**

Cuối cùng, việc tu hành thành Phật, có hay không có sự khác nhau Nhanh, Chậm?

Ba đại A tăng kỳ kiếp, vốn có hai loại giải thích.

- **Thời gian kiếp:** Như thời gian bao nhiêu là một Tiểu Kiếp, tám Tiểu Kiếp là một Đại Kiếp. Đại Kiếp như vậy, dựa vào  $10 \cdot 10 = 100$ ;  $10 \cdot 100 = 1000$  và tiến dần lên, đến A tăng kỳ Đại Kiếp (có nghĩa là Vô Số, nhưng thật ra có Số Lượng).

Lại đếm đến ba A tăng kỳ Đại Kiếp, thời gian tu hành trải qua lâu như thế, mới có thể thành Phật viên mãn.

- **Đức Hạnh Kiếp:** Lấy công đức để tính. Điều này giống như lấy sản lượng làm kết quả của công việc, giống như tính công một ngày làm việc; phải có ba đại A tăng kỳ kiếp Công Đức của Đức Hạnh mới có thể thành tựu. Dựa theo Đức Hạnh mà nói thì thời gian thành Phật nhanh, chậm không giống nhau. Nếu lấy sản lượng của một người làm thủ công trong một ngày, so với sản lượng của một người dùng máy móc để làm ra thì rất khác nhau, về thời gian lẫn sản lượng.

- **Sự giống và khác của hai loại Kiếp.**

- **Dựa vào công đức để thành Phật thì giống nhau**

Vì thế, dựa vào công đức để tính ba đại A tăng kỳ kiếp, tất cả Bồ Tát tu hành thành Phật đều giống như thế.

- **Dựa vào thời gian để thành Phật thì khác nhau nhiều.**

Nhưng dựa vào thuyết thời gian thì khác nhau nhiều.

Dựa vào ý nghĩa của luận Bồ Tát Long Thọ, thông thường, như Phật Thích Ca, đều trải qua ba đại A tăng kỳ kiếp, có vị thời gian tu tập còn dài hơn; nhưng đặc biệt những vị lợi căn thì không cần lâu như vậy. Có lẽ bậc căn tánh như vậy, quá ít, cho nên, các vị Bồ Tát Mã Minh, Vô Trước đều không nói đến. Tóm lại, Đốn nhập và Tiệm nhập tùy vào căn cơ của Bồ Tát không giống nhau; kinh nói là “có sai biệt”.

*b. Dựa vào luận của Bồ Tát Long Thọ lấy ba hạng Bồ Tát hợp thành hai thuyết khác nhau.*

Hiện tại dựa vào Phẩm Vãng Sanh của Bồ Tát Long Thọ nói, Long Thọ còn phối hợp theo thứ tự với Nhập Định Bất Nhập Định Ấn Kinh để chỉ dạy sơ lược.

- **Lược nêu ba hạng Bồ Tát tu thành Phật có nhanh, chậm; chia năm loại khác nhau, qua Biểu Đồ.**

Phước mỏng, Căn chậm Tâm không vững (cưỡi Dê)	Phát tâm, tu vô lượng A tăng kỳ kiếp, hoặc đến hoặc không		
Phước ít, lợi căn (cưỡi ngựa)	Phát tâm, tu từ từ Lục Độ, 3 A tăng kỳ kiếp, thành Phật		
Phước nhiều, lợi	A, cưỡi	Phát Tâm,	Đánh vị



căn, Tâm vững		mặt trăng, mặt trời	vào vị Bồ Tát	
(cưỡi thân thông)		Phát Tâm nhỏ vào vị Bồ Tát		Đảnh vị
	B. Thanh Văn	Phát Tâm thành Phật chuyển pháp luân		Đảnh vị
	C. Như Lai	Phát Tâm Bát Nhã tu thành thực chúng sanh, ....		Địa thượng

Hạng thứ nhất: Phước mỏng, căn chậm tu vô lượng kiếp.

Như cưỡi Dê mà đi. Phát Tâm tiến lên, đi trong một thời gian rất lâu, có vị vẫn không thể đến. Như nói: “Bồ Tát phát Tâm lớn như ngư tử, như hoa am thọ; nhân của ba việc thì nhiều mà kết quả quá ít”. Đây có lẽ là căn tánh bình thường nhất!

Hạng thứ hai: Ít phước, lợi căn tu ba đại kiếp.

Như cưỡi ngựa (kinh nói như cưỡi voi) mà đi. Hoặc có vị tu ba đại A tăng kỳ kiếp hoặc có vị tu một trăm đại A tăng kỳ kiếp, mới có thể chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Hạng thứ ba: Phước lớn, lợi căn là Bồ Tát đi trên con đường Phương Tiện.

Như nương thân thông mà đi, trong hạng này có ba hạng:

○ **Phát Tâm thì chứng vị Bồ Tát.**

Kinh nói: Như nương thân thông sáng tỏ mặt trời, mặt trăng mà đi. Thầy Long Thọ còn chia hạng nữa:

Có vị mới phát Tâm lên ngay vị Bồ Tát.

Có vị tu hành ít nhiều mới lên vị Bồ Tát.

Ngôi vị Bồ Tát, tuy có nhiều giải thích, nhưng dựa vào kinh Bát Nhã nói thì Đánh Vị, không rơi lại đường ác, vào nhà hạ tiện, vào Nhị Thừa; theo thuyết hành vị của kinh Hoa Nghiêm nói là Phát Tâm Trụ (ngôi thứ nhất trong Thập Trụ).

○ **Phát Tâm liền vào Sơ Địa.**

Kinh nói như Thanh Văn đi bằng thân thông; vừa Phát Tâm liền thành đại Bồ Tát, tám tướng thành đạo. Sơ Địa chứng từng phần, có thể ở một trăm thế giới Phật, hiện thân tám tướng thành đạo.

○ **Phát Tâm liền vào Bát Địa.**

Kinh nói Như Lai đi bằng thân thông, mới phát Tâm liền tương ứng với Bát Nhã, thành thực chứng sanh, trang nghiêm

cõi Phật. Đây là đạo Phương Tiện của Bồ Tát. Sơ Địa trở lên đến Bát Địa.

- **Dựa vào Bồ Tát lợi căn mà nói, hoàn toàn không phát Tâm mà tức thì thành Phật.**

Điều này có thể thấy, sơ phát Tâm thì viên mãn thành Phật. Điều này, dù thế nào, cũng không thể được.

Phát Tâm thì vào Sơ Địa, chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, là có; còn có vị cao hơn, vừa phát Tâm thì Tự Lợi đã viên mãn rồi dùng đạo Phương Tiện độ chúng sanh.

Hạng thứ hai hoặc tu ba đại A tăng kỳ kiếp, Bồ Đề viên mãn. Đó là hàng tiệm cơ. Phật Thích Ca là hạng căn cơ này.

Sau ba hạng là hạng lợi căn, đốn nhập, nhưng ít có, khó được.

*c. Nguyên nhân chính của Nhanh, Chậm; Đốn, Tiệm là Chuẩn Bị trước khi Phát Tâm.*

Vì sao Căn Cơ có Tiệm có Đốn; thành Phật có Nhanh, có Chậm? Vấn đề nằm ở chỗ Chuẩn Bị Trước khi phát Tâm, không giống nhau.

- **Lược nói sự khác nhau, trước khi phát Tâm, của ba hạng Bồ Tát.**

- **Một là:** “Đời trước, Phước đức, Nhân duyên mỏng; mà còn Độn căn, Tâm không kiến cố”. Thảo nào, sau khi

phát Tâm, lâu bao nhiêu đều không thể đạt đến mục đích; như xưa nay, chưa từng tu học; tương tự phát Tâm để dự thi vậy.

- **Hai là:** “Đời trước, Phước đức, Lợi căn ít”. Điều này, giống như trong quá trình học kém một chút; nhưng trong quá trình học tập dài lâu nên kinh tích lũy nhiều kinh nghiệm; chỉ cần đừng bỏ học và mỗi năm đều dự thi thì sẽ có cơ hội trúng tuyển.
- **Ba là:** “Nhiều đời đến nay, luôn thích Chân Thật; ghét dối trá. Đó là Bồ Tát lợi căn, Tâm vững, đã tích tụ từ lâu vô lượng Phước đức, Trí Huệ”. Những vị này vừa phát Tâm Bồ Đề thì có thể chứng ngay ngôi vị cao; giống như người có trình độ cao, nghiên cứu sâu, thi là trúng tuyển ngay lần đầu.

Vì thế, học Phật, tốt nhất là chớ nói đến Độn thế nào, Tiệm ra sao; đó đều là lời sáo rỗng, vô nghĩa! Tốt nhất là tự hỏi mình: Chuẩn bị như thế nào!

- **Sơ lược nêu ra vô số kiến giải sai lầm của việc phát Tâm học Phật ở thời đại này.**

Người học Phật hiện đại (ở Trung Quốc, Việt Nam) có tư tưởng rất kỳ lạ, chưa từng xem xét suy nghĩ chính mình: Phước đức, Nhân duyên như thế nào? Căn cơ như thế nào? Phước huệ tư lương như thế nào?

- Phát Tâm học Phật, không thể không Đốn nhập, không thể không lập tức thành Phật. Không tự hỏi mình, bèn cho đây là đại pháp, pháp môn này dễ thành Phật. Điều này giống như không tự hỏi mình về quá trình học tập, về kinh nghiệm bản thân mà chỉ muốn ứng tuyển làm tổng thống, giống như làm thử thì được ngay ngôi vị nguyên thủ.
- Lại có một số người càng thêm nực cười! Thừa nhận căn cơ của mình chậm chạp (độn), nghiệp chướng nặng nề, trí huệ cạn kiệt, bèn cho không thể không tu pháp môn dễ thành Phật. Với những suy nghĩ này, so với Chánh Pháp không tương ứng!

Chân chánh muốn phát Tâm học Phật, phải từ gom góp Tu lương, thành tựu Lợi căn, Tâm chí vững vàng, ra sức nỗ lực Tu Học, không hỏi Đốn, Tiệm; càng không hỏi bao lâu Thành Phật; chỉ biết tinh tấn, mới là con đường đúng đắn mà Bồ Tát thường tu tập.

#### 5.3.2.3. Phật quả viên mãn.

佛果圓滿,

*Phật quả viên mãn,*

三僧祇劫滿,

*Tam tăng kỳ kiếp mãn,*

登於妙覺地。

*Đăng ư Diệu Giác địa.*

Ba tăng kỳ viên mãn,

Lên ngôi vị Diệu Giác.

*a. Công đức tu tập đã viên mãn, tiến lên ngôi vị Phật.*

Tu hành đến ba A tăng kỳ kiếp, thì công đức viên mãn, là ngôi vị Bồ Tát tiến lên ngôi vị Diệu Giác tức Phật quả. Đại Trí huệ của Phật gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chánh: Diệu, cho nên, Phật quả là Đẳng Giác hay Diệu Giác.

*b. Dứt hết Hai Chương, viên mãn rốt ráo thành Phật.*

- **Bát địa dứt hết Phiền não chướng.**

Từ Sơ địa đến Bát địa. Bồ Tát dứt hết phiền não chướng của ba cõi.

- **Sơ địa trở lên đoạn trừ Tập Khí từng phần.**

Tập Khí là Sở Tri Chướng, từ Sơ địa trở lên, trừ bỏ từng phần.

Dựa vào Tâm Cảnh mà nói, Tập Khí là do tướng Hý Luận hiển hiện, đối với Pháp không thể có được Tri Kiến Vô Ngại, với ý nghĩa còn ngu muội, vì tập quán của phiền não, từ vô thỉ đến giờ. Phiền não chướng, tuy đã dứt trừ, nhưng hơi hướng của phiền não vẫn còn.

Những Tập Khí này, Thanh Văn gọi là Bất Nhiễm Ô Vô Tri, Đại Thừa gọi là Trụ Địa Vô Minh Nhiễm Ô.

- **Do Trí Vô Tướng, tiên tu dứt hết Tập Khí, Thành Phật.**

Những Tập Khí này, do tiến tu Trí Vô Tướng đạt đến khi không còn biểu hiện nữa, càng về sau càng mỏng dần; Pháp Tánh Không cũng càng về sau càng sáng trong, vắng lặng.

Đợi đến khi trong veo, hòa tan; Trí Huệ cũng có thể càng lâu dài, càng rộng lớn, thấu đạt tất cả càng sâu sắc, tinh tế.

Đến cuối cùng, đã sạch hết: “Đối với tất cả cảnh giới Sở Tri mà, nó cực vi tế, do ngu si chấp trước” và “Chướng ngại bởi ngu si rất rất nhỏ bé cùng tính thô trọng của những phiền não ấy”.

Đến đây mới rốt ráo thanh tịnh thành Phật: “Hoàn toàn không còn chướng ngại, tất cả Tướng không hiển hiện mà, cực kỳ Thanh Tịnh Chân Thật hiển hiện”; cũng chính là “Pháp Giới vô cùng Thanh Tịnh hiển hiện”.

Kinh Bát Nhã nói: “Một Niệm tương ưng với Diệu Huệ” thì cắt đứt tất cả Tập Khí Phiền Não và Thành Phật.

Phát Tâm tu học đến đây, mới thật sự là công đức viên mãn.

### 5.3.3. Công đức của Phật

#### 5.3.3.1. Pháp Thân

佛身最寂滅,

*Phật thân tối tịch diệt,*

平等無分別。

*Bình đẳng vô phân biệt.*

如彼摩尼珠,            *Như bỉ ma ni châu,*  
 妙用利群生。        *Diệu dụng lợi quần sanh.*

Thân Phật rất vắng lặng,      Bình đẳng không phân biệt.  
 Như ngọc ma ni vậy,            Diệu dụng lợi chúng sanh.

*a. Nói chung, dựa vào ba thân khen ngợi công đức Phật*  
 Dựa vào ba thân, khen ngợi công đức Phật.

*b. Trước, lược nói về Pháp thân Phật*

Thân Tự Tánh là Phật; cũng gọi là Pháp Thân, là cùng tương ứng với tất cả Phật pháp, là chỗ nương tựa của tất cả Phật pháp.

### • **Dựa theo Giác Ngộ Viên Mãn nói về Pháp Thân**

Pháp Thân, theo giác ngộ viên mãn mà nói là ra khỏi sự che khuất của Phiền não, hiển lộ hoàn toàn Pháp Tánh Không thanh tịnh, Tự Tại sáng suốt, Rốt Ráo tột cùng. Từ ngôi vị Bồ Tát tu hành đến đây đã đạt đến “Vĩnh viễn xa lìa các Chương Ngại, không còn hiện hành tất cả Tướng”, cho nên cực kỳ Vắng Lặng.

### • **Dựa theo Bình Đẳng Bất Nhị nói về Pháp Thân**

- Giữa Phật với Phật bình đẳng như nhau.
- Từ Phật mà quán tất cả: Y Chánh; Sanh Phật, Nhân Pháp; Trí Như; Tất cả đều bình đẳng. Pháp Không Tánh không



phân biệt, Bồ Đề cũng không phân biệt; cho nên nói: “Nhu Như Pháp, Nhu Như Trí, gọi là Pháp Thân”.

Nhu Trí của Pháp Thân không thể phân biệt; giống như ánh sáng của bảo châu không thể phân biệt.

Trong kinh, luận dùng vô số văn, từ hình dung, khen ngợi thân Phật, đều chỉ là tương tự chút ít thôi.

### • Dựa vào Lợi Tha vô công dụng mà mơ về Pháp Thân

Giống như ngọc ma ni có công dụng thần diệu, vi tế, có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Ngọc ma ni chính là ngọc như ý, có thể đáp ứng nhu yếu của chúng sanh. Xuất hiện vô số bảo vật, làm cho tâm mong cầu của chúng sanh đầy đủ.

Bảo châu không có suy nghĩ, cũng không cố sức dụng công, chỉ là tự nhiên như thế. Quả Phật đem đến lợi ích cho chúng sanh, cũng giống như vậy.

#### 5.3.3.2. Báo Thân

*a. Một, nhiều vô ngại.*

法性所流身,	<i>Pháp Tánh sở lưu thân,</i>
念念現一切。	<i>Niệm niệm hiện nhất thiết.</i>
佛事菩薩事,	<i>Phật sự Bồ Tát sự,</i>
二乘眾生事;	<i>Nhị Thừa chúng sanh sự;</i>
三世盡十方,	<i>Tam thế tận thập phương,</i>

依正悉無礙。

*Y chánh tất vô ngại.*

於一現一切，

*Ư nhất hiện nhất thiết,*

一切人於一。

*Nhất thiết nhập ư nhất.*

Pháp Tánh chảy trong thân, Từng niệm hiện tất cả.

Phật sự, Bồ Tát sự,

Nhị Thừa, chúng sanh sự;

Ba đời, khắp mười phương, Nương Chánh ắt vô ngại.

Từ Một hiện Tất Cả,

Tất Cả đi vào Một.

### • Tiếp theo nói về Báo Thân của Phật

Pháp Tánh lưu chuyển trong thân của Phật; Hoặc gọi là Pháp Tánh sanh ra Thân, chính là Báo Thân bình đẳng đã nói.

Ở trong rất nhiều kinh Đại Thừa nói: Pháp Thân và Pháp Tánh lưu chuyển trong thân không có phân biệt rạch ròi (thuyết Nhị Thân).

Đó chỉ là theo cái thấy của Bồ Tát, có tướng trang nghiêm công đức vô biên hiện rõ; vì thế, từ trong Pháp Thân lại biểu lộ riêng Báo Thân này, đây là khế hợp với Pháp Tánh mà Thân Công đức mới có.

Lưu là lưu loại (cùng loài giống nhau), đẳng lưu (cùng loài như nhau), vô biên công đức trang nghiêm đều lưu xuất từ Pháp Tánh; giống như ánh sáng và nhiệt đều lưu xuất từ mặt trời.

- **Báo Thân viên mãn, từng niệm biểu hiện tất cả, hai báo Y, Chánh không trở ngại**

Pháp Tánh lưu chuyển trong thân là Công Đức viên mãn; bây giờ giải thích sơ lược.

○ **Lược nên tất cả sự việc do Báo Thân biểu hiện**

Pháp Tánh lưu chuyển trong thân là tất cả những gì từng niệm biểu hiện. Tất cả là những gì?

Bốn loại Sự của phàm, Thánh trong mười pháp giới.

- **Nếu là Phật sự:** Như công đức, tướng hảo của Thân Phật; thanh tịnh, trang nghiêm của Cõi Phật; pháp hội viên mãn của Phật; âm thanh tràn khắp của Phật; thọ mạng vô lượng, trí tuệ, thần thông, lợi ích chúng sanh, tám tướng thành đạo,... của Phật.
- **Nếu là Bồ Tát sự:** Như Sơ phát Tâm; Thọ giới Bồ Tát; Hành Lục Độ; Tứ Nhiếp; Đi khắp mười phương thế giới, Gần gũi, cúng dường chư Phật mười phương; Nghe rõ, giữ gìn Pháp mười phương Phật nói; Cứu độ tất cả chúng sanh; Làm những việc khó làm trong vô số kiếp.
- **Nếu là Nhị Thừa sự:** Như sơ Tâm, Tu hành, ở A lan nhã, Tu hạnh Đầu Đà, Du hóa nhân gian, Vào Niết Bàn... của Thanh Văn và Duyên Giác.
- **Nếu là chúng sanh sự:** Như chúng sanh trong sáu đường, có vô vàn chỗ ở, rất nhiều tên gọi, có nhiều hình thái, sanh hoạt dưới nhiều hình thức, khổ nạn dưới nhiều hình dạng...

Bốn loại này chính là Sự của Phạm và Thánh trong mười pháp giới.

- **Sự thuộc mười phương của Thời, Không trong ba đời**
  - ***Còn có:*** Sự của ba đời; theo thời gian mà nói: Đời trước, đời này, đời sau; một niệm, vô lượng kiếp...
  - ***Sự khắp mười phương, theo không gian mà nói:*** vô lượng vô số trong mười phương, Thế giới nhiều không thể nói, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc thẳng hoặc nghiêng, hoặc khổ hoặc vui; núi sông, đất bằng, cỏ cây, rừng rú...
- **Nói chung, vô số Sự của hai báo Y, Chánh đều hiện rõ, không chướng ngại**

Tất cả điều này không ra ngoài Y Báo là khí thế giới; Chánh Báo là chúng sanh và Phật.

Tất cả điều này là Sự có hình thức, đáng đáp; từ một niệm đến vô lượng, vô số kiếp, không thể nói.

Vô hạn Y Sự, Chánh Sự trong vô hạn của thời gian, không gian, hiện rõ trong từng niệm, đều là Vô Ngại.

- Pháp Tánh lưu chuyển trong Thân đến khắp tất cả, không có việc (Sự) gì mà không thu nhiếp

Bởi vì, Pháp Tánh lưu chuyển ở trong thân bao trùm tất cả nơi, không đâu là không có; cũng không có một Pháp nào mà không ở trong Pháp Tánh (lưu chuyển trong thân).

Pháp Tánh lưu chuyển trong thân thì không sai khác, tận cùng hư không, khắp cả pháp giới, bằng với Chân Như; cho nên, tất cả không rời khỏi Pháp Tánh (lưu chuyển trong Thân), cũng xoay vòng không trở ngại và không hai không khác. Nêu lên một điểm thì tất cả đều hiện rõ và tất cả ấy cũng đi vào Một. Tông sư Thiên Thai và Hiền Thủ ngày xưa đều từng nêu lên Cảnh Giới lớp lớp vô tận. Điều này như kinh Hoa Nghiêm đã rộng nói.

*b. Đây đủ các Công Đức*

十力四無畏,	<i>Thập lực, Tứ vô úy,</i>
十八不共法,	<i>Thập bát bất cộng pháp,</i>
大悲三不護,	<i>Đại bi tam bất hộ,</i>
妙智佛功德.	<i>Diệu trí Phật công đức.</i>

Mười lực, Bốn vô úy,	Mười tám Pháp không chung,
Đại Bi ba không hộ,	Diệu Trí Phật công đức.

• **Công đức Phật quả được nuôi trong Báo Thân**

Báo Thân thanh tịnh, viên mãn tương ứng với tất cả công đức. Nhưng dựa vào chứng ngộ Pháp Tánh, thành tựu Phật công đức mà nói, vì Pháp Tánh lưu chuyển trong thân nên được nuôi dưỡng.

• **Lược nói công đức Phật quả có sáu hạng cộng trì**

Quả đức của Phật khó nghĩ bàn hoặc nói một trăm bốn mươi công đức bất cộng... Bây giờ nêu một vài hạng cộng trì để nói.

- **Phật có đức mười lục thù thắng hàng phục ma, ngoại đạo để an lập.** Mười Lục là Xứ phi Xứ Trí lục (Xứ: Đạo lý); Nghiệp dị thực Trí lục (Dị Thực: Quả báo); Tĩnh tự giải thoát, Đẳng trì đẳng chí Trí lục (Tĩnh lục: Thiên; Đẳng trì: Định); Căn thắng, liệt Trí lục; Chủng Chủng thắng giải Trí lục; Chủng chủng giới Trí lục; Biến thú hành Trí lục; Túc trụ tùy niệm Trí lục; Tử sanh Trí lục; Lậu tận Trí lục.
- **Lại có Bốn đức Vô Sở Úy, biểu thị tuyệt đối tư tin về Tư lợi, lợi Tha**

Bốn Vô Sở Úy là: Nhất thiết Trí vô sở úy, Lậu tận vô sở úy, Tận khổ đạo vô sở úy, Chương đạo vô sở úy.

- **Lại có mười tám đức bất cộng của Phật, dựa theo Bất cộng của phàm phu, Tiểu Thừa lập ra.** Mười tám Pháp Bất Cộng của Phật là: Thân không sai sót; Lời không sai sót; Niệm không sai sót; Tướng không khác lạ; Tâm luôn trong Định; Tri nhận các pháp xong, liền bỏ; Luôn muốn độ chúng sanh, không giảm; Tinh tấn không giảm; Trí huệ luôn đầy đủ; Giải thoát không giảm; Giải thoát tri

kiến không giảm; Trí biết đời quá khứ không trở ngại; Trí biết đời vị lai không trở ngại; Trí biết đời hiện tại không trở ngại; Thân nghiệp làm theo Trí huệ; Ngữ nghiệp nói theo Trí huệ; Ý nghiệp suy tư theo Trí huệ; Huệ không giảm.

- **Còn có Đức Đại Bi**
- **Đức ba điều không che giấu.** Đó là ba nghiệp của Như Lai biểu hiện thanh tịnh, nhất định không lỗi lầm, không cần sợ ai biết nên phải che giấu cho chính mình.
- **Đức Diệu Trí, đó là trí vô sư của Như Lai; Trí tự nhiên; Trí biết tất cả; Trí biết tất cả loại.**

Những công đức này của Phật đều rất thanh tịnh, rất viên mãn.

*c. Tịnh Độ viên mãn*

佛住於淨土,	<i>Phật trụ ở Tịnh Độ,</i>
十八事圓滿,	<i>Thập bát sự viên mãn.</i>
與諸菩薩眾,	<i>Dĩ chư Bồ Tát chúng,</i>
受用於法樂。	<i>Thọ dụng pháp lạc.</i>

Phật ở cõi Tịnh Độ,	Viên mãn mười tám sự.
Cùng với chúng Bồ Tát,	Được thọ dụng pháp lạc.

• **Dùng mười tám Sự làm hiển lộ Báo Thân mà chỗ nương tựa là Tịnh Độ viên mãn**

Phật Tánh lưu chuyển trong thân Phật thì nhất định ở cõi Tịnh Độ. Nhưng đây là cõi Biến Pháp Giới, được biểu hiện bằng mười tám Sự viên mãn; không thể nói phương Đông, phương Tây lớn hơn hay nhỏ hơn.

○ **Dẫn chứng lời tựa trong kinh**

Tịnh Độ viên mãn này, như lời tựa của kinh Phật Địa, Giải Thâm Mật nói: “Bạc Bạt Già Phạm ở nơi trang nghiêm bằng bảy báu với ánh sáng huy hoàng tỏa chiếu tất cả thế giới; vô lượng phương sở, trang sức tuyệt đẹp, cùng khắp không giới hạn, số lượng khó lường, vượt qua những nơi đã đến trong ba cõi; xuất sắc những gì căn lành khởi lên trong thế gian; tịnh thức là tướng tự tại cùng tột; chỗ ở của Như Lai, chúng đại Bồ Tát tập trung đông đảo; vô lượng thiên, long, nhân, phi nhân cũng theo đến phụ giúp; thọ trì pháp vị hỷ lạc rộng lớn; làm lợi ích cho chúng sanh; diệt phiền não, tai ương trôi buộc; lìa xa các ma; Với những trang nghiêm cùng cực này là chỗ ở của Như Lai; đi bằng Chánh Niệm, Trí Huệ trên con đường rong chơi; bằng đại Chỉ, diệu Quán là xe di chuyển; Vào cửa bằng đại Không, Vô Tướng, Vô Nguyện; được trang



nghiêm bằng vô lượng Công Đức; trong cung điện vĩ đại được xây dựng bằng những đóa hoa quý nhất”.

○ **Quy nạp mười tám Sự trong kinh.**

Đây là một đoạn trong bài tựa nói về Tịnh Độ có mười tám điều viên mãn:

Hiển sắc, Hình sắc, Phân lượng, Phương sở, Nhân, Quả, Chủ, Phụ dục, Quyến thuộc, Nhậm trì, Sự nghiệp, Nhiếp ích, Vô úy, Trụ xứ, Lộ, Thừa, Môn, Y trì.

**Biểu đồ đối chiếu mười tám Sự với kinh Giải Thâm**

**Mật và luận Nhiếp Đại Thừa**

▪ ***Hiển sắc viên mãn:***

- ✓ Tựa kinh Giải Thâm Mật: Bạc Bạc Già Phạm ở trong ánh sáng bảy báu trang nghiêm cùng tột, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp tất cả thế giới.
- ✓ Luận Nhiếp Đại Thừa: Nơi Phật ở rất thù thắng và cung điện lớn được trang nghiêm bởi ánh sáng của bảy báu. Từ cung điện lớn này phóng ánh sáng lớn, chiếu khắp vô biên thế giới.

▪ ***Hình sắc viên mãn:***

- ✓ (nt): Trang sức khắp nơi rất vi diệu.
- ✓ (nt): Hình thái của cung điện lớn này vô cùng hoành tráng, nào vườn, nào ao, nào thêm đều được trang sức tuyệt đẹp.

▪ ***Phân lượng viên mãn:***

- ✓ Chu vi rộng lớn, khó có thể đo lường.
- ✓ Chu vi của cung điện này rất to lớn, người thường khó có thể đo lường nổi.
- **Phương sở viên mãn:**
- ✓ Vượt hẳn những chỗ đã đi qua trong ba cõi.
- ✓ Loại cung điện này không do Nghiệp Quả ràng buộc trong ba cõi.
- **Nhân viên mãn:**
- ✓ Nhân này vượt qua Thiệt Căn phát sanh của thế gian.
- ✓ Nhân này không phải do nghiệp của ba cõi hình thành.
- **Quả viên mãn:**
- ✓ Là Tướng thanh tịnh, tự tại hoàn toàn của Thức.
- ✓ Phật ở trong đại bảo điện lấy Thức vô lậu, thanh tịnh làm thể tướng, không lìa ngoài thức.
- **Chủ viên mãn:**
- ✓ Kinh độ của Như Lai.
- ✓ Đại bảo điện này, Như Lai là chủ, là nơi Phật trụ trì, an trú.
- **Phụ dục viên mãn:**
- ✓ Là nơi chư đại Bồ Tát tập trung.
- ✓ Ở trong đại bảo điện, có lúc chư đại Bồ Tát tập trung, nghe Phật thuyết pháp, giúp Phật giáo hóa chúng sanh.
- **Quyển thuộc viên mãn:**
- ✓ Vô lượng trời, rồng, nhân, phi nhân... thường theo giúp Phật giáo hóa chúng sanh.
- ✓ Trong cung điện cũng có tám bộ quyển thuộc theo Phật giúp đỡ giáo hóa chúng sanh.

**▪ Nhậm trì viên mãn:**

- ✓ Giữ gìn pháp vị an lạc rộng lớn.
- ✓ Trong cung điện lớn của Bồ Tát, trời, rồng... Phật dùng pháp vị Đại Thừa an lạc nuôi dưỡng ngũ phần Pháp Thân của các vị ấy, để được nhậm trì an trụ.

**▪ Sự nghiệp viên mãn:**

- ✓ Làm cho chúng sanh được tất cả lợi ích, ý nghĩa.
- ✓ Sự nghiệp của Phật là làm tất cả lợi ích có ý nghĩa và hóa độ cho chúng sanh.

**▪ Nhiếp ích viên mãn:**

- ✓ Diệt các phiền não, tai nạn, ô nhiễm trói buộc.
- ✓ Ở trong cung điện này đã dứt trừ tất cả phiền não, ô nhiễm với bao nhiêu thiên tai, hoạn nạn bất ngờ. Không những Đức Phật như thế mà chư Bồ Tát cũng được lợi ích thanh tịnh như vậy.

**▪ Vô úy viên mãn:**

- ✓ Lìa xa chúng ma.
- ✓ Phật và Bồ Tát đã lìa xa chúng ma: Phiền não, Uẩn, Tử, Trời và giải thoát khỏi sự dụ dỗ của ma vương.

**▪ Trụ xứ viên mãn:**

- ✓ Không gì trang nghiêm hơn chỗ Như Lai an trụ.
- ✓ Chỗ Như Lai an trụ vượt hơn tất cả chỗ các bậc Thánh an trụ; sự trang nghiêm ấy là kết quả công đức của Như Lai mà Bồ Tát, Nhị Thừa không sánh được.

**▪ Lộ viên mãn:**

- ✓ Du hành trên con đường Đại Niệm Huệ.

✓ Lộ là đường đi; Cõi Tịnh Độ này lấy Đại Niệm, Đại Huệ, Đại Hành làm đường đi du ngoạn. Đại Niệm là do Văn thành Huệ; Đại Huệ là do Tư thành Huệ; Đại Hạnh là do Tu thành Huệ. Tu ba con đường Trí Huệ này có khả năng đi đến và ở trong Tịnh Độ.

▪ ***Thừa viên mãn:***

✓ Đại Chỉ, Diệu Quán là xe chuyên chở.

✓ Thừa là đi bằng xe. Đại Chỉ, Diệu Quán là chiếc xe; Thừa đây là Xe Chỉ, Quán của Đại Thừa, chạy trên con đường Vi Diệu Tam Huệ.

▪ ***Môn viên mãn:***

✓ Phải có Đại Không, Vô Tướng, Vô Nguyện mới vào được ba cửa Giải Thoát.

✓ Vào đại bảo điện của Tịnh Độ phải từ ba cửa Giải Thoát: Đại Không, Vô Tướng, Vô Nguyện mới vào được. Ba cửa này là ba cửa nhiệm màu Giải Thoát; cho nên, vào cung điện Tịnh Độ trang nghiêm, vi diệu chính là vào cõi Thường Tịch Quang, cung Pháp Giới, thành Niết Bàn.

▪ ***Y Trì viên mãn:***

✓ Đại cung điện được trang nghiêm vô lượng công đức, được kiến lập vô lượng hoa quý.

✓ Cung điện thế gian xây lên từ đất; cung điện của Phật được kiến lập bằng vô lượng công đức, được trang nghiêm bằng vô lượng bảy báu và vô số bông hoa quý hiếm.

• **Chư Bồ Tát đều thọ dụng Tịnh Độ viên mãn**

Tịnh Độ của Phật có đủ mười tám viên mãn là Thân có Pháp Tánh lưu chuyển, còn có thể chia hai: Theo Phật nói, còn gọi là Thân Tự Thọ Dụng; theo cái thấy của Bồ Tát mà nói, còn gọi là Thân Tha Thọ Dụng.

Vì sao gọi là Thọ Dụng? Như trước Nhậm Trì viên mãn nói “Giữ gìn Pháp Vị hỷ lạc rộng lớn”.

Phật ở trong Tịnh Độ, tự thọ dụng Pháp Lạc và vì các vị Bồ Tát lớn nói pháp, các vị Bồ Tát cũng thọ dụng Pháp lạc.

Ở trong Tịnh Độ viên mãn này, pháp hỷ sung mãn; cho nên nói: Phật và chúng Bồ Tát đều ở trong Tịnh Độ, thọ dụng Pháp Lạc vi diệu của Đại Thừa.

#### *d. Chỉ một Phật Thừa*

諸法真實義, *Chư pháp chân thật nghĩa,*

及證真實慧, *Cập chứng chân thật Huệ,*

無變異差別, *Vô biến dị sai biệt,*

是故無別乘。 *Thị cố vô biệt thừa.*

Nghĩa Chân Thật các Pháp, Huệ Chân Thật chứng được,  
Không đổi thay sai khác, Nên không Thừa nào khác.

- **Bằng Như Trí biểu hiện những gì Phật nói là chỉ có Pháp Nhất Thừa**

Pháp Tánh lưu chuyển trong Thân của Tịnh Độ viên mãn là pháp đại Bồ Tát nói, là năm Thừa, ba Thừa mà, vẫn là Nhất Thừa sao? Đương nhiên là Pháp Nhất Thừa.

- **Điều đã chứng và pháp của Phật nói đều lấy giác ngộ, chứng đắc làm gốc.**

Phật là người giác ngộ, lấy đại Bồ Đề làm Thể Tánh; tất cả Tự Lợi, Lợi Tha đều lấy Giác làm gốc.

Đại sự Nhân Duyên của Phật xuất thế, thuyết pháp chính là Khai, Thi, Ngộ, Nhập Tri Kiến của Phật; đó là Đại Bồ Đề.

Vì vậy, Pháp Phật lấy Giác và Chứng làm căn bản.

- **Từ chỗ Giác và Chứng, Phật nói không thay đổi, không sai khác.**

- ***Pháp được chứng và Trí năng chứng đều không biến đổi, sai khác.***
- ✓ **Nói đến Giác, Chứng phân biệt mà nói Nghĩa Chân Thật của các Pháp là Sở chứng, là Tánh Không của Pháp, là xa Vọng Tưởng.**

Cái mà chúng sanh cho là chân thật đều là cái Thấy của Tự Tánh, cái Tướng của Hý luận; Pháp Không Vô Tánh mới là Chân Thật của tất cả Pháp. Vì thế trên kinh đã nói:

諸法無所有性,是諸法自性:

Chư pháp vô sở hữu Tánh, thị chư pháp Thật Tánh: Các pháp không có Tánh Sở Hữu là Thật Tánh của các pháp. Trong nghĩa Chân Thật này, không có sai biệt nào đáng đề nói. Đó chính là Tánh Ngã Không và Tánh Pháp Không, cũng giống như lửa cỏ và lửa than, tuy vật bị đốt cháy không giống nhau nhưng, Tánh lửa không khác nhau.

✓ Trí Huệ là khả năng chứng nghĩa Chân Thật; một khi chứng được là vĩnh viễn, chứng được rồi sẽ không mất đi. Bát Nhã vô vi dựa vào Tập Khí vô lậu mà hiển hiện, phát sanh, không phải là Pháp sát na sanh diệt.

Vì vậy, Chân Như sở chứng và Chánh Trí năng chứng đều không biến đổi.

Chân Như, tuy ở trong Phiền não mà, vẫn thế; dù là ô nhiễm, thì thanh tịnh ấy cũng vậy thôi, không hề biến đổi.

Chánh Trí là công đức vô vi của Pháp Tánh tương ứng, cũng không có biến đổi.

▪ *Như và Trí cũng không khác nhau hay đối lập.*

Tất cả điều đều không sai biệt, ngay cả Như và Trí cũng chỉ dựa vào thế tục mà an lập; nhưng ở trong Tánh Giác hiện tiền không có đối lập giữa Như và Trí.

• **Ở trong không biến đổi, sai biệt nói có vô lượng Thừa mà, thật ra, đều trở về Một**

Chân thật của Pháp Phật là như vậy, không biến đổi, không phân biệt mà trong đó vẫn có năm Thừa, ba Thừa ư? Lý do, Phật vì chư đại Bồ Tát chỉ bày (khai thị) Pháp Lớn, không có Thừa riêng; mà chỉ là Một Phật Thừa, Một Con Đường, Một Pháp Thanh Tịnh. Tuy nhiên, Bồ Tát cần phải biết Quyền, biết Thật; cho nên, đối với Nhất Thừa mà nói Vô Lượng Thừa; nhưng ở trong pháp của Bồ Tát, tất cả đều trở về MỘT.

### 5.3.3.3. Hóa Thân

#### *a. Thị hiện Thân Độ*

佛 得 不 動 身,	<i>Phật đắc bất động thân,</i>
悲 願 化 三 有,	<i>Bi nguyện hóa tam hữu,</i>
示 淨 或 示 穢,	<i>Thị tịnh hoặc thị uế,</i>
咸 令 入 涅 槃	<i>Hàm linh nhập Niết Bàn.</i>

Phật chứng Thân Bất Động, Bi nguyện độ ba cõi,  
Hoặc tịnh hay là uế, Đều khiến vào Niết Bàn.

#### • **Cuối cùng nói về Hóa Thân của Phật**

Hóa Thân là Bồ Tát của địa trước: Nhị Thừa, phạm phu thì hóa hiện Phật Thân.

#### • **Nói rõ sự khác nhau của hai thân**

- ***Báo Thân xuất hiện từ Pháp Thân, không là Pháp Thân***



Dựa vào Pháp Thân mà sanh ra thân lưu chuyển Pháp Thân, như nướng vào ánh sáng, sức nóng của mặt trời mà hai biểu hiện này có mặt khắp nơi nhưng không là mặt trời.

○ **Hóa Thân là do sức Bi Nguyên vô công dụng hiện sanh.**

Hóa Thân không giống như vậy mà như bóng trăng trong nước, chỉ là phản ảnh của bóng trăng trong nước.

Pháp thân Phật thì luôn Thường Trụ, không đi, không đến, cũng không ẩn, hiện nên nói là chúng được thân Bất Động. Còn hiện sanh Hóa Thân, không có ý hướng công dụng mà do, sự huân tập, phát xuất từ Bi Nguyên cứu độ chúng sanh trong ba cõi, nên có đến, có đi, có ẩn, có hiện; giống như trường giả vào nhà lửa.

• **Sơ lược về Thọ mạng và Quốc Độ do Hóa Thân biểu hiện**

○ **Thọ mạng và Quốc độ của Hóa Thân có vô vàn sai biệt**

Hóa Thân là để giáo hóa, hướng dẫn chúng sanh, là Pháp Thân thị hiện, có thân cao lớn: một trăm trượng, một nghìn trượng hoặc thân sáu trượng (1 trượng= 3,2 m). Thọ mạng thị hiện hoặc một nghìn kiếp, một trăm kiếp, hoặc 80 tuổi.

Thị hiện Quốc Độ thì hoặc là Tịnh Độ hoặc là Uế Độ.

○ **Nói theo Báo Độ viên mãn, Trí Tịnh thì Quốc Độ Tịnh.**

Tuy nhiên, Báo Độ viên mãn bao trùm khắp nơi, chỉ để cho Trí Huệ của chúng sanh tăng trưởng, tiến bộ, cho nên, bất cứ chỗ nào cũng chính là Tịnh Độ viên mãn ngay. Như thế giới Ta Bà là Uế Độ, nhưng dưới mắt của Loa Kế Phạm Vương là Tịnh Độ trang nghiêm bằng châu báu.

Như thế giới Cực Lạc cũng là Hóa Độ nhưng dựa theo Luận Tịnh Độ của Bồ Tát Thế Thân sáng tác, nói: Như tu đầy đủ Ngũ Môn thành tựu: Trí huệ, Từ bi, Phương tiện, Hồi hướng công đức, Thành tựu thì cũng có thể vào Báo Độ viên mãn.

○ **Tất cả sai biệt thì đều có thể nói là Hóa Thân và Hóa Độ**

Nhưng theo căn lành thuần thực của từng bộ phận chúng sanh thích ứng, hiện khởi mà nói thì tất cả quốc độ Đông phương, Tây phương, Nam phương, Bắc phương, thọ mạng của Phật và thân Phật cao, thấp đều có hạn lượng; đó là Hóa Thân, Hóa Độ.

○ **Lược nói Phương tiện và Mục đích của Hóa Thân Phật thị hiện.**

Hóa thân Phật vì sao thị hiện những khác biệt này?

- ***Vì thích ứng với căn tánh của chúng sanh mà sử dụng Nhị Môn thành Phương Tiện.***

Vì căn tánh của chúng sanh không giống nhau.

- ✓ Có khi phải dùng lời nói tha thiết, thông khổ:

Khổ của ba đường ác là như thế, khổ của cõi chúng sanh là như thế; do đây nên phát tâm tu hành; đây là Phương tiện làm cho chấp nhận (chiếc phục).

- ✓ Có khi phải dùng Ái ngữ: Thanh tịnh thế này, Tự tại thế kia nên phải nhất định phát tâm tu hành; đây là Phương tiện nhiếp thọ (thừa nhận).

Hóa thân Phật chính là hai Phương Tiện: 折 (chiết), 攝 (nhiếp) để thành tựu cho tất cả chúng sanh.

- ***Pháp Phật không có Cao, Thấp mà chỉ là Thuốc Trị Bệnh và khiến cho chúng sanh đi vào Phật Đạo.***

Tuy có thích ứng như thuốc trị được bệnh mới là thuốc hay; vì vậy, không nên sanh ra ý tưởng cao, thấp.

- ✓ Như Phật Thích Ca xuất hiện ở cõi ô trược, Phật Di Lặc xuất hiện ở cõi thanh tịnh, với Phật pháp hoàn toàn không có khác nhau.
- ✓ Còn như cõi ô trược, tu hành không dễ nên Phật khuyên người vãng sanh cõi Tịnh Độ, dễ thành tựu.

Nhưng kinh Duy Ma Cát, kinh Vô Lượng Thọ lại nói:

Tu một ngày ở cõi ô trược hơn tu một kiếp ở cõi Tịnh Độ, Uế độ so với Tịnh độ thì tu hành càng dễ.

✓ Lại như trong kinh, Phật Thích Ca khen ngợi cõi Tịnh Độ để mọi người ham mộ và chư Bồ Tát tham gia pháp hội của Phật Thích Ca giới thiệu về cõi đó. Về Tịnh Độ, Phật khuyên mọi người, chớ có sanh tâm khinh mạn.

Vì vậy, đây là bi nguyện của Phật, ứng hiện, hóa độ chúng sanh trong ba cõi bằng hai phương tiện với mục đích là khiến cho chúng sanh vào Niết Bàn, ra khỏi sanh tử, cùng trở về Phật Đạo.

#### *b. Lịch trình Giáo hóa*

為除眾疲乏,	<i>Vì trừ chúng bì pháp,</i>
化作可愛城;	<i>Hóa tác khả ái thành;</i>
終示真實相,	<i>Chung thị Chân Thật Tướng,</i>
故唯一佛乘。	<i>Có duy nhất Phật Thừa.</i>

Vì trừ bao biếng nhác,	Nên thị hiện Hóa Thành;
Cuối cùng Tướng Chân Thật,	Là duy nhất Phật Thừa.

- **Nêu lên sự khác nhau giữa Phật hóa thân và Ứng cơ nói pháp**

Pháp, Phật hóa thân nói không hoàn toàn như nhau. Có khi nói về cõi Phật, về pháp năm Thừa, ba Thừa; có khi nói về Xuất gia, tại gia. Cũng có khi nói về Pháp Nhất Thừa mà không có chúng xuất gia; có khi Phật cũng biểu hiện Tướng xuất gia (truyền thuyết Phật Thiên Vương biểu hiện như thế).

Có khi nói pháp Tam Thừa rồi cuối cùng trở về Pháp Nhất Thừa.

Có khi nói Pháp Tam Thừa vì căn cơ người nghe chưa thuần thục nên không nói Nhất Thừa và sẽ vào Niết Bàn (truyền thuyết Phật Đa Bảo biểu hiện như thế).

- **Nêu lịch trình Giáo hóa của Phật Thích Ca làm ví dụ**
  - **Ban đầu nêu lên ba Thừa, sau cùng trở về Nhất Thừa**

Căn cứ Phật Thích Ca hóa thân, ứng hiện nói pháp ở thế giới Ta Bà thì ban đầu nói pháp ba Thừa, sau cùng trở về một Thừa.

- **Nêu kinh Pháp Hoa làm ví dụ**

Phật ở trong kinh Pháp Hoa, chỉ dạy rằng: 為實示權, 開權顯實: Vì Thật thị Quyền, khai Quyền hiển Thật: Vì Thật thì hành Quyền, mở rộng Quyền hiển hiện Thật. Đó là theo lịch trình giáo hóa mà nói:

- ***Tâm của người mới học còn yếu kém, vì Thật mà thì hành Quyền, nên giả định có ba con đường đi (Tam Thừa Đạo).***

Có một số người đã phát Tâm Bồ Đề, nhưng trên đường dài Sanh, Tử, hầu hết căn tánh chúng sanh đều thấp kém nên đã quên mất, thoát lui sơ Tâm ấy. Với loại căn tánh này, càng nói Phật pháp cao thâm, vĩ đại, họ càng không dám tu, học. Vì thế, Phật mới đặt ra Phương Tiện và nói có Thanh Văn và Duyên Giác Thừa, dễ tu hành, dễ thoát khỏi Sanh, Tử vừa nhanh vừa tốt, có thể được rốt ráo Giải Thoát. Nhờ vậy, mọi người mới phát Tâm tu, học.

- ***Nêu ví dụ người chủ đoàn buôn và Hóa Thành làm sáng tỏ ý nghĩa này.***

Điều này giống đoàn thương nhân đi xa, chưa đi được bao xa mà đã mỏi mệt bởi đường sá khó khăn nên có người không muốn đi nữa; ông trưởng đoàn muốn làm cho họ khuây khỏa mỏi mệt, không chùng bước thoái lui; cho nên phương tiện hóa ra thành thị tập nập dễ chịu. Và ông tuyên bố với mọi người rằng nơi buôn bán, kinh doanh đã đến, ngay trước mặt đây. Mọi người, nghe vậy, mới hăng hái tiến lên, ở trong thành phố, ăn, mặc, chỗ ở, tất cả đều đầy đủ. Chờ đến khi mọi người nghỉ ngơi, thoải mái, sức khỏe được khôi

phục; ông trưởng đoàn mới nói với mọi người: Đây là Hóa Thành còn Bảo Thành là nơi, thật sự, phải đến, vẫn còn ở phía trước. Tinh thần mọi người đều sung mãn, lại hướng về mục đích mà tiến bước.

- *Tu lâu, chứng quả, khai Quyền, hiển Thật để trở về Một Phật Thừa.*

Điều này giống như Phật chờ đệ tử nương Pháp tu hành, đã chứng quả A La Hán, cuối cùng mới nói rõ Nhị Thừa là Phương Tiện để chỉ bày làm cho chúng sanh chứng ngộ Tướng Chân Thật của Tri Kiến Phật. Vì vậy, Phật, tuy nói Tam Thừa, kỳ thật Chỉ Một Phật Thừa; chỉ có Phật là Đại Niết Bàn, Niết Bàn của Nhị Thừa cũng không phải là Chân Thật. Phật nói Nhất Thừa, trong kinh, luận nói rất nhiều ý nghĩa, nhưng tất cả không ngoài: Đạo Như Thật Không Hai Không Khác, cho nên cuối cùng trở về Cực Điểm.

*c. Đồng Thành Phật Đạo*

一切諸善法,                      *Nhất Thiết chư thiện pháp,*

同歸於佛道;                      *Đồng quy u Phật đạo;*

所有眾生類,                      *Sở hữu chúng sanh loại,*

究竟得成佛。                      *Cứu cánh đắc thành Phật.*

Tất cả các pháp hành,

Đều trở về Phật Đạo

Bao nhiêu loại chúng sanh, Cuối cùng đều thành Phật.

• **Pháp lành thế gian, xuất thế gian đều trở về Phật đạo**

Từ lập trường Một Phật Thừa mà nói “Tất cả Pháp” đều trở về Phật Đạo; không chỉ pháp lành xuất thế của Tam Thừa, trở về Phật Đạo, mà ngay cả tất cả pháp lành thế gian của Nhân Thừa, Thiên Thừa: Một Tâm niệm lành, Một Hành vi lành nhỏ đều trở về Phật Đạo.

○ **Pháp Lành là Phật Pháp**

Vì vậy, Phật Pháp là tên khác của Thiện Pháp.

Cuối cùng Thiện Pháp là gì? Cái gì hướng về Pháp, thuận với Pháp, cùng với Pháp tương ứng chính là Thiện, chính là Phật Pháp. Vì thế, tất cả những gì tùy thuận, khế hợp với Pháp Duyên Khởi, Tánh Không; bất luận là Tâm Niệm, đối nhân, ứng vật đều là Thiện. Do đó, Thiện cũng gọi là Pháp, Bất Thiện cũng gọi là Pháp.

○ **Bàn riêng về Tánh và Loại của Thiện Pháp**

- ***Từ Pháp khởi sanh Cái Thấy của Tự Tánh; Tánh, Loại của Thiện Pháp không giống nhau.***

Có một số luận sư, từ Pháp khởi sanh Cái Thấy của Tự Tánh, mới nói: Đây là pháp Thiện Hữu Lộ, đây là pháp Thiện Vô Lộ, đây là pháp Thiện Nhị Thừa, đây là pháp



Thiện của Phật tùy theo sự chấp trước của chúng sanh mà phân biệt; Thiện pháp được chia ra Tánh, Loại khác nhau.

- ***Theo lý mà bàn Thiện pháp hoàn toàn không phân biệt về Tánh, Loại.***

Tuy nhiên, theo chúng sanh giới hiện thực thì xác quyết là như vậy; nhưng theo khế Lý mà nói thì không phải như vậy.

Thiện Pháp chính là Thiện Pháp; lý do Thiện Pháp có Hữu Lộ, Vô Lộ. Điều này tương ứng hoặc không tương ứng với Lộ (Àsrava: Phiền não) mà thôi.

Nếu phân tích thêm thì có Hữu Lộ Thiện: xen lẫn Thiện và Phiền não; nếu lià Phiền não là Vô Lộ Thiện.

Vì vậy, xưa có ngài Thích Đạo Sanh nói: “Thiện bất thọ báo, đôn ngộ thành Phật”: Thiện không chịu quả báo vì, thành Phật ngay; chúng sanh trôi nổi trong sanh, tử là do Phiền Não và Nghiệp.

Người và Trời không hoàn toàn do Thiện Pháp mà là Phiền Não trộn lẫn với Thiện Pháp.

- **Không bỏ tất cả Thiện Pháp, làm tròn tất cả Thiện Pháp mới là ý nghĩa chân thật của Phật Pháp**
  - **Tất cả Thiện Pháp do chúng sanh làm ra đều là Phương Tiện để thành Phật**

Tất cả chúng sanh, như kinh Nhân Vương Bát Nhã Ba La Mật nói: 初一念識異木石, 生得善, 生得惡: Sơ nhất niệm thức dị mộc thạch, sanh đắc thiện, sanh đắc ác: Một niệm ban đầu khác với cây, đá; có thể sanh Thiện; có thể sanh ác.

Sanh ra đều có Tánh Thiện, cho nên, đều hướng thượng, đều hướng đến an vui, có khuynh hướng nghiêng về ánh sáng.

Chỉ vì không lấy Đạo Phật là Tông chỉ rồi suy diễn nhiều ngã rẽ, nhiều ngoại đạo, sanh làm người, sanh làm trời.

Nếu như một ngày nào đó, phát hiện mục tiêu rõ ràng, Tâm trở về với Phật Thừa thì tất cả việc này đều là Phương Tiện để thành Phật.

Vì vậy, một lần chấp tay hướng về Phật, một lần cúi đầu tôn kính Phật, “Một lần xưng Nam Mô Phật, chẳng bao lâu sau, đều thành Phật Đạo”.

Việc này giống như một dân tộc thiếu lãnh tụ sáng suốt, không có quốc sách đúng đắn; mặc dù, nhân dân vẫn thế nhưng cũng muốn tiến bộ mà kết quả vẫn không đạt được, vì quốc kế về dân sinh đều không như ý muốn.

Nếu có lãnh tụ hiền minh đưa ra chính sách hoàn thiện, phù hợp và toàn dân đều hưởng ứng, tập trung, nỗ lực, chắc chắn sẽ tiến bộ, thành công mong muốn.

○ **Cứu cánh liễu nghĩa là tất cả chúng sanh, chắc chắn sẽ Thành Phật**

Vì vậy, tất cả các loại chúng sanh, không phải không có Thiện Pháp, mà chỉ vì chưa thấu rõ. Nhưng đã có Thiện Pháp, biết hướng thượng, hướng theo ánh sáng; cuối cùng sẽ hướng về Phật Đạo và tiến xa hơn; rốt ráo nhất định thành Phật.

Tất cả chúng sanh đều thành Đạo, đó là liễu nghĩa, là cứu cánh của lời Phật dạy; cho nên, Tu, Học Pháp của Phật, không nên bỏ tất cả Thiện Pháp, đem tất cả Thiện Pháp cùng trở về Phật Đạo, mới là ý nghĩa Chân Thật của Phật Pháp!

Cuối cùng, kính chúc Độc Giả, ắt, sẽ Thành Phật!

## Lời bạt

*Con Đường dẫn đến Thành Phật là tác phẩm dịch sang tiếng Việt từ nguyên tác cuốn Thành Phật Chi Đạo do Pháp Sư Ân Thuận chấp bút. Pháp Sư là đệ tử xuất gia của Hòa Thượng Thanh Niệm trên núi Phổ Đà. Pháp Sư là bậc cao Tăng trong thời cận đại Phật giáo. Ngài là bậc tinh thông Tam Tạng Kinh Điển.*

*Giữa Thầy Dòng Tịnh và tôi có một duyên lành. Nhân dịp tôi được mời qua Mỹ đón Tết Nguyên Đán năm Kỷ Hợi (2019) ở chùa Liên Hoa, bang Texas. Tại đây chúng tôi gặp nhau và có cơ duyên trao đổi Phật pháp với nhau. Thầy đã giới thiệu tôi cuốn sách trên. Thầy cho biết, đây là một trong những giáo trình được phổ biến rộng rãi tại Đài Loan. Tác phẩm có nội dung Phật học sâu rộng, chứa nhiều tinh hoa của Phật giáo. Là một giáo trình tu học dành cho Phật tử tại gia và xuất gia, là giáo lý, phương pháp tu và quả vị chứng đắc. Tất cả đều được căn cứ từ kinh điển Nguyên Thủy và Phát Triển trong Tam Tạng: Kinh, Luật, Luận. Dù đang hoằng pháp tại nước Mỹ xa xôi, nhưng trong lòng Thầy luôn hướng về quê cha đất mẹ. Thầy nói, thầy có mong muốn dịch tác phẩm ra tiếng Việt, đóng góp phần nào cho tủ sách Phật học nước nhà thêm đa dạng và phong phú. Tạo điều kiện cho Tăng Ni và Phật tử Việt Nam có thêm nhiều tài liệu nghiêm cứu và tu học. Nhưng vì Phật sự đa đoan, nên Thầy không đủ thời gian. Thầy đã ngõ lời nhờ tôi dịch và Thầy sẽ hiệu đính lại để bản dịch thêm hoàn chỉnh và tôi đã đồng ý.*

Sau khi đón Tết, trở về nước, vì dịch Covid-19 và một số chương duyên nên chưa có cơ hội tiếp cận bản gốc. Mãi đến đầu năm 2022 tôi mới hội đủ duyên lành để bắt đầu công việc Phật sự này. Dù ở cách xa nhau nửa vòng trái đất nhưng bằng sự phát triển của công nghệ hiện đại, chúng tôi đã làm việc rất hiệu quả. Trải qua hơn một năm đến tháng 5 năm 2023 bộ sách đã được hoàn thành và đầy đủ thiện duyên xuất bản bộ sách cùng đường Chú Tôn Đức, Phật tử xuất gia, tại gia.

Có được kết quả này chúng tôi xin gửi lời tri ân chân thành đến toàn thể những Phật tử đã đóng góp kinh phí ấn tống bộ sách và người đứng ra đại diện là anh Huỳnh Phước. Ngoài ra còn có Phật tử Hồng Kỳ Hoa, pháp danh Viên Thượng và gia đình. Cũng như các Phật tử đã góp sức trong phần vi tinh, và những người khác đã trợ duyên giúp hoàn thành công việc Phật sự này.

Cuối cùng, mong bộ sách này được đông đảo chúng đồng tu đón nhận và hành trì. Công đức này xin hồi hướng các bậc thiện hữu thành công trên con đường tu, học Phật pháp.

Đà Nẵng, 01-5-2023

Cư sĩ Lê Hồng Sơn

## SÁCH CƯ SỸ LÊ HỒNG SƠN DỊCH

### ĐÃ IN

1. Tự Điển Pháp Tam Tạng
2. Nhập Môn Duy Thức Học (Bát Thức Quy Củ Tụng)
3. Đại Thừa Quảng Ngũ Uẩn Luận
4. Kinh Kim Cang, Lục Tổ Huệ Năng khẩu quyết
5. Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nguyên Thanh Tịnh Bình  
Đẳng Giác
6. Yếu Giải Trung Luận
7. Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh
8. Phiếm Luận Duyên Khởi Pháp
9. Sáu Nhà Chú Giải Tâm Kinh Bát Nhã
10. Pháp Tướng Tông (Duy Thức Tam Thập Tụng)
11. Luận 100 Pháp
12. Tự Điển Pháp Tướng Tông

### CHƯA IN

1. Luận Câu Xá
2. Hai mươi bốn oai nghi, Luật Sa Di, Cảnh Sách
3. Mười Tông Phái Phật Giáo Trung Hoa

Tâm Kinh, Tổ Hám Sơn giảng